



# SÚRIA

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SỰ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ TRƯỞNG

## PHÙ-LANG TRƯƠNG-BÁ-PHÁT

■ Trương-Định, Dòng Tướng huyện Tân-Hòa

## LÊ-THỌ-XUÂN

■ Vài giai thoại có dính lflu tới cụ Lãnh Binh Trương Định

## ĐẶC KHẢO VỀ

## TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH

## TÔ-NAM và BÙI-QUANG-TUNG

■ Truyện Lãnh Binh Trương Định — Tình hình ba Tỉnh Miền Đông

## HỒ-HỮU-TƯỜNG

■ Hiện tượng Trương-Công-Định

## VƯƠNG-HỒNG-SỄN

■ Trương-Công-Định và đạo hiếu trung

Nhà sách Khai-Trí bảo trợ

1966

# SỨ ĐỊA

TẬP-SAN SƯU-TÂM, KHẢO-CỨU, GIÁO-KHOA.

BAN CHỦ BIÊN :

Nguyễn-thé-Anh, Bửu-Cầm, Phan-Khoang, Lâm-thanh-Liêm, Phạm-văn-Sơn, Thái-việt-Điều, Phạm-cao-Dương, Phù-Lang, Quách-thanh-Tâm, Trần-đăng-Đại, Phạm-đình-Tiểu, Nguyễn-khắc-Ngữ, Phạm-long-Điền, Trần-anh-Tuấn, Nguyễn-thái-An, Trần-quốc-Giám, Lan-Dài, Nguyễn-sao-Mai.

VỚI SỰ CỘNG-TÁC THƯỜNG-XUYÊN CỦA :

Hoàng-xuân-Hãn, Chen-ching Ho, Thích-thiện-ÂN, Lê-văn-Hảo, Nguyễn-văn-Hầu, Tạ-trọng-Hiệp, Nguyễn-trần-Huân, Phạm-văn-Diêu, Bửu-Kế, Nguyễn-khắc-Kham, Trương-bửu-Lâm, Lê-hữu-Mục, Nguyễn-Phương, Hồ-hữu-Tường, Lê-thọ-Xuân, Ưng-Trình, Nghiêm-Thàm, Tô-Nam, Bùi-quang-Tung.

BAN TRÍ-SỰ :

Nguyễn-Nhã, Nguyễn-nhựt-Tấn, Phạm-thị Hồng-Liên, Nguyễn-ngọc-Trác, Trần-đình-Thọ, Nguyễn-hữu-Phước, Phạm-thị Kim-Cúc, Trần-Ngọc-Ban, Phạm-văn-Quảng, Phạm-Đức-Liên.

Thư từ, bài vở, tiền bạc xin gửi :

NGUYỄN-NHÃ

221 Cộng-Hòa, Sài-gòn, B.P. : 380

# LÁ THƯ TÒA SOẠN

Sứ Địa đang chấp chứng tiền bù bùc. Qua hai kỳ  
đi hành, Sứ Địa cảm thấy vui lòng tâm tiên bù bùc vì được  
sự hưởng ứng hợp tác của hầu như hết thảy những vị thiết  
tha đều ngành sứ địa nù bùc nhà và được sự ủng hộ của  
quí bạn đọc khắp đất nù bùc.

Có bạn đọc đã kêu rằng Sứ Địa quá khéo khen  
và khác khéo. Sứ Địa xin nhinn nhện điều đó. Nhưng  
Sứ Địa không thể nào làm khác được bởi Sứ Địa  
đã chọn con đường đi của mình. Sứ Địa mong  
sẽ là nơi diễn đàn của các công trình nghiên cứu sứ  
địa thực sự có giá trị và hữu ích, sao cho ngành sứ  
địa xứng ta ngày càng phát triển. Mà các công trình  
nghiên cứu thì khó có thể là mòn giải trí hấp dẫn thông  
thường được.

Sứ Địa cũng hiểu thực trạng hiện tại gây nhiều khó khăn cho Sứ Địa nên Sứ Địa, nguyên sẽ cố gắng sao cho thích hợp với hoàn cảnh để tránh sự yếu vong.

Sứ Địa không phải chỉ biết cố gắng nâng cao trình độ và chỉ chú ý tới giá trị của các công trình nghiên cứu mà quên đi vấn đề phô biến. Tuy vậy sự thực thì sự phô biến của Sứ Địa phải có giới hạn.

Nhiều bạn đã viết cho chúng tôi yêu cầu rằng đừng vì lý do gì mà Sứ Địa ngưng xuất bản và cho rằng đó là cần nǎo của quốc gia. Chúng tôi thật không biết trả lời sao, chỉ biết rằng chúng tôi sẽ xin nguyên cỗ gắng và đem hết khả năng cùng thiện chí để làm việc, bởi sự tồn tại của Sứ Địa cũng như giá trị của nó còn tùy thuộc vào sự đóng góp của nhiều người, của các nhà nghiên cứu hợp tác với Tập-Sant của quý vị ẩn họ, có vō cho Tập San.

Với số đặc khảo kỵ này về Trường Định, mở đầu cho các số có chủ đề sau này, Sứ Địa gặp nhiều trở ngại, khó khăn, cái khó khăn chung cho việc sửa soạn một số có chủ đề cũng như sự thiếu thốn tài liệu về Trường Định.

Với số đặc khảo này cũng như các số đặc khảo về các danh nhân về sau, nếu Sứ Địa không đóng góp được gì vào kho tàng sử học Việt Nam thì cũng mong rằng đó là cái dịp để quý bạn đọc cùng chúng tôi tưởng nhớ tới những vị anh hùng dân tộc.

# NÉN HƯƠNG HOÀI CỜ

## TRƯƠNG ĐỊNH

Kính dâng vong  
linh dưỡng mẫu

■ PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ PHÁT

### ▼ VÀI LỜI ĐỀ TỰA CỦA GIÁO SƯ BỬU CẨM.

Trương Định là một vị anh-hùng kháng-chiến miền Nam dưới triều Tự-túc, đã khởi nghĩa chống thực-dân Pháp và chiến đấu anh-dũng đến phút cuối cùng.

Một nhân-vật quan-trọng đối với lịch-sử Việt-nam như thế, nhưng sử-sách của ta chép về ông chẳng có là bao.

Chính-sử nước ta như *Đại-nam chính-biên liệt-truyện* (nhị tập, quyển 38, tờ 26a — 27a) chép về Trương Định rất sơ lược.

Bởi vậy, muốn tìm được nhiều tài-liệu về Trương Định, muốn biết rõ những chi-tiết về cuộc đời của vị anh-hùng dân-tộc này, người ta phải dùng đến những sách viết bằng chữ Pháp.

Chính những sĩ-quan Pháp đã đụng độ với Trương Định lại viết rõ về ông hơn các sử-gia Việt-nam. Đó cũng là dễ hiểu: vì họ là kẻ xâm-lăng mà cũng là chứng-nhân của thời-đại.

Những sử-liệu bằng ngoại-ngữ ấy, ngoài việc ghi chép khá đầy đủ chi-tiết về cuộc đời cách-mạng của Trương Định, còn cho độc-giả biết rõ lòng khâm-phục của kẻ thù ông (bọn thực-dân Pháp) đối với ông. Đó là một điểm quan-trọng, vì có đọc những sử-liệu ấy ta mới thấy được những người chủ-trương diệt-trù Trương Định lại thừa-nhận giá-trị và uy-tín của ông bằng những lời lẽ chân thành.

Trước đây, đã có vài bài báo, vài quyển sách bằng Việt-ngữ khảo-cứu về Trương Định, nhưng chưa làm cho độc-giả thỏa-mãn, vì những tài-liệu liên-quan đến vị võ-tướng ái-quốc ấy vẫn chưa được các tác-giả tận-lượng khai-thác.

Nay, ông Phù-lang Trương Bá-Phát, người đã nhiều năm chuyên khảo về sử-học và có nhiều bài lai-cảo đăng trong *Văn-hóa nguyệt-san*, vừa viết xong tập biên-khảo về Trương Định và có nhã-ý muốn đề tôi để tựa.

Tôi nhận thấy tập biên khảo này soạn rất công-phu, tài-liệu dồi-dào, dẫn-chứng phân-minh, có thể giúp ích nhiều cho những ai muốn nghiên-cứu lịch-sử Việt-nam trong thời cận-đại, nên có vài lời giới-thiệu để đáp lại thịnh-tình của soạn-giả và đồng thời góp một vài ý-kiến thô-thiền với các sử-gia.

Sài-thành, ngày 5 tháng 5 năm 1964

BỦU-CẨM

VIỆN KHẢO-CÒ SAIGON



## ▼ THÂN THẾ TRƯƠNG ĐỊNH.

« Thân-phụ của Trương Định danh là Trương-Cầm (1) người « huyện Bình-Sơn, tỉnh Quảng-Ngãi ».

« Cầm làm chức Vệ-Úy hữu-thủy-vệ ở tỉnh Gia-Định.

« Khi Cầm nhiệm-chức này, Định theo thân-phụ. Đến khi Cầm « từ lộc, Định ngay chồ cha làm việc; Định là người tinh-thông vô-nghệ, có thao-lược lại thêm sức mạnh (2). »

Định làm viên-tử (con quan) có một con dấu chứng nhận tước [?] (3).

Chắc là năm Giáp-Dần 1854, sau khi nghe lời Nguyễn-Tri-Phương gọi lập đồn-diền, Trương-Định làm quản-cơ kiêm luôn Chánh-Tông (4) song chưa rõ tông tên gì trong 4 tông ở huyện Tân-Hòa. (5)

---

(1) Sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* tác-giả : Léopold Pallu de la Barrière, nhà xuất-bản Berger-Levrault, Paris. Nancy 1888, trang 19, dòng 4 tới 8 có nói vậy :

*Phụ thân của Định là một vị sĩ quan lớn ngoài triều đình Huế, danh là Thị-Vệ-Sâm.*

Là người Pháp không thể ai cũng biết chức-tước danh-vị của người Việt, nên tôi nghiêng theo *Đại-Nam Chánh-Biên Liệt-truyện* tập 2, quyển 38, trang 26 a và b.

(2) Khoảng có dấu ngoặc đôi là theo « *Đại-Nam chánh...* » như đã dẫn.

(3) Sách Pallu de la Barrière, trang 219.

(4) Linh Đồn-Điền noi theo câu : « tĩnh vi nông, động vi binh ». (Thời-binhh làm dân cày, thời-loạn làm binh-lính).

Theo Pallu de la Barrière trang 295 thì sự thiết-lập Đồn-Điền mới hồi Giáp-Dần 1854 do Nguyễn-tri-Phương kêu gọi.

Nhưng thuyết này không mấy vững, vì đất trong Nam hồi thời Nguyễn-Ánh và trước nữa, chưa khai phá mà dân chưa. Muốn vừa khai-thác, vừa có linh đền bảo-vệ án-ninh, tất nhiên nhà cầm-quyền nảy ra ý-khiến Đồn-Điền,

cho lính có đất cày để tự-túc và có thể làm lính khi cần. Đồn-Điền có từ năm Canh-dần 1830 lúc Lê-văn-Duyệt, chớ không phải là hồi 1854, có họa chặng là Nguyễn-Tri-Phương kêu gọi chỉnh-đốn lại và thiết-lập thêm Đồn-Điền.

Có tất cả 24 Liên-đội Đồn-Điền ở Nam-Kỳ, bảy ở Gia-Định, sáu ở Mỹ-Tho, năm ở Vĩnh-Long, bốn ở Biên-Hòa và hai ở An-Giang. Viên chỉ-huy một liên-đội gọi là Quản-Cơ, có dưới tay những viên ấp-trưởng, Quản-Cơ kiêm luôn chức Cai-Tổng, trong tổng có Đồn-Điền (Pallu de la Barrière trang 297). Một liên-đội không lên quá ba trăm người (theo Pallu de la Barrière trang 297 dòng 29-30) còn theo Paulin Vial đến năm trăm (sách *Les premières années de la Cochinchine*, của Paulin Vial, quyển I, trang 105 dòng 12), một đội không hơn ba mươi người (Pallu de la Barrière).

Hồi 24 tháng hai 1861 có mười ngàn người Đồn-Điền tại Ki-Hòa. Vậy đỗ đồng một liên-đội được 416 người.

Mỗi liên-đội có một súng đại-bác cỡ nhỏ. Mười người lính có súng, kỳ dư cầm giáo. Quản-Cơ chia vũ-kí cho lính (sách de la Barrière trang 299 dòng 8, 9 và 10), có thể lính sắm súng mà đeo.

« Linh Đồn-Điền đội trên đầu nón nhỏ của lính Việt, một áo ngắn « xé nửa ở vạt trước (cũng như áo bà-ba bây giờ) và màu đen, một quần « tím hay là hung-hung. Nói thẳng ra, lính ấy không đồng-phục. Quản-Cơ « đeo giày băng đen hay tím, gắn huy-hiệu trên ngực (Pallu de la Barrière « trang 299) ».

(5) Tân Hòa là nơi Trương Định đã mở nghĩa đồng quân để chống Pháp. Năm Gia-Long thứ 7 (mậu thìn 1808) Tân Hòa ở địa phận huyện Phước Lộc, tỉnh Gia Định và Kiến Hòa tỉnh Định Tường.

Năm Minh Mạng thứ 13 (nhâm nhìn 1832) lấy bốn tổng trong huyện Kiến Hòa đặt tên huyện Tân Hòa song thuộc tỉnh Định Tường.

Năm Thiệu Trị nguyên niên (Tân sửu 1841) đặt tên là phủ Hòa Thạnh, thuộc về tỉnh Gia Định.

Năm Tự Đức thứ 5 (nhâm tí 1852) lại bỏ phủ Hòa Thạnh, đặt tên là huyện Tân Hòa, kiêm thêm huyện Tân Thành thuộc tỉnh Gia Định.

(Theo quyển *Đại Nam Nhất thống chí* dịch giả Tu Trai Nguyễn Tạo, Lục tỉnh Nam Việt, tập thượng, 1959, trang 52).

## ▼ TRẬN TẤN CÔNG CHÙA KIÈNG-PHƯỚC.

Đến khi 17 tháng hai 1859 (1) thành Gia-Định thất-thủ do Hải-quân Trung-Tướng Rigault de Genouilly chiếm, khắp Quốc-Gia Việt-Nam đều đặt vào tình-trạng báo-động. Định là một Quản-Cơ chỉ-huy Đồn-Điền trong tỉnh Gia-Định không làm sao thoát khỏi tình trạng báo-động ấy. Thế nên sự có mặt Định ở chiến-tuyến Kỳ-Hòe cùng nhiều viên tướng khác là lẽ tất nhiên vậy. Họ đỗ-mưu thiết-kế đề địch-quân sống trong hồi-hộp.

«Đêm 3 rạng ngày 4 tháng 7 năm 1860 (2) ít nhứt là hai «ngàn người Việt, im-lìm rời chiến - tuyến của mình và bao vây «chùa Clochetons (Kiềng-Phước) xung-phong vào, la lớn tiếng. Súng địch- «quân bắn vào các chùa khác, và cũng vào chùa Kiềng-Phước, Pháp, «Tây-Ban-Nha và người An-Nam (3) đều hứng đạn. Người ta giết lẩn «nhau trong một giờ. Viện-binh ngoài Saigon vô làm dứt chiến cuộc ấy «Địch-quân đê trên một trăm xác chết trên gạch: Bình trong chùa Kiềng- «Phước gồm có một trăm người Tây-Ban-Nha, Trung-Úy Hernandez «chỉ-huy toán ấy, và sáu chục người Pháp, do Hải-quân Trung-Úy Narac «và Gervais chỉ-huy. Từ đó trở đi, những người An-Nam không còn «có ý tấn-công chùa Kiềng-Phước nữa; mà từ hào đôi của họ, họ đắp «một lũy song-song với phỏng-tuyến của ta. Vậy thì họ bắt buộc đồn- «binh Pháp, Tây-Ban-Nha ở trong phỏng tuyến và họ cấm đoán binh «ta ra đồng mé sau Ki-Hòe (4)».

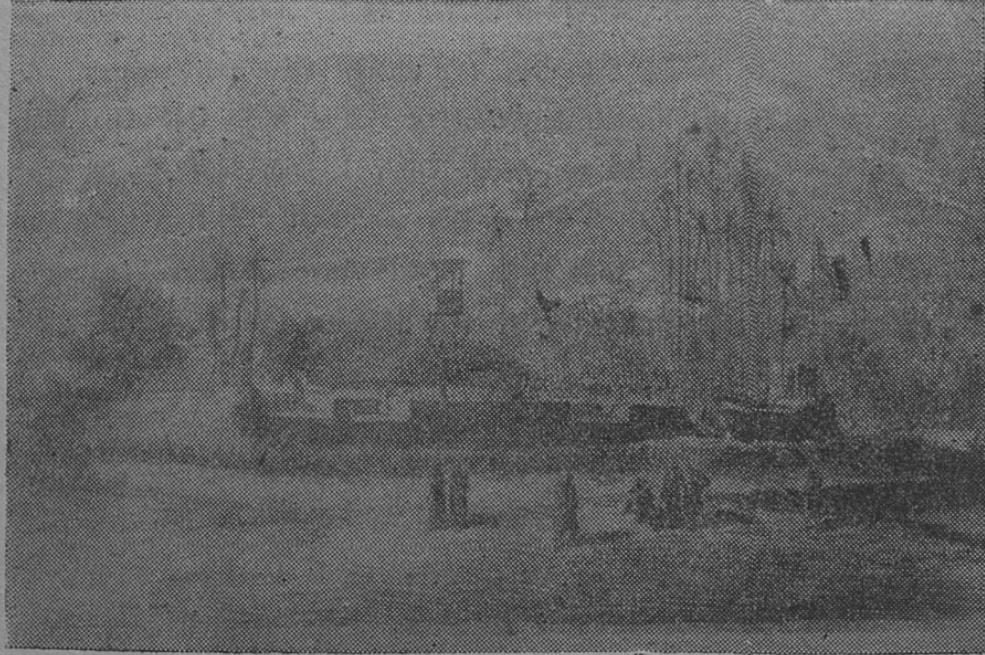
---

(1) Rằm tháng giêng kỵ mùi

(2) Đêm rằm rạng 16 tháng 5 năm Canh thân

(3) Người Việt đầu Pháp

(4) Sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861*, trang 35 và 36.



*Ảnh Kiềng-Phước cõi tự.*

Ngày thứ năm 28 hay là thứ sáu 29 tháng sáu 1860 (Canh-Thân) Pháp-quân và quân Tây-Ban-Nha chiếm chùa Kiềng-Phước, đóng đồn.

Đêm 3 rạng ngày 4 tháng bảy (rằm và 16 tháng năm) năm 1860, Việt-quân đánh cướp đồn này mà không giựt khỏi móng của vuốt địch-quân.

Quí độc-giả nhìn thấy:

Ở bình-diện thứ nhứt một nhóm bảy Pháp-quân hay là quân Tây-Ban-Nha và ở mé trái một tốp binh-sĩ khác.

Ở bình diện thứ nhì, thấy một lũy có lẽ là lũy đất và gạch, rất dày, bao bọc hết khung-cảnh chùa, ba nhà đòn ở ba góc kèm theo ba người lính gác, nhà đòn thứ tư bị lấn khuất, ở hai khía răng cửa là hai súng đại-bác đưa họng đèn ngòm ra ngoài và một cây thứ ba nằm dưới gốc chòm cây cau.

Ở bình-diện thứ ba và trên cao là một chòi canh.

Ở bình-diện thứ tư ba nhà chùa, một trước hai sau, trên nóc lợp ngói âm-dương, mé trái có lẽ là nóc của hai nhà bếp.— Ảnh trong sách của Taboulet trang ở giữa 470 và 471.

Chùa này đã bị dỡ phá hồi năm 1866 (Bính-Dần). « Truy ra vị-trí chùa này một phần lọt vào con đường Nguyễn-văn-Thoại, còn một phần lớn lại ở vè lô đất, bông đồ mới số 20 và 23 ngang ngang lại với trường học của con gái (bông đồ 21) thường gọi « trường Bà Đầm » (ở Chợ Lớn bây giờ).— Vương-Hồng-Sên, sách *Saigon năm xưa*, trang 112.

Trận công-hãm chùa Kiềng-Phước đêm tối 03 rạng ngày 04 tháng 07 năm 1860 là do binh-lính dưới sự chỉ-huy của lãnh-binh Sắt (1).

Ngày thứ tư 18 tháng 07 năm 1860, quân Việt trở lại tấn-công Pháp-quân, nhưng chẳng làm gì được chỉ kiềm-soát rất xa chau-thành vậy thôi. Việt-quân cũng bỏ cuộc phong-tỏa chau-thành (2).

## ▼ CUỘC ÂM-SÁT ĐẠI-ÚY BARBÉ.

Từ tháng ba năm 1859 (Kỷ-Mùi) trở đi, quân Việt cho treo giá các đầu của các quan võ Pháp.

Thế nên lối năm tháng sáu trận đánh chùa Kiềng-Phước có xảy ra vụ hành-thích viên Đại-Úy Barbé.

Vụ ấy như vầy:

« Chùa Barbé (3) hay là chùa Khải-Tường lấy tên của viên Đại-Úy lực-quân thủy-chiến trấn ở đó, bị giết chết và kè ám sát cắt đầu. « Một buổi chiều (4), cõi ngựa đi tuần tối, theo thường lệ, từ chùa « Khải-Tường đến đền Hiển-Trung (pagode des Mares), tới khúc quanh « thứ nhứt, Barbé bị bọn ám-sát tấn-công, bọn này nấp trong một lùm « rậm mà người ta chỉ ngại cho những người nào đi qua chỗ đó. Bọn

(1) Xem Văn-Hóa Nguyệt-San số 50, dưới đầu bài *Từ Trần-Tộc Từ đến Khải Tường-Tự* tác giả; Tân-Việt-Điều.

(2) Ngày 01 tháng 06 năm Canh-Thân. Theo *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19 ème année, Janvier-Mars 1932, trang 33, tạp-chí này đăng lại của báo *Le Mémorial d'Aix* No du Dimanche 28 Oct. 1860 page 2, colonne 1.

(3) Pallu de la Barrière không biết mặt và không biết tên Barbé. Thế nên khi viết Barbé (trang 46, dòng 9) khi viết Barbet (cũng trang ấy, dòng 20) rồi đến trang 52 dòng 23 viết Barbé. Ngoài cuối sách Pallu de la Barrière trang 350 thấy nơi sờ các người tử trận : Barbé (Nicolas Michel-Aug) Capitaine, 7 Décembre 1860 đệ-tam liên-đội lục-quân thủy-chiến.

(4) Thứ sáu 25 tháng 10 năm Canh-Thân nhằm 7 tháng chạp năm 1860 — Văn-Hóa Nguyệt-San, số 50, trang 366.

« ám-sát dùng giáo, Barbé té xuống ngựa khi bị mẩy mũi giáo đầu tiên.  
« Bọn ám-sát cắt đầu liền, và bò ngang trong nhánh và trong cỏ cao  
« để về chiến-tuyến cũ Ki-Hòa. Sớm mai ngày sau, người ta thấy thi-thề  
« của Barbé nằm trên lề đường; ngựa bị thương đứng gần bên không  
« cử động. Người ta thật lại rằng, khi thủ cấp Đại-Úy đê bên mâm trầu,  
« lúc đầu viễn tướng An-Nam không nói chi cả đếm tiền trao cho những  
« người ám-sát, rồi sau lại buông ra một lời tiếc. Đại-Úy Barbé to người,  
« có sức như lực-sĩ, và người An-Nam đều biết (1) ».

Theo lời thuật của Tân-Việt-Điều (2), Barbé sanh quán tại Prenschdorff (tỉnh Bas-Rhin, tỉnh-lỵ Strasbourg) Barbé bị quân kháng-chiến  
của Trương-Định lấy đầu.

« Theo Legrand de la Liraye, những đồn của Trương-Định rất  
« vững chắc và nếu tướng Tôn-Thất-Hiệp chịu đê cho Trương-Định nhiều  
« sáng kiến hơn thì quân xâm-lăng rất có thể bị nhiều thất bại ».

Rồi tám mươi tám ngày sau vụ Đại-Úy Barbé trận chiến-tranh  
quyết định xảy ra trong những ngày 24-25 tháng hai 1861 (3).

## ▼ GÒ-CÔNG BỊ TẠM CHIẾM.

Binh Việt rút lui... rồi binh Pháp tiến tới.

Ngày 12 tháng 4 năm 1861 (4), Pháp-quân chiếm cứ đồn Mỹ-Tho.

« Cuộc chiếm-cứ Mỹ-Tho đem lại hậu-quả là phải chiếm luôn  
« các xứ ở giữa chau-thành ấy, sông Tiền-Giang và sông Soi-Rap ; người

---

(1) Sách đã dẫn trên phản-lồng (3) trang 52 và 53. Coi *Tấm bia lịch sử* ngoài sau cùng.

(2) Tân-Việt-Điều dưới đầu bài *Từ Trần-Tộc-Tử đến Khải-Tường-Tử*, tạp-chí *Văn-Hóa Nguyệt-San*, số 50, tháng 5 năm 1960, trang 364.

(3) Chúa nhật 15 và thứ hai 16 tháng giêng năm Tân-Dậu.

(4) Chúa nhật mồng 03 tháng 3 năm Tân-Dậu.

Theo *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19 ème Année, No 1, Janvier-Mars 1932, *À la suite de Lamiral Charner*, trang 90, dòng 18 tới 33.

« ta thiết-lập liền tay những đồn lính Pháp ở Gia-Thạnh (1), ở Chợ Gạo và ở Gò-Công (2).

Như vậy Gò-Công thất-thủ lần đầu từ 15 đến 20-4-1861 (3).

Gò-Công là một thánh-địa của giòng vua, vì nơi đó có mồ-mả tồ-tiên bên ngoại vua Tự-Đức.

« Phía biển, hướng Tây-Bắc và hướng Đông-Nam của Gò-Công « người ta thấy một giầy những thôn xã nhỏ : những xã Đồn-Điền, « những thôn thường, các xã thôn này thường hay gây gò nhau... »

« Ở mé mặt Gò-Công, khi ngó ngay sông Cửu-Long, một con rạch « từ Gò-Công chảy vào sông lớn và sông Vàm-Cỏ (4) : ấy là Rạch-Lá.

---

(1) Phủ Tân-An, vị-trí lối vòng thứ nhì của Vàm-Cỏ Tày bắt từ hợp-lưu hai Vàm-Cỏ đi lên.

(2) Sách *Les premières années de la Cochinchine*, tác-giả: Paulin Vial, trang 114, dòng 5 tới 8.

(3) Thứ hai mồng 06 tháng ba tới thứ bảy 11 tháng ba năm Tân-Dậu. *Nỗi lòng Đò-Chiếu*, nơi trang 24, ghi 14-12-1861, không biết tác-giả thấy trong sách nào mà nói như thế.

(4) Trên địa-đồ tạm xứ Nam-Kỳ, vẽ tại Saigon 1859-1863 đính sau sách *Onze mois de sous préfecture en Basse-Cochinchine*, tác-giả: Đại-Úy Lucien de Grammont, Paris, Challamel-Ainé Librairie-Editeur, 30 rue des Boulangers, 1863 (do Viện Khảo-Cổ tàng trữ). Rạch-Lá là Rạch-Tra bây giờ gọi theo địa-đồ Hành-Chánh Nam-Phần năm 1960), Rạch-Lá là tên từ sông Vàm-Cỏ đi lên tới một rạch chấn ngang (không có tên) rồi từ chỗ ấy lên nữa gọi là Rạch-Tram (không dấu).

Rạch-Lá có một chi-lưu bên bờ hữu và gần ngã ba ra Đại-Vàm-Cỏ : ấy là Rạch Gò-công. Rồi Đại-Vàm-Cỏ mới đổ ra sông Soi-Rap. Vậy, Rạch Gò-Công là nhánh của Rạch-Lá, Rạch-Lá nhánh sông Đại-Vàm-Cỏ.

« Một chiếc tàu chiến nhỏ (1) L'Amphitrite đi trên rạch ấy và đậu cách « quận ba dặm, trước một xã lớn tên gọi là Tân-Hoa. Viên quận nhậm- « chức dưới sự che chở của một tiêu-đội hai mươi lăm người thủy- « quân lục-chiến do một sĩ-quan hậu-tuyền chỉ-huy. Quận này cũng hết « như các quận An-Nam khác, có một công trường lớn và một chợ, đường « hẹp để nối liền chợ và công trường ; một chùa (2) mà hời này phải « trở thành đồn lính (3) ».

« Kịp đến thượng-tuần tháng 6 năm 1861, đồng-thời với toàn- « quyền phái-viên của Hoàng-Đế ở Huế, vị này đang viết bức thư thứ « tư cho Tông-hành-dinh quân-đội viễn-chinh Pháp một người An-Nam « táo-bạo, cương-quyết và có dũng-lực, danh là Định, ra mắt viên sứ-thần « ở Biên-Hòa và hứa sẽ làm cho sôi nổi trong xứ ».

---

(1) *Lorchas*.— Ấy là những tàu hay ghe chài bốn-xứ, người ta cho đậu trong nhiều rạch để tăng sự canh-phòng, và thay cho pháo-hạm ; thủy-thủ-doàn là Pháp-quân, một sinh-viên hải-quân hay là tới một Trung-Úy chỉ-huy tàu ấy ; người ta cho thủy-thủ, đoàn gồm cả lính Tagals (lính Phi-Luật-Tàn hay là hời 1861 gọi là lính Ma-Ni) các lính này trở nên thủy-bin uru-lù, và lính bốn-xứ kiêm-soát chung quanh chiếc tàu. Người ta lợp mui lá hay là chiếu, ấy là những đồn nổi không hơn không kém. *L'Amphytrite* ở lâu ngày trước Gò-Công và Gia-Thạnh, và tiêu-hạm *l'Espérance* (a) ở Vầm Nhứt-Tảo. Những tàu ấy cũng giúp ích nhiều lắm, và nhút là đỡ cho pháo-hạm. Nhưng, người ta nhận-định ra cũng có một mối tệ hại. Sự khó xoay xở đưa nó vào một tình thế bất-lợi, nhưng cái bất-lợi ấy được dồn bù vào bởi những chiếc ghe nhỏ túa ra canh chừng và những người An-Nam do-thám.

(a) Chiếc này bị đốt ngày 10-12-1861 (thứ ba mồng 09 tháng 11 năm Tân-Dậu) do Nguyễn-Trung-Trực.

Theo sách *'Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine'*, trang 116, dòng thứ 10 đến thứ 25.

(2) Dịch tiếng *pagode*, nhưng ở đây có lẽ là định.

(3) Đoạn từ *'Phía biển... tới đồn lính'* là dịch sách *'Histoire de l'Expédition de la Cochinchine...'* của Pallu, trang 218.

« Hai viên dưới tay Định là hai viên chỉ-huy phó đã lên Biên-Hòa hồi tháng ba để hai người vợ lại Gò-Công. Cuộc nổi dậy được « tổ-chức mau lẹ, và vài ngày sau viên ấy nhóm được 600 người vũ-trang, gồm có 200 người đồn-diễn, 200 người binh chánh-quy tản-mát « bởi thua trận đánh Ki-Hòa, và 200 người lính vệ tuyển trong hàng « ngũ bà con vua và những người bạn của bà con vua (1) ».

Theo *Đại-Nam chánh-biên liệt-truyện* thì : Định chiêu-tập sáu ngàn tráng-đinh, kiêm quản cả cánh thân-hào và các đầu-mục, xếp thành mười tám cơ. »

Vài gián-điệp có cho hay trước là binh ấy sẽ đánh phá Pháp-quân.

Hồi bấy giờ Vial — tháng hai 1861 là hải-quân trung-úy ở dưới tàu Le Wéser (2) — làm Giám-Đốc bờn-xứ sự vụ cai-trị Gò-Công (3).

« Vial thức suốt đêm 21 rạng 22-6-1861 (4). Vừa bình-minh, tiếng « chiêng và tiếng trống đánh rầm lên. Người An-Nam vũ-trang bằng độc « tiến tới. Bên Pháp nồ súng. Vial với 10 lính-thủy chạy đến, bên An-Nam dừng lại tạm-thời, Vial thối lui mau về công-trường chợ, vì Vial « thấy lối tiến mình đã bị chặn. Việc giựt lùi đúng lúc, vì địch-quân lố « dạng ở đầu đường. Bên Pháp nhả đạn ra, trúng đích vào những người « đi đầu, nhưng những người khác tiếp-tục tiến, phải bắn ngã. Đến « một lúc mười quân Pháp phải xáp lá cà. Tên thủy-quân lục-chiến

---

(1) Sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* của Léopold Pallu de la Barrière, nhà xuất-bản : Berger-Levrault, Paris, Nancy, 1888, trang 218-219.

(2) Cũng sách đã dẫn trang 257.

(3) Theo *B.A.V. Huế*, 19ème année No 1 Janv. — Mars 1932, trang 70, dòng thứ 9, 10, 11 và 12 thì : ... *người ta đã bắt dụng phủ (préfets) và huyện (sous-préfets) cho các tỉnh : ngoài sổ tiền lương đã lãnh mỗi tháng còn nhận mỗi ngày 40 phật-lăng cho viên phủ, 30 phật-lăng cho huyện. Những Trung-Úy hàn-dội, Trung-Úy hải-quân, Ủy-viên nhậm những chức ấy.*

(4) Thứ sáu rạng thứ bảy 14 và rằm tháng 05 năm Tân-Dậu

« Bodiez ở trong một ngôi chùa tháp, Vial đang lâm nguy, bay đến giải vây.  
« Bodiez tự choán qua mình của Vial và bị đâm liền chưa kịp bắn phát  
« nào. Vial bị hai mũi độc và trên mắt một vết phồng lên do mào đạn.

« Mười bốn thây nằm trong gach trong đó có huyện Toại (1). Trước  
« Pháp chiếm, huyện Toại cai trị huyện Tân-Hòa.

« Bên Pháp, một người bị giết và một bị thương ».

Ngày sau (ngày 23-6-1861) quân Định với lính đồn-diền (2) công-  
kích Gò-Công nữa. Nhưng một phát đại-bác khiến Định rút lui (?)

Ngày 24-6-1861, Pháp-quân đến tiếp trợ; hải-quân Trung-Tá  
Lebris với hải-phòng-hạm Duchayla đậu ở cửa Rạch-Lá, Lebris đồ bộ  
lên địa-phương ấy và giải-tán những lũ người (3).

Trương-Định và tất cả nghĩa-dồng-quân không bằng lòng cho  
dân Việt-Nam cộng-sự với Pháp, vì như thế là ngầm-ngầm đầu hàng, và  
cũng như thế là Định bị cô-lập rồi.

## ▼ TRƯƠNG ĐỊNH TỒ CHỨC TĂN CÔNG PHÁP QUÂN, THANH TOÁN CÁC TAY SAI CỦA PHÁP.

« Định có một người bạn cũ tên bá-hộ Huy nhận chịu làm chức  
« Cai-tông (4) với Pháp, lúc này Huy có trú-sở nơi Đồng-Sơn (5) gần tàu

---

(1) Huyện Toại là quan văn mà lại xung-phong trong đạo binh này.

(2) Sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* trang 301,  
đòng 30 có viết: *mais après la prise d'armes contre Gò Công et les événements qui en furent la suite ces colons (Đồn-Điền) furent dissous par un arrêté rendu le 22-8-1861 nhưng sau khi phản công Gò Công và các biến cố sau ắt, lính Đồn diền bị giải-tán bởi nghị-định ngày 22-8-1861.*  
Như vậy có lính Đồn-diền trả hàng và có lính đồn-diền trong vụ tấn-  
công này.

(3) Dịch *les bandes*, trang trên đây ở sách *Histoire de l'Expédition...* trang 220.

(4) Viên tông này muốn bảo-vệ tài-sản của mình, mới chịu ra làm  
cai-tông.

(5) Đồng-Sơn nay còn thấy trên Địa-dồ *Hành-Chánh Nam-Phần*  
Đông giáp làng Bình-Phú-Đông và Thạnh-Trị, Tây giáp Bình-Phục-Nhứt  
và Bình-Phục-Nhì, Bắc giáp sông Tra, và Nam giáp Vĩnh-Bình.

« chiến của chúng ta, Huy trù-định nộp Định cho chúng ta. Huy bị một tên ở mướn tâm-phúc phản-bội, hành-động này ít thấy ở người An-Nam, Huy trao cho người ấy một bức thư bảo đem đến một Sĩ-quan Pháp trong ấy chỉ chở ở của Quản Định. Người ở bắt-trung-thành này đem thư cho Định. Tức thời, Định đi Đồng-Sơn và bắt Huy liền; thấy mình bị siết chặt vì Pháp-quân, Định chạy ngang qua một đồng ruộng, bỏ lại thi-thề không đầu của Huy (1) ».

Một gương khác cũng về vấn-dề bắt-hợp-tác với Pháp:

« Quản Định tư thơ hăm-dọa viên xã-trưởng ở làng Gò-Công vì viên này còn tiếp-tục làm nhiệm-vụ mình khi người Pháp đến cai-trị. Viên xã khiếp sợ hiến cho Định tất cả tài-sản coi Định có xiêu lòng. Sau cùng, viên xã phải đi qui-phục Định, nhưng Định cũng hạ sát viên xã ấy (2) ».

Quân-sự đã thất-thể, thì chánh-trị yếu kém luôn.

Dẫu có dùng nghiêm-hình đến đâu, cũng làm cho con người khùng-khiếp mà không làm cho lòng người gắn chặt về hướng mình.

Xưa nay người ta thường thấy vậy và dân-chúng nào cũng có bản tánh cầu an.

Lợi-dụng nhược-điểm của Chánh-Phủ Huế mà Định làm đại-diện ở Gò-Công, Pháp ra dáng hiền lành, vỗ về dân-chúng, tất cả quyền rũ lẵn-lẵn dân-chúng về bên Pháp.

Ngày 29 tháng 09 năm 1861 (3), Pháp-quân truy tìm rất gắt những người đã giết viên xã trưởng, nhưng công dã-trường (4).

---

(1) Dịch trong sách *Les premières années de la Cochinchine*: quyển I, trang 115, từ dòng 15 tới 27.

(2) Dịch sách *Les premières années...*, trang 116, dòng 15 tới 21.

(3) Chúa nhật 25 tháng 8 năm Tân-Dậu.

(4) Theo sách  *Abrégé de l'Histoire d'Annam*, tác-giả A. Schreiner trang 215.

## ▼ VIỆT QUÂN LÀM CHỦ GÒ-CÔNG.

Ngày 14 tháng chạp 1861 (1) Gò-Công bị công-kích. Viên quan cai-trị Gò-Công, hồi bấy giờ là d'Arfeuille (2).

Ngày 30 tháng chạp 1861 (3), Charnier trao quyền lại cho hải-quân Thiếu-Tướng Bonard (4) mà về Pháp.

Tuy chiếm, nhưng Pháp chưa trị được. Lực-lượng của Pháp mỏng, vì hồi tháng hai có đệ-nhị lục-quân và đệ-nhị đại-đội của roi chiến tuyển với vài chiếc tàu đều hồi về Pháp-quốc (5).

Lẽ tất nhiên, Pháp-quân phải rút đi khỏi các đồn nhỏ lè-tè, đề củng-cố các pháo lũy quan-trọng và các cứ-diểm. Một mục-phiêu chánh, mà chưa tiện bày tỏ ra lúc bấy giờ, là binh Pháp dự-tính tấn-công và chiếm giữ thành-trì Vĩnh-Long để làm tin, hầu dễ bề thương-thuyết.

Thật vậy, Pháp-quân dưới quyền chỉ-huy của Bonard xua lực-lượng chiếm lần thứ nhứt thành Vĩnh-Long ngày 23 tháng ba năm 1862 (6), nhưng rồi trả lại cho triều đình Huế ngày 25 tháng 5 năm 1863 (7), tái-chiem thành này lúc 7 giờ rưỡi ngày 20 tháng 6 năm 1867 (8).

---

(1) Ngày thứ bảy 13 tháng 11 năm Tân-Dậu.

(2) Theo sách của Schreiner trang 224.

(3) Chủ nhật 29 tháng 11 năm Tân-Dậu.

(4) Theo *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19 ème année No 1, Janvier-Mars 1932 thì nơi trang 110 dòng 31, trang 113 dòng 17, trang 114 dòng 6, trang 115 dòng 16, trang 120 dòng 2 đều viết là Bonnard với hai chữ n, còn Paulin Vial, viết một chữ n thôi. Tôi nghiêng theo Vial vì Vial làm phó quan, lẽ thi thoả hơn.

(5) Theo sách của Schreiner trang 232.

(6) Chủ nhật 23 tháng hai năm Nhâm-Tuất.

(7) Thứ hai mồng 08 tháng tư năm Quý-Hợi.

(8) Thứ năm 19 tháng 05 năm Đinh-Mão.

Bây giờ, chúng ta trở về Gò-Công của chúng ta. « Ngày 01 tháng 03 năm 1862 (1), hải-quân Thiếu-Tướng Bonard truyền cho các đồn « Gò-Công, Chợ-Gạo, Gia-Thạnh và Cái-Bè đều đi hết, và Bonard rút các « sĩ-quan đã cai trị huyện Cần-Giộc (Phú-Ớt-Lộc) Tân-An và Tân-Hòa. Một « viên huyện An-Nam bồ-nhộ ở Cần-Giộc dưới sự bảo-hộ của một chiếc « tàu Pháp; nhưng các viên huyện thiên-bồ ở Tân-An và Gò-Công không « ở tại hai huyện-ly được, vì lẽ hai huyện ấy đã bị chiếm do binh-lực « phiến-loạn (2). Cuộc di-chuyển khỏi các trung-tâm cai-trị ấy, dưới mắt « của dân-chúng, chúng ta hết còn sở-hữu-quyền về luật-pháp và thật-te « của xứ này » (3).

Dân - chúng, nhứt là những nhà có ăn, phần nhiều ở chung-quanh chợ Gò-Công, đều cộng-tác không nhiều thời ít với Chánh-Phủ Pháp. Thế nên khi nghe được tin quân Pháp rút đi họ lật-đặt kiềm ghe thuyền đi theo.

« Bốn trăm sáu mươi người (trong số 600 người) xuống thuyền « đi lên ần trú ở Saigon 1863 »... (4)

« Lúc Pháp-binh đóng Gò-Công, Định không làm chi được; bây giờ Quản-Định làm chủ, nên cho lệnh phá các nhà của những kẻ thân Pháp, hủy các chùa chiền vì nơi đó binh Pháp đã đóng và cho kiến-tạo thật chắc-chắn một đồn nhỏ » (5).

E Pháp-quân đóng lại, các người cộng-tác hồi này trở nên những người thù vô cùng nguy-hiem trong tương-lai, Định thanh toán họ, nhứt là chức việc đã cộng-sự với Pháp và các gia-dinh trung-thành với Pháp.

Lẽ tự-nhiên, các cấp chỉ-huy nghĩa-dõng-quân đều ra mặt, đóng quân các diêm hẽ-trọng, tuyên-mộ thêm tân-binh, đánh thuế lưu-thông và tiên-đoán với dân chúng rằng binh Pháp sẽ rút khỏi xứ (6).

---

(1) Thứ bảy mồng 01 tháng 02 năm Nhâm-tuất.

(2) Giọng văn của người đi xâm-chiếm.

(3) Trích dịch sách *Les premières années de la Cochinchine* của P. Vial, quyển 1, trang 141, từ dòng 10 đến dòng 22.

(4) Theo Sách *Les premières années de la Cochinchine* của P. Vial, quyển 1, trang 142, dòng 6 tới 8,

(5) và (6) Theo sách *Les premières années de la Cochinchine* của P. Vial, quyển I, trang 142.

## ▼ TRIỀU ĐÌNH HUẾ KÝ HÓA-UỚC 1862.

Ngày 16 tháng 05 năm 1862, một chiếu-chỉ của nhà Vua hạ xuống cử Phan-Thanh-Giản làm toàn quyền phái-viên và Lâm-Duy-Hiệp làm phó đế thương-thảo hòa-bình.

Sau đây là bức thơ phong chúc ấy:

Chiếu chỉ ngày 16 tháng 05 năm 1862

(tài-liệu do gia-quyền Phan-Thanh-Giản đưa ra)

(tài-liệu số B3)

Chiếu-chỉ hạ cho Phan-Thanh-Giản, Hiệp-biện Đại-học-sĩ kiêm Lê-Bộ Thương-Thơ kiêm Hộ-Bộ Thương-Thơ, Quốc-Sứ-Quán tông-tài và Quốc-Sứ-Giám tông-tài.

Trẫm vừa mới nhận được của Giám-đốc Sở Thương-Thuyền một giác-thơ ngoại-giao như sau đây:

« Hải-quân thượng-tướng Bonard, Tòng Tư-Lịnh, đặc-sứ toàn-quyền của xứ Đại-Phú Lang-Sa (1) đã phái một mật-sứ đem cho Trẫm một bức thơ, yêu-cầu gởi một toàn-quyền phái viên đến Saigon đê dự cuộc hội-nghị hòa-bình. Từ ngày hai đạo-binh của hai nước chiến-chinh chống nhau, lính tráng và dân-chúng rất khò sỏ. Khi đệ lên cho Trẫm bức thơ về cuộc hòa-dàm, hải-quân thượng tướng biều lộ thiện-ý ngưng chiến và đỡ khò chúng dân.

« Vậy Trẫm bồ-nhật khanh đệ-nhứt phái-viên trong cuộc hội-nghị hòa-bình và Trẫm sẽ cho Lâm-Duy-Hiệp, Bình-bộ thương-thơ, phó Giám-Đốc thủy-vụ ở đế-đô, làm phó Phái-viên.

« Với tư-cách toàn-quyền phái-viên, các khanh sẽ xuống chiếc ghe có võ đồng (2) với các thân-hào, các sĩ-quan, binh lính và phu đê đi phó-hội. Về các cuộc đàm-phán hòa-bình và các điều-khoản đê đi

---

(1) Kêu theo hồi Nhâm-Tuất 1862.

(2) Ghe ấy tên là Thoại-Nhạc (loài điêu tưởng tượng mang diềm lanh).

« đến kết-thúc hòa-ước, hai khanh hãy hành-động rất cẩn-thận, hầu có ngưng  
chiến càng sớm càng tốt, để làm đầy đủ sứ-mạng của Trẫm giao phó  
cho.

« Hãy kính lịnh này.

Tự-Đức, năm thứ 15, tháng 4, ngày 18  
(16-5-1862)

Án-tín đề bồ-nhật (2)

Ngày 05 tháng sáu 1862, toàn-quyền phái-viên Phan-Thanh-Giản và Lâm-Duy-Hiệp ký hòa-ước bắt-bình-dâng, gồm 12 điều khoản, nhưng có những điều khoản thứ 3, thứ 8, thứ 10 và thứ 11 là hệ trọng vì thứ 11 là điều nói đến nghĩa quân. Đây là năm điều khoản trích trong hòa-ước:

Điều-khoản 3.— Ba tỉnh trọn vẹn Biên-Hòa, Gia-Định và Định-Tường (Mỹ-Tho) (3) và đảo Côn-Nôn, đều nhượng đứt hoàn-toàn cho Hoàng-Đế của người Phú-Lang-Sa bởi hiệp-ước này. Và lại, người Phú-Lang-Sa làm thương-mại và lưu thông trên các sông Cửu-Long và chi-lưu của sông ấy bằng tất cả các loại tàu; những tàu chiến Phú-Lang-Sa sai đi giám-thị trên sông ấy hoặc là chi-lưu của nó cũng sẽ lưu thông luôn.

. . . . .

---

(2) Trích trong sách *Phan-Thanh-Giản 1796-1867 et sa famille d'après quelques documents annamites, recueillis, traduits et annotés par Pierre Daudin en collaboration avec Lê-văn-Phúc, Saigon, Imprimerie de l'Union Nguyeñ-văn-Cùa, 57 rue Lucien Mossard, 1941, pp. 61-62.*

(3) Theo bài *Le rapport de Phan-Thanh-Giản et de Lâm-Duy-Hiệp sur leur mission à Saigon, auprès de l'amiral Bonard et Palanca* trong tạp-chí *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 1918, số 4, trang 224 và 225 thì vầy

« Những điều-kiện này, mặc dầu tập-trung lại trong 8 điều-khoản — « từ hồi mới khởi đầu tới đây các điều-khoản khác nhau dài đặc và rườm « rà — đều có mục-dịch chính-yếu là nhường lại LỤC-TỈNH và bồi khoản to- « tát là năm triệu đồng ».

Cụ Phan nói với Giám-Đốc Hà-Bá-Lý (a) và viên thông-dịch quốc-tịch Hoa-Kiều Lý-Liên-Phương rằng :

« Theo dõi ý-kiến trong bản văn này, hình như là các vị soái chưa « có ý muốn hòa-bình ; Vì vậy nên các vị bắt buộc gắt-gao quá. Muốn cho « hòa-bình được vĩnh-viễn, nền hòa-bình ấy phải công-bình, đừng để một « bên khô héo, còn bên khác xanh tươi đầy sự sống. Hồi có ai chấp nhận « sự hòa-bình của quý ngài tướng soái. Mời Ông hãy về dinh và bẩm lại « với quý vị soái gia, yêu cầu sửa đổi lại các điều-khoản trong hòa-ước, « làm thế nào cho ba quốc-gia khỏi nhục thể-thống và hai bên sẽ có lợi « cả. Tôi rất mang ơn Ông vậy ».

« Hà-Bá-Lý trả lời : Sự quyết-định của hai soái-gia tôi đã ra rồi. « thảo-luận nữa không đem lại kết-qủa ».

Rồi từ mồng ba tháng năm (b) tới mồng sáu tháng năm (c) năm Nhâm-Tuất, cụ Giản thương thảo với Hà-Bá-Lý. Cuối cùng ngã ngũ như sau đây :

« Từ đây sắp đi cốt-yếu là (bên Việt) nhường lại bốn tỉnh thay vì « sáu tỉnh, giảm giá bốn triệu thay vì năm. Ông Hà-Bá-Lý cho chúng thằn « biết rằng các vị soái đã xóa bỏ những đòi hỏi quá mức nếu hai thằn, « muốn hòa-bình, hai thằn khỏi phải nhọc công thảo-luận gì nữa. Xét vì, « giữa hiện-trạng, đem các điều-khoản ra mà bàn cãi thì e bất nhã, một « lần chót, chúng thằn mời viên Giám-Đốc (d) tường-thuật lại cuộc nghị- « luận giữa hai thằn và Ông cho hai vị soái rõ. Nhơn danh của các vị « ấy Ông Hà-Bá-Lý sử-dụng ngôn-ngữ như sau : « Ba quốc-gia sẽ kết chặt « tình giao-hảo ; trong mục-dịch ấy, tôi không thấy có chi trở ngại mà hai « quốc-gia sẽ giao trả tỉnh Vĩnh-Long và những hòn Phú-Quốc. Đè đối-tỷ, « Ông đưa ra mười hai phụ-khoản để hai thằn cùng bàn-luận ».

(a) và (d) Gabriel Aubaret.

(b) thứ sáu 30 Mai 1862.

(c) thứ hai 02 Juin 1862.

*Điều-khoản 8.* — Về ngân-khoản bồi thường, trong một thời-gian là mười năm, nhà Vua An-Nam sẽ phải trả một số tiền là bốn triệu Mỹ-Kim (1). Do đó, mỗi năm, nhà Vua sẽ trả cho người đại-diện Hoàng-Đế của Pháp ở Saigon bốn trăm ngàn Mỹ-Kim. Số tiền này để bồi thường cho nước Pháp và Tây-Ban-Nha về chi-phí chiến-tranh. Một trăm ngàn quan (2) trả rồi sẽ khấu-trừ vào số tiền này. Quốc-Gia An-Nam không có lưu-hành đồng Mỹ-Kim, một đồng Mỹ-Kim sẽ thay thế bằng bảy mươi hai phần trăm một lượng (3).

*Điều-khoản 10.* — Nhơn-dân ba tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên sẽ được tự-do đi lại để thương-mại với ba tỉnh Phú-Lang-Sa (4) với điều-kiện là phải theo luật-pháp hiện-hành; nhưng những đoàn binh, võ-khí, đạn-dược hay quân-lương cấp cho ba tỉnh kè trên sẽ phải chở-chuyên bằng đường biển. Nhưng Hoàng-Đế của người Phú-Lang-Sa cho phép những đoàn ghe tàu vào sông Cửu-Long nơi vò Mỹ-Tho tục là Cửa Tiều (5), với điều-kiện là mỗi lần nhà chức-trách An-Nam cho người

---

(1) Dịch tiếng *Dollar*, bạc con ó của Hoa-Kỳ trước kia :

(2) Dịch tiếng *Ligature* là một xâu tiền. Thời bấy giờ một xâu tiền bằng giá-trị một Phật-Lăng.

(3) Lương-bạc.

(4) Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường.

(5) Theo quyển *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* tác giả Léopol Pallu, Paris, Librairie L. Hachette et Cie, 77, Boulevard Saint-Germain, 1864, trang không số (tức là bên trái trang 1), có tấm địa đồ xứ Nam-kỳ tùy theo công tác thi-hành (d'après les travaux exécutés) năm 1859, 1860, 1861, 1862 (do Viện Khảo-Cô Saigon tàng trữ) thì hồi 1862 biên-giới tỉnh Định-Tường như vậy :

Đông, từ ngã ba Bảo-Định-Hà (arroyo de la Poste) với sông Vũng-Gù (Vaico occidental) chảy giọc theo bờ bên mặt Bảo-Định-Hà tới lối nứa sông này (theo bờ dài) chảy tách ra gồm Chợ-Gạo xuồng tới sông Cửu-Tiêu (lối Vầm Giồng gọi theo bây giờ) ra biển, Cửa Đại và Cửa Bà-Lai ;

Nam, từ Cửa Ba-Lai chảy lên theo bờ bên trái sông Ba-Lai tới đòn Mỹ-Thuận bây giờ (hồi 1862 gọi là gì không biết trong địa-đồ) ;

Tây, từ bến đòn Mỹ-Thuận lên đến Hồng-Ngự bây giờ (hồi 1862 biên trong địa-đồ là Bouthan) bờ bên trái sông Tiền-Giang.

Bắc, từ trên (Bouthan) Hồng-Ngự chảy dài theo địa-giới Vương-quốc Cam-Bốt đến nguồn sông Vũng-Gù, từ đó chảy theo bờ mặt sông này tới ngã ba sông này với Bảo-Định-Hà.

Như vậy ghe tàu của Việt vào Cửa Tiều là vào tỉnh Định-Tường đã nhường cho Pháp.

đại-diện của Hoàng-Đế hay trước, người này sẽ trao cho một giấy thông-hành. Nếu sơ-suất thủ-tục ấy và một đoàn ghe tàu vô cửa sông không thông-hành, thì đoàn ghe tàu ấy và tất cả những cái gì của đoàn đều bị bắt hết, những đồ vật tịch-thâu được đều bị hủy hoại.

*Điều-khoản 11.*— Vinh-Long-thành sẽ bị binh Phú-Lang-Sa giữ lại tối chừng nào có lệnh mới, nhưng không cản trở một chút nào sự làm việc của các quan An-Nam. Thành này sẽ được trả lại cho Vua An-Nam, sau khi Vua này bảo sự dấy loạn chấm dứt, sự dấy loạn do mạng-lịnh của nhà Vua ở trong tỉnh Gia-Định và Định-Tường và khi nào những kẻ đứng đầu các cuộc khởi dậy ấy sẽ đi khỏi và xứ sở có an-ninh và quy-thuận như phải có trong một xứ hòa-bình.

*Điều-khoản 12.*— Hòa-ước này ký-kết giữa ba quốc-gia, và các toàn-quyền phái-viên của ba quốc-gia ấy ký tên và đóng dấu, mỗi toàn-quyền phái-viên sẽ trình bày cho Quốc-Vương minh rõ, và, khởi sự từ ngày ký tên cho đến khoảng một năm sau ba Quốc-Vương xem xét và phê-chuẩn hiệp-ước này, sự trao đổi cuộc phê-chuẩn sẽ xảy ra trong thủ-đô Vương-Quốc An-Nam.

Đề làm bằng, các toàn-quyền phái-viên của mỗi Quốc-gia đã thủ-ký trên tờ hòa-ước hiện-hữu và đã đóng dấu.

Saigon, năm 1862, ngày 5 Juin.

Tự-Đức, năm thứ mười lăm, tháng năm ngày mồng chín.

Bonard

Carlos Palanca Gutierrez

con dấu và chữ ký của

những toàn-quyền phái-viên An-Nam (1)

Giới kháng-chiến lên tiếng phản-kháng nhứt là điều-khoản thứ 11.

Tán thành, phản-đối là quyền dân-chúng, cụ Phan thay mặt triều-dinh Huế, người đốt đuốc dẫn đạo, sáng-suốt hơn dân-chúng, chủ-trương mềm dẻo và hợp-tác với Pháp.

---

(1) Bốn điều-khoản trong hòa-ước trên đây là trích-dịch trong sách *Abrégé de l'Histoire d'Annam* của A. Schreiner trang 444, 445 và 446.

Người đi Long-Hồ (1), ở làng đối diện với thành-trì Vĩnh-Long, và kết chặt mối giao-hảo với Pháp.

Lúc này thế nào cũng có cáo-thị của nghĩa-dõng-quân, thơ từ gửi đến cho nhà cầm-quyền Pháp, hiềm vì tạp-chí *Revue du Monde Colonial, asiatique et américain* không đăng những bức phản-kháng thơ ấy mà chỉ nói tóm tắt thôi. Thế nên chúng ta không thể nào tin trọn vào tạp-chí kia, lại trong đấy chứa nhiều thiên-kiến nghiêng về phía Pháp.

« Phần lớn những đại-lý trong các bức thư ấy như vậy : Trào-« Đinh Huế muốn giữ hòa-bình và muốn chứng thật sự ấy, Trào-Đinh « không những muốn trả tiền bồi-khoản trong kỳ lục-cá-nguyệt mà trả « luôn trong năm ; nhưng Trào-Đinh-Huế nghĩ rằng, Phan-Thanh-Giản « một phần và hải-quân trung-tướng phần khác cả hai đều đi quá quyền « hạn của hai Vua đã thừa nhận khi nói chuyện về nhượng-địa cho « Phú-Lang-Sa ; Hoàng-Đế của ta hết sức ưng-thuận cho người Phú-Lang- « Sa sanh cơ lập-nghiệp ở đất Nam-kỳ, nhưng sự nhượng-địa cho Phú- « Lang-Sa là chuyện tuyệt đối không thể có, Hoàng-Đế của ta không « thuận theo vậy.

« Như thế là phải khởi sự thảo-luận lại.

« Bức thơ này đến với hải-quân trung-tướng trong lúc cuộc khởi « dấy xảy ra (2). Về phần Phan-Thanh-Giản cho phát ra những bản hịch « (3) trong đó cụ tiên-tri sự thắng-trận của người An-Nam trên khắp

---

(1) Sau khi ký-kết hòa-ước, Tự-Đức quở trách cụ Giản và bồ-nhiệm cụ làm tổng-đốc Vĩnh-Long để điều-dịnh với Pháp hầu thuộc ba tỉnh miền Đông và thuộc lối lầm của cụ. Cuộc điều-dịnh không thành cụ bị bãi-chức nhưng vẫn còn nhiệm-vụ. Hồi bấy giờ lối nửa tháng sáu năm 1862. Trong *B.S.E.I. 2 ème trimestre 1941* không nói đích xác là ngày tháng nào.

(2) Có lẽ kể từ tháng tám năm 1862 tính tới. Sách *Onze mois de sous préfecture...* trang 388.

(3) Không lẽ cụ Giản là người đại-diện cho tất cả dân Việt lại thuộc về phái chủ-hòa mà xuần-động như thế..

Ở xa vạn dặm, đường sá cách sông biển, làm gì tạp-chí này không nghe theo những người Pháp có ý-dịnh xâm-chiếm xứ Việt vẽ rắn thêm chon, để người chánh-quốc tưởng người nào cũng đê tiện, man trá hết.

mọi vị-trí của xú, người Phú-Lang-Sa sẽ bị bầm nhão ra như thịt làm dồi (1).

Cụ Giản biết Việt-quân kém sút mọi mặt, và thấy viễn ảnh của Pháp là muôn cho Việt nhường hết sáu tỉnh (như ta đã thấy khi thương-thảo trước lúc ký Hòa-ước). Nếu cụ không khéo dàn xếp cho hòa-bình chống vần hồi thì có thể Pháp-quân xin viện-binh thêm và một sớm một chiều, xua quân chiếm - cứ ngay; nếu cụ khéo lèo lái rất có thể Việt-định chỉ nhường ba tỉnh thì chấm dứt. Như Anh đối với Hương-Cảng, đối với Tinh-Châu (Singapour), đối với Aden, đối với Gibraltar, Pháp cũng chiếm Biên-Hòa, Gia-Định, Định Tường thôi.

Thế nên cụ Giản lo tiễn góc cạnh cho tròn.

## ▼ SAU HÒA ƯỚC 1862 TRƯỞNG ĐỊNH TIẾP TỤC KHÁNG PHÁP.

Cụ khuyên hải-quân Thiếu-Tướng Bonard đừng nóng tánh vội để tránh cuộc đòn máu vô ích, cụ sẽ can-thiệp với nghĩa quân để họ trở về với lẽ phải, hạ khí-giới và giao cho các phủ huyện của Chánh Phủ Pháp.

Quản Định tư thơ cho hải-quân Thiếu-Tướng Bonard nói rằng « các thuộc hạ của Ông có sự nhờm góm lột vũ khí trao tay, cho công chức ngoại-quốc » (2).

---

(1) Trích dịch bài *La France en Cochinchine* tạp-chí *Revue de Monde Colonial, asiatique et américain*, organe politique des deux mondes publié sous la direction de M. A. Noirot, 6 année, 2ème série, No 4, Tome XIe — Avril-1864, Paris, 3 rue Christine, trang 394.

Chuyện xảy ra từ tháng 06 năm 1862 đến tháng 04 năm 1864 mới đăng lên báo, rồi báo ấy qua tời đây ít nhứt cũng là tháng 07 năm 1864. Kẽ cũng lâu.

(2) Sách *Les premières années de Cochinchine* của P. Vial, quyển I, trang 16<sup>4</sup>, dòng 24 và 25.

Thứa dịp cuộc ngừng chiến, ngày 07 tháng chín 1862 (1) Bonard đi thăm dò sông Mekong viếng Vĩnh-Long và Vương-Quốc Cam bốt.

« Tới Vĩnh-Long, Bonard được cụ Giản tiếp rước rất chu-tất, và « và hứa chắc với Đại-Tướng là cuộc kháng-chiến của Quản Định sẽ « chấm dứt rất gần đây trước sự khuyết-cáo và hăm dọa của cụ (2) ».

Ngày chín tháng chín năm 1862 (3) cụ Giản có gởi cho Định một mạn-linh rõ-ràng buộc Định phải quy-hàng, song rồi đâu cũng ý chở ấy:

Làm chủ tinh hình ở Gò-Công, Định tự-do đắp lũy đào hào.

« Muốn cho Định xa Gò-Công, Vua Tự-Đức phong cho Định làm « chức lãnh-binh trấn thủ An-Giang (Châu-Đốc), nhưng thay vì đi « phó-lị Định không chịu đi, và có viết một bức thư cho một trong « nhiều công chứng an-nam (4) quan-trọng từng sự dưới Chánh-Phủ « Pháp..

« Nội-dung của bức thư như vầy :

« Quản-binh của tôi cầm tôi lại không cho tôi đi lên An-Giang « nhận chức. Tháng trước đây, tôi được lệnh của quan Tòng-Đốc tỉnh « Vĩnh-Long bảo tôi phải nạp khí-giới trong tay các phủ huyện Pháp « nhưng quân của tôi không muốn nạp ; chúng nói rằng không phải « các quan Pháp cấp cho chúng khi trước. Chúng tôi sẽ lia khôi Gò- « Công. Tôi đợi lệnh của các quan ở Vĩnh-Long đến thâu hồi khí « giới. Địa-vị của tôi rất rắc-rối.

Tháng tám, ngày mười hai (5)

---

(1) Sách *Onze-mois...* trang 310, dòng 13 và chúa-nhật 14 tháng 8 năm Nhâm-Tuất.

(2) Sách đã dẫn trên phản-tổng (1) trang 174, dòng 20 tới 23.

(3) 16 tháng 8 trước (năm này nhuần hai tháng tám) năm Nhâm-Tuất. Sách đã dẫn trên phản-tổng (1) trang 185, dòng 24,

---

#### (4) Tôn-Thợ-Tường.

Theo Khuông-Việt trong quyển *Tôn-Thợ-Tường*, trang 40 thì :

« Thủ-sư Đề-Đốc Bonard, thống-lãnh quân-đội Pháp ở Saigon, hết lòng tin cẩn Tôn, ngại không ngần ngại việc cử Tôn đi Gò-Công điều « đình giải-hòa... Lãnh-binh Trương-Định ».

Do đó mà tác-giả định là vị « công-chức An-Nam quan-trọng » đó là Tôn-Thợ-Tường.

Và cứ theo quyển *Tôn-Thợ-Tường* của Nguyễn-Bá-Thế, nhà xuất-bản Tân-Việt, 1957, trang 25, thì bài thơ *Tự thuật* sau đây của Tôn-Thợ-Tường là gởi cho Trương-Định mà dùng theo lối trả-hình để nói ra ý sâu của mình :

*Vườn xuân vắng chúa lâu tin mai  
Hoa cũ ong xưa dẽ ép nài ?  
Lời hẹn đã dành toan kiếp khác  
Tình thương nên mới trồ bẽ ngoài.  
Gió trăng quấn khách e nhiều nỗi  
Định sắt, giọt lòng dẽ mẩy ai !  
Ganh gổ gớm cho con tạo-hoa  
Phanh-phui nên nỗi sắc xa tài.*

Trong bài báo đăng ở tờ tuần-báo *Tân-Văn* số 80, ngày 14-3-1930, Phan-Tứ-Lang nói là Tôn-Thợ-Tường khi trước có hứa giúp Định, về sau Tường thấy việc khởi-dẩy của Định không có thể thủ thắng được, nên Tường viết bài thơ này để đáp lời kêu-gọi của Định và thối-thác khéo. Có chỗ chép bài này để tựa là *Ký tình nhân*.

(5) Chúa nhật ngày 05 tháng 10 năm 1862. Bên âm-lịch, tháng tám này nhuần. Tháng 08 nhầm tháng 09 dương lịch và ngày 12 nhầm ngày 05-9-1862, xét lại thì ngày này không phải, vì lối thượng tuần tháng 11 Bonard có nói với cụ Giản rằng Quán-Định là phiến loạn và sẽ bị xử như thế, từ ngày Định viết thơ này tới ngày Bonard nói như vậy, chưa đầy một tháng có lẽ là trúng hơn.

Khoảng đóng dấu ngoặc đôi dịch trong sách *Les premières années* của Vial, quyển I, trang 184, dòng 17 đến 27 và trang 185, dòng 1 đến 4.

Ngày 16 tháng 8 (1) năm Nhâm-Tuất, nghĩa là bốn ngày sau, lãnh binh Định lại gửi một bức thư thứ nhì cũng cho viên quan ấy lời lẽ như dưới đây :

« Quân của tôi không khứng cho tôi đi. Tôi rất lưỡng-nan. « Quan hãy đợi tôi, tôi sẽ gom góp quân-binhl của tôi và bấy giờ tôi « sẽ quyết-định (2). Tôi không có tham vọng muốn làm lãnh-binhl. Tôi « e dè cho sự giận dỗi của quan phó Đại-Kiêm-Duyệt (3) (Phan-Tan- « Giang), và tôi không hiều hải-quân Thiếu-Tướng có khoan hồng đối « với tôi sau khi tôi về hàng. Đằng khác, nếu tôi không làm theo quân « đội tôi, chúng sẽ giết tôi. Người An-Nam không có ý tưởng chống « binh Pháp bằng vũ-khi. Quan hãy đem các dòng này đề dưới mắt « của Đề-Đốc và yêu cầu ngài hãy đợi tôi nữa. Không chừng tôi sẽ « khuất-phục quân-lính của tôi (4) ».

Quí bạn thường thấy các cường quốc không nhứt-quyết cho các thuộc-quốc độc-lập. Muốn vậy các quốc-gia ấy hay sử-dụng lối thủ đoạn ngoại-giao diên-kỳ (*mancœuvres dilatoires*), thì ở đây Định dùng thủ-doạn đó đối với Pháp.

Lãnh-binhl Định nuôi ý-chí sắt đá là chống Pháp cho đến kỵ cùng, chứ không chịu làm.

« Hàng thần lơ láo »

thì làm gì phải nạp khí-giới và về hàng ?

---

(1) Thứ năm ngày 09 tháng 10 năm 1862.

(2) Là người cương-quyết mà làm tuồng như không quyết-định gì.

(3) Dịch tiếng *vice grand-censeur*. Hồi bấy giờ Phan-Thanh-Giản làm Tông-Đốc Vĩnh-Long. Có lẽ trong bức thư này cũng gọi là Tông-Đốc, nhưng Tông-Đốc-mà dịch *vice grand-censeur* thì ôn chăng? Theo Việt-Nam sử-lược của Lê-Thần, nhà in Vĩnh và Thành, Hà-Nội, 1928, trang 23, dòng 23.

(4) Sách *Les premières années de la Cochinchine* của Vial, Quyển I, trang 185, từ dòng 5 đến 21.

Thời cuộc cưỡng-bách không cho phép làm khác hơn nữa, triều đình Huế mới hạ-lệnh thiêu chuyền lên An-hà nhậm-chức lãnh-binh đê rời xa huyện Tân-Hòa.

Có lẽ là sau đó một thời-gian rất-ngắn, triều-đình Huế thấy Định không nhúc-nhích đi đâu cả nên có hạ-lệnh khác thuyên chuyền Định ra Phú-Yên (1). Định-thần trao lệnh cho cụ Phan đích-thân kiêm Định đê hiều-thị (2).

## ▼ TRƯƠNG ĐỊNH KHÔNG TUẦN LỊNH THUYÊN-CHUYỀN CỦA TRIỀU ĐỊNH HUẾ.

Bài đăng trong *Bulletin des Amis du Vieux-Hué* chỉ rõ điều mà Định không chịu xé-dịch :

### XXXV

#### Cuộc nhóm họp của Đại-Triều.

« Sau khi ký tên vào Hòa-ước, Hoàng-Đế Bệ-Hạ hạ chiếu chỉ định cho các viên-quan ở Lục-Tỉnh Nam-Kỳ định-chỉ các chiến-trận chống Pháp và gọi Trương-Định về tỉnh Phú-Yên. Nhưng nhơn-dân ba tỉnh Gia-Định, Định-Tường và Biên-Hòa phản-đổi kịch-liệt về sự nhường đất ba tỉnh này cho Phú-Lang-Sa (3) và công đồng hội-hợp tuyển lựa Trương-Định làm chỉ-huy (4) và dựng lên Hoàng-Đế một sờ-tấu (5) yêu cầu cho phép tiếp-tục cuộc chiến-tranh chống Phú-Lang-Sa (6) tới kỳ cùng.

---

(1) Có lẽ là lối giữa tháng 09 tới cuối tháng 09 năm Nhâm-Tuất hay là lối 06 tháng 11 đến 21 tháng 11 năm 1862.

(2) *Đại-Nam Chánh-Biên liệt truyện*, tập 2, quyển 38.

(3) và (6) Gọi theo hồi Nhâm-Tuất 1862.

(4) Dịch chữ *chef* ở đây có thể là *Tướng-soái*.

(5) Tiếc rằng sờ-tấu này không còn, hóa ra không tài-liệu thực-tich (*document positif*).

« Triều-Đinh nghĩ rằng chiến-sư Bắc-Kỳ đang diễn-tiễn và hết sức khàn-cấp (1), nên vấn-dề Nam-Kỳ phải triền-lại được có hòa-bình miền ấy. Vậy có lệnh cho Phan-Thanh-Giản hãy bảo Trương-Định hạ vũ-khi và đầu hàng.

« Trương-Định không khứng nghe nhiều lần những lời yêu-cầu, Đinh phải bị bãi các chức và tước (2) ».

Tuy là bãi chức và tước cho người Pháp thấy thành-tâm thật ý của Triều-Đinh Huế, nhưng biết đâu bên trong chẳng cho người đem mật chỉ khuyến-kích cuộc chiến đấu của Đinh. Lê cố nhiên là đất nước Đại-Nam toàn vẹn bảy giờ xén bớt ba tỉnh trong đó có hai tỉnh Biên-Hòa và Gia-Định mồ-mã tồ-tiên bên ngoài các Vua Thiệu Trị và Tự-Đức nắm đầy thì làm gì Tự-Đức không sوت ruột, dân chúng không hoang-mang.

Trong *Bulletin des Amis du Vieux-Huế* có một bài khác đề cập đến Trương-Đinh. Bài ấy như vầy :

---

(1) Lúc này ở đất Bắc, giặc nồi lên như nồi cơm sôi ; Giặc Tạ-văn-Phụng có dưới tay tên Trương, tên Uớc và tên Độ, dấy binh ở đất Quảng-Yên.

· Loạn Nguyễn-văn-Thịnh (tục gọi là cai-tổng Vàng) vây thành Bắc-Ninh.

Giặc Nông và giặc Khách ở tỉnh Thái-Nguyên.

Theo *Việt-Nam sử lược*, của Lê-Thần, nhà in Vĩnh và Thành, 1928, trang 241. và 242.

(2) Dịch *Notes pour servir à l'établissement du protectorat français en Annam* bài thứ 35, *Une réunion du Haut-Conseil*, tác-giả : Lê-Thanh-Cảnh, *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 24ème année, No 4 Octobre - Décembre 1936, trang 187. Chức và tước của Trương-Định có lẽ bị bãi sau ngày 05 tháng 10 năm 1862 (ngày Tôn-Thọ-Tường được bức thư thứ nhì) sắp lên.

## Sự ngoan cỗ của Trương-Định

« Mặc dầu Phan-Thanh-Giản đã ký Hòa-trúc và mặc dầu mạng-linh minh-xác của Hoàng-Đế Bệ-Hạ, Trương-Định tiếp-tục chống Pháp đến kỳ cùng. Định mờ chí-nguyễn quân trong Lục-Tỉnh để đánh lại nhà chúa-trách Pháp. Mặc dầu có lời khuyến-cáo nhiều lần của Phan-Thanh-Giản, Định cũng ngoan-cỗ. Hải-quân Thiếu-Tướng Pháp đã nhiều phen dắt Định lên đường hòa-giải. Định không muốn nghe, thề rằng ưng sống dưới ách người Pháp. Phan-Thanh-Giản phải dừng só tầu với Hoàng-Đế xin bảo Trương-Định hạ võ khí.

« Bấy giờ Hoàng-Đế mới phán với Triều-thần rằng : Dầu dùng cách gì cũng không thể bảo người cuồng trở lại lý lẽ. Và lại, Sự ngoan-cỗ của Trương-Định biếu-lộ một trạng-thái tinh-thần mà Triều-Định có thể lợi dụng để khôi phục Vương-quốc » (1).

Có lẽ là sau lời phán này và rõ tinh-hình trong Nam qua các mệt só, nên vua Tự-Đức hạ lệnh cho thị-vệ Thi đem một tấm huy chương bằng vàng cho Định (2).

Trương-Định trí các súng trên các rạch đi vô trong sông rạch đi vô trong nội-địa huyện Tân-Hòa, tấn-công các tàu Pháp đi trên sông rạch gần đó (3).

(1) Dịch *Notes pour servir à l'établissement du protectorat français en Annam* bài thứ 37 *L'enlèvement de Truong-Định*, tác-giả: Lê-Thanh-Cảnh, *B.A.V.H.*, 24ème année, No 4 Octobre-Décembre 1937, trang 390-391.

(2) Sách *Les premières années de la Cochinchine* quyển II, 1874, trang 261, dòng 18, 19 và 20. Biết đâu Tự-Đức lại chẳng phong chức « Bình-Tây-Sát Tả Đại-Tướng » trong lúc kèm theo tấm huy-chương ấy.

(3) Có lẽ là thắng các trận nhỏ như ở Cửa-Khâu, Trại Cá, nhưng hiềm vì sứ Pháp không nói rõ, còn sứ Việt biết đâu mà tìm, duy có coi bài *Văn-té Phó Quản-Cơ Trương-Định* đăng ở sau.

Trong hàng ngũ Pháp-quân xâm-chiếm thuộc-địa có Trung-Ủy chiến-hạm Guys, hồi chưa đồ bộ ở chiến-hạm Rhin (1), năm 1861 ở Tây-Ninh; Guys sành tâm-lý người Việt. Guys hợp cùng Huỳnh-công-Tấn (2) ở trên chiếc l'Alarme theo dõi những hành-động của Định trong nhiều tháng dưới sự nhả đạn liên-miên của đại-bác của Định khiến cho chết mất vài người (3).

« Một buổi sáng các thủy-thủ dưới pháo-hạm l'Alarme bắt gặp trên « chót một cây sào cắm trên bờ sông một bức thư của Quản Định gởi « cho hải-quân Thiếu-Tướng, đại-de trong ấy nói rằng : Trào-Dịnh Huế « không nhìn nhận chúng ta, nhưng chúng ta cứ bảo-vệ Tồ-Quốc của chúng « ta ; Hoàng-Đế (5) gọi chúng ta là phiến-loạn, nhưng bên sâu Hoàng-Đế (6) « khen thầm sự trung-hậu của chúng ta ; và tới ngày thắng trận, Hoàng- « Đế (7) sẽ không những xóa lỗi mà thăng-thưởng chúng ta nữa. Các « người có dũng-lực, nhưng ít người ; mỗi ngày vài người lính của các « người ngã quy dưới sự phục-kích của chúng ta ; bình rét cũng ở một bên « ta đe chiến-đấu chống các người và nó bù lại sự khiêm-khuyết võ-khi « của chúng ta. Chúng ta ở xú ta, chúng ta được lợi hơn các người ; « chúng ta vẫn đợi chờ và người An-Nam kiên nhẫn lắm. Hãy từ bỏ một « cuộc xâm-chiếm không thể được, hãy qui-hoàn đất đai lại cho ta và lúc « bấy giờ chúng ta rất hân-hạnh tiếp rước các người Pháp như bằng-hữu « của chúng ta vậy ».

Paul Emile

Bản sao lục : A. Noirot

Dưới bức thư ký-giả có phát-biểu cảm-tưởng như vầy :

« Ấy rành rẽ là những ngôn-ngữ cao-thượng, đáng gọi sự chú-ý của chúng ta.

---

(1) Theo sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* của De la Barrière, trang 262.

(2) Theo sách *Les premières années de la Cochinchine*, quyển I, trang 319, dòng 27.

(3) Sách đã dẫn trên chú giải (2) trang 186, dòng 14 tới 16.

(4) Bức thư này có lẽ từ lối 06 tháng 10 năm 1862 sắp đi.

(5), (6) và (7) Hoàng-Đế Đại-Nam.

Rồi lại hối tiếc :

« Nhưng ta không lẽ thối lui trước một doanh - nghiệp minh - mông như vậy, khi người ta đồ ra bao nhiêu vàng và bao nhiêu máu ? ».

Và viện lẽ thêm :

« Chúng ta phải trả lại cho Vua ở Huế những người An-Nam đã về bên phe chúng ta ? Vậy chúng ta phải bỏ những người ấy cũng như ta đã bỏ những người Thát-dát ở bên Crimée » (1).

---

(1) Theo sử Pháp, trong *Vấn-dề Cận-dông* của nước Pháp, nước Anh, xứ Piémont và Thổ-Nhĩ-Kỳ chống Nga ở tại Crimée từ năm 1854 tới 1856.

Bức thư và cảm-tưởng đều dịch theo bài *La France en Cochinchine III* tập-chí *Revue du Monde colonial, asiatique et américain*, organe politique des deux mondes, publié sous la direction de M. A. Noirot, 6ème année, 2ème série, No 4, Tome XIème, Avril 1864, Paris, 3 rue Christine, trang 396 và 397.

Chúng ta đừng hình-thức lý-luận : Nước Pháp (hoặc các cường-quốc khác) đã văn-minh sao còn đi xâm-lăng thuộc-địa, ý mạnh hiếp yếu mà chúng ta phải xem bài toán-đố thuộc-địa là cưỡng-bách tồn-tại vì các cường-quốc duyên-hải Tây-Âu như Anh, Pháp, Tây-Ban-Nha, Bồ-Đào-Nha, Hòa-Lan, lúc bấy giờ, phát-triển hơn các dân-tộc khác trên thế-giới ; nếu quốc-gia này có thuộc địa, quốc-gia nọ không có thì không thể được, bởi vậy nên họ đang tranh nhau đi tìm. Pháp không đè chon đến xứ Việt, thì có Tây-Ban-Nha hay Anh hoặc Hòa-Lan. Ngay như ông khồng-lồ Trung-Hoa còn phải bị xén. Có thuộc-địa đem về cho quốc-gia mình phải hạ thấp nhân-phẩm của dân thuộc-quốc vì không ai trọng-vọng dân mất chủ-quyền và cả dân thượng-quốc vì mình đã gọi văn-minh, tự-do mà còn đi ăn bám vào dân-tộc hèn yếu, đè đầu cõi cõi nhược-tiểu dân-tộc, còn chỉ bảo điều hay thi hiếm. Hồi bấy giờ, dân-tộc Việt-Nam ở trong trạng-thái yếu ớt, thế nên phải chịu định-luat là « cá bé bị cá lớn nuốt », đầu có hùng-biện đến đâu, phản-đối gì cũng không được.

Khốn nạn và nguy hại thay cho các nhược-tiểu quốc-gia !

Ở Khánh-Thuận (1), Tông-Đốc (2) Lâm-Duy-Hiệp yêu-cầu trả thành Vĩnh-Long; Bonard đáp nếu Định chưa nạp khí-giới đầu hàng, Pháp-quân sẽ còn giữ thành Vĩnh-Long.

Giục-giặc bên ngoài, bên trong binh viễn-chinh Pháp có ít, không đủ sức đe tấn-công nghĩa-quân.

Bonard một mặt tư thơ qua cù điềm Pháp ở Trung-Hoa yêu-cầu bên ấy trợ quân-lực, một mặt tin về Pháp xin viện-binh (3).

Lời kêu gọi của Bonard có kết-quả mỹ mãn.

*Hải-quân Đại-Tướng Jaurès, tức thời từ thành Thượng-Hải sang thành Ma-Ní với tàu chiến của sư-đoàn, viên toàn-quyền ở Ma-Ní cho tám trăm người lính bắn-thở xuống tàu, và Jaurès chỉ mũi ngay bến Saigon. Lính đồng ở Thượng-Hải đều là người An-gé-ri* (4).

Đầu thượng-tuần tháng mười một (5) Bonard có gửi thơ cho cụ Giản tuyên-bố rằng Trương-Định là một tên phiến-loạn và sẽ bị đổi xở như thế; song le Bonard chịu đựng chung với cụ một bản tuyên-nghôn nhủ các người nội-loạn ra đầu hàng (6).

---

(1) Khánh-Hòa, Bình-Thuận nhập lại.

Sách *Việt-Nam sử lược* của Lê-Thần, quyển II, Hà-nội, 1928, trang 233, dòng 24, Vial gọi Bình-tuân là lầm (Vial, quyển 1, trang 190, dòng 9).

(2) Tuần-phủ thay vì Tông-Đốc, theo *Việt-Nam Sử-Lược* đã dẫn trên cũng trang ấy dòng ấy.

(3) Sách *Les premières années...* » trang 191, dòng 26 và 27. Hồi 24 février 1861, ở trận Ki-Hoa, Pháp và Tây-Ban-Nha gồm tất cả tám ngàn người (theo *Histoire de l'Expédition de Cochinchine* của Pallu trang 88), tới cuối năm 1862 thì chắc-không còn bao nhiêu, vì hồi hương hết đệ-nhị lực-quân và đệ-nhị đại-đội của 101 chiến-tuyến, rồi vừa chết vừa bịnh, phe-binh, và lính này chưa thay đổi được vì không có lính đe thay đổi.

(4) Sách *Les premières années de Cochinchine* của Vial, quyển 1, trang 192, dòng 23 tới 27 và trang 202, dòng 1 tới dòng 6.

(5) Lối 10 tháng 09 năm Nhâm-Tuất.

(6) Sách *Les premières années de Cochinchine* quyển 1, trang 191, dòng 12 tới 16.

Cũng lúc ấy bên biên-giới Đông của tỉnh Biên-Hòa, một viên cai-tông nòi lên đánh phá các làng rồi rút lui để kéo dài trận-tuyến Việt.

Ngày 02 tháng chạp triều đình Huế đề nghị với Pháp có thè sai người đến Phan-Rí lấy tiền bồi khoản trong nửa năm đầu là hai trăm ngàn bạc.

Đầu thượng-tuần tháng chạp 1862 (1), Bonard muốn qui hoàn Vĩnh-Long lại cho Nam-trào (2).

Thinh-linh, một viên quan hạ-cấp đem một bức công-hàm ở Huế đề ngày 02 tháng 11 (3) và đến Saigon ngày 12 tháng chạp (4). Trao bức ấy rồi, viên quan kia (5) đi liền không đợi phúc đáp.

*Triều-thần của Vua đồng yêu-cầu rành mạch sự canh-cái đến tận gốc hòa-nhúc và hủy bỏ điều-n-khoản đã nhượng lại cho Pháp-quốc các tỉnh Saigon, Mỹ-Tho và Biên-Hòa (6).*

*Bức công hàm ngày 18 tháng chạp (7) khiến Phan-Thanh-Giản viết*

---

( ) Lối 10 tháng mười năm Nhâm-Tuất.

(2) Tác-giả rất nghi ngờ thiện-chí của Bonard, vì Định còn ở Gò-Công Bonard còn kêu viện-binhh ở Thượng-Hải và ở Ma-Ní quyết tiêu-diệt nghĩa quân và có lẽ nếu có thè viễn-xâm luôn. Đây, chắc là một đòn chánh-trị để ru ngủ bên Nam-trào.

(3) Chúa nhật 11 tháng 09 năm Nhâm-Tuất. Sao có việc rất lạ là công-hàm của Nam-trào mà đề ngày dương-lịch, lẽ thi đề ngày âm-lịch và muôn rõ thi Vial chua ngày dương-lịch thêm.

(4) Thứ sáu 21 tháng mười năm Nhâm-Tuất.

(5) Sao không nhờ cụ Giản trao lại cho Bonard mà đề viên quan hạ-cấp ? Rất tiếc là Vial không cho ấn-hành bức công-hàm có giá trị lịch-sử này.

(6) Sách *Les premières années de la Cochinchine*, quyển 1, trang 193, dòng 26-27 và trang 194 dòng 1-2.

(7) Sách *Les premières années de la Cochinchine*, trang 193, dòng 24 đề 12 tháng chạp 1862 nhằm thứ sáu tháng 10 năm Nhâm-Tuất, còn ở tạp-chí *Revue de monde colonial...* trên đây, ở trang 394 lại đề 18-12-1862 nhằm thứ năm 27 tháng 10 năm Nhâm-Tuất. Lúc này mà trích đi một hai ngày cũng có thè xảy ra việc khác.

cho hải-quân Trung-Tướng một bức thư (1). Bức công-hàm của viên quan ở Huế không có giá-trị.

1.— Bởi vì nó không có đi qua tay cụ là toàn-quyền phái-viên được Hoàng-Đế (2) ủy-nhiệm để giao-thiệp với người Phú-Lang-Sa;

2.— Bởi vì nó là công-hàm của các quan thương-thor không có dấu-hiệu ứng-thuận của Hoàng-Đế (3).

Từ ấy, vị toàn quyền đại diện không ngưng đề-cập đến việc hòa-bình; nếu hòa-bình vi-phạm tôi sẽ đến với người Phú-Lang-Sa, lời cụ Phan nói với một giáo-sĩ; nếu hòa-bình bị vi-phạm, tôi bắt-động trong nhà tôi, quân lính của tôi cũng như tôi, rồi người ta bắt tôi và thát cổ tôi, cụ Phan tuyên-bố lần khác với giáo-sĩ ấy. Phan-Thanh-Giản mới mọc luôn luôn các sĩ-quan ở trong thành (4) dù tiệc với cụ và các mối tình báu bạn đi đến chõ hèn hạ (5). Đáng khóc, Quản Định ít bằng lòng cho cờ-chi của Phan-Thanh-Giản trong những truwng-hop trên, hăm-dọa sẽ đốt làng của cụ Phan ở và cắt đầu của cụ. Toàn-quyền đại-diện

---

(1) Tiếc vì không thấy lời lẽ trong bức thư ấy. Hồi tôi coi sách của Paulin Vial tôi đã có thăm ý nghĩ như tôi nói ở chủ giải (5). Sau tôi xem *Revue du monde colonial...* mới thấy cụ Giản có gởi bức thư phản-đối bức công-hàm ở Huế, nhưng chỉ thấy ở đây nói lại mà thôi, nội-dung của bức thư không có trước mắt tôi.

(2) và (3) Hoàng-Đế Đại-Nam, hồi bấy giờ có Hoàng-Đế người Pháp Napoléon III ngự-trị từ năm 1852 tới 1870.

(4) Thành Vĩnh-Long.

(5) Dịch tiếng *jusqu'à la bassesse*. Không biết hèn-hạ chõ nào? Bởi nào và lúc nào cũng có lớp người viết không đúng sự thật. Người ta gọi là *hạng học giả giả*.

*lợi-dụng tình-thể ấy yêu-cầu và được chuẩn-y một đội vệ-binh Pháp, để  
cho thấy rõ nhiệt-tâm của cụ (1) ».*

## ▼ TRƯƠNG ĐỊNH LY KHAI TRIỀU ĐÌNH VÀ THOÁT KHỎI TRẬN TẤN CÔNG QUI MÔ CỦA ĐỊCH.

Tới đầu tháng hai (2) 1863, Định công-khai tuyên-bố không dính  
liu với Nam-Triều nữa và viết một bức thơ cho các quan Việt ở Vĩnh-  
Long. Nội-dung như vầy :

*Muốn trở lại y như thuở xưa, dân-chúng ba tỉnh yêu-cầu chúng tôi  
đứng đầu khởi-nghĩa. Vậy chúng tôi không thể hành-động gì khác hơn hành-động  
bấy giờ. Bởi vậy, chúng tôi chán bị chiến đấu, và hưng Ông cũng như  
hưng Tây chúng tôi chống đối và chiến đấu, chúng tôi sẽ đánh ngã bọn giặc cướp.  
Nếu các quan đắc-cấp đến sự duy-trì các mối bang-giao với giặc cướp, chúng tôi  
chống lính Nam-Trào, và chắc-chắn là sẽ không có hưu-chiến, hay hòa-bình đối  
các quan, và như thế các quan sẽ đừng lấy làm ngạc-nhiên (3).*

Vì không bằng chứng đích-xác, nhưng trực-giác cho chúng tôi biết  
rằng Trương-Định mưu áp-dụng kế ly-khai với các quan ba tỉnh miền

---

(1) Một người dám hy-sanh suốt cả đời để phụng-sự quốc-dân mà  
không có chút can đảm ư? Nếu cụ không can-dảm làm sao có vụ cụ tự  
tử xảy ra khi Vĩnh-Long-Thành mất vĩnh-viễn ngày 20 tháng 6 năm 1867.

Luro và Rieunier là hai người Pháp biết cụ bằng xương, bằng thịt  
còn đại - ngôn khen cử - chỉ cá - nhon cụ và sự trung - thành của cụ  
đối với Tổ-Quốc Việt-Nam. Vì ở đây chưa át nói ròng chuyện cụ Phan,  
nên xin tạm gác lại, chờ dịp khác.

Từ « Bức công hàm... » tới « nhiệt-tâm của cụ » là trích dịch bài *La France en Cochinchine*, tạp-chí *Revue du Monde colonial, asiatique et américain*, organe politique des deux mondes, publié sous la direction de M.A. Noiroit, 6ème année, 2ème série, No 4, Tome XI ème — Avril 1864 Paris, 3 rue Christine, trang 394 và 395.

(2) 14 tháng chạp năm Nhâm-Tuất.

(3) Dịch trong sách *Les premières années de la Cochinchine* trang 216, dòng 21 tới 27 và trang 217 dòng 1 tới 5.

Tây, đè rước tất cả trách-nhiệm về Định. Nếu chẳng may, Định có sa lorio của Pháp, trào-dìn Huế khỏi lôi-thôi đối với Pháp.

Khởi đầu tháng hai 1863, hải-quân Đại-Tướng Jaurès (1) đồ bộ lên Saigon với tất cả lực-lượng mà người có dưới tay, là một phần đại-đội binh Al-gé-ri đã ở Thượng-Hải và một đại-đội lính bồn-thồ Phi-Luật-Tân của Chánh-Phủ Ma-Ní cho mượn, như chúng ta đã thấy trước.

Ở Vành Rạch-Lá, trên sông Đại-Vành-Cô, tàu vận-tống *L'Européen* biến thành duong-duong, trung-tâm-diểm tiếp-tế lương-nhu, vō-khí và trứ than. Ké bên chiếc *L'Alarme* đậu ở rạch Gò-Công, binh Pháp cắt trên bờ một pháo-dài án-ngũ chõ ấy. Ở Đồng-Sơn, Tây-Bắc Gò-Công, Pháp-quân tấn-công rất gắt gao trước mặt và trái những pháo-dài đáp lên do quân nổi-loạn (2); cuộc vận-chuyển mau do Đại-Tá Biétri với lính Al-gé-ri quyết định lệ sự thành-công trong lượt ấy; bên Đông, hải-phòng-hạm Tây-Ban-Nha « Circé » bao vây và chiếm ngõ ra ở Lang-lop (3) trên sông Soi-Rap; hướng Tây và hướng Bắc người ta giữ. địch-quân do đồn Chợ-Gạo và những toán lính ở Mý-Tho dưới sự chỉ-huy của Đại-Tá d'Ariès (4), Vergnes (5) giữ Rạch-Giá (6) và Gongeard

---

(1) Hồi tháng ba 1860, trên soái-hạm *Impératrice Eugénie*, có hải-quân Trung-Tướng Charner tổng chỉ-huy; Laffon de Ladébat, Đại-Úy chiến-hạm; Le Couriault du Quilio, Đại-Úy chiến-hạm phó quan thư nhứt; Jaurès Trung-Úy chiến-hạm phó-quan thứ nhì. Theo sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* của Léopold Pallu de la Barrière, trang 249.

(2) Giọng văn của kẻ xâm-chiédm.

(3) Không biết chắc địa-diểm ở chõ nào, nhưng trên địa-dồ hành-chánh Nam-Phần thấy có một rạch nhỏ từ Gò-Công chảy ra Soi-Rap mà gọi là Rạch Cam-Lộc. Không biết cửa rạch ấy phải là Lang-lop chăng?

(4) D'Ariès, Đại-Úy chỉ-huy chiến-hạm « Le Primauguet », hồi năm 1861 *Histoire de l'Expédition de Cochinchine* trang 253.

(5) Trong sách *Histoire de l'Expédition...* của Pallu trang 207 và trong tạp-chí *Revue de monde colonial...* trang 180 tên Vergnes viết không có s.

Trong sách trên Vergne là Trung-Úy chiến-hạm, phụ-tá chỉ-huy-trưởng Desvaux hồi năm 1861.

Chắc là một người chờ không ai lạ mà Vial viết thêm s.

(6) Không biết vị-trí đích-xác nhưng phải là chi-lưu bên trái của sông Cửa Tiêu.

(1) giữ Vinh-toi (2).

« Guys, chỉ-huy chiếc L'Alarme, phải đi vô sâu trong rạch (3) và trợ giúp cuộc điều-động lực-quân chủ-yếu của Đại-Tướng Chaumont và Đại-Tá Palanca.

Những công việc to-tát được chuẩn-bị để qua bưng biển và ruộng rãy hay là để đi ngang qua sông rạch; ba chục chiếc thuyền bọc sắt ở mũi chờ được mỗi chiếc sáu tên lực-quân hay là sáu người trở lên khiêng tay theo bô-binh và trong vài phút đồng-hồ biến thành cây cầu phao chắc-chắn trước mặt địch quân nào rất quả-quyết.



Ảnh một chiếc xuồng [đôi] của Pháp-quân trong mười lăm chiếc như vậy trong trận đại-tấn-công vào Gò-Công những ngày 25 và 26 tháng hai năm 1863 (mồng tám và mồng chín tháng giêng năm Qui-Hợi).

(1) ?

(2) Tên này nay không thấy trên bản-đồ, nhưng phải ở ven bờ mé trái sông Cửa Tiểu và có lẽ là Vĩnh-Thới thay vì Vinh-toi (mé trái sông Cửa Tiểu có làng Vĩnh-Viễn, Vĩnh-Hựu có lẽ vị-trí Vĩnh-Thới cũng ở lối đó).

Trên địa-đồ sách *Onze mois...* của De Grammont tôi ngó thấy có Vinh-loi (Vĩnh-Lợi), không biết phải Vĩnh-Lợi và Vĩnh-Thới là một hay là hai địa-điểm khác nhau.

(3) Rạch Gò-Công.

Qui đọc-giả thấy :

Ở bình-diện thứ nhứt các người lính Pháp đang vịn theo bờ xuồng đê đầy xuồng đi ;

Ở bình-diện thứ nhì một tấm thớt bằng gỗ nối liền hai chiếc xuồng và bốn người lính ngồi, hai cây dựng lên bên trong, mỗi chiếc xuồng, chắc là đê chống xuồng đi khi gặp nước sâu ?

Ở bình-diện thứ ba, cái giá gỗ có súng đại-bác trí ở giữa, hai bên là hai cái mộc bằng sắt đê bảo vệ cho lính ngồi trên xuồng. Bốn chiếc đài hoặc nhiều hơn, đê khít sau sẽ kết thành một cầu phao chắc chắn lắm.

Ở bình diện chót là cảnh trí bưng-biền nhiệt-đới, nước minh-mông, vài chòm lau sậy, thủy-liễu hoặc tràm.

Tuy tấn công bằng xuồng như thế, và nhiều pháo-hạm khác, nhưng Trương-Định lọt lưới rất dễ dàng.— Ảnh trong sách Taboulet, trang ở giữa 470 và 471.

Sau hậu-tuyến, thông-báo hạm Forbin án-núi tại Đại-Vành-Cô ở vịnh Rạch-Lá với thuyền và một tàu Lorch ; chiếc l'Avalanche, chiếc la Dragonne và pháo-hạm 31 (1) phong-tổa chi-lưu Bắc của Cambodge (2) ; chiếc Cosmao, pháo-hạm số 20 (3), tàu chiến Lorch Saint-Joseph với mười lăm chiếc ghe vây hãm mặt Tây.

Ngày 25 (4) lúc tám giờ tối, biết chắc là người nào ở chỗ này, ở dưới tàu Ondine, Bonard ra dấu-hiệu báo sáng sớm tấn-công. Sáng mỗi người điều động quân. Địch-bin, khùng-khiếp, bắn vài loạt trọng-pháo và trốn lánh từ phuơng bờ lại những cỗ đại-bác, súng tay và cối đồng-phục. Chúng ta có ít người chết hay bị thương, nhưng nhiều binh-nhơn vì bị cưỡng-bách lội bưng dưới trời nắng thiêu.

---

(1) Hồi 1861, theo hải-quân Trung-Tướng Charner, tất cả 13 chiếc pháo hạm có số như sau : 12, 13, 15, 16, 18, 19, 22, 24, 25, 27, 29, 30 và 31, (Pallu).

(2) Tức là sông Mekong, ở đây là Cửa Tiều.

(3) Chắc là mời tới trợ giúp.

(4) Thứ tư mồng tám tháng giêng năm Qui-Hợi.

Sáng sớm, ngày 26, Đại-Tướng Chaumont, chỉ-huy một đội-quân xuống hướng Nam huyện Tân-Hòa kết-thúc cuộc hành-quân, chiếm cứ lũy chót của loạn-quân ở Trai-Cá (1) (chi-tiết bản phúc-trình của hải-quân Trung-Tướng Bonard để ngày hai tháng ba năm 1863 (2).

Bonard xua binh hùng tướng mạnh cướp được đất Gò-Công. Theo sở-kiến thì thay vì thắng trận 26 tháng hai 1863, Bonard thua to trận này.

Tại sao ?

Cuộc hành quân ấy tốn-phí không ít, phải huy-động tất cả lực lượng đạo-quân viễn-chinh, cả đồn lính bên Thượng-Hải và binh Ma-Ní, chuẩn bị non tháng, bố-trí hết sức chặt-chẽ, phong-tỏa không sót chỗ nào, song kết-quả Định, một tướng không từ trường đại-học nào ra, thoát khỏi rọ, có lẽ cười thầm Bonard cùng các Đại-Tá, Trung-Tá v.v.. Theo Paulin-Vial thì Trương-Định *hình như* được một ánh-hường lớn lao thêm sau khi Gò-Công thất-thủ (3). Theo tôi thì không phải là «hình như» mà thật sự như vậy.

---

(1) Trong địa-đồ sách *Onze-mois de sous-préfecture...* tôi thấy có tên Trai-Co (chắc là Trai Cá) kế bên có vẽ hình tam-giác và hình này để chỉ đồn hoặc lũy đã bỏ. Có lẽ là lũy này đã được Định cho người giữ, và ngày 26-2-1863 đã bỏ.

(2) Thứ năm 13 tháng giêng năm Quý-Hợi.

Dịch sách *Les premières années de Cochinchine* của Paulin Vial quyển I, trang 202 và 203.

Đọc-giả thấy Pháp-quân nhiều tàu ghe, nhiều binh-tướng và một thời-hạn ít nhứt là 20 ngày mới tấn-công Gò-Công, thì bên Việt, Định một tướng soái không phải dở vậy, hiềm vì vũ khí không đầy đủ, tầm súng bắn ngắn hơn súng Pháp (a), nên cứ giữ thế thủ mà không tấn-công đại qui mô được.

(a) Hình như hồi 1830, nghĩa là trước khi vũ-kí của Pháp thay đổi có một người độc-chiếm mua tất cả vũ-kí bị sa thải ra rồi đem bán lại cho người Việt; anh ấy không ngờ rằng chúng ta (Người Pháp) lại thấy súng của ta bắn lại ta). Theo *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19ème année No 1 Janv.— Mars 1932, trang 76.

(3) Theo sách *Les premières années de la Cochinchine* quyển I, trang 215 dòng 27 và 216 dòng 1.

Ngày 12 tháng 03 năm 1863 (1), theo Lucien de Grammont, khi tái-kiếm Gò-Công, Bonard có xuống một chầu-trì trong đó, một phần, Bonard ra những điều-kiện cùngh-bách các quan Việt phải theo nếu muốn hưởng sự khoan hồng (De Grammont không nói rõ những gì). Phần khác, Bonard bắt buộc dân-chúng Gò-Công phải chịu những điều-kiện sau đây, và chầu-trì ấy cũng áp-dụng vào các huyện khác trong ba tỉnh Pháp chiếm :

- 1) Những người đkug đầu đkug thợ tùng-hình (2) theo luật lệ Nam-Trào.
- 2) Tịch thuỷ tất cả tài sản thuỷ tùng-sổ thuế má năm 1862 làm một lần.
- 3) Giao nộp tất cả các loại vō-kht.
- 4) Bắt dân-chúng phải khô-dich làm đường sá và hủy hoại các đồn lũy.
- 5) Bồi thường chiến-tranh thật nặng nề đối với Huê-kiều trú ngũ trong huyện (3).

#### ▼ SỰ HY-SINH CAO CẢ CỦA HAI VỊ ANH HÙNG KHÔNG TÊN TUỔI.

Trong thời-gian 24, 25 và 26, Vergne ở Rạch-Giá có bắt được hai anh em người Việt, buộc phải chỉ chỗ trú của những lãnh-tụ nghĩa-quân. Hai người này chịu đkug đòi mạng sống của mình, song rồi đánh lạc lính Pháp. Chiều về, Vergne truyền xử bắn như lời giao trước, hai vị anh hùng không tên tuổi ấy can đảm bước đi đến chỗ chết. Dưới đây là lời tường thuật của hải-quân Thiếu-Tướng Réveillère (không biết hồi bấy giờ Réveillère làm chức gì ?)

Lòng ái-quốc của người An-Nam (4)

---

(1) Thứ năm 23 tháng giêng năm Qui-Hợi.

(2) Lúc nào câu nói của La Fontaine cũng hợp thời : Lý lẽ của kẻ mạnh luôn luôn được xem là đúng nhứt.

(3) Huê-kiều tiếp-tế cho nghĩa-quân.

Dịch theo sách *Onze mois de sous-préfecture...* trang 318, dòng 5 đến dòng 19.

(4) Dịch hai tiếng *Patriotisme annamite*.

Lấy sự công-bình mà nói chúng ta (1) quí-trọng một người bởi giá trị tinh thần nhiều hơn những kiến-thức, thì chúng ta phải hạ thấp xuống tánh tự-đại tự-cao của chúng ta đối với người Viễn-Đông, những người này biết chết lầm vậy.

Năm 1862 (2), chúng tôi được lệnh xuống Rạch-Giá (3) để tiêu trừ một cuộc nổi loạn (4). Thiếu-Tá V... (5) sai hải quân Trung-Úy de M... chặn đường về của quân dấy loạn (6) sau lúc bại trận.

---

(1) Người Pháp.

(2) Theo sự nhận xét của tôi thì là lối hạ tuần tháng hai năm Quý-Hợi 1863. Mỹ-Tho thất thủ ngày 14-4-1861.

Cuộc chiếm-cứ Mỹ-Tho đem lại hậu-quả là phải chiếm luôn các xứ ở giữa chúa-thành ấy, sông Tiền-Giang và sông Soi-Rap : người ta thiết lập liền tay những đồn lính Pháp ở Gia-Thành (quận Tân-An), ở Chợ-Gạo và ở Gò-Công (sách *Les premières années de Cochinchine* của Paulin-Vial, trang 114 dòng 5 tới 8).

Như vậy Gò-Công thất-thủ 15 đến 20-4-1861 là cùng. Từ ngày ấy tới 21-6-1861 không có gì lạ ở Gò-Công. Kịp đến 22-6 thì có trận đánh ban ngày giữa nghĩa-quân Gò-Công và Pháp. Nghĩa-quân thất-bại. Rồi không nghe nói đến Gò-Công nữa có lẽ là có những trận mai-phục lừa-thura làm mệt lính Pháp. Từ 1 đến 14-12-1861 lại nghĩa-quân công-kích Gò-Công (sách *Abrégé de l'Histoire d'Annam*, trang 224), ngày 22-1-1862 một bọn ở Gò-Công công-kích rạch Cà-Hòn. ngày sau Rạch Gầm sách *Abrégé de l'Histoire d'Annam* (trang 232), toàn người Pháp ở thế-thủ. Kịp đến 1-3-1862 các đồn lẻ-tẻ của Pháp ở Gò-Công, Chợ-Gạo, Gia-Thạnh, Cái-Bè đều bị rút quân (P. Vial trang 141).

Đầu tháng hai 1863 quân Pháp tính bao vây Gò-Công. Trong các người Pháp có Thiếu-Tá Vergne ở Rạch-Giá (P. Vial trang 202). Tên này tương xứng với tên V... trên bài.

Vậy thì lối hạ tuần tháng 2 năm 1863 là phải. nhưng sao có lầm vậy ; theo sở-khiến thì bài này ấn-hành sau cuộc truy-kích lâu lầm nên mới làm về năm, còn bản tuyên-ngôn thì có chép đề lại nên còn nhớ rành mạch.

(3) Nay không biết là rạch nào, nhưng phải là một chi-lưu phía tả của sông Cửu Tiều.

(4) Nghĩa-quân theo Việt, còn Pháp kêu nổi loạn.

(5) Thiếu-Tá Vergne như trên chú thích (3).

(6) Nghĩa quân.

Khi mặt trời lặn, chúng tôi thấy Đe M... về, theo sau một toán lính mệt nhè, mìn mày dính bùn sinh. Sự vắng mặt của tù-binh một phần, các mặt chán nản phần khác cho chúng tôi biết sự thất-bại của cuộc chinh-tiểu lúc vừa liếc mắt qua. Những người dân đường, đầu cúi xuống, tay trói lại, tiến giữa bốn người lính mang súng. Mìn mày gần trần truồng, mang vết đòn.

Đe M... tiến hẳn đến Thiếu-tá V... và nói hơi luống cuống :

— Thưa Thiếu-Tá, từ sáng sớm đến giờ, những hướng-đạo đãt chúng tôi lội sinh tử rún, nhưng chúng tôi chẳng thấy một tên phiến-loạn nào hết.

— Anh muốn gì nữa!... Đó không phải là lỗi nơi anh.

Anh bảo lính đi ăn cơm... Đáng tiếc thật, chúng ta búa lười hụt, nếu trúng đíchắt có cá to.

V... kêu người thông-dịch tên Paulus, đàm-thoại một chút, rồi ngồi trước (1) một cái bàn nhỏ dưới mái (2) lá, rồi bảo dẫn hai người An-Nam ấy tới.

Đấy là hai anh em ruột: sự giống-tạc chỉ rõ. Duy có người anh đáp những câu hỏi của Thiếu-Tá.

— Chúng bây biết vị-trí như chúng bây đã thú thiệt.

— Chúng tôi đã rõ vậy.

— Ta đã giải-thích hết sức ti-mì, nơi nào và cách nào đè dắt dân lính của ta. Bây tỏ bày đã hiểu hết.

— Chúng tôi hiểu rõ.

— Ta có nói như vậy: « Nếu bây dẫn lính ta trúng đường đi, ta cho chúng bây an-toàn, nếu bây dẫn lạc, bây sẽ bị bắn? ».

---

(1) Dịch tiếng *devant*, đáng lý ra là sau mới phải.

(2) *Ajoupa*: chòi của người dã-man, người da đen, ở đây cái mái lá đè che nắng.

— Ông có hứa vậy.

— Bây giờ ý dẫn lính của ta lạc lối trong bưng.

Hai thiếu niên làm thinh.

— Trước khi đi, ta đã nói rằng chúng bây sẽ bị bắn nếu chúng bây sẽ là hướng-dạo bắt trung-thành ? Trả lời đi...

— Ông có cho hay như vậy, người anh cả đáp lời sau khi do-dự một chút.

— Vậy bây chịu bị bắn ?

— Chúng tôi sẵn lòng.

Thản-nhiên, người Nam-kỳ đáp lời với sự nhẫn-nại phương Đông.

Thấy cuộc thầm văn chấm dứt, hai người An-Nam chào.

V... bảo một viên cai lính, người Al-gê-ri.

— Kêu bốn người lính, và bắn hai tù-binh ấy sau trại.

Viên cai ra dấu cho hai người An-Nam : hai người này theo sau, một loạt súng nổ rập báo cho biết là xử bắn rồi.

Day qua chúng tôi, gương mặt đỏ rần, thiếu-tá nói :

— Đấy là những người hùng... xứ Hy-lạp có thể lập tượng hình cho các người ấy... còn tôi, tôi phải xử tử chúng.

Theo nguyên-tắc thì V... chẳng thương xót ai, nhưng bầm tách người không tàn-nhẫn ; sau một lúc im lặng, dường như đê vuốt-ve lương-tâm, ông ta lặp lại định-thức thích nhất của Ông :

— Chiến-tranh là chiến-tranh... Nó càng tàn bạo, càng mau kết-liễu có lợi cho người thắng cũng như kẻ bại.

Sáng sớm ngày sau, đứng nơi pháo-hạm, chúng tôi thấy xa-xa, một tấm ván đóng dính vào một cây sống ở trên bờ, viên thông-ngoん dịch lại cho chúng tôi biết như vậy. .

Tất cả dân chúng tinh Gò-Công (1) đồng-thanh tuyên-ngôn thế này.

Khi Chánh-Phủ của vua ta không tồn-tại ở phần đất này, chúng ta  
đau khổ như đứa hài-nhi mồ-côi cha mẹ.

Xứ các người ở về Tây-duong, quốc-gia của ta ở về Đông-hải.

Như con ngựa và con trâu khác biệt nhau, các người và ta cũng khác  
nhau về ngón-ngữ, văn-tích và phong-tục. Thuở xưa, người ta sanh ra trong  
chủng-loại sai-bié特 nhau; đầu ở đầu người ta cũng có giá-trị ngang nhau,  
nhưng bẩm sanh bắt đồng.

Sự tri-ân buộc chặt chúng ta với nhà vua của ta, chúng ta trả thù  
tất cả những si-nhục đối với vua ta hay là chết vì đế-vương ta. Nếu các  
người tiếp-tục đem sát lừa gieo rác cho xé sờ ta, thì sự lợn-xộn còn dai  
dẳng; nhưng ta tùy theo Thiên-lnát mà hành-động, cái nghĩa của ta sẽ thắng.

Nếu các người muốn hòa-bình, hãy trả lại lanh-thổ của vua ta; ta  
chống các người vì mục-dịch ấy.

Các người chiếm-cứ các tỉnh của chúng ta để thêm phú cường cho  
đế-quốc các người, để thêm sự chói sáng cho danh-vọng các người. Vày các  
người muốn một số tiền chuộc lại lanh-thổ của ta bị mất? Ta sẵn lòng, với điều-  
kiện là các người sẽ ngưng mọi sự gây rối và rút binh về lanh-địa chiếm-  
hữu (2) của các người. Chúng ta cũng sẽ cảm ơn các người, và thanh danh  
các người sẽ được biết khắp hoàn-vũ. Các người có muốn một nhượng-địa để  
làm thương-mại? Chúng ta vui lòng nhận chịu.

---

(1) Hồi bấy giờ huyên Tân-Hòa là phải hơn. Tôi chắc là tên tục Gò-  
Công cũng thông-dụng, bằng chứng Vial dùng tiếng Gò-Công phần nhiều để  
chỉ vị-trí Gò-Công hơn là huyên Tân-Hòa. Song về mé dân-chúng mà đê  
tỉnh Gò-Công là không được, họ chẳng là xứ Gò-Công, vì Gò-Công đối với  
họ chưa phải là tỉnh.

(2) Dịch Possessions, nhưng ở đây tôi nghĩ là nước thì phải hơn vì  
dân chúng hồi bấy giờ không chịu đầu hàng và nhượng iắc đất nào cho  
Pháp-quân nếu Pháp-quân dùng binh chiếm.

Nhưng, nếu các người từ chối, ta chiến đấu không ngừng để vung theo Thiên-chí. Ta khiêng giá trị các người, song ta sợ lòng Trời nhiều hơn thế-lực các người. Chúng ta thật nguyên sê đánh mãi và không ngừng. Khi ta thiêu tất cả ta sẽ bẽ nhánh cây làm cờ và gãy gộc để làm khí-giới cho quân lính ta. Hồi vậy làm sao các người sống giữa ta?

Chúng ta yêu cầu các người chú ý đến bản tuyên ngôn này và chấm dứt một trạng thái có hại cho quyền lợi đôi bên.

Chẳng phải là lời hăm-dọa suông: không có dân-tộc nào tiếp-tục kháng-chiến đến tinh-thể nguy nan như vậy. Trong lúc mạt-lộ của đảng-quốc-gia, tôi có bắt được một tù-binh với cây súng tay mà tôi tiếc không còn giữ cây súng ấy. Nó làm ra bởi một cây dù! Bá súng là cái tay nắm của dù, cán cắt đứt sau đốt (1) bè dài làm thành lồng súng; xoi ở trên một lỗ sáng (2) để quẹt lửa châm ngòi. Bên trong súng ấy đầy sắt nghiền nhỏ. Khỏi nói là khi giới này không được dùng lần nào, vì nó sẽ nổ nòng ngay trước mũi người bắn.

Sau nhiều cơn thất trận khốc-liệt, những người « nâng vạc » của một quốc gia lâm nguy còn kháng-chiến chống binh đội áu-tây với những khí cụ như vậy. Một vài lần, họ giết vài người của ta trong cạm bẫy của họ, nhưng nhứt là họ bắt chúng ta phải lội bưng hôi hám để rượt họ, dưới mặt trời nung đốt và như thế phải chết lần về bình hoạn.

Và hơn một lần, khi đuổi theo những người ái-quốc ấy mà chúng ta gọi là phiến-loạn (3), tôi cảm thấy một nỗi thương xót vô-biên cho dân tộc này và một sự kính-phục các quan-liêu của họ trong nghị-lực không giảm sút vì họ tin cậy vào sự công-bình (4) (Sách ấy ấn-hành luôn chú giải (4) ở dưới cuối trang)

---

(1) Đơn-vị dài xưa, đo được 0th027. Ở đây đo tất cả 0th162.

(2) Lỗ nhỏ ở hậu súng đại-bác hay cây súng.

(3) Nói ra đoạn này, chúng tôi ngờ rằng Réveillère hồi 1863 là Trung-Uý De M... giấu tên.

(4) Tình của chúng ta đối xử chúng ta không phải cản chúng ta hiều lòng ái-quốc của các dân-tộc khác. Ta hãy cung kính những cõi-tục của dân thuộc địa của ta, và cho họ những lý lẽ để yêu Pháp-quốc vì nước này bảo hộ họ. Dịch theo quyền *Lectures morales* tác-giả sách: A. Despois và Mme Labérenne, Paris, nhà sách Delagrave, 15 đường Soufflot, tác-giả bài: *Hải quân Thiếu-Tướng Réveillère*, trang 376-377-378-379-380.

Vậy cũng đồng-thời đi xăm-lăng, nhưng Réveillère cũng còn tình-cảm của con người!

Nói gì về các người Việt một sớm một chiều lên chon thì lúc này tha hồ cho họ khoát nạt và vơ-vét dân lành. Bọn đó dưới thời-gian nào và không-gian nào cũng có

Lối đầu tháng tư (1), Bonard ở Huế về. Trương-Định có viết cho Bonard bức thơ như sau :

*Chánh nguyễn-soái, anh-hùng chốn rừng rú, chỉ-huy trưởng nghĩa-quân có trách-nhiệm loại trừ bọn Tây-duong ra tờ-hịch này : Vương-quốc cao cả Phú-Lang-Sa phải cho chuộc ba tỉnh bị chiếm, tránh cho bông-hoa dân-chúng (2) và không để chúng ta chống đối trào-đình Phú-Lang-Sa mà cũng không nghịch với Nam-Trào. Vâ-lại, các quan Phú-Lang-Sa ra lệnh cho treo cổ tất cả những kẻ qui-hàng sau khi bàn tuyên ngôn hòa-bình ra đời. Dân-chúng không chịu thái-độ như vậy, và yêu cầu ta hỏi lần nữa vấn-đề chuộc tất cả đất đai đã bị chiếm (3).*

Lẽ cỗ-nhiên là bức thơ này không đem kết-quả chi cả.

Ngày 1 tháng năm 1863 (4) Bonard lia bến Saigon, về Pháp-quốc, đè trách-nhiệm lại cho tướng De la Grandière.

Ngày 25 tháng 5 năm 1863 (5) cụ Giản về thành Vĩnh-Long. Tin này khiến dân-chúng Việt tin rằng nước Pháp sẽ qui-hoàn tất cả thành lũy ở ba tỉnh miền Đông.

Trái lại, lúc này khó cho Nam-Trào có cảm-tình đầy đủ của dân-chúng là nạn đói kém đang hăm-doạ và sắp hoành-hành trong Nam, nhứt

---

(1) Lối 14 tháng 2 năm Quý-Hợi sấp lênh.

(2) Định muốn ám-chỉ mình, nhưng theo tác-giả này còn khuyết, phải nói: tránh cho bông-hoa dân-chúng khổ-cực.

(3) Sách *Les premières années...* của Vial trang 217, dòng 25 tới 27, và trang 218 dòng 1 tới 8.

(4) Thứ sáu 14 tháng 03 năm Quý-Hợi.

(5) Thứ hai 08 tháng tư năm Quý-Hợi.

Sách Vial, trang 220, dòng 26 và 27.

là chỗ bãi chiến-trường mới rồi. Hồi trước Pháp chưa đến, trào-dịnh Huế đảm-đương việc tiếp-trợ khi có đói, giờ đây làm sao được ? De la Grandière thi-hành đòn chánh-trị rất có công-hiệu :

*Cấm xuất-cảng lúa gạo trong năm 1863, cho vài làng nghèo mượn bạc trước, khiến mua chuộc được thiện-cảm của dân-chúng còn hơn là những chiến-thuật chói-lợi. Dân bản xứ cảm-động, lúc thấy ta án-cần xem sóc quyền-lợi và nhu-cầu của họ (1).*

Như vậy, dân-chúng khỏi lo nạn « lửa cơ đốt ruột » và yên-đòn làm mùa năm Giáp-Tý (1864).

## ▼ TRƯƠNG-ĐỊNH LẠI THOÁT KHỎI MỘT TRẬN TẤN CÔNG THỨ NHÌ Ở CÙ-LAO LÝ-NHƠN.

Về phần Trương-Định lại thoát mành lưới và tiếp-tục cuộc chiến đấu. Không hao hao nhơn mạng bao nhiêu nhờ có đường rút lui khôn-khéo (2), nghĩa-quân tụ-tập lại từng nhóm tại biên-giới Biên-Hòa (3), ở Lý-Nhơn (nay hấy còn thấy trên địa-đồ), nhóm cù-lao đối diện với

---

(1) Sách *Les premières années...* của P.Vial, quyển I, trang 232, dòng 22 đến 27.

Chánh-Phủ chinh-phục hay dùng chiến-thuật « đánh rìu bom ngọt » Bonard đánh mạnh, de la Grandière dùng chánh-trị mềm dẻo như trả thành Vĩnh-Long, cho dân-chúng mượn tiền làm mùa không ăn lời, cấm xuất-cảng lúa gạo v.v... để gieo cảm-tình trong dân-chúng, và dân-chúng có ẩn-tượng rằng mình 'được săn-sóc còn hơn Chánh-Phủ cũ của mình. Kỳ thiệt, tiền dân-chúng sẽ đóng góp trong ngày tương-lai chóp không phải bên Pháp xuất, công-quỹ ra cho mượn, De la Grandière cấm xuất-cảng lúa gạo vì biết không làm vậy dân sẽ đói mà dân' đói không dễ gì trị. Cứ một người gọi là dữ tợn đi rồi, thì người gọi là hiền lành đến, mà dân-chúng thiền-cận, không dè rằng người sau mới là sâu độc, có bàn tay sắt bọc nhung.

(2) Sách *Les premières années de la Cochinchine* quyển I, trang 214, 12 và 13.

(3) Hồi bấy giờ tỉnh Biên-Hòa lấy biên-giới mé Tây đến phía tả sông Đồng-Tranh, từ Vũng-Tàu chạy lên sông Ngưu-Chữ (sông Saigon) và từ đó lên nguồn sông này.

Theo địa-đồ sách *Histoire de l'Expédition...*

Gò-Công ngăn-cách bởi sông Soi-Rap và Đồng-Tranh (1). Các cù-lao này dày đặc thủy-liễu, dưới sông, và sinh lầy nơi bung biển ; nước lớn bao trùm mặt đất, trừ phi những khuynh đất cao ; trên rùng loại cây được bao phủ xanh kít, các tay « ngoài vòng pháp luật », cọp, heo rừng hoàn-thành bức họa của chốn man-dã còn trinh bạch ấy.

Trương-Định dời cả hành-dinh ra nơi ấy, mưu tính việc đánh phá. Định xây cất phỏng-tuyến vững-vàng.

Một cuộc hành-quân đại-qui-mô, tốn kém mà không đem lại kết-quả mong muốn như ở Gò-Công, hồi 26 tháng hai 1863 không cần thiết nữa, và việc làm ấy nâng-cao giá-trị của Định dưới con mắt của dân Việt.

Ngày 25 tháng 09 năm 1863 (2) vài người mật-báo chở ở của Định cho Gougeard và Béhic biết. Tức thời một cuộc hành-quân được tổ-chức mau lẹ.

Pháp-quân và vài phụ-tá bắn xú đánh úp vào phỏng-tuyến, câu-lưu vài người và chiếm đoạt nhiều súng ống.

Một người lính mã-tà niu Định noi vai, nhưng Định chém một lát gươm, vùng chạy rồi trốn trong bụi rậm. Cuộc rượt bắt sôi nổi, Định xuống xuồng và bảo chèo đi mất ; vợ Định bị bắt và vài người khác.

---

(1) Sách *Les premières années de la Cochinchine* quyển I, trang 215, dòng 4 và 5 có viết vậy :... aux embouchures du Soi-Rap et du Dam-Trang Tôi có thành-kiến rằng Pháp đọc đúng giọng rồi phải viết trại bẹ Đồng-Tranh ra Đam-Trang, nhưng ngoài sau cùng *Les premières années de la Cochinchine* quyển II có một tấm dia-dồ vẽ ra năm 1868 ở chở cửa Đồng-Tranh có đề *Cua Đồng-Tranh hay Đam-Trang*, vậy thì có hai tên rõ ràng để gọi một cửa, song đến bây giờ còn nghe gọi là Đồng-Tranh còn Đam-Trang thì hồi 1863 chưa biêt gọi sao, vì tiếng Pháp không dấu nên không bỏ dấu. Một học-giả viết *Đầm tran tục gọi là đầm lá tối trời*. Vậy tôi nêu ra hết để thỉnh-giáo với các văn-hữu.

(2) Thứ sáu 13 tháng 08 năm Quý-Hợi.

Đoạt được tài-liệu trong đây có mục-lục kê danh-tánh các đồng-lõa và một bức thơ giao đan-dược cho Định của người Hoa-Kiều ở Phan-Ri.

Đồng-thời, nghĩa-quân lại nồi lên đánh phá ở biên-giới tỉnh Biên-Hòa, chung-quanh Tân-An, Mỹ-Tho, Cần-Giuộc và Chợ-Lớn (1), quyết theo đuổi chánh-sách làm rối trật-tự, không cho Pháp-quân cai-trị được.

Về phần Trương-Định phóng tin huyên-truyền rằng Định đã đi Huế với sứ mạng gì đó, thoát lại loan là người ta thấy Định ở Bình-Thuận, thoát nghe tiếng đồn rằng Định ở ngoại ô thành Saigon. Đây là Định áp-dụng một chiến-thuật làm địch-quân lạc lối.

#### ▼ TRƯƠNG ĐỊNH BỊ HUỲNH-CÔNG [ ? ]-TẤN HẠI.

Định có một người tử-thù là Tấn.

Đội Huỳnh-công-Tấn gốc-gác ở làng Phước-Hậu (tên này nay hãy còn trên địa-đô lối Rạch Cầu-Trầm, hướng Đông và Tây giáp-giới những làng Mỹ-Lộc, Long-Trạch, hướng Bắc và Nam giáp-giới với Long-Thượng và Phước-Lâm) tỉnh Chợ-Lớn. Thân-phụ của Tấn làm chức phó-quản-cơ, kịp sau khi Kỳ-Hòa thất-thủ, người lui về phủ Tân-An để di thương-mại sanh sống, trong lúc ấy người có liên-lạc, với một người quan Việt cộng-sự với Pháp. Tấn từng-ngũ dưới quyền của Định, song lúc nghe được thân-phụ của Tấn giao-dịch với viên quan ấy, Định hăm-dọa lấy đầu Tấn nếu thân-phụ Tấn còn giao-thiệp với viên quan kia nữa. Tấn khiếp. Thì ra cơ Định lơ-lỏng, Tấn trốn sang hàng-ngũ Pháp hồi năm 1862 (2).

---

(1) Sách *Les premières années de la Cochinchine* trang 234, dòng 19 và 20.

(2) Phỏng theo sách  *Abrégé de l'Histoire d'Annam* của A. Schreiner, trang 265 phản-tổng (1).

Tấn sang hàng-ngũ Pháp-quân, lối đệ-nhị tam-cá-nguyệt hay là đệ-tam tam-cá-nguyệt năm 1862.

Khỏi phải nói là lúc qua bên này lẩn mức, Tấn phải hết sức sốt-sắng, nhiệt-thành đè mua lòng Pháp.

Tấn hiều ngách ngõ của xứ Gò-Công. Vì lập nhiều công-trạng ở xứ này, nên được Định tin dùng và cỗ-nhiền là biết mặt Định. Tấn phải tùy theo Guys hồi Guys còn chỉ-huy chiếc l'Alarme, ngữ trên rạch Gò-Công đè coi chừng những cử-động của Định. Tấn là người hiếu-thảo, rất thông-minh, rất liều-linh, gan dạ kỳ lạ... (1).

Ngày 26 tháng hai 1863, ngày đại-tấn-công của Bonard vào Gò-Công, Tấn giữ một cây cầu chống trả dồng-binh đông quân-số hơn. Bị một viên đá bắn vào đầu gối, Tấn được đem về và quân-y Pháp tính cưa chon đẽ cứu Tấn, nhưng Tấn không chịu. Sau Tấn lành bệnh một cách phi-thường. Tấn sang dưới quyền chỉ-huy của Gougeard. Viên này ở tại Gò-Công và theo dõi Trương-Định mãi.

Khi nghe truyền tin, Định đi xa, Tấn không tin như vậy, trái lại Tấn định-ninh là Định ở lẩn-quần vùng Gò-Công.

Tôi đã nói đòn đánh chánh-trị có hiệu-quả rất mỹ-mẫn là De la Grandière cho các làng chõ bãi chiến-trường mượn tiền không ăn lời, nhưng với điều-kiện là phải mách vị-trí Định, nếu Định có về.

---

(1) Nguyêñ-văn : *Cet homme pieux, très intelligent, très hardi, d'une bravoure extraordinaire...* sách P. Vial, quyển I, trang 319, dòng 24 và 23. Pieux có hai nghĩa là kinh-tính tức sùng-đạo và hiếu-thảo. Ở đây tôi gượng đẽ hiếu-thảo, bất tất đã là đúng.

Cũng trong trang 319 dòng 9 và 10 Paulin-Vial có than-phiền một câu rất lố-bịch, là sau khi nghe Định nay ở Huế, mai ở Bình-Thuận; mối ở Saigon, rằng :

*Áy là một cuộc âm-mưu thường-xuyên khéo léo tạo nên đẽ không cho chúng ta ngời nghĩ. (C'était une conspiration permanente savamment ourdie contre notre repos).*

Đi xâm-chiếm mà còn phiền hà dần-chứng bên địch là âm-mưu thì thật là buồn cười quá lě !

Đêm 19 rạng 20 tháng tám năm 1864 (1) có người mật-báo với Tấn rằng Định sẽ về tại làng Kiêng-Phước (tên này nay hãy còn trên địa-đồ, Đông giáp-giới Soi-Rap, Bắc, Tây, và Nam giáp-giới những làng Tân-Phước, Tân-Niên-Tây, Tân-Niên-Đông và Tân-Bình-Điền) (2). Tấn chỉ-huy một số người dưới tay, âm-thầm vây nhà mà Định với hai mươi lăm (3) người tâm-phúc đang trú trong đấy.. Năm đây tôi bình-minh, Tấn mới dậy và ào vào nhà.

Tấn gặp một cuộc đương-cự cương-quyết. Quán Định và tâm-phúc-nhơn chống trả như những anh-hùng, các người ấy dành nhau phóng ra ngoài, còn vài người khác hy-sanh chịu để cho quân ta giết. Quán Định ở giữa những người chen ra, chém một lát gươm nón của tên mā-tà, một lát khác một tên nữa khiến rớt súng và đèn gần bụi rậm suýt khỏi bị một vết thương nào hết ; lúc bấy giờ Tấn chia súng sáu bắn ngay Định và hổ lớn cho các mā-tà bao nhà đạn, mặc dù Tấn có ý bắt sống. Một viên đạn trúng đích, Định bị gãy xương sống té xuống đất. Năm thấy chết trong số ấy có Quán Định, võ-khi và tài-liệu đều bị Tấn lấy được.

Xác của Quán Định được đem về Gò-Công và để cho công-chúng xem và nhìn biết ; Quán Định có vóc thanh-lịch, ngực da trắng, nét mặt tao-

---

(1) 18 rạng 19 tháng 7 năm Giáp-Tý.

(2) Sách *Bốn vị anh-hùng...* của Thái-Bạch nói trang 70, nói *Chiến-Khu Bình-Xuân, Kiến-Phước* (không g mà địa-đồ hành-chánh Nam-phần viết có g). Tôi không thấy tên Bình-Xuân ở trên hoặc dưới Kiêng-Phước, chỉ có làng Gia-Thuận trên Bắc, Tân-Bình-Điền dưới Nam. Hoặc là hồi 1864 có làng Bình-Xuân mà bây giờ đã nhập vào làng khác, hoặc là một ấp nhỏ mà ngày nay không có biên trên địa-đồ.

Sách *Nỗi lòng Đồ-Chiều* của Phan-văn-Hùm, in lần thứ hai, tủ sách Tân-Việt, trang 97 cũng thấy tác-giả viết Phước-Kiến. Vậy Kiến và Kiêng tên nào đúng ?

(3) Cũng sách *Bốn vị anh hùng...* trang 71, dòng 2 nói ba mươi người.

*năa và tinh-tế hơn người đồng-hương với Định (1).*

Nhơn dịp này, De la Grandière trả tự-do cho Đề Đốc Huân bị quan viên Nam-Trào câu-lưu và giao cho Pháp.

Theo giấy tờ thâu thập được có cả thảy 10.800 danh-sách của quân tình-nghuyện và cưỡng-bách tùng-ngũ dưới quyền chỉ-huy của Định. Chánh-Phủ xâm-chiếm bắt vài tay quan trọng. Người ta gặp một tờ hịch biều-lộ nỗi nguyễn-vọng nhiệt-liệt của một tinh-thần không phục-tùng, và hy-vọng thầm kín rằng ngày tương-lai vua Tự-Đức sẽ ban thưởng xứng đáng cho người, song lại giấu tên vua e làm nguy-hại đến Hoàng-Đế một khi Pháp bắt được tờ hịch này.

*Hịch của Quản Định trong cuộc nghĩa tháng 8 năm 1864 (2).*

*Hịch rằng :*

Từ ugày bọn moi-rợ ngoài khơi (3), tự đắc vì lực-lượng thủy-quân và sự dōng-mạnh của đại-bác, vô cớ đến khuấy rối biên-thùy của ta và nọc độc của chúng lan tràn khắp chốn, những vị thần-linh bảo-vệ ta và dân-chúng đều run rẩy uất-hận. Nhiều lần lệnh tối-cao đã xuống để dân chúng cản ngăn

---

(1) Dịch theo sách *Les premières années de la Cochinchine* của Paulin-Vial, trang 321-322. P. Vial có đến tại chỗ để coi mặt Định, nên mới biết mà tả ra như vậy.

Lật quyền *Documents pour servir à l'Histoire de Saigon* của Jean Bouchot, nhà in A. Portail, Saigon, 1927, trang 215, 216 và 217 thấy P. Vial làm phó-quan gởi cho Boresse bốn bức thư và Maucher một bức (trước nữa không tính) 312 ngày 11-8-1864, 314 không đề ngày duy đê 1864, 315 đê ngày 12-8-1864, 316 cho Maucher đê ngày 12-8-1864, 317 đê ngày 18-8-1864. Đến ngày 22-8-1864 có hai thư khác cho Boresse số 323, 324, và cho Cảnh-Sát-Trưởng với số 325 đều ký tên E. de Jonquieres gởi, tới ngày 23, 24, 26-8-1864 đều ký trở lại là P. Vial.

Từ 19 tới 22-8-1864 P. Vial vắng mặt ở Saigon. Trong thời-gian ấy Vial đã đi Gò-Công để xem biêt mặt Định nên mới không có ở nhiệm-sở mình, chắc-chắn không đi đâu khác.

(2) Từ ngày 01 tháng 9 đến 30 tháng 9 năm 1864. Lẽ phải đê năm Giáp-Tý.

(3) Dịch *Barbares du large* ở đây tôi tưởng là ngoại-dương thí đúng hơn.



*Ánh mộ Trương-Định trùng tu (thấy trước mặt)*

Ngay từ năm 1864, mộ Trương Công đã được xây bằng đá ong với hồ vôi ô-dước; trên bia mộ có đề Đại Nam, Bình Tây Đại tướng Quân, Trương Công Định chi mộ. Hai cây trụ trước mộ có đôi liền :

*Sơn hà thâu chánh khí  
Nhựt nguyệt chiếu đơn tâm.*

Sau đó bia mộ này bị Pháp cho bầm nát.

Đến năm 1945, mộ Trương Công được sửa chữa lại. Mộ bia được khắc : Đại Nam, thần dông Đại Tướng quân truy tặng Ngũ Quận công, Trương Công Định chi mộ. Tới 1956, được trùng tu và thêm 2 câu đối nơi cửa :

*Trương chí quật cường, vô liệt nêu cao đất Việt,  
Định tâm kháng chiến, văn mồ chói rạng trời Nam.*

bọn đó, nhưng chống hay là không chống đều là ở lòng dân : người ta không đương đầu chống chúng nỗi (1).

Vậy chờ định rằng kháng-cự chúng không kham sao ?

Từ ngày lòng dân đã muôn, ta lên làm người-nhưng ba tình, trước hết ta cố gắng điều-khiển Tân-Hòa chống quân cướp ấy, không thâu lương được kết-quả mỳ-mân. Chỉ còn trong cây vào tẩm lòng yêu thương không phải lợt của người người đối với ta và án-trach vĩ-đại của Trào-Định. Vâng, ta sẽ lấy vi-lô làm cờ, lấy tẩm vông làm võ-khi. Thế là xong, bắt đầu tha bọn cướp.

Nhưng mà ! than ôi ! binh không lương-thực ; còn bao nhiêu lúa ở Tân-Hòa đều bị tàn-mác, và võ-khi, một lúc dys-trū phải bị chôn, vì giờ đây không có nghĩa-quân để sử-dụng nó. Sợ là lòng dân đối huống.

Từ bấy (2) nay gom góp đồng tro-tàn, trong mìnhi phòn, còn bốn hay năm ; sẽ mua chắc vừa đầy đủ và bảy giờ còn tìm phương-pháp để dùng một khi giờ phút húy-hoại đến (3) ; nhưng dù sâu đến chín và thời-vận cần-thiết, tất cả đều phải đợi chờ. Trong một áp mìnhi nhà, có nhiều nghĩa-quân ; vậy chờ sao người ta bảo là không có ai ? (4). Và những trung-tùng-ngũ như tống-binh và quan-suốt là những người giàu có muôn hộ hay là hàng nho-sĩ đều có một số lớn vì nghĩa cả. Vậy khi muôn quân man-rợ ấy dùng tay và đe ta lập an-ninh trong dân-chúng, làm sao không có người làm cõ-ván cho ta và không có người đề-nghị với ta một phương-pháp để đem lại kết quả vĩ-đại ấy, để, diệt-trù

---

(1) Bản dịch P. Vial, trang 323, từ dòng 15 đến 18 như vậy: mais résister ou ne pas résister est au cœur de l'homme: on n'a pu tenir contre eux. Serait-il dit cependant qu'il n'y a pas à résister ?

Câu *on n'a pu tenir contre eux* người ta không đương đầu chống chúng nỗi, còn thiếu một mạng-đề bồ-túc. Theo tôi: Người ta không đương đầu chống chúng nỗi vì lòng dân không muốn chống nữa. Song tôi nghe thấy ngờ-ngợ vì đã chống rồi không chống rồi chống.

(2) Từ ngày 26 tháng hai 1863.

(3) Từ bấy nay... tới húy hoại đến là nói về võ-khi.

(4) Đây là Định trả lời cho các người cầu-an hoặc có tinh-thần hàng đầu rằng : phải có người có nhiệt-huyết cầm súng chống Pháp, chờ lẽ nào không ?

quân cướp và lắp đầy hy-vọng ta (1). Sao lại từ cao đến thấp người ta lo tranh dành nhau, những sự bằng lòng hão về tham-lạm và những mưu-mô đến tối (2). Lẽ phải có những cuộc tuyển-chọn người thông-minh và có ý kiến sâu thẳm ở dưới tùng lốt thuộc-họ, mà từ hồi nào đến nay, các người này không thể tiến vào điện-đài quyền-thức và như vậy thì hoàn toàn vô ích cho những người này.

Về ta, ta chỉ là một tên lính vô-học-thức và trở nên tướng-lãnh vì thời-thế: ta chỉ có lấy cái dốt của ta để chống đỡ, cho đến tối ta hỗn loạn ngồi cao hơn tam vị tướng-lãnh kia: bên hữu như bên tả đều chẳng có người để ta ván-ké, ta thi-hành trong sự do-dự và ta thâu-thập những ý kiến của bình-dân để chiêm-nghiệm và phung-xé nhơn-dân, những mưu-luật mục-đích hủy-diệt quân cướp để cuối cùng, sau đợt một đánh-hiệu trống (3), dân-chủng đều thở không-khi thông-thả.

Vì lẽ ấy, ta ra tờ lịch này yêu cầu hãy đến đây tất cả người đầu ở dưới đạo-binh nào, từ tổng-binh tối quan-suốt, không phân-biệt sĩ-phu hay võ-biền, nên các vị này có phương-pháp diệt quân cướp, đầu dưới nết, đầu trên bờ, đầu với xe, đầu với ngựa hay là trâu, nếu các vị ấy có ý tưởng đoạt tàu, thâu thành, nếu các vị này có một vị-trí tốt để kháng-chiéng, một hang sâu, một vực-thẳm để đóng một đạo quân, ta cầu xin với các vị ấy hãy giúp ta phương-pháp để đem về một kết-quả lớn lao, ta sẽ thanh-thưởng những người ấy bằng những chiếc-vi tương-đương với công, những thưởng-lệ bằng bạc tiền chầu báu xứng đáng để không thể gọi là phần thưởng của anh hào-tiện cấp cho.

---

(1) Lúc này, có lẽ, người ta đã bắt đầu sợ cho tánh-mạng mình, nên không còn nhơn-lại dưới soái-tướng nữa ?

(2) Trong hàng-ngũ nghĩa-quân đồng lòng nhau mà cũng còn những ganh-tị nhỏ nhen làm hại nghĩa to. Thật, thời-gian nào và không-gian nào cũng có những bọn thích-làm-lớn (*megalomane*).

(3) Dịch *Signal de tambour*, ở đây một hồi trống phải hơn ?

Ta làm hịch này để cho mọi người đều biết.

Nay hịch.

(Bản này dịch ra do Giáo-Sĩ Legrand de la Lyraie (1), Thanh-Tra Bồn-Xứ Sợ-Vụ, thông-dịch-viên của Toàn-quyền) (2).

Một-phần của Trương-Định đã được lựa gần Tòa-Bổ Pháp. Nhiều người Việt đến dự đám tang. Những cộng-sự-viên Việt biết tâm-lý người hay giấu bặt những hung-tín loại ấy, để duy-trì tinh-thần chiến-đấu của dân-chúng Việt, nên mách cho người Pháp hiểu rõ.

Người Pháp, cắt lính bỗ-phòng chung-quanh mà e nghĩa-quân lại đoạt đi.

Theo *Đại-Nam Chánh Biên Liệt truyện*, vợ Đinh là Lê-thị-Thường (3).

---

(1) Cố-Tràng, cha Tràng hay Cụ Trưởng hay Legrand de la Liraie mà dưới thời Pháp-thuộc đường Phan-Thanh-Giản bảy giờ mang tên, từ ngã tư đường Lê-văn-Duyệt tới rạch Thị-Nghè. Theo bài *Le rapport de Phan-Thanh-Giản et de Lâm-Duy-Hiệp sur leur mission à Saigon, auprès de l'Amiral Bonard et Palanca* trong tạp-chí *Bulletin des Amis du Vieux-Huế 1918*, số 4, trang 219, phần-tổng (3).

(2) Bản hịch dịch trong sách *Les premières années de la Cochinchine* tác-giả : Paulin-Vial trang 323, 324, 325 và 326.

(3) Ở Lý-Nhơn, vợ Đinh bị bắt, không biết phải bà này chăng ? Chấp nhận rằng là bà bị Pháp giam cầm, đến Định mất cũng cho bà ra để bà làm tròn phận-sự người vợ ngày cuối cùng của chồng. Sao lại có mình bà, hầu đứng tống-tango, mà bà hầu này đáng-lý không ra mặt được vì bà triệt-đè ủng-hộ nghĩa-quân và tình-nguyễn theo giúp ? Bà hầu đã giàu thì sao để bà Thường không noi nương-tựa mà phải về nguyên-quán ? Ba cái « tại sao » ấy khiến tôi trả lời không được.

Sau khi Định qui-tiên, con trai tên Tuệ (trong Nam gọi là Huệ) nồi lên và cũng bị chết (1). Bà Thưởng hết còn chỗ nương tựa phải trở về nguyên-quán là Quảng-Ngãi để sanh nhai.

Năm Tự-Đức thứ 27 (2), thấy Định nghĩa-khi đáng khen, nay vợ bị nghèo khồ thật đáng thương, quan tinh bèn tâu về triều xin cấp cho bà mỗi tháng hai mươi quan tiền và hai phuơng gạo đến khi bà chết thì thôi.

Năm Tự-Đức thứ 31 (3), tinh-thần Trà-Quí-Binh tâu rằng : Một nhà Định cha con trung-nghia, được vua soi xét từ lâu, vậy xin cấp cho tự-diễn năm mẫu, để người trong họ là Văn-Hồ nhận làm kế-tự. Vua y theo.

Năm Tự-Đức thứ 34 (4), vua nhớ đến công của Định lại sai dựng đền thờ ở làng sở tại tức là Xã Tư-Cung, và cấp thêm cho vợ một tháng mươi quan tiền và sức cho xã đó phải lo săn-sóc bà.

Khi bà mất, vua ban cho một trăm quan tiền để làm ma chay (5).

Nén hương hoài-cồ sắp tàn.

Chuyện Trương-Định tự sắp sửa đánh hồi chuông cáo chung.

Định là nhơn-vật của đại-chúng miền Nam Quốc-Gia Việt, nên

---

(1) Theo *Les premières années de la Cochinchine* của Vial quyển II, trang 256 thì Huệ bị người Miên dù vào rừng để dự tiệc. Huệ, vợ Huệ và bao nhiêu du-kích-quân đều bị hạ sát. Trừ vài người phụ-nữ và con nít trốn trong bụi mới thoát chết. Họ lần về đồn của Pháp và tiết-lộ sự này. Huệ bị tàn hại lối tháng năm năm 1870 (tháng tư năm Canh-Ngọ).

(2) Năm Giáp-Tý (1864).

(3) Đinh-Mão (1867).

(4) Tân-Mùi (1871).

(5) Từ *Theo Đại-Nam Chánh... tới làm ma chay* là rút trong *Đại-Nam Chánh-Biên Liệt truyện*, tập 2, quyển 38, trang 26 a và b do cụ Tô-Nam dịch ra cho tác-giả chép lại. Tác-giả rất cảm tạ cụ Tô-Nam.

tác-giả xin bàn góp chút ít về Định thôi, tuyệt-nhiên không có ý phê-bình chi cả.

Khen Định ưu-tú ư ?

Giữa lúc này, khen như vậy, tác-giả hóa thành bánh xe thứ năm rong chiếc xe bốn bánh, việc mà tác-giả không thích tí nào.

Và lại, nếu khen như thế, tất phải phủ-nhận công-cán, sự hy-sanh không bờ bến của Phan-Thanh-Giản (70 tuổi còn đi sứ bên Pháp) người mà cả phe chủ-hòa và người Pháp đồng-thanh cho là người ái-quốc sáng-suốt (patriote éclairé), cố-gắng đem sự tối-thiều tồn-thất cho quốc-gia Việt.

Nói Định là người bắt tuân kỷ-luat, cùng chẳng hiểu rõ tinh-hình trong nước và khát-vọng của các cường-quốc ngoại-dương, làm cho rồi thêm chó không gõ-gạc chi hết, vì trận Kỳ-Hòa đã chẳng quyết-định vận-mạng của quốc-gia Việt rồi ư ?

Nói như thế là bao quát luôn phe chủ-chiến gồm cả Vua Tự-Đức trong đấy vì Vua Tự-Đức tha-thiết và sốt-ruột với xứ Gò-Công, đã khuyến-kích Định trong việc đèn-kháng chống Pháp.

Vậy Định sẽ được phàm-tử nào ?

Các bạn tìm dễ-dàng tiếng ấy trong các lời mọn thốt ra trên kia.

Không phải là nhà phê-bình hay là học-giả, tác-giả chỉ là một kẻ hiểu-kỳ muốn xếp đâu vào đó. Có thể thôi.





Ảnh tông-quan mộ Trương-Định

## PHỤ - BẢN

### ▼ MƯỜI HAI BÀI LIÊN HOÀN BÁT CÚ VÀ VĂN TẾ CỦA NGUYỄN - ĐÌNH - CHIỀU.

Trương-Định có một tri-kỷ: Nguyễn-Đinh-Chiều.

Nguyễn-Đinh-Chiều sinh năm Nhâm-Ngọ 1822 (1), người bài Pháp triết-đề.

Có lẽ vào đệ-nhi tam-cá-nguyệt hay là đệ-tam tam-cá-nguyệt năm Tân-Dậu 1861, Định có yêu-cầu Đồ-Chiều gia-nhập bộ tham-mưu của mình, nhưng Đồ-Chiều từ chối vì lý-do bị mù mắt. *Tuy thế mà mỗi khi có việc chưa thông, Trương-Định cũng cầu mưu hỏi ý noi ông đồ* (2).

Khi nghe Định bị bắn thác, Nguyễn-Đinh-Chiều hết sức đau khổ về tinh-thần. Thế Đồ-Chiều mới điếu Định mười hai bài liên-hoàn bát-cú và một bài văn-tế. Bài sau nầy não-nuột, lâm-ly, một thê cõi văn đại-bút trong Nam vậy.

(1) Sách *Nỗi lòng Đồ-Chiều* trang 11.

(2) Sách *Nỗi lòng Đồ-Chiều* của Phan-văn-Hùm trang 26 dòng, 13, 14, và 15.

# Điều TRƯƠNG - ĐỊNH

Mười hai bài

## I

Trong Nam tên họ nồi như cồn,  
Mấy trận Gò-Công nước tiếng đồn.  
Dấu đạn hơi râm tàu bạch quỉ (1)  
Hơi gươm thêm rạng thè hoàng-môn  
Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bẻ,  
Quả ấn Bình-tây đất vôi chôn.  
Nơi khiến anh-hùng (2) rơi giọt lụy  
Lâm-dâm ba chữ điều linh-hồn.

## II

Linh-hồn nay đã tách theo thân,  
Sáu tỉnh còn roi dấu tướng-quân.  
Mực sờ lanh-binh mờ mắt giặc,  
Son băng ứng nghĩa thăm lòng dân.  
Giúp đời dốc trọn ơn nam-tử,  
Ngay chúa nòò lo tiếng nghịch-thần.  
Ốc (3) ngỡ tướng tinh rày trò mặt,  
Giúp xong nhà nước buồi gian-truân.

## III

Gian-truân kè xiết mấy nhiêu lần,  
Vì nước đành trao một tấm thân.  
Nghe chốn Lý-Nhân (4) người sảng-sốt,  
Nhìn cồn Đa-phuốc (5) cảnh bâng-khuâng.

---

(1) Người Pháp.

(2) Hai tiếng anh-hùng không biết cụ Đồ muốn trả về ai. Không lý cụ Đồ tự gọi mình như vậy?

(3) ?

(4) Cù-lao giao mặt với xứ Gò-Công.

(5) Không thấy ghi tên trên Địa-dồ Hành-Chánh Nam-Phòn, song lấy trực-giác mà suy chắc là cồn cát ở giữa cửa Soi-Rạp và cửa Đồng-Tranh?

Bát cơm Kê-lữ (1) chi sờn buồi.  
Mảnh áo Mông-lung (2) chẳng nê phần.  
Chí dốc ra tay nâng vạc ngã,  
Trước sau cho trọn chữ quân-thần.

#### IV

Quân-thần còn gánh nặng hai vai,  
Lỡ dở công-trình hé bởi ai ?  
Trăm đám mây-binh vầy lớn nhỏ,  
Một gò cõi-lũy (3) chống hôm mai.  
Lương-tiền nhà ruộng ba mùa trước,  
Thuốc đạn nghe buôn bến biển ngoài.  
May rủi phải chăng, trời đất biết,  
Một tay chống-chỏi mấy năm dài.

#### V

Năm dài nhường mảng (4) ngóng tin vua,  
Nín nhục thầm toan lẽ được thua.  
U kẽ (5) năm hằng còn chõi áo,  
Ngô Tôn (6) trăm chước đợi ngày đua.  
Bày lòng thần-tử vài hàng số,  
Giữ mối giang-sơn mấy đạo-bùa,  
Phải dặng tuồi trời cho mượn số,  
Cuộc này ngay vạy có phân-bua.

---

(1) ?

(2) Áo giáp.

(3) Lũy ở chờ-vợ một mình.

(4) Nhường phải dấu ngã chờ không dấu hỏi và có nghĩa là liên-tiếp, luân-luân. Mảng là trí suy vào một chõi mãi, lo lắng. Nhường mảng là liên-tiếp suy-nghĩ, lo-lắng.

(5) ?

(6) Ngô-Khổi, Tôn-Võ-Tử hai chiến-pháp-gia đại-tài.

## VI

*Phân-bua trời đất biết cho lòng,  
Công việc đâu đâu cũng muôn xong.  
Cám nỗi nhà nghiêng lầm (1) chõng cột,  
Nài bao bóng xẽ luống dày đòng.  
Đồng-Nai, chợ Mỹ (2) lo nhiều phia,  
Bến-Nghé, Saigon (3), kè mẩy đòng.  
Đâu biết dùng binh nhờ đất hiềm,  
Chẳng dành xa bỏ cõi Gò-Công.*

---

(1) Mong.

(2) Đồng-Nai: theo Đường-Thơ gọi Chu-Nại, người nhà Thanh gọi là Nông-Nại và tiếng Việt biến ra thành Đồng-Nai, ở đây Đồng-Nai là Biên-Hòa.

Chợ Mỹ: Cù-úc Mỹ-Tho tên gọi của Cam-bốt.

(3) Bến-Nghé: Lối cầu quay qua đường Trịnh-Minh-Thể bây giờ kêu là Bến-Nghé. Trong *Đại-Nam Nhất Thống-Chi Tập Thương*, dịch-giả: Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, trang 75 có: *Người thỉ (chợ Bến-Nghé) ở phia Đông huyện Bình-Dương, phố xá trù mật.*

Chỉ vòn-vẹn bấy nhiêu thôi mà tìm hiểu, và không biết đích-xác chợ này hiện giờ ở vị-trí nào, phần người Việt định, phương-hướng sai. Ở lối ấy có Chợ Sỏi, Chợ Sỏi cũng đè ở phía Đông huyện Bình-Dương ... (sách đã dẫn trang 73) Chợ Sỏi ở lối Hội-trường Diên-Hồng bây giờ. Ở hướng Hội-trường Diên-Hồng mà gọi là hướng Đông thì không được, chõ ấy vào hướng Nam.

Saigon: tên Saigon là đặc-biệt cho châu-thành Huê-Kiều. Những người này gọi là Tại-ngon hay là Tai-ngan (Đè Ngạn). Châu-thành mà chúng ta (người Pháp) kêu là Saigon, người An-Nam gọi là Bến-Nghé. Vì duy nhất dân-chúng nghe chúng ta nói Saigon nên họ gọi địa-diểm ấy là Saigon đè dẽ bè chúng ta hiểu. Sách *Histoire et Description de la Basse-Cochinchine (Gia-Định Thông-Chi* của Trịnh-Hoài-Đức) dịch-giả: G. Aubaret (tên Việt gọi là Hà-Bá-Lý) trang 194.

Vậy thì trước 1861, Saigon là tên gọi Chợ-Lớn bây giờ.

## VII

*Gò-Công binh giáp hời chèng-ràng,  
Đoái Bắc trông Nam luống thở-than.  
Trên trại Đồn-dàn (1) hoa khóc chủ,  
Dưới vèm Bao-ngược (2) sông kêu quan.  
Mây giăng Truông-cốc (3) đường quân vắng,  
Trăng xế Gò rùa (4) tiếng đau tan.  
Mây đậm non sông đều xứng vững (5),  
Nạn dân ách nước đè ai toan ?*

## VIII

*Ai toan cho thấu mây trời sâu ?  
Sự thế nghe thôi đá lắc đầu !  
Giặc cỏ om-sòm mưa lại ruối.  
Binh sương lác-dá nồng liền thâu.  
Cờ lau đã xếp trên Giồng-tháp, (6)  
Trống sấm còn gầm dưới Cửa-khau. (7)  
Cánh ấy những mơ người ấy lại,  
Hội này nào thấy tướng-quân đâu.*

---

(1) ?

(2) Hắn ở vèm sông Tra chảy ra Đại Vèm-Cỏ ?

(3) ?

(4) ?

(5) *Xứng-vững*: xây-xẩm. Trên đây viết vững dấu ngã là làm. Lỗi in.

(6) ?

(7) Còn thấy ở trong Địa-dồ Hành-Chánh Nam-Phần ở mé hữu sông Cửa Tiều một con rạch đè tên rạch Luông-Uong (chữ sau viết như vậy không bỏ dấu chi cả) ở trên ngưởn có đè cửa Khâu.

Hồi Định còn sống có phục-kích quân Pháp ở đây, song không rõ ngày tháng, và cuộc xáp chiến như thế nào ?

## IX

Tướng-quân đâu hời có hay chặng ?  
Sáu tinh cơ-đồ, nửa đã ngẩn. (1)  
Cám nỗi kiến ong ra sức đẹp,  
Quần bao sâu-một chịu lời nhăng. (2)  
Đá kêu rêu mọc bia Dương-Nghiệp. (3)  
Cỏ áa hoa tàn mà Lý-Lăng. (4)  
Thôi vây thời vầy, thôi cung vây,  
Anh-hùng đến thế dẽ ai dẵn ? (5)

## X

Dẽ ai dẵn-thúc lối sau nầy,  
Trời bởi chưa cho vội đồi xây.  
Thà buồi tràng-sa da ngựa bạc, (6)  
Khỏi nơi Đạo-chích tiếng muôn rầy. (7)  
Lục-lâm mẩy chặng hoa sầu bạn,  
Thủy-hử vì đâu nhặt rẽ bầy ?  
Hay vây cõi biên giang vó kỵ, (8)  
Náu-nương chờ vận có đâu vầy. (9)

---

(1) Biên-Hòa, Gia-Định và Định-Tường đã về Pháp do hòa-ước ký kết ngày 5 Juin 1862 (mồng 09 tháng 05 năm Nhâm-Tuất), còn Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên về trào-định Huế.

(2) Lời của kẻ tiêu-nhơn bàn tán.

(3) Danh-tướng đời Tống, cả nhà cha con đều giỏi, thời nhơn gọi chung là Dương-gia-tướng.

(4) Tướng đời Hán Yô-Đế, năm 99 trước Tây-Nguyên đánh Hung-Nô, kiết-lực phải qui hàng — sách *Nỗi lòng Đồ-Chiều*, trang 58.

(5) Dẫn thúc — sách đã dẫn cũng trang 58.

(6) Cảnh của chiến-sĩ khi thác giữa trận mạc.

(7) Chó của người ăn trộm tên Chich cứ sửa người lạ mặt.

(8) Vó ngựa hay ở đây là chiến-mã. Nếu trước rõ được cảnh chết như nay, thì lên ngựa đi nhậm chức lãnh-binh.

(9) Rồi lây lất chờ vận đỗ còn hơn.

## XI

*Đâu vầy sấm chớp nồ thình-lình,  
Gió bắt thêm buồn mẩy đạo binh.  
Ngựa trạm xăng-văng miền Bắc-khuyết, (1)  
Xe nhung ngơ-ngần cõi Tây-Ninh.  
Bài văn phá Lỗ, cờ chưa tể,  
Tấm bảng phong-thần gió đã kinh. (2)  
Trong cuộc còn nhiều tay tướng-tá,  
Lời nguyền trung-nghĩa há làm thính.*

## XII

*Làm thính hò đứng giữa hai ngồi, (3).  
Ném mật từ đây khó ngồi. (4)  
Mũi giáo Thi-Toàn đứng đê sét, (5)  
Lưỡi gươm Dụ-Nhượng phải toan giòi. (6)  
Đánh Kim (7) chi sá thằng Lưu-Dụ, (8).*

---

(1)•Tôi hai tiếng Bắc-khuyết, bắt người chú thích liên-tưởng tôi bài Văn-tể phò-mã Võ-Tánh và Thượng-Thư Ngô-Tùng-Cháu do Đặng-Đức-Siêu soạn :

*Sởa mũ áo lại về Bắc-khuyết, ngọn quang-minh hun-hút tấm trung-can...  
Bắc-khuyết : trên Bắc, khuyết là cửa cung, vây cửa cung trên Bắc là ở Huế đổi vị-trí Nam là Nam-Kỳ.*

(2) Đã qua, đã thỗi qua.

(3) Trời, đất.

(4) Ngồi trên gai, ném mật đắng như Việt-Vương Câu-Tiễn hồi lối năm 412 trước Công-Nguyên, đã làm vậy để nhớ mối thù Vua Ngô.là Phù-Sai.

(5) Thi-Toàn người trong truyện Nhạc-Phi, có chí phục thù cho Nhạc-Phi.

(6) Đời xưa, Dụ-Nhượng cứ đeo đắng ý-tưởng trả thù cho Tri-Bá.

(7) Nước Kim, hồi đời Nam-Tống, là một quốc-gia rộng lớn trên Bắc-Trung-Hoa.

(8) Người trong truyện Nhạc-Phi.

*Giúp Tống xin phò gã Nhạc-Lôi. (1)  
Dâng hô nước Nam về một mổi,  
Ngàn năm miếu-vũ rạng công tôi.*



## **Văn-té Phó Quản-Cơ TRƯƠNG-BÌNH (2)**

---

*Hơi ôi!*

*1.— Giặc cỏ bồ lan;*

*Tướng-quân mắc hại!*

*2.— Ngọn khói Tây-bang (3) đóng đó, cõi Biên (4)  
còn trống đánh sơn-lâm;*

*Bóng sao Vũ-Khúc (5) về đâu, đêm thu vắng  
tiếng canh dinh trại. (6).*

*Nhớ tướng-quân xưa;*

*3.— Gặp thuở bình cư,*

*Làm người chí đại.*

---

(1) Tôi thần nhà Nam-Tống, con của Nhạc-Phi.

Mười hai bài bát-cú trên đây trích sách *Nỗi lòng Đồ-Chiều* những trang 55, 56, 57, 58 và 59.

(2) Tuy hồi qui-tiên, Định không còn chức-tước của triều-định Huế đối với con mắt người Pháp, nhưng bên trong triều-định Huế khuyến khích và dân-chúng kháng-chiến ủng-hỗ, nhứt là Đồ-Chiều thì thế nào không gọi là Bình-Tây Sát-Tả tướng-quân hoặc là lãnh-binh Định, chờ đâu gọi là Phó Quản-Cơ. Chắc là sự sơ suất của Võ-Sâm?

(3) Nước ở hướng Tây tức là Pháp-quốc.

(4) Cõi Biên. Nếu viết Biên B hoa thì là Biên-Hòa, ở đây tôi nghĩ không phải là Biên-Hòa mà là cõi giáp-giới với tỉnh khác, vì về dưới tiếng thu là danh-từ chung.

(5) Sao của người chuyên-nghiệp võ.

(6) Trích ở sách *Nguyễn-Đinh-Chiều*, Nguyễn-Bá-Thể, trang 118.

*4.— Từ thuở ở hàng viễn-tử*

· pháp-binhh trăm trận đã lâu.  
Đến khi ra quản đồn-diền,  
võ-nghệ mẩy ban cung trãi.

*5.— Lúc giặc đánh tới theo quan Tông-Đốc, (1)*

trường thi, mò súng,  
tron mẩy nǎm ra sức tranh tiên ;  
Lúc cuộc tan về ở huyện Tân-Hòa,

đắp lũy, hàn sông, (2)  
giữ một gốc bảy lòng địch-thái. (3)

*6.— Chợt thấy cảnh buồm lai sứ (4)*

việc giảng-hòa những tưởng rằng xong ;  
Đã dành tấm giấy tựu phong (5)  
phận Thiên-tử (6) há đâu dám cãi.

*7 — Bởi lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử chiểu,*

đón ngăn mẩy dặm mǎ tiền ;

Theo bụng dân phải chịu tướng-quân phù (7),  
gánh vác một vai khôn ngoại.

*8.— Gồm ba tinh dụng cờ phẩn nghĩa,*

sĩ-phu làm kẻ vui theo ;

Tóm muôn dân gầy sồ mập quân,

luật-lịnh nào ai dám nhại. (8)

---

(1) ?

(2) Đóng nọc và đề các chướng-ngại vật khác.

(3) Kháng-cự chống người nghịch mình.

(4) Thứ hai 26-5-1862 hay là 28 tháng tư năm Nhâm-Tuất giờ, dần (từ 15 giờ đến 17 giờ) thuyền sứ bỏ neo ở bến Gia-Định-Thành là Saigon bây giờ.— B. A. V. Huế, 1918, No 4.

(5) Cấp bằng lãnh-binhh.

(6) Chỗ này Thiên-tử mới phải.

(7) Ấm, Tướng-Quân phù phải ở triều-đình Huế ban, hay là dân-chúng tôn lên mà được ?

(8) Dẽ người — Nội lòng Đồ-Chieu trang 98.

9.— Vǎn thì nhờ Tham-biên, Thương-biên,  
giúp các cơ bàn-bạc nhung công.

Võ thì dùng Tông-binh, Đốc-binh,  
coi mẩy đạo sửa sang khí-giới.

Thương ôi !

10.— Tiễn vàng ơn chúa, trót đã rõ-ràng  
Ấn bạc mưu binh, nào từng trẽ-nải,

11.— Chí lầm dốc cờ xuê lô bố (1),  
chói sắc giữa trào ;  
Ai muôn đêm gươm báu cang tương (2),  
chôn hơi ngoài đì.

Há chẳng thấy ?

12.— Sức giặc Lang-Sa,  
Nhiều phương quỉ-quái.

13.— Giăng dưới nước tàu đồng tàu sắt,  
súng nồ quá bắp rang.

Kéo lên bờ Ma-ní (3), Ma-tà (4),  
đạn bắn như mưa vãi.

14.— Dầu những đại-đồn (5) thuở trước,  
cũng khó toan đè trứng ngàn cân ;  
Huống chi cô lũy (6) ngày nay,  
đâu dám chắc treo mành một dải

---

(1) Lộ bố : Bức thơ báo-cáo việc thắng trận.

(2) Cang. Chữ cang này phải không g.

Tên một thanh gươm báu xưa, gươm trống gọi là can-tương, gươm mái gọi là mạc-gia.

(3) Bình Tagals ở Phi-Luật-Tân mà Ma-Ní (Manille) là đế-đô.

(4) Lính Việt theo về Pháp buồi ban đầu.

(5) Đại-đồn là đồn Kỳ-Hòa đắp lên hồi 1860.

(6) Cô lũy là lũy đứng một mình.

*Nhưng vậy mà.*

*15.— Vì nước tắm thân đã nấy :*

*còn mất cũng cam ;*

*Giúp đời cái nghĩa đáng làm :*

*nên hư nào nại.*

*16.— Rạch-Lá, Gò-Công (1) mẩy trận,  
người thấy đã kinh ;*

*Cửa Khâu (2), Trại Cá (3) các nơi,  
ai nghe chẳng hãi.*

*17.— Nào nhọc sức hô tào (4) biên sô, lương tiền nhà ruộng,  
cho một câu háo nghĩa lạc quyền ;*

*Nào nhọc quan võ-khổ bình-cân (5) thuốc đạn ghe buôn,  
quyền bốn chữ giang thương đạo tải.*

*18.— Núi đất nửa năm ngăn giặc (6) nào thành đồng  
lũy sắt các nơi.*

*Giáo tre ngàn đậm đánh Tây,  
là ngựa giáp xe nhung mẩy cái.*

*Ôi !*

*19.— Chí dốc đem về non nước cũ, ghe phen hoạn nạn,  
cây thương phá lõi (7) chưa lia ;*

---

(1) Các chiến-tích này không còn lưu lại để làm giàu cho lịch-sử.

(2) Cửa Khâu (xem chú-thích bài thơ thứ tám ở một trang trước).

(3) Xem chỗ bản phúc-trình của Bonard.

(4) Một chức-vụ chia nhiều bộ-phận, mỗi bộ-phận gọi là tào. Ở đây những quan coi sở tiền bạc, lúa thóc.

(5) Giang thương do giang thâu đạo tải.

(6) Ám-chỉ lúc ở Gò-Công, nhưng ở đây từ 1-3-1861 đến 26-2-1862 tổng cộng là mươi tháng hai mươi sáu ngày.

(7) Tôi mọi tiếng ám-chỉ hạng-thấp.

*Nào hay trở lại cảnh quê xưa, nhăm măt lâm chung,  
tăm bắng phong-thần vội oái (1).*

**20.** - *Chạnh lòng quân-sĩ, thương quan Tướng (2),  
nhắc quan Tướng (3), chiu chít như gà :*

*Bực trí nhân-dân, giận thăng tà, mảng thăng tà,  
om sὸm như nhái.*

*Ôi !*

**21** — *Sự thế hời (4) bên Hồ, bên Hớn (5),  
bao giờ về một mối xa thơ ?*

*Phong cương còn nửa Tống nửa Liêu (6),  
đâu nỡ hại một tai (7) tướng soái !*

**22.** — *Nào phải kẻ táng sư (8) đầu giặc,  
mà đê nhục miều đƯờng ;*

*Nào phải người kiều chiểu (9) đánh (10) phiên,  
mà gây thù biên tái ?*

**23.** — *Hoặc là chuông một lời hòa-nghi,*  
*vận Nam-Thiên phải bắt Nhạc-Phi về ;*

*Hoặc là lo trám họ hoành la (11)  
thời U-địa (12) chẳng cho Dương-Nghịệp lại.*

---

(1) Quẩy là mang lên vai mới trúng.

(2) và (3) Hai tiếng này phải viết bằng t không hoa.

(4) Đầu ngã mới có nghĩa. Đây chắc lỗi in.

(5) Rợ phía Bắc Trung-Hoa gọi là Hồ, Hớn là tên triều-đại xứ Trung-Hoa, xung đột lẫn nhau với Hồ (năm 425 trước Công-Nguyên tới năm 196) ?

(6) Một triều-đại Trung-Hoa gọi là Tống, một triều vua ở Bắc Trung-Hoa gọi là Liêu, tương-khắc với nhau.

(7) Y chờ không i.

(8) Giải bình chỗ này tán không g.

(9) Giả chiểu Vua ra.

(10) Chỗ này tiếng hòa phải hơn là đánh

(11) Giăng rộng ra.

(12) Tên một châu trong cửu-châu Trung-Hoa, tức là đất Bắc-kinh ngày nay.

24.— Vì ai khiến đưa chia khǎn xé,  
nhìn giang-sơn ba tỉnh luống thêm buồn ;

Biết thuở nào cờ phất trống rung,  
hỡi nhặt nguyệt hai vầng sau (1) chẳng đoái !

25.— Còn chi nữa ; cõi cô thế riêng than người khóc tượng (2),  
nhǎm mắt rồi may rủi một trường khôngh;

Thôi đã dành : bóng tà dương gãm ghé kẽ day đòng,  
quay gót lại hơn thua trăm trận bãi.

Ôi !

26.— (3) Làm ra có ăγ, tạo-hóa ghét nhau chi ?  
Nhắc đến đoạn nào, anh-hùng roi lụy mãi !

27.— Cuộc trung-nghĩa hai năm làm đại-tướng,  
nhọc nhǎn vì nước.  
nào khὸn (4) tiểng thi, tiểng phi ;

Cõi An-hà (5) môt chúc chiu Lanh-binh,  
lây lắt theo thời,  
chưa chắc đâu thành, đâu bại.

28.— Khóc là khóc : nước nhà cơn bão loạn,  
hôm mai vắng chúa,  
thua buồn nhiều nỗi khúc nỗi ;

Than là than : bờ cõi lúc qua phân (6),  
ngày tháng trông vua,  
ngơ-ngần một phuờng trẻ dại.

---

(1) Sao mới phải.

(2) Người khóc tượng là người khóc hình vẽ.

(3) 26 mà biên 28, đầy chắc lỗi in.

(4) Sòn là nao núng thay vì khὸn là mòn (Việt-Nam Tự-Điển).

(5) Châu-Đốc.

(6) Xắt đưa. Ở đây chia xẻ ba tỉnh miền Đông về Pháp, còn lại ba tỉnh về trào-dinh Huế.

29.— *Tướng-quân còn đó, các nơi đạo-tặc thảy kiêng-dè;*  
*Tướng-quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa-binh thêm bái-xái.*

30.— *Nào dã dăng mấy hối thích-lý,*  
*màng hùm (1) che mặt rồng xuê:*

*Thà chẳng may một giắc chốn truwong-sa,*  
*da ngựa bọc thây mới phải.*

*Ôi !*

31.— *Trời Bến-Nghé (2) mây mưa sùi-sụt,*  
*thương đương anh-hùng gặt lúc gian-truân (3);*

*Đặt Cò-Công cây cỏ ủ-ê;*  
*cám niêm thần-tử hết lòng trung-ái.*

32.— *Xưa còn làm tướng,*  
*dốc rạng giời hai chữ bình Tây ;*

*Nay thác về thành (4)*  
*xin dung hộ một câu phục thái (5).*

Phù-Lang  
TRƯƠNG BÁ-PHÁT

Thảo cảo 8 - 6 - 1963  
Cảo thành 7 - 8 - 1963

---

(1) Màn không có g mới trúng. Màn có vẽ hình con hổ, nơi ngươn-soái đặt Tống Hành-Dinh.

(2) Tên chữ nho là *Ngưu-chủ*, *Ngưu-tán*, và ngày nay là Saigon.

(3) Vất-vả, khổ-cực.

(4) Thần mới phải thay vì thành.

(4) Trở về nơi Thái túc là cõi vĩnh viễn — trong sách *Nỗi lòng Đồ-Chiềa* những trang 96, 97, 98, 99, 100, 101 và 102, sách này cũng rút Thi-phú văn-tù của Võ-Sâm.

## TẤM BIA LỊCH SỬ

Qui bạn có bà con hay anh em chôn ở nghĩa-địa đô-thành Sài-gòn đường Phan-Thanh-Giản hay nói theo bình-dân là « *đất thánh Tây* », mà người ta gọi không trúng là ở đường Mạc-đinh-Chi, hoặc là không có bà con gì yên giấc ngàn thu trong đó cũng vậy, cứ lễ các Thánh là vô chốn ấy thong-thả. Tôi mới vô hòm 1 tháng 11, rồi với anh Minh-Kha, một là thăm mộ của bạn tôi cất táng ngày 4-9 và hai là dắt Minh-Kha lại tấm bia lịch-sử đề coi. Bia này tôi biết nó từ năm 1960, sau khi xem *Văn-hóa Nguyệt-San* số 50 ấn-hành hồi tháng 5 năm ấy, bài của Tân-Việt-Điều.

Chúng tôi qua khỏi cửa, quẹo mé trái, đi thẳng tới mút đường lại rẽ bên mặt. Một bạn tôi ở lô tay mặt. Vào kiểm viếng xong xả, tôi lại trở ra đường và đi tới lối trước nhà quản. Khỏi đường nách số 9 một chút tại lô 23, chúng tôi đã trông thấy tấm bia lịch-sử mà đứng ngoài thấy một thập-tự sơn đen, dưới có chữ đẽ như vầy :

### CI - GÎT

*Barbe capitaine dinfanterie de Marine,*

*Tue dans une embuscade.*

*Le 7 Décembre 1860*

*Souvenir de ses camarades*

(Các tiếng *Barbé* không dấu sắc, *d'infanterie* cũng không dấu phết trên và tué cũng vậy).

Tôi xin phép múa búa trước mặt thợ mà dịch rằng :

Đây nơi an nghỉ :

Barbé Đại-úy lục-quân thủy-chiến

Bị giết trong một cuộc phục-kích

Ngày 7 tháng 12 năm 1860

(thứ sáu, 25 tháng 10 năm Canh-Thân)

Kỷ-niệm của các bè-bạn.

Chúng tôi vô vong rào bông bẹp đê coi, và đồng thấy những tiếng ấy khắc bấm vào tấm bia và vẽ sơn dầu đen.

Rồi thấy chỉ chít những chữ Hán, có chỗ đọc được, sáu chục phần trăm là đọc không được vì lẽ bị người tẩy xóa, và mưa nắng.

Anh Minh-Kha ráng đọc, nhưng kết-quả ít ỏi lắm, vì anh nói mỗi một hàng chữ mất hết nửa, thành thử các chữ còn lại tối nghĩa hết. Tôi bảo anh ráng coi thử, anh xem nơi bìa trái của tấm bia thấy chữ còn rõ, và đọc cho tôi chép lại:

*Thái-Bảo Căn-Chánh-Điện Đại-Học-Sĩ Đức-Quốc-Công  
Phạm-Trung-Nhã Công Mộ Bia Minh.*

Nơi bìa mặt của tấm bia:

*Tự-Đức thập-tam-niên, thập nhị ngoặt kiết nhứt*

*Sắc-Soạn (rồi kể hàng chữ coi không rõ)*

*Hiép-Biện Đại-Học-Sĩ . . . . . Phan-Thanh-Giản  
. . . . quận Hình-Bộ Thương-Thor Trương-Quốc-Dụng-phụng*

Phạm-trung-Nhã là tên thụy của Phạm-Đăng-Hưng. Tự-Đức thập-tam niên thập-nhị ngoặt... là năm Canh-Thân (1860) tháng Chạp, ngày tốt (chưa biết ngày nào).

Phạm-Đăng-Hưng là thân-sinh của Từ-Dũ túc Nghi-Thiên Chương Hoàng-Hậu, vợ vua Thiệu-Trị.

Ngoài Huế, khi thợ khắc xong, tấm bia được đưa xuống ghe vào hải-phận Nam-Kỳ bị bọn Pháp gấp cướp lấy và sẵn đó lấy tấm bia ấy, khắc thêm chữ Pháp chõng lên và dựng trên mộ của *Barbé* để kỷ-niệm.

Tấm bia này bằng cẩm-thạch loại xấu, có lỗn sạn, mới trông  
thì làm như bằng gra-ni-tô.

Bề cao độ 1 th 70

Bề ngang lối 1 th

Bề dày lối 0, th 25

Dụng trên một cái dài:

Bề cao chừng 0, th 60

Bề dài lối 1, th 40

Bề rộng lối 0, th 50



« Tấm bia lịch sử » được chụp ngày 28-7-66. Bản văn bia này do Phan-Thanh-Giản và Trương-Khắc-Dụng phung sắc thảo bằng Hán tự, nay còn đọc được, tuy một đôi chữ hơi mờ, chúng tôi sẽ xin trả lại bản văn bia này trong một dịp khác gần đây.



Ảnh chụp không trông thấy những hàng chữ Hán. Hình trên từ trái qua phải: Ông Phù-Lang, Giáo sư Phan-Khoang và bôn báo chủ nhiệm, đến coi «tấm bia lịch sử» trên.

Đặc-biệt của tấm bia là kiều-thức chạm theo người Việt.

Mé trên cao thế của bia, trồ Lưỡng-Long triều nguyệt và mây bay.

Kế đó là khuôn tấm bia.

Bề trên «hai rồng giốn châu», hai bla đứng chạm nhánh lá hóa đầu rồng, ở dưới chân bia có tạc mây bay và mặt thủ-quyền.

Hai bên hông, bên trên và dưới chân tấm bia, bốn miếng đá chạm dây lá, làm trang-trí cho tăng thêm vẻ hoa-mỹ.

Phần của đài, mặt rồng ngang chạm ở trước, hồi-văn qua tuốt hai mặt hai bên, nhưng không có rồng ở hai mặt này.

Tất cả, tấm bia và đài đều làm trong một khối cẩm-thạch, cái khéo, cái hay ở chỗ ấy.

Chúng tôi trông qua, tấm tắt khen hình-thức của bia. Tôi nhón ý nói với Minh-Kha:

- Tấm bia này phải để chỗ này chăng ?
- Tôi tưởng không phải.
- Tôi cũng vậy. Nó phải ở trong Viện-Bảo-Tàng, nơi để Mỹ-thuật Việt-Nam, theo ảnh Phan-Thanh-Giản mới hợp lẽ.

Anh Minh-Kha tiếp :

— Vậy thì phải lắm, vì tấm bia này có một tiêu-sử khá quan-trọng dính-dáng đến hồi. Việt chổng Pháp xâm-lăng.

Tôi không nói nữa, vì ở đây không phải là nơi của tôi đáp lời mà Viện-Khảo-Cồ mới đủ thẩm-quyền để phúc-đáp.

Rồi lìa tấm bia ấy, chúng tôi đi xem qua các nhà mả khác.

Ngày 5-11-1965

Phù-Lang  
TRƯỞNG-BÁ-PHÁT

HÃY TÌM ĐỌC ĐẶC-SAN PHỐ-BIẾN HẠN CHẾ

## THÁI - ĐỘ

★ TIẾNG NÓI CỦA NHỮNG NGƯỜI TRẺ KHÔNG MUỐN ĐẦU HÀNG CỘNG-SẢN, CÙNG KHÔNG MUỐN CHIẾN-ĐẤU ĐỂ BẢO-VỆ TƯ-BẢN ĐỊA-CHỦ.

## NHỮNG SÁCH, TẠP-CHÍ DÙNG KÊ CỨU

- 1) *Đại-Nam Nhất Thống-Chí, Lục-Tỉnh Nam-Việt*, tập thương, dịch-giả: Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, 1959.
- \*2) Nguyễn-bá-Thế, *Nguyễn-đình-Chiều*, tủ sách những mảnh gương; Tân-Việt 1957.
- 3) Phan-văn-Hùm, *Nỗi lòng Đồ-Chiều*, in lần thứ hai, loại sách tóm hiểu, Tân-Việt, 1957.
- 4) Nguyễn-bá-Thế, *Tôn-Thợ-Tường*, nhà xuất-bản Tân-Việt 1957.
- 5) Lê-Thần Trần-Trọng-Kim, *Việt-Nam Sử-Lược*, quyền hạ, in lần thứ hai, nhà in Vinh và Thành, Hà-nội, 1928.
- 6) Nguyễn-như-Lâu, *Hai trăm năm dương-lịch và âm-lịch đổi chiếu 1780 - 1980*, nhà in Man-Sanh.
- 7) *Địa-dồ Hành-Chánh Nam-Phần*; tỷ-lệ  $\frac{1}{200.000}$  do Nha Tông Giám Đốc Địa-Chánh Việt-Nam, 1960.
- 8) Địa-dồ xứ Nam-Kỳ tùy theo công-tác thi-hành năm 1859, 1860, 1861, 1862 trong quyền *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* của Léopold Pallu, Paris, Librairie L. Hachette et Cie, 77 boulevard Saint-Germain, 1864 (do Viện Khảo-Cồ Saigon tàng-trữ).
- 9) Đại-ý Lucien Grammont, Địa-dồ tạm xứ Nam-Kỳ, vẽ tại Saigon 1859-1863 ngoài sau sách *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine* Paris, Challamel-Ainé Libraire Editeur, 30 rue des Boulangers, 1863 (do Viện Khảo-Cồ tàng-trữ).
- 10) Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine*; tome I et II, Paris, Challamel-Ainé, Libraire Editeur, 30 rue des Boulangers et rue de Bellechasse 27, 1874.
- 11) Léopold Pallu de la Barrière, *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861*, Berger-Levrault éditeur, Paris-Nancy, 1888.
- 12) Alfred Schreiner, *Abrégé de l'Histoire d'Annam*, deuxième édition, Imprimerie Coudurier et Montégoût, Saigon 1906.
- 13) Henri Bouchot, *Documents pour servir à l'Histoire de Saigon*; Imprimerie Albert Portail, 1927.

- 14) Dürwell, *Ma chère Cochinchine*, (thơ-việt Société des Etudes Indo-chinoises ở Thảo-Cầm-Viên tàng trữ).
- 15) *Phan-Thanh-Giản et sa famille d'après quelques documents annamites*, recueillis, traduits et annotés par Pièrre Daudin en collaboration avec Lê-văn-Phúc, Saigon, Imprimerie de l'Union Nguyễn-văn-Của, 57, rue Lucien Mossard, 1941.
- 16) A Despois et Mme Labérenne, *Lectures morales*, Paris, Imprimerie Delagrave, 15, rue Soufflot.
- 17) Lucien de Grammont, *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine*, Paris, Challamel-Ainé, Librairie Editeur, 30, rue des Boulangers, 1863.
- 18) *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19ème année No 1, Janvier-Mars 1932.
- 19) *Le rapport de Phan-Thanh-Giản et de Lâm-Duy-Hiệp sur leur mission à Saigon, auprès de l'Amiral Bonard et Palanca dans Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 1918, № 4.
- 20) Tạp-chí *La France en Cochinchine*, revue du Monde Colonial, asiatique et américain, organe politique des deux mondes, publié sous la direction de M.A. Noirot, 6ème année, 2ème série, No 4, tome XI ème — Avril 1864, 3 rue Christine Paris.
- 21) *Notes pour servir à l'établissement du protectorat français en Annam*. Une réunion du Haut-Conseil par Lê-Thanh-Cảnh, *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 24 ème année, No 4, Octobre-Décembre 1937.
- 22) *Văn-Hóa Nguyệt-San*, số 50, tháng 5, năm 1960, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.
- 23) Sách chữ nho :
- Đại-Nam Chánh-Biên liệt-truyện, tập 2, quyển 38, trang 26 a và b.
- 24) *Vương-hồng-Sên*, Saigon Năm Xtra, Tự-Do xuất-bản, Saigon, 20-9-1960.
- 25) Nguyễn-Huỳnh-Mai, Võ-Tánh, Trương-Định. *Hai vị anh hùng đất nước Gò-Công*.

Hai ảnh chụp trong sách *La geste française en Indochine*, tác-giả Taboulet, Tome II, Adrien, Maisonneuve, Éditeur, 11 rue Saint-Sulpice, Paris 6ème, 1956.

Hai ảnh mà chụp tại chỗ ở Gò-Công.

# VÀI GIAI-THOẠI CÓ DÍNH LÍU TỚI CỤ LÃNH-BINH TRƯƠNG - ĐỊNH

■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ LÊ - THỌ - XUÂN

Những tài-liệu Sứ-Địa nước nhà về sách vở và hình chụp mà tôi từ tìm-tòi gom-góp trong ngót hai mươi năm trời từ vàm sông Ông Đốc đến tận đinh Hùng-Sơn, đã bị mất cả trong cơn binh-lửa.

Mà anh chị em trong nhóm chủ trương tập-san Sứ-Địa cố dời ở tôi một bài khảo-cứu. Dám khảo-cứu Sứ-Địa bằng « tuồng bạng » hay bằng tri-nhớ thì áu cũng là quá bướng và... quá chướng.

May thay, tôi có một lối thoát !

Anh chủ-nhiệm tập-san Sứ-Địa vừa gửi đến tôi một bài thơ « Phát riêng » với con dấu Bưu-diện Saigon 24-6-1966. Anh mong tôi giúp cho những giai-thoại về Cụ Lãnh-binhh họ Trương.

Vậy, hôm nay, giữa đêm mưa tầm-tã, trong cảnh tịch mịch thôn-quê, từ xa vọng lại âm-lại những tiếng đại-bác hoặc như canh-phòng hoặc như bắn phá, tôi trình-trọng chép lại vài giai-thoại có dính-dáug tới Cụ Trương, trừ một giai-thoại mà bà con Gò-Công thường nhắc là « Hồn Cụ Lãnh-binhh Trương đã vật Lãnh-binhh Tân hộc máu mà chết ».

## I.— TÊN HỌ CỤ LÃNH BINH.

Tôi nhớ là từ khi tôi bắt đầu nghe, thuật chuyện vị anh-hùng « Cửa-Khâu, Trại-Cá, Rạch-Lá, Gò-Rùa » này, hay đọc những sách chữ Hán và chữ Pháp chép về vị « Cõi An-Hà một chức chia Lãnh-binhh » này, tôi quen với hai chữ họ tên : TRƯƠNG-ĐỊNH.

Năm xưa, chính Ông Nguyễn-Đinh-Chiêm, em ruột bà Sương-Nguyệt-Anh, con Cụ Nguyễn-Đinh-Chiểu, khi đọc cho tôi chép bài văn-té và 12 bài liên-hoàn của Cụ Nguyễn-Đinh-Chiểu khóc Cụ Lãnh-binhh, cũng bảo với tôi là Cụ Lãnh-binhh họ TRƯƠNG tên ĐỊNH,

Gần đây, tôi mới thấy sách chữ Việt chép ba chữ *Trương-Công-Định* cũng như bảng tên đường gần chợ Bến-thành.

Tôi ngờ rằng ai kia đã đọc được một văn liệu nào nói về Cụ Lãnh-binh bằng chữ Hán với ba chữ *Trương-công-Định*, nên chép lại như thế. Chữ công đây phải chăng có nghĩa là « Ông » như Quan-Vũ nhà Hán thì được gọi là *Quan-Công* (Ông Quan, ông họ Quan), Bao-Chửng nhà Tống thì được gọi là *Bao-Công* (Ông Bao, ông họ Bao) ?

Và lại, văn xưa cũng có đậm chữ « công » trước tên để tỏ lòng sùng-kính, như bài của Cụ Phan-Thanh-Giản soạn trong dịp di-táng phần-mộ Cụ Võ-Trường-Toản, chỉ mòn-sanh Cụ Võ thì viết : *Trịnh-công Hoài-Đức, Lê-công Quang-Định, Ngõ-công-Tinh...*

Hoặc-giả người nào đó đã có đọc những chữ còn lại trên mảnh bia trước kia của Cụ Lãnh-binh, như tôi sẽ thuật sau đây ?

Thêm một điều cũng đáng ghi-nhớ là thân-phụ của Cụ Lãnh-binh tên TRƯƠNG-CẨM và con của Cụ Lãnh-binh tên TRƯƠNG - HUỆ (1), một người cũng theo đuổi việc đánh Tây cho đến chết và trong quyển  *Abrégé de l'Histoire d'Annam*, Alfred Schreiner đã chép ra « Trương-Huệ ».



## II.— MỘT « KÝ - VẬT » KHÔNG CÒN NỮA.

Hồi trước, đã nhiều lần tôi đến Gò-công để ăn bắp Sơn-quí của song-thân bà Từ-Dũ, để xem lẽ Cúng Ông (2) ở Vầm Láng, nơi dựng-vô đắc thê của Cụ Lãnh-binh họ Trương.

Tôi đã đến chụp hình mảnh Lãnh-binh Tấn để làm tài liệu, cũng như đã đến nhà thờ của Tấn để đọc lại đôi đói treo ở cữa giữa mà

(1) Chữ 稹 này đọc Huệ theo âm trong Nam mà đáng lẽ phải đọc Tuệ (bông lúa). Trương-Huệ còn có một tên nữa là Quyền, và vì là con cả của Cụ Lãnh-binh, nên được người đương thời gọi là « Cậu hai Quyền » (Tại miền Nam, người con cả gọi là thứ hai).

(2) « Ông » đây là Cá Ông.

tôi chỉ nhớ ba chữ chót về trước là « *Khinh nhứt trích* » và bảy chữ chót về sau là « *kết dương công luận phó thiên thu* ».

Ba chữ « khinh nhứt trích » gợi lại câu thơ bắt-hủ của Lý Bạch « *Thái-son nhứt trích khinh hồng-mao* » và câu dịch quá hay trong « *Chinh-phu-ngâm* » : *Gieo Thái-son nhẹ tưa hồng-mao*, khiến cho tôi đương đứng trước bức ảnh rọi ló-n của Lãnh-binh Tấn trên chánh điện mà miên-man liên tưởng tới Cụ Lãnh-binh họ Trương, con người đem cái chết đáng lý phải nặng như Thái-son mà « cân » nhẹ còn hơn lông con chim Hồng.

Đến như nêu trước mặt Lãnh-binh Tấn bảy chữ « *kết dương công luận phó thiên thu* » (khen chê công-luận mặc ngàn thu), thì ta mới nghĩ sao đây ? Nhứt là người để tặng đôi đói này là ông Tôn-Thợ-Tường. Ai cũng biết : đôi với Pháp thì Tường với Tấn là hai người trong những kẻ ra hợp tác sớm nhất, mà đôi với đồng-bào thì Tường còn chút lương tâm hơn Tấn. Cũng dành : « *rằng hay thì thật là hay* », nhưng Tôn khen chẳng. Tôn mỉa chăng ? Thôi dành : phó cho « *ngàn năm bia miệng mặc khen chê* »...

Tôi cũng còn nhớ là sau khi chụp kỹ hình dài kỷ-niệm Lãnh-binh Tấn trước sân chợ Gò-công — một « *kỷ-vật* » nay không còn nữa, — tôi rất hài lòng mà bảo anh bạn — một công-chức như tôi — rằng :

— Nhờ anh đưa đến đây, tôi chụp cái dài này rất kỹ, chụp cho thật rõ cái câu kỷ-công này chạm sâu trên đá ở chon dài : « *A la mémoire du Lãnh-binh Tấn, grand serviteur de la France* » (1) Anh coi: người viết chính là người Pháp mà người đọc lại chính là người Việt, như anh và tôi.

— Nghĩa là...

— Nghĩa là người viết định nghĩa chữ « *serviteur* » là người giúp việc, người có công; còn người đọc thì hiểu nghĩa... như anh và tôi.

---

(1) Theo *Abrégé de l'Histoire d'Annam* thì câu này: « *A la mémoire du Lãnh-binh Tấn, Chevalier de la légion d'honneur, fidèle et courageux serviteur de la France* ».

— Là nghĩa làm sao ?

— Thì còn làm sao nữa ? Một ngàn lần, anh và tôi gởi đơn cho bồ-trên thì đều đủ một ngàn lần dưới chót phải có mấy chữ « Votre très humble et très obéissant serviteur » rồi mới dám ký tên. Nghĩa là serviteur là dày-tó, nghĩa mấy chữ trên là « Tui đây là tên dày-tó quá đỗi thấp-hèn và rất dễ sai-khiển của Quan-Lớn », hiểu chưa ?

— Vậy câu ở bài này nếu dịch cao-cao theo Tây thì là « Đế kỷ-niệm Lanh-binh Tán, người giúp việc rất dày công của Đại-Pháp », bằng dịch dốt-dốt theo kiểu « an-nam-mít », thì là... nghe kỳ quá !



### III.— LẠI MỘT « KỶ - VẬT » KHÔNG CÒN NỮA.

Tôi cũng cùng anh bạn đến viếng một « kỷ-vật » khác. Nhưng khi gần đến một ngã-tư thì anh đứng lại và bảo :

— Anh đi một mình, quanh qua tay mặt, đến cái cửa sắt nhỏ bên tay trái là đó. Và nhớ đừng nói là tôi đưa đường chỉ chõ da !

— Sao vậy ?

— Sợ lính-kín sẽ « phi-lê » (1) hoặc ông xếp đòi hỏi thì mệt, biết hồn. Mà anh đi thì đi chớ chưa chắc là được lại gần.

— Sao vậy ?

— Vì chủ nhà, chủ đất sợ, e không nói thiệt. Họ sợ nhà cầm-quyền quở sao họ cho anh xem, và có khi họ cũng sợ anh là lính-kín muốn thủ họ, và họ cũng sợ giùm cho anh nữa. Lôi-thôi lầm, tùy anh.

Tôi « lẩn-mò » đến. Một hàng rào chạy dài theo lề ; khỏi cái cửa ngõ sắt đến một cửa ngõ sắt khác nhỏ hơn, vừa một người đi. Tôi rảo qua rồi rảo lại, nhìn vào. Bên trong cửa sắt nhỏ có một ngôi mộ cổ ; bên trong hàng rào và cửa ngõ rộng là một ngôi nhà xưa khá lớn, tủ cẩn, độc-bình quý giá. Ngôi mộ và ngôi nhà cách nhau bởi một sân rộng, cỏ mọc

---

(1) Theo dõi.

cao, chứng rõ là người trong nhà này ít khi ra mộ, và chắc-chắn là ai có đến thăm mộ vào ngày lễ nhứt-định nào thì phải do cửa sắt nhỏ mở có lúc có giờ, chứ không được vào cửa ngõ dành riêng cho nhà này.

Mà mình không phải thân-nhân của kẽ nằm dưới mồ và cũng không phải gặp ngày lễ được mở cửa sắt nhỏ. Thấy một người đờn-đong đứng tuổi, tóc chải láng, mặc bộ đồ bà-ba trắng tinh, đương sắm-soi cây-kiêng trong chậu to-tuồng, tôi gõ cửa xin vào. Nhờ có áo hành-tô và cà-vạt rất mực dàng hoàng, tôi được chủ nhà ra tiếp.

Sau khi khen cội trắc-bá-diệp uốn đúng thức, cái tó Nội-phủ rất hiếu, bộ ghế ngồi trang-nhã, sách báo có giá-trị, tôi khen trà ngon, rồi châm r菴 phân-trần :

— Thưa ông, tôi từ Sài-gòn xuống, nghe nói ngôi mộ này là mộ quan-lớn dàng cựu.

Tôi vâng ngạc-nhiên, ông dè-dặt đáp :

— Phải ! Mà không biết hồi trước bà ngoại tôi có bà - con chị không hay nghe ai nói sao đó mà cho chôn ở đó ; lúc sau này không có ai thăm-viếng sửa-sang nên cũ-kỹ và u-trệ quá.

— Xin ông cho phép tôi ra xem một chút.

— Thị ngồi đây cũng thấy rõ, cần chi ra đó. Mộ cũ quá, hư nhiều.

— Thưa ông, tôi tìm học lịch-sử nước-nhà nên được xem mộ nào càng cũ càng xưa càng quý.

Tôi lại nài xin. Ông gượng-gạo :

— Được, mời ông ra xem, miễn ông nhớ là không phải tôi chỉ bảo !



Ngôi mộ vôi khá lớn, xung-quanh có vòng thành thấp mà rộng. Quanh vòng thành mộ, ông chủ đất cho dựng vò-sổ tàu dừa đã róc sạch lá, phơi để làm cùi.

Tôi vác mớ tầu dừa dẹp qua rào. Tôi kính-cẩn tưởng-niệm tiền-nhân. Tôi rất xúc-động khi chép mộ-bia. Tôi thận-trọng chụp hình tấm mộ-bia đún ba lượt, cốt sao cho được một tấm ảnh thật rõ từ nét, từ chấm, từ lỗ nhỏ lấm-tắm trên bia, một tửm bia hi-hữu. Tôi nhớ như những chữ trên là : « *Đại-Nam lanh An-Hà Lanh-binh kiêm Bình-Tây Đại Tướng-Quân* », và tôi nhớ: chắc-chắn sáu chữ chót là : « *Trương-Công huý ... chí mộ* ».

Tại sao tôi rất xúc-động khi chép mộ-bia ? — Tại sao có những lỗ nhỏ lấm-tắm gì trên bia mà tôi phải chụp ảnh cho thật kỹ ?

Thưa quý bạn, đó là một tấm mộ-bia bị ... BĂM ! Tôi còn nhớ rõ chỗ hai chữ « *Bình Tây* » thì bị băm mà vẫn đọc và đoán ra được, đến như cái tên của Cụ An-Hà Lanh-binh sau chữ « *huý* » thì bị băm nát một cách cẩn-thận và tàn-nhẫn, bị lấy đục đá đục lầm nhầm tui không còn rõ một nét nào !

Nhài chǎng hồi Cụ Trương mới dồn xong nợ nước, người Pháp phẫn thi trọng Cụ, phẫn thi muốn mua-chuộc dân-tâm nên cho phép xây mộ dựng bia hằn-hỏi ; rồi về sau, mấy tên Việt-gian « *tâu ra tâu vào* » hay tự-ý băm nát tên Cụ, một người mà chúng cho là « *phiền-loạn* ».

Không rõ sau ngày quốc-gia được độc-lập, người mộ của Trương-Công được xây-đắp lại một cách xứng-dáng như thế nào, song chắc-chắn tấm mộ-bia bị BĂM kia — tấm mộ-bia lịch-sử đáng lưu tại Bảo-tàng-viện — là một « *kỷ-vật* » mà nay không còn nữa !



#### IV.— MỘT ANH - HÙNG VÔ - DANH.

Nhắc tới Trương-Công, ta không được quên Cụ Nguyễn-Đinh-Chieu ; không phải chỉ vì 12 bài liên-hoàn và bài văn-tết khóc Cụ Lanh-binh, mà vì tác-giả *Lục-Văn-Tiên* là người có nhiều quan-hệ đến cái ô, cái đì, cái sống, cái chết của Cụ Lanh-binh. Tuy mang tật mù-lòa, Cụ Nguyễn-Đinh-Chieu không cam làm một kẽ vô-dụng trước cảnh gia-vong quốc-phá mà vẫn nặng lòng cùng non-nước, luôn-luôn tiếp-xúc với nghĩa-quân, bày mưu tính kế.

Trong số Xuân Tạp-chí *Đồng-Nai*, khoảng 1933-1934, viết tiếu-sử Cụ Nguyễn-Đinh-Chiều (1), tôi có theo lời ông Nguyễn-Đinh-Chiêm mà thuật rằng : « Cụ Trương-Định cầm đầu nghĩa-quân tại Gò-Công. Vua Tự-Đức phong Cụ làm Lãnh-binh và dạy vào trấn hai tỉnh An-giang Hà-tiên để chấn-chỉnh việc binh-nhung hầu sau này đánh Tây đắc-lực hơn... Cụ ra đi thì an-thân và vinh-hiển hơn, nhưng các đồng-chí than là cuộc kháng-chiến vỡ tan, nghĩa-quân sao đành lìa bỏ; mà Cụ ở lại thì mạng vua dẽ cài được nào !... »

Đúng trước cảnh này, Cụ Lãnh-binh phân-phân bắt nhứt, bèn cho người qua Ba-tri tỏ bày mọi việc và vẫn kể ở « Ông Đồ ».

Cụ Nguyễn-Đinh-Chiều mật bảo : « Tình-thể của anh thì đi càng hay mà ở lại LẠI càng hay ! »

Cho nên Cụ Lãnh-binh quyết-tâm « Bởi lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử-chiều, đơn ngàn mấy đậm mă-tiền » và bỏ hẳn ý-nghĩ « Coi An Hà một chúc chịu Lãnh-binh, lây-lắt theo thời, chưa chắc đâu thành đâu bại » (2)...



Và, nhắc tới « Ông Đồ Ba-tri », tôi tưởng nên chép ra đây chuyện một Ông Đồ khác mà trên ba mươi năm nay tôi chưa tiêu tó bày và không một sách báo nào viết đến.

Mùa hè năm đó, tôi đến ở nhiều ngày tại vùng Phú-kiết — Tịnh-hà (Mỹ-tho) để chép bài bia khắc trên đá thuật việc đào lại Kinh Thao-trông thuộc làng Phú-Kiết trong thời Minh-Mạng (3), và cũng để tìm dật-sự về Cụ Tri-buyện Âu-Dương-Lân và Cụ Thủ-khoa Nguyễn-Hữu-Huân, hai người cùng sanh-trưởng ở vùng này, cùng học rộng độ cao, cùng bỏ

---

(1) Trong số Xuân này, tôi có chép tiếu-sử Cụ Nguyễn-Đinh-Chiều và Cụ Phan-Thanh-Giản. Đó là hai bài đầu-tiên của tôi viết về danh-nhân nước-nhà nên có nhiều sai-sót.

(2) Hai câu này rút trong bài văn-tế khóc Cụ Lãnh-binh, của Cụ Nguyễn-Đinh-Chiều.

(3) Ảnh thông từ sông Chợ-cũ Mỹ-tho (Tiền-giang, Định-tường) đến sông Vũng gù (Vàm-cỏ Tây, Tân-an). Khi kinh đào lại xong, vua đặt tên là « Bảo-định-hà » và sách Pháp gọi là « Arroyo de la Peste ».

vinh-hoa phú-quý mà theo-đuối việc đánh Tây, rồi cùng chịu cảnh *Bất hàng cam đoạn trường-quân-dầu* (1).

Lối một giờ đêm, sau khi ăn cháo gà tại nhà ông Hội-đồng Thủ, cháu Cụ Thủ-khoa, chúng tôi cuốc bộ ngót ba cây-số dưới bóng trăng lờ mờ để về nhà. Anh H., người đã tốn cơm với tôi và đã bỏ công ăn việc làm mà đưa tôi đi đây đi đó, vừa mệt-nhọc lè chor vừa thở-thở cùng tôi :

— Ông thân tôi thường nói & đây có một bộ sử-sống về các cuộc cách-mạng tại vùng này : đó là Bà Đồ. Nhưng bà không chịu nói cho ai nghe, nhứt là đối với người lạ, hơn nữa là với bọn trẻ tuổi và còn hơn nữa là với tụi bạn đồ Tây.

Mà chúng tôi đều là kẻ lạ hoặc là huơ đối với bà, chúng tôi là bọn tuổi lối ba mươi, thêm nữa là ra đường thì chúng tôi phải khoác áo bành-tô và đeo cà-vạt cho có vẻ đàng hoàng.

Mặc-dầu vậy, chúng tôi cũng cứ đến và sẽ tùy-cor ứng-biển. Nhà : ba căn mái lá cột cây, tại đầu dãy bên hữu, sát lệ từ châu-thành Mỹ-tho chạy đến. Bà : một cụ già tuổi trên 80, đầu cao trọc, mặc áo dài vải nu, quần vải đeo quá cũ, dáng khẽ-mạnh, vẻ trâm-tinh, cùng người cháu ngoại trai tuổi độ tứ-tuần, thản-nhiên tiếp chúng tôi.

Lần-lượt chúng tôi hỏi thăm niêm-canh, sirc-khôc và gia cảnh của bà. Chúng tôi kể tiếp là có đến giáp-nước và cầu Cai-Lộc, chỗ Cụ Thủ-khoa thọ-hình, có viếng mộ Cụ Thủ-khoa, có đến thăm Ông Ba (2) và gặp Ông đương phơi lúa ; bà nhích môi cười. Chúng tôi lại kể là có đến viếng mộ Cụ Âu-Dương-Lân, một ngõi mộ lợp đá cao với ba lớp đá ong (3) và có nghe nói chuyện Cụ Tri-huyện với cái nón xếp (4) ; bà lại nhích

---

(1) Một câu trong bài thơ hậu-nhân nhắc-nhở Cụ Thủ-khoa.

(2) Người thân-tinh của Cụ Thủ-khoa.

(.) Đá đỏ, thường gọi là đá Biên-hòa.

(4) Truyền rằng Cụ Tri-huyện tinh-thông nham-độn, đi đâu cũng đem theo mình một cái nón xếp, trong nón có nhiều bùa-chú.

mỗi cùi đòn. Rồi như rất bằng lòng, bà thuật cho chúng tôi nghe một việc mà chắc chưa ai được nghe, kể cả người cháu ngoại của bà đương ngồi đó, ngóay ròng lõ tai :

... Tại vèm sông Bảo-định (Chợ-cū, Mỹ-tho), trước Cù-lao Rồng khi Cụ Tri-huyện Lân vừa bị dao-phủ-thủ xuống tay thì con gái riêng, của bà vợ thứ của Cụ, 17 tuổi, người Chợ-Bưng, chui mình vào giữa pháp-trường, chà vạt áo lụa trắng hưng lấy đầu-lâu không để rơi xuống đất...

Kể đó, biết chúng tôi ở quận Ba-tri, bà hỏi về Ông Đồ Chiểu. Chúng tôi mạnh miệng trả lời : Ông Đồ lúc trước ở gần chợ Ba-tri chúng tôi thường đến viếng mộ hai ông bà tại đó; chúng tôi cũng thường đến viếng người con trai của Ông Đồ là Thầy bảy Chiêm ở làng Mỹ-chánh, cách chợ Ba-tri 6, 7, cây số. Chúng tôi hỏi bà có quen-lon thế nào với gia-quyến Ông Đồ Ba-tri. Bà đáp :

— Quen-lon thì không quen-lon, mà tôi chỉ có đến Ba-tri một lần để thăm Ông Đồ.

— Thưa bà, bà đến thăm có việc chi?

Nét mặt bà bỗng dàu-dàu, giọng nói bà bỗng run-run, như quả xúc cảm vì một câu chuyện xa-xưa nào, bà từ-từ kể...

Thì ra: sau khi nghĩa-quân « Đám Lá Tối Trời » bị Lãnh-binh Tấn dắt lính Tây càn-quét, bà về ngủ tại chợ Thang-trông. Rồi một nhà nho miền Trung đến đây dạy học và xin cưỡi bà: vì vậy mà người ta gọi bà là « Bà Đồ », « Bà Đồ Phú-kiết », « Bà Đồ Thang-trông »...

Kể có cuộc khởi-nghĩa do Cụ Thủ-khoa Huân và Cụ Tri-huyện Lân lãnh-dạo. Trần-Bá-Lộc đem bọn « bạt-ti-dzăn » đến đóng tại đây để.., giết đồng-bào. Lộc biết Ông Đồ Phú-kiết là người hay chữ nên mời giúp việc văn phong và rất tin-dùng... Bà sinh hai lần đều là gái. Kể

Cụ Thủ-khoa từ « nước Bòn-bon » (1) về, bị giam lỏng tại Chợ-lớn, bí-mật kết-liên, cùng nhóm « Chết Trưởng-phát » (2), rồi trốn thoát về Mỹ-tho tiếp-tục đánh Tây.

... Sau ngày Cụ Thủ-khoa lên đoạn-dầu-dài tại cầu Cai-lộc, bà Đồ sanh thêm một gái thứ ba, nhằm mùa « ghe bầu về Quảng ». Ông Đồ bèn nói với bà là vào Nam đã lâu, muốn về thăm quê nhà, mùa « ghe bầu vào Đồng-nai » năm sau thì trở về ...

Bà thoát dừng lời, bảo người cháu ngoại dở trảp măng (3) lấy cái tờ có măt ghe đưa cho chúng tôi xem. Đoạn, bà kể tiếp :

— Đây là bút-tích của Ông. Ông làm tờ có giùm cho người lối xóm bị mất ghe và Ông có ghi « tên người viết tờ » ở cuối truong giấy. Mà đây là ... tên giả ! Ăn ở với nhau đã ba mặt con, đến ngày về Quảng, Ông mới nói rõ là vì việc « mǎn ăn » nên Ông phải thay tên đổi họ ; nay phần đưống-sá xa-xôi, phần giặc-giã liên-miên, nếu chẳng may có cúng cơm cho Ông thì vái tên họ thiệt của Ông là . . . . (4). Và sau khi Ông ra đi, muốn biết tin-tức của

---

(1) Cụ Thủ-khoa bị bắt và bị kết án tử-hình. Chẳng bao lâu sau, Cụ Lãnh-binh Trương-Định tử-trận, người Pháp giảm án Cụ Thủ-khoa ra chung-thân khõ-sai và phải bị « bán mợi » qua « nước Bòn-bon », tức là đảo Réunion, vì thuở trước người Pháp đặt tên thuộc-địa này của họ là « île Bourbon ». Đảo này ở trong Ấn-độ-dương, cách phía Đông đảo Madagascar (Phi-châu) 700 cây số.

(2) Chỉ những người Trung-hoa để tóc dài, không chịu cạo đầu gióc bin đồng-hóa với Mãn-Thanh ; họ gia-nhập Thiên-địa-hội hoặc theo Bạch-liên-giáo, hoặc theo Giang-hồ-giáo... cùng với một lời thề « Phản Thanh Phục Minh ».

(3) Một thứ rương nhỏ, cũng gọi trảp vỏ măng, vì nắp rương bầu-bầu như vỏ măng.

(4) Bà nói rõ tên họ Ông Đồ cho chúng tôi ghi. Bà cho chúng tôi bốn « Tờ có măt ghe » để làm tài-liệu và bà cũng vui lòng ra ngồi trước sân đặng chúng tôi chụp một bức ảnh. Những sử-liệu này bị mất cả trong cơn binh-lửa 1945. Cách nay mấy năm, tôi có hai lần trở lại Phú-kiết : một lần với em tôi, Bác-sĩ Lê-Văn-Ngôn ; một lần với hai bạn Phạm-Văn-Lực, Hiệu-trưởng trường Trung-học Nguyễn-Đình-Chiểu và Huyện Hương ở Chợ-cũ Mỹ-tho. Lần nào tôi hỏi thăm cũng không gặp ai, tại chợ Thang-trông, còn biết đến Bà Đồ hay con cháu bà !

Ông thì hãy cứ đến hỏi. Ông Đồ Chiểu & Ba-tri ! . . . Ông đi được vài tháng, nhơn có người qua mua tơ-lụa tại Ba-tri, tôi nhờ hỏi thăm tin Ông thì Ông Đồ Chiểu cho biết là đã về đến nơi đến chốn và vẫn khỏe vẫn mạnh. Tôi nghe cũng mừng. . . Mùa này « ghe bầu vào Đồng-nai » mà sao không thấy Ông trở về, tôi nóng ruột, đến Ba-tri . . . Nghe tôi hỏi, Ông Đồ Chiểu trả lời :

« Chị Đồ Thang-trông đây à ? Chào chị ! Chị đã biết ảnh có tên giả « và ảnh đã nói rõ với chị tên họ thiệt của ảnh trước ngày ra đi là ảnh có « định-ý. Chị biết ảnh là thơ-ký thân-tín của « thằng » Lộc, chị biết ảnh dạy « học rất xứng danh Ông Đồ, nhưng chắc chị không rõ ảnh còn làm gì khác « nữa. . . . Ảnh là bạn tâm-giao của Thiên-hộ Dương và cũng là một cõ-hữu « của Lãnh-binh Định. Nhờ có ảnh mà hai người này làm thế ý-giác « với nhau để đánh Tây. Khi Thiên-hộ Đồng-tháp về Trung rồi tử-nạn « và Lãnh-binh Gò-công bị « thằng » Tấn trói gián, ảnh mai danh ẩn tích « & Phú-kiết, dạy học cầm chừng, rồi khéo làm thơ-ký đặc-lực cho « thằng » « Lộc mà kỳ-thiệt là để giúp tay trong cho anh em nghĩa-dâng, liên-lạc « bí-mật và chặt-chẽ với Thủ-khoa Tịnh-hà và Tri-huyện Thang-trông. « Nhiều nghĩa-quân đỡ khổ khi bị giam-cầm, Thủ-khoa và Tri-huyện bao « phen thoát được vòng vây của giặc phải nói phần lớn là nhờ một tay Ông « Đồ Phú-kiết.

« Nay chị, vì chị lại sanh con gái nên ảnh ra đi có một mình ; « phải chi chị sanh con trai thì ảnh chờ nó trưởng tuổi mới đem về ngoài « để tập-luyện cho nó đánh Tây...

« Mà bây giờ ảnh ở đâu ? Năm ngoái, chị nhờ người đến hỏi, « tôi e chị còn non ngày non tháng nên trả lời qua-loá. Nào ảnh có về « Nam-nghĩa Bình-phú gì đâu. Ảnh vừa tới Phan-thiết thì theo đường bộ « trở vào góp sức đánh Tây & miệt Hồ-trầm, Thị-vái, rồi ảnh đã tử-trận « và tôi có bảo học-trò tôi ghi rõ ngày tháng để chờ đưa cho chị đây ! . « Chị nén sầu bót thảm vì ảnh đã toại-nguyễn, ảnh đã nêu gương sáng-

« chói trướcc mọi người. Chị nhớ kỵ tháng ngày đế hàng năm cúng cơm  
« cho ảnh !...



Ngoài trướcc miệng hùm đế giúp mưu đánh cợp, như Ông Đồ  
Phú-kiết, đúng chăng là việc mà có lẽ cả một Lãnh-binh Định, một Thủ-  
khoa Huân, một Tri-huyện Lân, một Đồ Chiểu cũng phải cho là khó làm?

Vậy nén, đâm nay, đốt nén hương lòng, tôi thành-thành kính-kính  
chép lại câu chuyện này hầu khỏi đặc-tội với một bức ANH-HÙNG  
VÔ-DANH của Tố-Quốc.

LÊ - THỌ - XUÂN



### TẠP - CHÍ ĐỒNG - NAI

Các bạn muốn tìm hiểu miền đồng - bằng Cửu-Long, xin  
mời các bạn đọc :

# ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

Với sự công tác thường xuyên của các Ô.Ô. Lê-Ngọc-  
Trụ, Vương-Hồng-Sên, Thuần-Phong, Hồ-Hữu-Tường, Chánh-  
Trí Mai-Thọ-Truyền, Tuần Lý Huỳnh-Khắc-Dụng, Thân văn  
Nguyễn-văn-Quí, Tạ-Quang-Phát, Nguyễn-văn-Hầu, Trần-văn-Quế,  
Trọng-Toàn, Đồng-Hồ, Hồ-Đắc-Thắng, Lê-Thọ-Xuân, Sơn-Nam,  
Bình-Nguyễn-Lộc, An-Cư, Nguyễn-Ngọc-Huy, Nguyễn-văn-Y,  
Phạm-Long-Điền.

TÌM ĐỌC:

ĐỒNG-NAI số 7  
Đặc-khảo về nhà thơ Nguyễn-Định-Chiều

*Thân thê và thơ-văn  
của*

# NGUYỄN - THÔNG

▼ BÙI-QUANG-TUNG

L.T.S. Để biết rõ về tác giả Đoten Am Văn Tập, người đương thời với Trương-Định, liên hệ mật thiết cũng như cho ta tài liệu có giá trị về « Trương Công », chúng tôi xin dâng vào sổ đặc khảo này bài của ông Bùi-Quang-Tung, người rất quen thuộc trong giới khảo cứu Việt-Nam cũng như quốc-tế. Đây là bài biên khảo ngắn mở đầu cho những bài khảo cứu mà ông sẽ lần lượt gửi từ Paris về cho Tập San.

Trong lúc tôi còn ở Việt-Nam, nhân dịp đi khảo cứu về lịch-sử nước nhà, được hân hạnh gặp Bác sĩ Nguyễn-quý-Phần tại Phan-Thiết. Bác sĩ mới cho tôi biết rằng còn giữ được — sau bao nhiêu cuộc tang thương vì khói lửa — một bộ sách của cụ Nguyễn-Thông. Ấy là sách Đoten Am văn tập và Kỳ xuyên văn sao. Ấy là 2 sách còn lại trong những tác phẩm khác như :

- *Ngoại du tào thi văn tập.*
- *Việt sử cương giám khảo lược.*
- *Nhân sự kim giám.*
- *Dương chính lục...*

nay không tìm ra được.

Các tác phẩm của Nguyễn-Thông viết bằng chữ Hán cần phải giao công phiên-dịch và chú-thích để cho chúng ta khảo-cứu sau này. Về mặt này, ông khác hẳn Nguyễn-định-Chiều, ông này lại viết toàn bằng chữ nôm, chỉ có một vài bản chữ Hán.

Đứng về phương diện lịch sử, thứ nhất là về mặt dân Nam-kỳ kháng chiến thời Pháp xâm lược. Cụ Tô-Nam và tôi xin tạm dịch ba bài của cụ Nguyễn-Thông và Trương-công-Định, Hồ-Huân-Nghiệp và Phan-văn-Đạt là ba tay kháng chiến miền Nam, có tên tuổi trong lịch sử cận đại Việt-Nam.

Trước hết, nhơn dịp này, xin giới thiệu thân thế của cụ Nguyễn-Thông. Tôi dựa theo tiêu sử của cụ đã đăng trong *Đại Nam chính biên liệt truyện* tập II (quyển 37 tờ 136) và những lời truyền khẩu của Bác sĩ Nguyễn-quý-Phần là cháu ba đời của cụ thuật lại cho tôi nghe trong những buổi hầu chuyện cùng Bác sĩ tại Phan-Thiết và tài liệu của giáo sư Ca-văn-Thinh, hiện nay ở Bắc-Việt đã thâu thập về thân thế và sự nghiệp của cụ.

#### ▼ THÂN THẾ CỦA CỤ NGUYỄN-THÔNG:

Tại Tân-Thạnh tỉnh Gia-Định nay là chợ Kỳ-Sơn, tỉnh Tân-An (Nam Phàn) có gia đình dòng Nguyễn-Hanh kết hôn với họ Trịnh, nguyên quán ở Thừa-Thiên. Sanh hạ được 2 trai là Thông và Hài. Anh em được thân phụ vốn là nhà nho nghèo dạy dỗ.

Cha lại mất sớm, đè gia đình đủ sanh sống Thông phải đi làm mướn cho một bà con trong làng vừa chăn trâu và giúp việc lặt vặt trong nhà. Còn Hài thì ở nhà chăm nom săn sóc bà và mẹ. Ông bà chủ nhà Thông ở, vốn người hiếu học, thấy Thông viết chữ tốt bà giúp đỡ cho ăn học. Vốn thông minh, trí nhớ bền, Nguyễn-Thông học vượt cả bạn bè được xóm làng khen ngợi và yêu mến.

Đến lứa 18 tuổi, Thông được cho đi ra họ ngoại ở Thừa-Thiên. Ở đây, Thông càng nổi tiếng là học giỏi. Khoa 1849 (năm kỷ dậu, triều Tự Đức), ông thi đỗ cử nhân. Vào thi hội; Thông bị đánh rớt vì tập bài thi bị lấm mực, không hợp lệ. Đọc bài thi thấy văn tài của Thông, nhiều người khuyên nên tiếp tục học đê thi khoa sau. Nhưng nhà nghèo Thông không thể ngồi học đê thi nên nhận chức Huấn-dao tại Phú-Phong tỉnh An-giang (nay tức là Cần-Thơ)

Nguyễn-Thông lấy tên chữ là Hy Phan; hiệu là Kỳ-Xuyên, biệt hiệu Độn-Am. Ông làm huấn-đạo 6 năm. Đến năm 1855, ông về Huế làm nội các; tham dự việc soạn sách *Nhân sự kim giám* (gương vàng sự việc người). Bộ sách hoàn thành, kể xài việc quân Pháp đánh thành Gia-Định năm 1859, vì thực tình muôn bảo vệ đất nước, ông quyết tâm tinh nguyện tùng quân. Trong quân ngũ ông giúp việc đắc lực cho Thống đốc quân vụ là Tôn-Thất-Hiép.

Đầu năm 1801, quân triều thua trận ở đại đồng Chí-Hòa rút về Biên-Hòa. Biên-Hòa lại bị chiếm, ông đi xuống Long-Thành vòng về Tân-An, Gò-Công để tham gia vào cuộc phong trào nhân dân kháng chiến do cậu của ông là Trịnh - Quang - Nghị (trước ở trận Chí-Hòa chiến đấu bên cạnh ông Nguyễn-Duy là con của Nguyễn-Tri-Phương). Ông Nguyễn-Duy tử trận tại trận Chí-Hòa, và bạn ông là Phan - văn - Đạt đứng lên mộ nghĩa binh chống quân xâm lược Pháp. Sau khi ông Phan-văn-Đạt bị quân Pháp bắt giết. Ông Trịnh-Quang-Nghị thì tiếp tục kháng chiến, được ông Trương-Công-Định tuyển làm tham tán quân vụ, giúp ông Định một cách đắc lực.

Sau năm 1862 là năm triều - đình Huế ký tờ hòa-ước nhường ba tỉnh miền đông cho Pháp định, thì ông Nguyễn-Thông — do Phan-Thanh-Giản đề cử được bổ làm đốc học Vĩnh - Long. Đến năm 1867 thì ba tỉnh miền tây bị chiếm luôn. Trong thời gian 4 năm ấy ông tích cực giảng dạy, xây dựng lại văn miếu, liên lạc với Trịnh-Quang-Nghị theo dõi cuộc chiến đấu của Trương-Định đồng thời liên lạc với các sĩ phu yêu nước, trong đó có những sĩ phu các tỉnh miền đông.

Không sống được trong đất bị địch chiếm đóng, dời gia đình về các miền tây. Tôn sùng đạo đức Không Mạnh, ông cùng Phan-Thanh-Giản khởi xướng việc dời mộ nhà giáo-dục nổi tiếng ở lục tỉnh là Võ-Trường-Toản, từ Chí-Hòa đưa cải táng về Bảo-Thạnh (tức là Ba-tri, tỉnh Bến-tre) vì lẽ đức-nghiệp của ông thầy chung không để cho quân địch làm ô uế. Sau khi Phan-Thanh-Giản tự tử và toàn

lục tỉnh bị mất, ông cùng một số sĩ phu «tị địa» ra ở Bình-Thuận. Năm ấy ông được 41 tuổi (1).

Đến Bình-Thuận ông cùng các bạn người Nam-Kỳ bàn việc điều tra địa thế, tìm căn cứ để tạo điều kiện liên lạc với Biên-Hòa, đồng thời phát triển nghề nông, tích trữ lương thực lo kế lâu dài. Ông tổ chức việc đi thám hiểm các vùng cao nguyên La ngư, Ba dồn ghi địa hình, địa thế, khả năng khai hoang v.v... Ông chưa làm được gì thì lại đổi về Khánh-Hòa. (Nha-trang) rồi sau đó đi Quảng-Ngãi và Huế.

Trong năm 1867; ông làm án-sát Khánh-Hòa, nhưng lòng vẫn lo nghĩ đến Nam Kỳ đã mất. Vì kính mến Phan-Thanh-Giản, nhớ đến «di sớ» của Phan mong vua sửa đổi việc trị nước, ông liên tiếp gởi sớ đến vua Tự-Đức một là xin truy tặng Phan-Thanh-Giản đã tử tiết, hai là điều trần nêu 4 vấn đề (chọn hiền tài, trừ quan lại hại dân, tăng cường vũ bị, cải tiến thuế thô sản, đề cao khoan hậu đối với dân) và mạnh dạn can vua giảm việc xây dựng lăng tẩm tiền phí của kho. Lời ông không được triều đình chấp thuận.

Năm 1870; ông làm biện-lý bộ Hình, rồi Bố-Chánh tỉnh Quảng-Ngãi. Đặc biệt ở tỉnh này, trong thời gian không đầy ba năm, ông đã làm nhiều việc có lợi cho nông dân, nhất là công tác thủy lợi. Ông đã vận động đào kinh, đắp đập, trồng cây, đồng thời bài trừ bại tệ, cường hào những lạm của dân. Giữa lúc ấy, ông bị tố cáo xử án thất xuất, nên bị cách chức, bị giam và xử truất. Dân, lính thương mến ông đứng ra xin quan khâm-sai là Nguyễn-Bính vừa đến Quảng-Ngãi xét lại tội trạng của ông. Có người tự nguyện đến tận Kinh-thành kêu oan cho ông. Ông được tha nhưng phải tiếp tục công việc thủy lợi để chuộc tội. Mãi sau mới xét rõ trắng đen vụ án ấy do tên cường hào Lê-Doãn dựng ra để vu cáo ông.

---

(1) Bình phẩm vụ «tị địa» này, cụ Phan-Bội-Châu có phẩm một câu chua chát như sau: «Thất thân thi nữ, hà dĩ chi trình» để đánh giá trị hành vi các sĩ phu từ ấy, trốn giặc chớ không giặc như các cô gái đã thất thân mà còn tự hào giữ gìn trinh tiết của mình.

Khoảng thời gian 1873 - 1875, ông mắc bệnh xin về Bình-Thuận ở chốn sơn trang kết bạn thì là cùng nhau ngâm vịnh. Nhân cùng bạn bè du ngoạn các vùng rừng núi, ông hết sức chú ý đến vấn đề khai hoang.

Năm 1876, ông trở ra triều làm Tư nghiệp quốc tử giám. Ông được cử cùng với các ông Bùi-Uớc, Hoàng-duy-Tân khảo duyệt bộ *Khâm định Việt-sử thông giám cương mục*. Nhân làm công việc ấy, ông soạn ra bộ *Việt-sử cương giám khảo luận*.

Trong năm 1874 triều đình Huế và Pháp ký hiệp định về thương chính, Pháp giao trả lại các tỉnh Ninh-Bình, Nam-Định, Hà-Nội, Hà-Đông và Hải-Dương mà họ đã chiếm và tặng triều đình năm chiếc tàu máy. Nhân lúc ấy ông thấy vua quan ngồi yên, chỉ chú trọng đến mồi lợi trước mắt, thura lúc giảng dạy ở Quốc-tử-giám, ông soạn bài văn nghĩa dựa vào câu chuyện Mạnh-Tử ra mắt vua Huệ-Vương nước Lương mà bày tỏ ý niệm mình đối với việc nước.

Vì ích lợi lâu dài cho dân, ông tom góp tài liệu cuộc điều tra ở La-ngư, Ba-Dầu trước kia và nghiên cứu thêm. Ông gửi đến vua đề nghị lập đồn điền khai khẩn miền Tây nguyên từ biên giới Cao-Miền đến Quảng-Trị, thâu nạp những dân lưu ngụ, nhất là dân từ Nam-Kỳ ra. Triều đình chuẩn y đề nghị ấy. Năm 1877 ông về Bình-Thuận làm Dinh-diền sứ. Từ Huế về tinh, ông lâm bệnh thò huyết rất nặng chết đi sống lại mấy lần. Giữa cơn bệnh lúc nào khá thì ông cố sức dự hội đồng để bàn việc lập đồn khẩn ở Cao-nghuyên. Nhưng Soái phủ ở Nam-Kỳ gửi thư ra Huế phản đối nên triều đình bèn ra lệnh bãi công việc này. Lúc ấy ông được 57 tuổi.

Từ ngày thò huyết, sức khỏe ông càng ngày càng sút kém. Sáu bảy năm dài, bệnh trở đi trở lại mặc dầu già dinh, bạn bè hết sức chăm lo điều trị. Đã bình thêm đau buồn vì chủ trương không

thực hiện được bịnh càng kéo dài. Người bạn chiến đấu của ông là Trà-quí-Bình (1) thông cảm nỗi lòng tháo ra một bài sớ dài gửi về triều đình vạch rõ âm mưu tăm ăn dâu của pháp đình. Ông cho rằng nếu triều đình không có kế hoạch, hết nhân nhượng này đến nhân nhượng khác thì cả nước sẽ mất. Sớ ấy không được triều đình chú ý.

Năm 1880, ông cùng các người đồng hương bàn việc lập Đồng Châu xã. Trong lúc tuổi già, sức yếu, ông vẫn lo hai việc mà đời ông chú ý nhất là: khuyễn khích phát triển nghề nông và ra sức giáo dục đào tạo lớp tuổi trẻ. Ông dựng một ngôi nhà nhỏ bên cạnh sông Phan-Thiết đặt tên là *Ngoại du sào*, trên vách có vẽ một số cảnh tiêu biều mà đời ông đã trải qua.

Ông mất năm 1894, thọ 68 tuổi.

Ông kết hôn cùng Ngô-thị Thúy-A, cháu tằng tôn của Ngô-nhân-Tinh, một trong tam gia thi ở Gia-Định. Bà sanh được 2 trai là Trọng-Lợi và Quí-Anh và ba gái là A San, A Chuyên và A Lỗ. Vợ thứ hai của ông sanh một trai một gái.

Nguyễn-trọng-Lợi, con cả Nguyễn-Thông có tham gia phong trào đấu tranh chính trị năm 1907. Các nhà hoạt động chính trị đầu thế kỷ này như cụ Phan-châu-Trinh, Đặng-nghuyên-Cần cùng với Nguyễn-trọng-Lợi lập ở Phan-Thiết Hội Liên Thành (về mặt kinh tế) và lớp học Dục-Anh (2) (về mặt giáo dục) để làm cơ sở mở rộng hoạt động gây phong trào đấu tranh chính trị ở nhiều tỉnh Trung Bộ. Còn trong hàng con của ông Nguyễn-quí-Anh có cậu Nguyễn-Minh-Duệ tham gia kháng chiến, nhập bộ đội Cửu-Long và hy sinh cho tờ quốc vào năm 1948, để lại một cô vị hôn thê đến nay vẫn thủ tiết với người đã liều mình vì nước.

---

(1) Cũng là thông gia vì con trai của ông Bình tên là Tiếp cưới con gái cụ Nguyễn-Thông, ông Trà-quí-Bình người tỉnh Gia-định, nguyên làm bổ chánh, có tập thi văn, cụ Nguyễn-Thượng-Hiền đề tựa.

(2) Hội Dục-Anh không bao lâu bị Chính-phủ Pháp xúi triều đình Huế đóng cửa. Hội Liên Thành vẫn duy trì đến ngày nay, hiện chuyên chủ về sản xuất nước mắm.

# **TRUYỆN PHAN-VĂN-ĐẠT**

Phan-văn-Đạt tên chữ là Minh-Phủ, người thôn Bình-Thanh, huyện Tân-Thạnh (tỉnh Gia-Định) cha là Phan-văn-Mỹ tính vui vẻ dễ dãi, gặp ai họ: thúc tò lòng kính yêu quý trọng. Văn-Đạt thuở nhỏ; đã có vẻ đứng đắn như người lớn. Khi đã lớn, thông hiểu kinh sử, sở trường về thơ từ. Năm Canh Thân đời Tự-Đức 1880. Ông đậu cử nhân, muốn đi làm quan nhưng không có tiền ăn đi đường phải nhờ các bạn thân đến cấp giúp. Nhưng ra đến kinh thì lại bỏ về. Tính ông Đạt ngay thẳng, không ưa a dua, được người làng kính mến. Ai có việc tranh giành thường đến nhờ ông phân xử, họ bảo nhau rằng: «Sợ sự chênh lệch thì nhờ mặt cân, muốn hết tranh giành thì nhờ ông Phan».

Tháng ba năm Tự-Đức thứ 14 (1861), thân phạ ông ta thế, chôn cất xong, ông bùi ngùi nói: «Việc riêng của tôi thế là xong. Từ nay về sau tôi sẽ tùy theo tạo hóa vẫn xoay» (1). Buổi ấy quân ta thua lớn ở Phú-Thọ (2). Quan quân lui về Biên-Hòa. Thành Gia-Định bị người Pháp chiếm cứ, Phan-văn-Đạt cùng với người chú bên ngoại là Trịnh-Quang-Nghị mưu việc khởi binh. Suy tôn Trịnh-Quang-Nghị làm đầu. Quang-Nghị là cậu ruột của tôi (tức là Nguyễn-Thông) tên chữ là Tử-Vũ, buổi đầu hoạt động dưới sự chỉ huy của tán lý của Nguyễn-Duy. Ông Nghị là người dũng cảm, gan dạ, sau trận thua to ở Phú-Thọ (Chi-Hòa) ông bèn lén lút trong các làng, đến nay cùng Văn-Đạt khởi sự lại. Một dân tráng trong làng làm lính, nhiều thanh niên các huyện lân cận đến theo, chia quân đóng giữ phía nam Biên kiều, thôn Bình Thanh.

---

(1) Ý nói: tuy theo vận hội nước nhà, nếu có chết cũng không sao.

(2) Tức là trận Chi-Hòa, hiện còn dài kỷ niệm.

Trước khi đó Đỗ - Trịnh - Thoại ở huyện Tân-Hòa, hợp quân chúng đánh đồn Quy-Sơn (1), bị thua chết, lính Tây đến thế mạnh như bão, nghĩa dân đứng nhìn, không có ai liều mình xung phong giết giặc. Từ khi hai ông đóng giữ phía nam Biên kiều, phát giấy hiệu cáo, tiếng nghĩa vang dội nghĩa hào các huyện Bình - Dương (tức là Thủ dầu Một), Tân Long, Tân An và Tân Hòa thảy đều tập hợp dân chúng giết giặc, ấy là nhờ sự hô hào của hai ông.

Lúc ấy, tôi cùng Phan-Chính-Thường ở chỗ hai ông đóng quân. Khi hai ông mới khởi binh, thế lực hãy còn đơn yếu, lại nghe quan quân đóng miết ở Biên-Hòa, không tiến đánh, nên mới bàn với nhau dời quân giữ nơi hiểm yếu, đợi cơ hội, chưa vội xuất phát. Tướng Tây là Ba Xuc(?) đóng đồn ở phủ Tân-An, dò biết tình hình, sai quan đánh úp Biên kiều, Văn-Đạt cùng tám người nghĩa binh bị bắt sống. Ngày ấy là ngày 16 tháng 7 (1861).

Còn Quang-Nghị đem quân đi đánh khác đè đóng đồn ở Ô-Khê (tây nam Biên kiều). Cũng bị quân Pháp áp bắt, cố đánh chạy thoát được, quân Pháp bắt Văn-Đạt, đem tra tấn cực hình nhưng Văn-Đạt không hề run sợ, tên chủ giặc lấy làm lạ hỏi ý kiến tên thông ngôn. Thông ngôn chỉ Văn-Đạt nói rằng: «Người ấy là kiệt liệt nhất trong đảng». Vì thế Văn-Đạt bị bắn chết, năm ấy ông được 34 tuổi. Lúc ấy bọn Pháp ruồng bắt nghĩa quân rất gắt, mọi người đều phải trốn tránh. Có bà Trịnh thị (chị Trịnh-Quang-Nghị) sai người đi tìm thi hài Văn-Đạt, sắm đủ áo mũ, đem mai táng ở phía nam Biên kiều là nơi ông khởi binh khi trước. Triều đình Huế nghe việc ấy truy tặng Phan-văn-Đạt hàm tri phủ, ban cho em ông là Thanh hàm bá hộ và ra lệnh hòa bình sẽ lập miếu thờ, mỗi năm mùa xuân mùa thu cấp tiền tế lễ.

Khi quân Tây đánh Biên kiều có tám người nghĩa binh cùng bị bắt với Phan-văn-Đạt một lượt. Họ sợ thế nào cũng phải bị

---

(1) Tức là Sơn-quy, ở Tân-An bây giờ.

giết, Văn-Đạt giỏi thiệt bối toán, đoán rằng: « Tôi thì chắc chết, còn các anh thì không can gì. Nhờ các anh em nói với các đồng chí nên cố sức làm cho thành công ». Về sau, tám người ấy được tha như lời Văn-Đạt nói. Trong trận này, tôi với Phan-Chính ở đồn khác nên thoát chết. Quang-Nghị, sau khi Văn-Đạt bị giết, thâu thập tàn quân về đóng tỉnh An-Giang.

Phan-văn-Đạt là người thông minh sáng suốt, việc mày mò chỉ xem qua là có thể bắt chước làm được. Tính ông rất thích thời sáo. Tôi ở gần nhà ông. Thuở nhỏ vì tình họ ngoại nên rất thân yêu nhau. Đến khi tôi được thăng làm Hán-lâm trước tác đi tùng chinh ở Gia-Định thì nhà Văn-Đạt ngày thêm sa sút, mẹ chết không chôn cất được, tôi cho các bạn thân hay đề giúp tiền của, mới làm lễ tống tang được tử tế. Vợ ông mất sớm, tự mình phải làm việc kim chỉ vá may. Tôi thường đọc chuyện khúc đàm « Trĩ phi tháo Hán tử » (1) đẽ chẽ nhạo. Văn-Đạt cười nói rằng: « Người chăn trâu là khoáng phu (2), chờ tôi vẫn có vợ, chỉ khác một điều là người ở trên trần và người ở cửu-tuyền mà thôi ! ». Rồi ở góa không cưới vợ khác chỉ sanh được một gái.

Trích dịch *Kỳ-Xuyên Văn-Sao*



---

(1) Trĩ phi tháo: tên một khúc đàm xưa. Thời Tề Tuyên-Vương có người xú sĩ gọi là độc mục tử (gã chăn trâu) đã 50 tuổi không lấy vợ. Sau ra hái của ngoài đồng thấy đôi chim trĩ trống mái cùng bay, cảm xúc mà làm ra khúc đàm « Trĩ triêu phi ».

(2) Người không vợ như chim thiếu trống hoặc thiếu mái.

# ĐỘN AM VĂN TẬP \*

## LÃNH-BINH TRƯƠNG-ĐỊNH TRUYỀN

領 兵

張 定

傳

▼ Nguyễn-tác NGUYỄN-THÔNG

▼ Dịch giả TÔ-NAM và BÙI-QUANG-TUNG

L. T. S. : Nguyễn Thông tự là Hy Phàn, hiệu là Kỳ Xuyên, quê ở huyện Tân Thành, Gia Định, sống cùng thời với Trương Định, cùng tham gia kháng Pháp. Theo Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 37 tr. 14-16, ông đã soạn nhiều tác-phẩm như bài Việt Sử Cương Giám, Kỳ Xuyên văn sao.

Ngoài Du sao thi văn tập và Đôn am văn tập, Chúng tôi nhận thấy Đôn am văn tập là một tài liệu lịch sử giá trị vì chính Nguyễn-Thông, người đương thời viết về các nhân vật kháng chiến, trong đó có Trương Định và Huân Nghiệp truyện mà chúng tôi xin trích dẫn. Theo ông Tô Nam, dịch từ nguyên bản khắc năm Nhâm Ngọ tháng 5 triều Tự Đức (1882), phát hành tại hiệu Quang Thịnh Nam, do con trai ông Nguyễn Thông là Thuật, cháu là Yến, Nguyễn-An và học trò là Tuy Giang, Nguyễn-Lê Nhượng cùng phụng sao, nay nguyên bản theo lời ông Bùi Quang Tung, hiện bác sĩ Nguyễn Quý Phan, cháu 3 đời cụ Nguyễn Thông cất giữ tại Phan Thiết.

Ông-Định nguyên quán ở Quảng-Ngãi 廣義 phu thân tên là Cầm 琴. Vào khoảng giữa đời Thiệu-trị 紹治三年四年 (1843 - 1844) sung chức Lãnh-binh Gia-dịnh 嘉定領兵, cưới con gái một nhà phú hào ở huyện Tân-hòa 新和 cho Định, sau khi Cụ mất thì ông lập luôn gia cư ở đây chứ không về quê nữa.

Ông Định người trông rất khôi ngô, tinh thông các môn võ nghệ và sở trường về môn bắn trampus phát đúng trampus ! Đến thời Tự-Đức 銅德, ông bỏ hết gia tài để mập dân lập sở đồn điền, triều đình thấy người có

(\*) Quyển 4, từ trang 10.

chí kinh doanh bèn trao cho chức Quản Cơ 官奇. Tháng giêng năm Kỷ-vi  
Tự-Đức 12 (1859), quân Pháp công bắc thành Gia-Định, Hộ-dốc Võ-duy-  
Ninh 武維寧 bị tử trận, lúc ấy ông đem Cơ binh (dân quân) theo quan  
quân đóng tại cầu Thuận 順橋, trận nào cũng xông lên trước, lập được khá  
nhiều chiến công, tháng giêng năm thứ 14 Tân dậu (1861) nghĩa là sau  
trận mất đồn Phú-thọ 富壽. Các tướng lui về giữ Biên-Hòa 邊和, ông  
Định cũng thu quân về đồn cũ Tân-hòa 新和, vì lúc ấy quân Pháp còn  
đương mải vào việc đánh Biên-Hòa Vinh.Long 邊和永隆, đối với cánh tàn  
quân của ông Định, chúng coi như một đám giặc cỏ. Không chú ý mấy,  
vì thế ông được rảnh tay, chiêu tập các thân sĩ như Tri huyện Lưu-tiễn-  
Thiện 劉進善, Bát phẩm thư lại Lê quang-Quyền 黎光權 trù biện quân lương,  
dúc thêm khí giới, chỉ thời gian ngắn, nghĩa binh đã lên tới hơn ngàn. Vì  
thấy quân Pháp mới sang chưa thuộc đường lối, các ông liền áp dụng  
chiến thuật phục kích, đầu không đại thắng, nhưng quân Pháp cũng bị  
thất bại rất nhiều, làm cho tinh thần kháng chiến các nơi hưng khởi.

Nói về triều đình Thuận-hóa trong khi đương hoang mang vì những  
thất bại ở Nam-Kỳ, nay bỗng nhận được tin có một đạo quân khởi sắc  
như vậy thì rất hài lòng, liền mật dụ cho ông thăng chức Phó lãnh binh  
Gia-Định, nhưng đến tháng 11 thì Biên-hòa 邊和 thất thủ, triều đình liền  
hạ dụ nghiêm trách các quan hiệp tán quân vụ Thân công Văn-nhiếp 申公  
文燭 Khâm phái quân vụ Nguyễn-túc-Trung 阮夙徵 v.v. phải  
kíp tới Tân-hòa 新和 để tính kế khôi phục, nhưng chính lúc ấy  
thì quan nguyên Tuần-phủ Gia-định là Đỗ-Quang 杜光 đã theo đường  
tắt tới họp với Định và Định đã tiến đóng đồn Quy-sơn 山龜 (龜)  
đoàn quân thắng trận đó đã lên tới sáu ngàn, nhân thấy Túc-Trung  
là đại tướng cũ, nên mọi người suy tôn đứng đầu để cùng tuân theo  
mệnh lệnh, ngặt vì giữa lúc thế địch đương mạnh, Túc-Trung cũng chỉ  
hoạt động trong phạm vi Tân-hòa mà thôi.

Năm Tự-đức thứ 15 Nhâm-tuất 1862, ngoài Bắc có bọn thảo khấu  
do Lê-minh-Phượng 黎鳴鳳 cầm đầu, quấy nhiễu vùng Quảng-yên, lan cả  
huyện Hải-an 海安 làm cho dân tinh não động, còn Nam kỳ thời Vinh-

#### Chú thích của dịch giả.

(1) Túc Sơn Quy, Gò-công.

long 永 隆 thất thủ, tin tức quân sự tới tấp về Kinh. Tình thế lúc ấy thực đúng với câu 直此閻山金鼓振 Trực bắc quan san kim cỗ chấn, 征西車馬羽書馳 Chinh tây xa mã vũ thư trù « Trống chiêng ải bắc vang tai dục, Tin tức chinh tây chắp cánh đưa ! »

Tháng 5 thì viên Thủy sư đế đốc Phap Bonnard 鋪那 phái 1 chiên hạm ra Thuận-hóa yêu cầu triều đình Thuận-hóa cử ngay Toàn quyền đại thần vào Gia-định để hội nghị hòa ước, triều đình chấp thuận thế là hòa ước ký kết ngay trong tháng 5, rồi tháng 7 bãi binh, xuống chiếu vời các ông Túc-Trung 凤徵 về triều, còn ông Định 定 thì được thăng chánh lanh binh An-giang 安江 và phải giải tán quân đội để di lanh chức mới. Các ông Túc-Trung tiếp được thông tư triết binh cũng theo đường tắt rút đi nơi khác, còn ông Định thì thu xếp cho vợ con đi trước riêng mình & lại kiểm điểm các việc rồi mới rút sau, nhưng khi đó các người hào nghĩa không muốn giải tán cố giữ ông & lại, họ bàn luận với nhau rằng quân Tây luôn luôn bị bại, nếu ngày nay để chúng đắc chí tự do hoành hành thì chúng ta sẽ phải làm mồi cho chúng, và lại cuộc hòa này chúng lấy binh lực ăn hiếp triều đình chứ đâu phải là thực bụng ? Chắc gì mai đây chúng chả trở mặt túc thì ? ? ? sau khi hòa ước đã định chúng ta còn biết trông cậy vào đâu ? chỉ bằng cứ việc tiếp tục kháng cự. Cố thủ lấy một miếng để mà dùm bợ lấy nhau vân vân . . . .

Mấy câu cương quyết trên được toàn thể tán thành và đồng thanh thế chết chứt không khuất phục. thế rồi mọi người yêu cầu ông Định & lại điều khiển trong khi ông còn do dự thì bỗng tiếp được thư của Phạm tuấn-Phát 范駿發 & Tân-long 新隆 gửi đến cho nghĩa quân, trong thư cũng suy tôn ông làm Chủ soái, và thế nhất định sống chết với địch chứ không hòa ! . . . .

Bức thư của Tuần-phát 駿發 chẳng khác gì một ngòi lửa đúng thì giờ ấy nó đã châm vào kho thuốc, trái tim của đám nghĩa quân, làm cho tinh thần bắt khuất lại thêm bồng bột ! hai tiếng thế chết & trăm vạn miếng cùng hô, tướng như long trời lở đất ! rồi trăm ngàn người cùng bắt tay vào việc ! chỉ trong chốc lát đã tạo nên ngay một cái đàn (trúc đàn bái tướng) dắp đàn phong tướng như thời xưa) suy tôn ông làm chủ soái trong giờ phút ấy dẫu muôn theo lệnh triều đình, tìm cầu thoát xác, át chẳng xong nào, nhất là bản tâm của ông cũng không muốn thế ! tấm thân đã biến giang sơn tổ quốc thì có màng chỉ cái chúc lanh binh ? lòng ông như thế ! lại được lòng nghĩa binh như thế, nên ông chẳng còn

do dự, khảng khái bước lên tuyên thệ trước mặt mọi người rồi tự xưng là Bình-tây-đại-nghuyên-soái 平 西 大 元 帥 Quang - Quyền 光 權 làm Tham tán quân vụ, chỉnh đốn hàng ngũ xong liền phân phát tướng sĩ đi đóng chău các nơi biếm yếu bao quát một vùng, mặt đông nam ra đến bắc bắc, mặt tây đến núi Hoa cương 花 岗 còn ông thì chỉ huy đại binh đóng tại rừng Trát-tước 札 雀 泉 suốt từ Dung-cương đến đê Ông-canhh 榕 岗 至 翁 更 鳴 cứ cách một quảng lại thiết lập một đồn lũy để cản súc xung phong và đúc thêm trọng pháo, mộ thêm dinh tráng, phòng bị huyện Tân-hòa 新 和 làm kẽ tràng cừu, rồi lại gửi thư đi các nơi nói rõ cho các hào kiệt biết việc làm của nghĩa quân đây không phải là chống đối mà trái lại c'ính là để giúp đỡ cho trào đình, vì thế các nơi đều xia theo mệnh lệnh và các phủ huyện cũng ngầm giúp tiền lương bấy giờ ông mới mổ trâu giết lợn kham thường ba quân, tuy nhiên những lời chém dinh chặt sắt càng thêm phẫn khôi lòng quân, nhưng cứ bề ngoài mà xét thì ai chả khấp khỏi mừng thầm, nếu nói đến nỗi dung? Tướng sĩ đâu nhiều? Dẫu có hăng hái? Nhưng sự thực thì vô kỷ luật lúc tan không gì ràng buộc? Riêng có đạo binh của Tuần-phát 駿 發 & Hắc-Khâu 黑 邱 Gò đen) đạo quân Bùi-huy-Dụ 裴 振 煙 & Càn-đức 劍 德 Tuyên-phủ-sử Nguyễn-văn-Trung 文 忖 & Tân-Thịnh 新 盛, mấy đạo ấy còn hơi chỉnh đốn, có thể gây thế lực cho ông phồn nào? Chứ còn các đạo khác thì như trên đã nói: thiếu kỷ luật thì còn mong gì chiến thắng? đã tan vỡ thì lại gây ảnh hưởng tai hại cho đại cục của nghĩa quân! đó là điều không thể tránh nổi.

Về phần quân Pháp, sau khi hai bên đã lập hòa ước, dẫu họ biết rõ công việc của nghĩa quân đương làm và sẽ làm? Nhưng họ vẫn án binh bất động (đóng quân không hành động) họ chỉ thúc dục trấn thần Vĩnh-Long phải gửi thư cho Định, bắt buộc bắc binh! thư ba lần tới! ba lần trả lại! Nghĩa quân nhất định không theo!

Thư đó đại lược nói: Hiện nay triều đình đã ký hòa ước, hai bên tiếng súng đã ngừng mệnh lệnh bắc binh sao lại giám trái? Vẫn biết hai chữ Trung hiếu, tốt đẹp vô cùng, nhưng cái tốt đẹp ấy phải có giới hạn, đạo thần dân không nên vượt qua cái giới hạn đó, cái lối vượt quá với cái

lỗi làm thiểu bốn phần nó cũng như nhau ! Ví như con rắn mà vẽ thêm chân thì đâu phải là con rắn ? Vậy thì các ông cũng chờ nên vượt qua giới hạn ? Ví bằng các ông vượt qua giới hạn mà khôi phục được toàn vẹn cả bức dư đồ Định-Biên 定邊 thời việc làm của các ông quả là vĩ đại ! Nhưng khốn nỗi đại binh này đã triệt hồi, các chưởng binh trước kia thủ hiềm tại các rừng suối; nay cũng tan mát các nơi, chỉ còn vón vẹn mệt số nghĩa quân đem ra chiến đấu, chắc gì đã giữ phần thắng ? dùng để cõi thù, chắc gì đã giữ được lâu ? Nói tóm lại : cả công lấn thủ đều không hi vọng ? thủ hồi các ông còn cõi miễn cưỡng làm gì ? ? ?

Cách ít lâu Đè-đốc Bonnard 鐵 那 lại gửi cho Hiệp biện-đại-học-sĩ Phan-thanh-Giản 一 bức thư đại khái như sau : Cứ như tình thế hiện tại, đối với nghĩa quân ở Tân-hòa trừ phi lực lượng quân Pháp thì không giải quyết nổi ! Chỉ hiềm nơi đó là một địa phương trù phú, một khi dùng đến binh lực, tất sẽ tan hoang, vì thế nên y không nỡ ? Nhưng nay Trương-Định 張定 không chịu giải tán, tức là công cuộc bình định vẫn chưa hoàn thành ? Vậy bắt đắc dĩ cũng phải dùng sức mạnh để xua đuổi v.v...

Tiếp được thư trên Phan-Công liền phúc đáp cho Pháp soái biết : Việc này ông đã cứ thực tâu báo về triều, nên còn phải chờ mệnh lệnh v.v...

Thám được tin trên, Định liền tương kế tựu kế, tạo ra một đạo mật dụ khuyên dân nên triệt để ủng hộ vì triều đình đã phó thác công việc khôi phục cho ông ? Mục đích để thúc đẩy nhân dân và phá vỡ hòa cục ! Biết đâu đối với tờ mật dụ ấy chính Pháp soái cũng ngờ ? Cho rằng triều-định không thực bụng ? Liền hạ lệnh tấn công Sơn-Quy 山龜 thấy quân Pháp trúng kế ông bèn dùng mạo giả thua dụ quân Pháp đuổi vào thung lũng, bấy giờ phục binh nổi dậy, quân Pháp sa xuống bùn lầy, thiệt hại vô kể ! Bị bại trận đầu, Pháp soái vội cùng túc giận, bèn hạ lệnh cho thủy quân kéo cả chiến hạm vào Dung giang 榕江 (sông này ở phía đông đồn Gò rùa tức là sông Tước-Nguyên (1) (雀泉) cho quân đỗ bộ đánh cả 4 mặt, nghĩa quân đầu kém lực lượng nhưng

(1) Phải chăng là Khổng Tước Nguyên túc Gò Công ?

kháng cự rất hăng ! Đôi bên cùng thiệt hại nặng, về sau quân Pháp nhỡ có trọng pháo ném mới thủ thắng, nghĩa quân bị thiệt mạng mất hai viên dũng tướng là Đặng-Kim-Chung 鄭金鐘 và Lưu-Bửu-Đường 劉保堂 (Chung người làng Mỹ-Hòa 美和 huyện Bình-Dương 平陽 ban đầu theo nghĩa quân với chức Suất đội, sau theo Ông Định làm Đốc-bin, người rất can đảm, ra trận bao giờ cũng xông trước, chẳng may bị trúng đai bắc cùng với Bửu-Đường cùng chết oanh liệt trên chiến địa, nếu không chưa biết trận thế ra sao ? Làm cho ai cũng thương tiếc). Nói về trước khi quân Pháp chưa tới, Ông Định và các tướng đã đoán trước, quân Pháp sẽ phục thù, sẽ điều động lực lượng rất mạnh, nên sau khi thắng trận đầu ông đã truyền kịch cho nghĩa quân ở Tân-Long 新隆 Bình-dương 平陽 Bình-Long 平隆 Biên-Hòa 邊和 đồng thời phải tấn công các đồn Mai-Sơn 梅山 Thuận-Kiều 順橋 Tây-Thái 西泰 Phước-Tuy 福綏 Bình-An 平安 Long-Thành 隆城. Để kèm hâm quân Pháp, nhưng các đạo thủy đều thất bại, và 2 đạo của Văn-Trung 文忠 Tuần-Phát 駛發 cũng bị thua chạy, thành ra ông phải đứng vào thế cô, hết đường ngoại vien, thế rồi tháng sau tức tháng 12, đại binh của Pháp tập trung cả ở Tân-Hòa 新和 và đạo thứ nhất từ cửa bể tiến đánh sông Già 茶江 đạo thứ hai tiến đánh và chiếm cứ đồn Lảng-lộc 浪祿, đạo thứ ba cho quân đỗ bộ ở Kỳ-miên đánh dân Hoa-cương 花崗, còn đại binh thì tiến thẳng đến Sơn-Qui 山龜, bốn mặt cùng tiến trăm khẩu đại bác cùng nhả đạn như mưa ! Trận ác liệt này ông phải thân ra đốc chiến, suốt 3 ngày đêm tướng sĩ chẳng được nghỉ tay, cứ người này chết người khác thay, cầm cự cho tới khi bắn đến viên đạn cuối cùng, gươm giáo cùng quấn hết mũi nhọn, không còn một miếng ăn, bấy giờ mới chịu mở một đường máu để tháo lui, phó mặc cái thành không cho quân Pháp giày xéo ! Nhưng quân Pháp vẫn không thả lỏng ? một mặt chiếm thành, một mặt vẫn cứ rượt theo ! theo tới bài bể, tới khi ông và các tướng tá chạy vào đến quang rừng sâu, thì chúng mới chịu trở lại ! đánh để cho cợp về non !!!

Xét ra trận thắng này quân Pháp cũng phải mua bằng một giá rất đắt ??? từ đó chẳng dám coi thường !!! (trận này kết liễu vào ngày mồng 7 tháng giêng năm Quý-hợi, tức là Tự Đức năm thứ 16, D. lịch 1863). Về phần ông và các đồng chí, sau trận núi Rùa, chạy vào rừng sâu, nhưng

cách mấy hôm thì lại lần về Phước-lộc 福祿, nghĩa binh nghe tiếng lại lần lượt kéo về, mưu tính công cuộc phục hồi. Chẳng ngờ lúc ấy có tên bồ tát ứng của ông Định gọi là Đỗ-Tấn 杜進(3), một tên hộ vệ tin cẩn xưa nay, biết đâu ý đã thay lòng đổi dạ, âm mưu bán chủ và bán non sông! Ngày 19 tháng 8 năm Giáp-Ất 1864 Tự Đức thứ 17, y mời ông về đóng ở thôn Tân-phước 新福 để chờ dịp đánh úp Tân-hòa 新和? muốn để ông Định tin lời, lẽ tất nhiên y đã viện ra nhiều điểm thuận lợi, nào là sĩ khí nơi đó rất cao? nào là quân đội của Pháp ở trong đồn săn có một số anh em chúng bạn của y nhận làm nội ứng.

Tin rằng cơ hội hiếm có, ông và các đồng chí theo y sang ngay, thế rồi vào quang nửa đêm hôm ấy, trong lúc bốn bề im lặng, bầu giờ sương phủ kín đèn, anh em cũng đương thiêm thiếp trong giấc kê vàng, chiến thắng ngày mai, thì bỗng xóm ngoài chó sủa liên tiếp, làm cho mọi người sực tỉnh! hỏi đến Đỗ-Tấn 杜進? chẳng thấy Tân đâu? biết rằng Tân đã thông mưu với giặc! bấy giờ bốn mặt tiếng súng đã nổ, tiếng hò hét đã áp tới gần! muốn mở đường máu để thoát thân? nhưng trong khi đêm tối, đường lối không quen! nhất là việc này chúng đã âm mưu bồ trí chắc không để hở kê nào? thôi thì mạng đổi lấy mạng, kê gươm người súng xông ra hỗn chiến! mấy anh em sát hại địch quân đến mấy chục mạng, tới khi ai cũng bị đạn không thể chiến đấu, thì ông rút gươm tự vẫn, rồi anh em cũng chết theo! đứng trước cái chết oanh liệt ấy viên chỉ huy quân Pháp cũng phải kinh ngạc và đem lòng kính trọng, ra lệnh cho quân sĩ mai táng hắn hoi.

Ông mất vào năm 44 tuổi, con trai là Quyền 楊大 còn niên thiếu nhưng rất can đảm và thiện chiến, trong khi theo ông ra trận, Quyền vẫn chỉ huy riêng một cánh nghĩa binh, nổi tiếng anh dũng, người đời đã tặng cho danh hiệu là quân chưởng hai (二郎軍 nhì lang quân) may sao trận này cậu còn đương ở nơi khác, nên không bị hại, nhưng từ đó cậu cũng chán đổi không cho ai biết tông tích!

---

(3) Sau này người ta thường gọi là Huỳnh Công Tân, phải chăng có sự đổi họ.

Nhắc lại ông Định là người có nhiều cõi mưu, hiệu lệnh nghiêm mà sáng tỏ, tướng sĩ sợ mà mến yêu, bởi thế mới lập được nhiều chiến công hiển hách, trong triều ngoài quan đâu cũng biết danh? Tướng địch quân thù nghe điều khen ngợi! chẳng may vận nước lâm nguy, anh hùng ngậm hận! sau khi ông chết thì nghĩa quân như rắn không đầu? các hào kiệt tự do xưng hùng xưng bá! có kẻ mượn danh phục quốc, thà thề hiếp dân! diễn lại tần thảm kịch 12 sứ quân ngày trước! lúc ấy đầu có Quang-Quyền 光權 là người thay thế, nhưng cũng chẳng hâm được nào?

Quang-Quyền 光權 vốn người phủ Thừa 府人, bắt đầu hướng ứng nghĩa binh đã giữ chức Tham-táu cho ông Định 定, vì rất am luyên về chính trị và có biệt tài về chỉ huy quân sự nên được ông Định coi như một cánh tay, sau khi ông mất Quang-Quyền đành bỏ cánh nghĩa quân chạy ra Giao-Loan 交鴻 giúp đỡ cho Trần-Tuấn 陳濟 tức Phạm-Chánh 潘正. Chánh đầu làm chủ một cánh nghĩa quân, nhưng rất giỏi về văn thơ, vì tính người khảng khái không chịu dưới ai, nên từ trước đã chiếm cứ Giao-Loan, tự xưng Bình-tây phó-nghuyên-soái 平西副元帥. Giao-Loan nguyên là một eo biển & khoảng giữa Biên-hòa 邊和 Bình-thuận 平順, nhờ được ruộng đất phì nhiêu, Tuấn phân phát nghĩa binh lập các đồn điền để giải quyết vấn đề lương thực, và rèn đúc khí giới để chờ thời, kể ra chí khí cũng rất quật cường, hành động cũng có phương pháp, nhưng tiếc nỗi thổ dân toàn là mường máu, chúng sợ phải cung đón quân địch, và một mai quân Tây kéo đến lại bị thành cháy yê lây, nên chúng bàn nhau chỉ lối cho quân Tây đánh úp, nghĩa quân súc mỏng lại bị đánh bất thắn, chỉ trong giây phút hoàn toàn tan vỡ! May mà ông Tuấn 海 chạy thoát, rồi sau trú ngụ ở kinh thành Thuận-hóa, vì có khí tiết văn thơ, được vua Tự-đức tri- ngộ và triều thần quý mến, khi ông & Sơn-dồn 山遜 thường cùng các thi sĩ Tàu là Tô-Thành 趙成 xướng họa, lời thơ rất khảng khái lâm ly, sau vẫn truyền tụng.

# HỒ-HUÂN-NGHỆP TRUYỆN

胡 焱 葉 傳

Hồ-huân-Nghệp người làng An-định 安定 huyện Bình-dương 平陽. Ông nội tên là Hồ-văn-Thuận 胡文順, khi trước đã làm đến chức Ký lục (cũng như Tuần-phủ).

Ông Nghệp có một hình thù rất cỗ quái, mũi nhọn như mỏ vẹt tay dài như tay vượn ở tính tình trầm tĩnh mà cứng cỏi lại ưa chuộng những việc kỳ khôi. Khi phu thân là Hồ-Lợi 胡利 tạ thế, ông làm nhà ở bên mộ để dạy học.

Nguyên cái nhà mồ đó dẫu ở giữa cảnh đồng không, nhưng nó lại ở chỗ ngã ba đường là lối đi lại ban đêm của bọn trộm cướp nên chúng cho là chướng ngại, thura lúc cạnh khuya châm lửa đốt lều, đốt rồi hôm sau ông lại cùng các học trò dựng cái lều khác, ngày đêm đọc sách như thường; trải qua mấy lần như vậy, quân trộm cảm động vì tấm lòng hiếu của ông nên chúng bảo nhau tìm đường lối khác chứ không đốt nữa.

Thế rồi cách mấy năm sau, ông đã 30 tuổi, gặp có khoa thi, vì muốn ở nhà phụng dưỡng mẹ già nên không ứng thí, khi ấy ông Trương-Định đóng ở Tân-hòa, có triệu thân hào để bàn kẽ khôi phục Gia-Định. Huân Nghệp cũng tới dự, khi trở về nhân tiện có ghé vào nhà người em họ tên là Hài 諱, Hài hỏi ngày nay Trương công xướng nghĩa, bốn phương hào kiệt kéo đến như mây vây thì Báx xem ông ấy có thể thành công được chăng?

\* Quyển 4, từ trang 10.

Ông mỉn cười đáp : Ngã chỉ tri Trương công thị đương thế đích  
dị nhân kỳ như hành sự đương trí ư thành bại chi ngoại 我只知張  
公是當世的異人其如行事當置於成敗之外.  
Ta chỉ biết Trương công là bậc dị nhân của đời nay, còn như việc  
làm thì nên đặt bên ngoài sự thành bại.

Sau cuộc họp mấy hôm, Huân-Nghiệp đương ở nhà thì bỗng tiếp  
được một bức điệp văn của Trương-Định, bổ nhiệm ông làm Tri-phủ  
Tân bình 新平, ông viết thư chối từ, viện lẽ nhà còn lão mẫn, không ai  
trông nom ; nhưng thân hào hai huyện Bình-dương Tân-bình, nhất định  
buộc ông phải đi nhận chức, có gởi cho ông bức thư đại lược nói  
rằng : Trong khi quốc gia lâm nạn, trượng phu ấy phải vì nước quên  
nhà, vậy ông là người xứng đáng đứng làm tiêu biểu cho cả binh dân  
lẽ nào lại vì chữ hiếu mà bỏ trách nhiệm non sông ? vì thế ông phải  
thu xếp việc nhà rồi đi nhận chức.

Lúc ấy Gia-định đã bị quân Pháp chiếm đóng, còn các phủ huyện  
do ông Trương-Định đặt ra, đều phải lưu động & các xã thôn, ông  
cũng luôn di chuyển để tiện trù liệu về mặt quân lương. Nhưng khi  
Tân-hòa thất thủ, nghĩa binh đã rút đi nơi khác mà ông vẫn còn phải  
& lại hoạt động trong dân gian, rồi sau quân Pháp được tin, kéo đến  
vây bắt đem về giam giữ & phủ cũ Tân-bình, ông bị bắt vào ngày 12  
tháng 3 Tự-Đức năm 17 (1864).

Ông bị bắt quả là một tai hại lớn cho nghĩa quân, vì ông là  
người đạo đức, có biệt tài về chính trị, tối đâu cũng được nhân dân  
ái mộ, cho nên quân Pháp dẫu chiếm đóng Tân-bình, mà dân thì vẫn  
do ông nắm giữ, phong trào khởi nghĩa vẫn còn hành trướng & các  
dân thôn, muốn đầu áp phong trào đó quân Pháp đã phải thi hành hết  
cách mà vẫn vô hiệu, nên chúng phải treo giải thưởng rất hậu để bắt  
ông, khi bắt được rồi viên tướng chỉ huy Pháp đem ra thẩm vấn.

Hỏi : Những ai đứng ra triệu tập nghĩa binh ? không trả lời.

Hỏi : Hiện nay triều đình đã ký hòa ước, có sao lại còn sinh  
sự nhiễu dân ?

Điều này ông trả lời thao thao bất tuyệt để thỏa mãn cái đà  
tâm của Pháp, khiến cho viên tướng Pháp nỗi khùng sai đem ông ra  
chém, nhưng ông vẫn cứ thản nhiên. Lúc ấy có viên giáo sĩ tây  
phương thông thạo chữ Hán, thấy ông khảng khái đem lòng kính yêu,  
đứng ra bảo đảm và khuyên nên hợp tác, nhưng ông không theo rỗi  
chỉnh đốn áo khăn ngâm một bài tuyệt bút như sau.

見 義 寧 甘 不 勇 爲  
全 憑 忠 孝 作 男 兒  
此 身 生 死 何 須 論  
惟 愿 高 堂 白 髮 垂

### Phiên âm

Kiến nghĩa ninh cam bất dung vi.  
Toàn bằng trung hiếu tác nam nhi  
Thủ thân sinh tử hà tu luận  
Duy luyến cao đường bạch phát thùy

### Dịch

Thấy nghĩa không làm dung để chi?  
Hiếu trung là phận của nam nhi.  
Tử sinh xá kề thân này đã.  
Riêng nhớ nhà huyên nỗi tuyệt ti. (1)

Nhắc lại lúc sinh thời, ông từng kết bạn với một người Minh-hương (明鄉: người Tàu) tên là Trương-Nghĩa-Minh 張義明, tỉnh

(1) *Tuyết*: sương tuyệt; *ti*: to, mè già tóc bạc như tuyệt to. Câu thơ vừa ngâm xong, thì lưỡi gươm tàn bạo đã lia cây cột trụ của nghĩa quân bị gãy, năm ấy ông mới 36 tuổi.

nghĩa keo sơn chẳng khác ruột thịt, khi ông chưa bị bắt, Nghĩa-Minh  
đã chết, ông có làm câu đối phúng rằng :

屋 梁 落 月 顏 猶 烈, 世 事 浮 雲 物 不 春

Óc lương lạc nguyệt nhan do chiểu, Thể sự phù vân vật bất tề.

Dịch : Nóc nhà giăng lợt người đâu tá? Cuộc thề mây trời vật  
đối đồi. Bài thơ Đỗ-Phủ mơ thấy Lý-Bạch có câu: 落月滿屋梁猶  
疑照顏色 Lạc nguyệt mãn ốc lương, do nghi chiểu nhan sắc: Giăng  
chiểu vào xà nhà, còn ngờ như soi vào mặt bạn.

Rồi mấy năm sau ông bị Tây bắt, vợ chú Nghĩa-Minh là Hoàng-  
thị mỗ (黃氏) \_cậy người đem vàng đút lót cho viên chỉ-huy quân  
Pháp để chuộc mạng cho ông, nhưng viên đó sợ rằng : Nếu buông tha  
tính mạng cho ông thì tính mạng của y không bao đảm được, nên y không  
nhận. Xét thấy việc làm của thím Hoàng dấu không có kết quả, nhưng  
với tấm lòng trọng nghĩa khinh tài ấy khiến cho nhân dân ai cũng  
cảm phục !

Trương truyền rằng Huân-Nghiệp trong lúc bình sinh giao du toàn  
người có phẩm hạnh, tức như ông Tú Phạm-như-Châu 范如珠 & thôn  
Phur-Độc 村福傑, và ông cử Lê-xuân-Khánh 春黎慶 tự là Thụy-  
Phủ 瑞甫, ông này có tính ham chuộng sách vở, có bao nhiêu tiền đều  
mua cả sách, tủ sách của ông chẳng khác gì một thư viện nhỏ, thế mà  
còn vẫn giao du với ông Nghiệp để học hỏi thêm, chẳng may hai người  
đều mất sớm cả, còn ông Nghiệp thì sau khi chết chỉ còn để lại được  
một cái thai trong bụng vợ, rồi sau sinh hạ được một con gai

### Tán rằng :

Văn-Đạt 文達 đầu tiên xướng nghĩa đã biết sát thân dì thành nhân  
殺身以成仁: giết mình để thành điều nhân (câu này & sách Luân-  
Ngữ). Còn lịch sử ông Đạt chúng tôi xin dịch sau.

Trương-Định 張定, một viên võ biền nhỏ mọn, trong lúc vỡ lở  
bên ba, thế mà một tay nhóm lên ngọn lửa trong đám gio tàn, đóng  
tại Tân-hòa, quyết với huyệt thành cùng chung số phận. Vì phỏng người

Ấy, gặp thời Gia-dịnh vô sự, được quyền phuơng diện trong tay, nhờ binh khí của quốc gia, giữa thế hiểm của sông núi, đem tài thi thoả, sự nghiệp há chỉ thế du?

Huân-Nghiệp: những tướng ở nhà phụng dưỡng lão mẫu, sau vì thời thế rồi ren, cho nên không được toại nguyện. Nhưng ta thử coi trong lúc lâm nạn vịnh thơ, ung dung khảng khái như vậy, hả chẳng phải một bức trượng phu oanh liệt đó sau?

*Saigon, ngày 4-7-1963.*

Tô-Nam Nguyễn-Đình-Diệm và Bùi-Quang-Tung  
*Phụng thuật.*



## MUA Ở ĐÂU ĐƯỢC

đồ nữ trang và vàng lá tốt mà giá hạ?

Bán ở đâu được giá cao?

Xin mời ngay lại tiệm vàng NGUYỄN-THẾ-TÀI

190 Lê thánh Tôn — Saigon  
trước cửa có 4 cọp vàng

# HIỆN TƯỢNG TRƯƠNG - CÔNG - ĐỊNH

▼ HỒ-HỮU-TƯỜNG

L.T.S. Đây là bài diễn thuyết của ông Hồ Hữu Tường, đọc tại thính đường Quốc Gia Âm Nhạc, sáng ngày 21-8-66, nhân dịp ngày truy niệm Trương Công Định, mở đầu cho các hoạt động của nhóm chủ trương Tập San Sứ Địa có mục đích đẩy mạnh các sinh hoạt văn hóa dân tộc. Nếu không gì trở ngại chúng tôi sẽ cố gắng tổ chức kỷ niệm 50 năm Trần Cao Vân và Cải lương... Đây là một bài diễn thuyết trước đại chúng nên khó có thể đi sâu vào chuyên môn, tuy nhiên chúng tôi cũng xin dâng vào số báo này theo lời yêu cầu của một số bạn đọc ở xa không dự được buổi diễn thuyết trên.

Thưa quý vị,

Nhóm chủ-trương Tập-San Sứ-Địa dành cho tôi cái vinh-diệu quá cao, là nhắc lại gương cao cả của vị anh-hùng Trương-Công-Định, nhơn dịp truy-niệm cái chết của Người, trước đây hơn trăm năm, hi sinh cho dân-tộc, nêu một tấm gương chói-lọi cho hậu-thế noi theo suốt bao lâu cũng chưa phai mờ được. Vinh diệu quá cao ấy làm cho tôi thấy mình nhỏ bé, nên đã mấy lượt từ nan, đề nhường nó lại cho một vị khác xứng đáng hơn. Nhưng ban tổ-chức đưa vào cái lý chưa tìm được ai, mà thời giờ lại quá gấp, nên tôi đành lãnh cái gánh nặng nói ít lời, kéo lê truy-niệm đáng long-trọng này mà thiếu sót phần nhắc nhở, thì ra có tội lớn đối với tiền nhân. Xét mình chưa đủ cái đức để kế vai gánh cái gánh nặng này, nên trước khi khởi sự, tôi xin quý vị ban trước cho tôi một sự khoan hồng vô biên đối với một kẻ không phải là sứ giả chuyên môn.

Bởi không phải là sứ gia, nên tôi không dám động đến cái thật tượng Trương-Công-Định. Tôi xin nhượng hoàn-toàn việc tìm và nói cái thật tượng ấy cho các sứ gia nhà nghè. Tôi chỉ là người đọc sử, học sử, nghe nói; nghe đồn về những sự-kiện lịch-sử, nên tôi chỉ xin phép nói về cái hiện-tượng Trương-Công-Định mà thôi. Cặp mắt nhìn, hai lỗ tai nghe của kẻ đọc, kẻ học, kẻ nghe nói, nghe đồn như thế nào, tôi chỉ nói đến chừng ấy mà thôi. Đi quá cái giới-hạn của hiện-tượng, thật tình tôi không dám, và qui vị xin chờ đòn hỏi tôi quá cái giới-hạn ấy.

Trương-Công-Định là người sanh trưởng năm 1820, tại Bình-Sơn, tỉnh Quảng-Ngãi. Thân phụ là Trương-Cầm, còn thân mẫu tên họ chi, thì tôi chưa nghe ai nói. Lúc nhỏ, ở Quảng-Ngãi, thì họ và tên không có chữ lót ngăn cách. Vì vậy mà có sách chỉ chép là Trương-Định mà thôi. Vào giữa đời Thiệu-Trị, cụ Trương-Cầm, vốn là lãnh binh của triều Nguyễn, được bồ nhậm vào Nam với chức Vệ Úy Hữu Thủ Vệ ở tỉnh Gia-Định.

Vốn con nhà võ, sanh trưởng ở vùng Quảng-Ngãi. Bình-Định là vùng mà ai vào thời ấy thấy đều giỏi võ cả, chắc chắn Trương-Định cũng võ-nghệ thuần-thục lắm. Còn Người có văn-học chăng? Trình độ văn-học thế nào, thật không nghe ai nhắc đến. Nhưng mà làm con quan lãnh binh; Trương-Định há không có chút học thức sao? Có điều mà người ta thường nhắc là Trương-Định dung-mạo khôi-ngô; sức rất mạnh, tài bắn hơn người, lại rất rành về binh thư. Như vậy thì, ít nữa, Trương-Định cũng đọc nỗi sách của Khương-Thượng về *Lục-Thao*, của Trương-Lương về *Tam-Lược*, của Tôn-Võ, Ngộ Khởi Bình Pháp và của Hưng-Đạo Đại-Vương Trần-Quốc-Tuấn về *Binh Thư Yến-Lược* và *Vạn-Kiếp Bí Truyền*. Điều sau này, nghiên-cứu về lối hành quân về sau của Người, chúng ta có thể ức-đoán như thế mà không đến nỗi sai lắm.

Năm 1845, khi thân phụ được bồ làm quản cơ ở Gia-Định thì Trương-Định theo cha mẹ mà vào Nam. Nhưng mà người không theo nghiệp cha, thi võ cử đê làm quan, gấp « đất Đồng-Nai cả cõm lớn

tiền», lại nuôi chí khẩn đất, mộ phu đê lập đồn-diền. Bấy giờ, hưởng ứng với phong-tục trong Nam, người bèn thêm chữ lót giữa họ và tên, và từ ấy đi vào lịch-sử với tên Trương-Công-Định. Lại cưới Lê-Thị-Thường, một con gái nhà giàu ở Tân-An, bấy giờ thuộc tỉnh Định-Tường. Thuở xưa, đường sá khó khăn, từ Gia-Định mà xuống Tân-An cưới vợ, điều đó nói được sự giao-du rộng-rãi của Người. Sau khi cha chết, Người không trở về quê, mà ở luôn bên vợ.

Khi Kinh-Lược-Sứ Nguyễn-Tri-Phương vào Nam, năm 1850, điều chỉnh chính-sách khẩn hoang, thi Trương-Công-Định xuất tiền mộ phu đồn-diền, cho người về vùng người đồng đất ít là Nam Ngãi Bình Phú mà chiêu mộ dân nghèo đê khai hoang lập ấp theo phương-pháp «đồn-diền» đặc biệt của người mình khi Nam tiến. Ấy là tinh vi dân, động vi binh. Quân ở đồn-diền kè như là quân trừ bị bây giờ, và luôn luôn có tò-chức thường trực đê biến chuyen mau le dân ở đồn-diền thành bộ-đội chiến-dấu ngay được. Người chỉ-huy tinh thi làm tòng, động thi làm quản cơ. Có võ giỏi, sự-nghiệp to, nên Trương-Công-Định được bồ chrecio Quản cơ và thường được gọi là Quản Định, vừa làm giàu cho mình, vừa giúp cho một số đồng nông dân có cơm ăn, áo mặc. Nếu phải lấy một phạm trù mác xít nào đê dán nhãn cho Trương-Công-Định, thì một cách máy móc, phải nói rằng Trương-Công-Định vốn con nhà phong-kiến, bản thân là một đại diền chủ, có thè nói là một vị phú hào.

Không phải con nhà phong-kiến nào, đại diền chủ nào, phú hào nào cũng là hạng bóc lột, áp bức dân đen và chỉ lo việc phản dân hại nước. Ví dầu việc đó là công lệ đi nữa, thi Trương-Công-Định chắc chắn là ngoại lệ. Biết bao nhiêu dân nghèo nhờ Người mà có đất đê làm ruộng, có nhà đê ở, có cơm đê ăn, có áo đê mặc. Biết bao nhiêu dân đã cảm cái đức của Người, mến cách ăn nói của Người, nên chi khi nước nhà cần có nhiều người đứng lên đê bảo vệ non sông tò-quốc, thì tiếng gọi của Trương-Công-Định thét to lên, được bao nhiêu người hưởng ứng, hơn tắt cả ai ai vào thời đó cả. Hiện-tượng Trương-Công-Định anh-hùng dân-tộc không phải một sóm một chiều mà có được. Trương-Công-Định đã từ lâu lập công, lập

đức, đã «chinh tâm» ức người, thì khi cất tiếng kêu gọi mới có muôn người nhất tề đứng dậy mà hưởng ứng.

Năm 1860, quân-đội Pháp đánh vào Gia-Định. Quân-đội chánh qui của triều-đình nhà Nguyễn binh ít, vũ-kí cũ xưa và không bao nhiêu, cự không lại. Vì vậy mà ở khắp nơi, một phong trào khởi lên, nhằm mục-đích chiêu mộ nghĩa binh, tự mình động viên kẻ đinh tráng, rèn đúc khí-giới, mua sắm lương-thực, tập luyện trận thề, binh lược, để giúp sức cho binh lực của triều-đình mà chống giặc xâm-lăng. Thời thế ấy giúp cho kẻ anh-hùng xuất đầu lộ diện. Một số văn-thân, sẵn có nhiều uy-tín, như Án-Sát Đỗ-Quang, Tri-phủ Nguyễn-thành-Ý, Tri-huyện Đỗ-trinh-Thoại, Tri-huyện Âu-Dương-Lân, cựu Tri-huyện Trần-thiện-Chính Phủ Cậu, Tri-huyện Lưu-Tấn-Thiện, Tho-lại Lê-Quang-Quyền, Thủ-khoa Nguyễn-Hữu-Huân, Cử-nhân Phan-văn-Đạt, Cử-nhân Phan-văn-Trị, Cử-nhân Trần-Xuân-Hòa, những Tú-tài Nguyễn-Đinh-Chiều, Trịnh-Quang-Nghi, Lê-Cao-Dũng, Hồ-Xuân-Nghiệp, Trà-Quý-Bình, Võ-Duy-Dương, Nguyễn-Công-Duy, những cựu quân-nhân như Lê-Huy, như Quản Lã, kè ít người nhiều đều dẫn đầu những toán nghĩa-quân mà tham chiến. Trong đám quân hùng phong khởi ấy, ai cũng có chức tước, khoa nghiệp, chỉ có một mình Trương-Công-Định là thường dân, là địa-chủ. Tuy không phải là «phó thường dân» vì trong lòng còn làm được chánh tòng. Song so sánh lại các địa-vị xã-hội, thì Trương-Công-Định ở bậc chót hết trong đám anh hùng nọ.

Nhưng mà, để so sánh kẻ anh hùng, từ muôn thuở, không ai đem khoa nghiệp, địa-vị xã-hội, chức tước, tiền của, để làm cây thước đẽ mà đo cả. Khi ngồi uống rượu mà luận anh hùng với Lưu-Bị, thì Tào-Tháo, theo lời của La-Quán-Trung, đã dùng mấy cây thước đẽ sau đây: «Hung hoài đại chí, phúc hữu lương mưu, bao tàng vô trụ chi cơ, thôn thồ thiêng địa chi khí» (Hông ôm chí lớn, bụng chứa mưu hay, bao gồm then máy của vũ-trụ, hít phè hơi thở của đất trời). Không biết khi những anh hùng kè trên hội nhau lại mà chọn người thủ lãnh, các vị ấy đã lấy những cây thước đẽ nào, song lịch-sử đã ghi lại rằng chính là người ở bậc chót hơn hết của cây thang xã-hội, một thường dân, không khoa nghiệp là Trương-

Công-Định lại mặc nhiên được tất cả nhìn nhận là người lãnh đạo. Cho hay, nếu bảo rằng lịch-sử không bao giờ lặp lại, âu cũng dành nhìn nhận như vậy đi. Song ít nữa, phải nhượng bộ mà công nhận rằng trước đây, người áo vải đất Tây-Sơn đã chen lên hàng đầu của lịch-sử, thì ngày nay Trương-Công-Định được chúng anh hùng kính nè, âu cũng là công lệ.

Lùi lại thời-gian, chúng ta thử tìm những yếu-tố nào đã kết-cấu cái mà tôi xin mạo muội gọi là hiện-tượng Trương-Công-Định. Người khoa nghiệp cao không ? Không. Người chức cao tước lớn chẳng ? Không. Người có địa-vị xã-hội trọng vọng không ? Không. Người là thủ lãnh của một gia-đình toát và nhiều uy-thể như gia-đình của chúa Nguyễn không ? Không. Người có nhiều tiền của lăm không ? Có và có vạy thôi, song đã kẹt hết trong vụ khai hoang lập ấp. Người là thủ lãnh của một đảng chính-trị to chẳng ? Không. Người dựa vào thế-lực của một cường quốc nào chẳng ? Không. Những yếu-tố kè trên, Trương-Công-Định không có yếu-tố nào cả.

Khởi kỳ thủy, Trương-Công-Định đứng sẵn vào một cái «thế», là được ở địa-vị làm quản cơ của một tờ-chức dân quân khá to. Ta có thể nói rằng một tờ-chức dân tộc đã để cù một anh hùng dân tộc. Tờ-chức dân tộc ấy là đòn-diền, binh-linh và sĩ-quan thảy có tánh chất trừ bị, không ăn lương của nhà nước, tự mình tạo vũ khí lấy, tự mình tờ-chức lấy và các sĩ-quan do binh-linh cử lên được «bồ nhậm» một cách tượng trưng, nghĩa là triều-định nhìn nhận những thủ lãnh mà dân chúng đã tự chọn rồi. Khi hữu sự, tờ-chức đòn-diền biến ngay làm nghĩa binh. Vì chánh tòng đã sẵn có chức là quản cơ, trở nên tướng lãnh, nếu nghĩa binh vui lòng vâng mạng lệnh.

Thuở ấy, tại miền Nam, có cả thảy 29 liên-đội. Những quản cơ chỉ-huy cùng liên-đội này thảy có cái thế đứng đầu những nhóm nghĩa binh. Thế ấy tương đối thuận tiện hơn các vị Tri-phủ, Tri-huyện, khoa nghiệp, hay văn thân khác. Nhưng mà, giữa những quản cơ với nhau, tài-liệu ghi rằng nhóm nghĩa binh của Trương-Công-Định là đông hơn hết. Như vậy, ấy là Trương-Công-Định có

những yếu-tố đặc thù, mà các vị quản cơ khác không có. Ấy là trong mấy năm khẩn hoang, lập ấp, Trương-Công-Định đã có lập công, lập đức gì đó, mà sử liệu không có ghi, nhưng mà những công đức đó ví như những hột gieo sẵn trong lòng của dân, nên đến lúc hữu sự, Trương-Công-Định gặt được phong dinh thạnh mậu hơn những vị quản cơ khác. Thế là trong cuộc thi đua, các quản cơ lần bước hơn các vị văn thân trong cuộc chiêu mộ. Rồi giữa những quản cơ, Trương-Công-Định lại dẫn đầu, nhờ mấy năm trước đã lập nhiều công đức sẵn.

Những tài-liệu mà tôi được đọc, trong những tháng chiến-dấu đầu tiên trong năm 1860, nghĩa binh của ông đóng ở Thuận-Kiều, phòng tuyến dài từ Cây Mai đến Thị-Nghè. Trong các cuộc chiến-dấu, luôn luôn ông đi tiền-phong, tỏ ra rất gan dạ, chỉ-huy rất sáng suốt. Các đội của ông lập nhiều chiến công nho nhỏ, gây cái uy-tín thêm cho ông. Việc giết chết đại-úy Barbé do một tiêu-đội của Trương-Công-Định điều-khiển gây một tiếng vang. Lúc ban đầu mỗi đội của một đồn-diền cung-cấp không quá 300 nghĩa binh. Một liên đội chỉ giúp động viên độ một ngàn binh, cũng như hầu hết các cơ khác. Trương-Công-Định khởi đầu cũng chỉ vào lối ngàn nghĩa binh. Những tháng chiến-dấu, làm cho các cơ liên-kết nhau, và các quản cơ tự nhiên chọn mà cất lên người lãnh-đạo. Sáu quản cơ trong tỉnh Gia-Định cử Trương-Công-Định làm người lãnh-đạo cho mình. Ấy là trong tay Trương-Công-Định có được 6.000 nghĩa binh, trội hơn hết các vị anh hùng của thời đó.

Lúc triều-đinh Huế còn kháng-chiến, triều-đinh hợp-thức-hoa sự suy-tôn ấy bằng cách phong cho ông làm Phó lãnh binh của tỉnh Gia-Định. Chánh lãnh binh là quan võ của triều-đinh, ăn bồng-lộc và là sĩ-quan nhà nghè, chỉ-huy đạo quân chánh qui. Trương-Công-Định từ hàng ngũ của dân quân mà xuất hiện, vươn lên hàng đầu nhờ tài đức và gan dạ của mình, làm phó đế điều khiển nghĩa binh.

Thế là cuộc chiến-dấu đã tự nhiên tuyên-tranh mà đưa Trương-

Công-Định lên địa-vị chỉ-huy lại những Tri-huyện, Tri-phủ, những cù-nhân, tú-tài, chỉ-huy tất cả các vị văn-thân, các vị phủ-hào. Và danh-vọng và uy-tín của vị phó-lãnh binh lại lấn át cả danh-vọng và uy-tín của vị chánh-lãnh binh nữa.

Dõi theo cái quá-trình xuất-hiện vị anh-hùng dân-tộc là Trương-Công-Định, ta thấy rõ những yếu-tố khoa-nghiệp, chức-tước, địa-vị, gia-dinh, tiền-của, thế-lực... thảy đều thứ-yếu. Những yếu-tố quan-trọng là công-đức, là tài, là giá-trị nội-tại và cá-nhân của vị anh-hùng khẽ hợp với thiên-chức của lúc đó. Những yếu-tố quan-trọng này, Trương-Công-Định có hơn-tất cả người-cùng-thời, thì sự-tự-nhiên tuyền-trach phải theo lề-lối tự-nhiên mà đưa-kè anh-hùng lên địa-vị của người-anh-hùng. Đó là công-lệ. Hiện-tượng Trương-Công-Định nhìn-nhận như-vậy, cũng như kinh-nghiệm của người-Anh cho phép họ đúc-kết câu-tục ngữ:

*The right man in the right place.*

Triều-dinh vốn dĩ phải binh-nhau, nhưng mà trui qua lò-lửa của cuộc chiến-đấu, cũng phải nhìn-nhận sự tuyền-trach tự-nhiên ấy. Sau khi Biên-Hòa thất-thủ, triều-dinh bắt-buộc phải quở-trách quan Hiệp-Tán-Quân-Vụ là Thân-văn-Nghiệp và quan Khâm-Phái-Quân-Vụ là Nguyễn-Túc-Trưng. Lại ra lệnh cho những người này phải tìm đường-hội-quân với Trương-Công-Định để chống-giặc.

Ở đây, chúng ta nên dừng-lại mà rọi đèn-soi vào một chỗ-dở trong cái mà tôi-gọi là hiện-tượng Trương-Công-Định.

Khi mà Tham-Tán-Quân-Vụ Thân-văn-Nghiệp, Khâm-Phái-Quân-Vụ Nguyễn-Túc-Trưng và Tuần-phủ Đỗ-Quang hội-với Trương-Công-Định để bàn-việc kháng-chiến, thì hội-nghị lại đề-cử Túc-Trưng-lên làm Tòng-Chỉ-Huy. Phân-tích chiến-lược của kháng-chiến-về-sau đó, chúng ta không-khỏi thấy lầm-chỗ sơ-sót tai-hại, làm nguyễn-nhân cho những-thất-bại-về-sau. Đã đành-rằng những-lầm-lỗi-về-chiến-lược-này, Túc-Trưng gánh phẫn-trách-nhiệm nặng-nề-hơn-hết. Song

truy xa hơn, chúng ta không khỏi trách cứ cả hội-nghị đã đề cử kẻ bắt tài vừa bị quở trách kia nắm tay lèo lái quan-trọng của cuộc kháng chiến mà lái về hướng của sự thất bại.

Trong hội-nghị, có ba vị quan của triều-đinh suốt đời ăn bồng lộc, mà Trương-Công-Định là người từ dân chúng xuất thân. Phải chăng ba vị «lương dồng của triều-đinh» đã liên kết lại mà không buông tay lèo lái cho kẻ «áo vải»? Hay là họ đã biết thân giá áo túi cơm mà nhượng quyền chỉ-huy cho Trương-Công-Định, rồi Định có mặc cảm tự ty đối với triều-đinh, mà không dám nhận lấy? Hay là Định sớm biết lũ ấy bắt tài, đòi hỏi nắm lấy quyền binh, nhưng bên chúng có ba, bên Định chỉ có một, rồi trong cuộc bàn cãi, «thiều số phục tùng đa số»? Hay là trước sự bắt tài của các quan triều-đinh, triều-đinh phải nhượng bộ cho dư luận, chấp nhận Trương-Công-Định để ngăn sự phản đối của dân, còn quyền binh vẫn nắm trọn trong tay, chia cho Định một chức phó cho có lệ? Chọn Túc-Trung làm Tòng-Chi-Huy là một chỗ dở, mà trong chỗ dở này, trách-nhiệm là của ai?

Ở vùng Gia-Định, chúng ta thấy một chỗ dở. Ở nhiều nơi khác cũng xảy ra nhiều chỗ dở. Bao nhiêu cái dở cộng nhau lại, làm cho thế của triều-đinh suy kém, nên chủ hòa. Triều-Đinh ký hòa-ước với Pháp, làm cho hiện-tượng Trương-Công-Định đội một lốt mới. Đó là một cuộc chuyền thân mà chúng ta cần phân tích cho rõ sắc thái.

Triều-Đinh Huế hạ lệnh bãi binh, Nguyễn-Túc-Trung là một quan chánh qui, thì bị triệu về Kinh. Và Túc-Trung mau mau lanh chì. Đối với Trương-Công-Định, bấy giờ mới được phong cho chức lãnh binh, thì triều-đinh bắt buộc vị quan mới này phải theo hòa-ước mà giải-tán nghĩa quan, cho họ trở về đồng-áng. Còn riêng Trương-Công-Định, đáng lẽ triều-đinh cho trả về làng cũ với ruộng nương, triều-đinh lại bắt buộc rời lính cũ của mình, sang An-Giang mà nhậm chức. Trương-Công-Định cho vợ con đi trước, cho triều-đinh yên tâm rằng lính đã được tuân theo. Nhưng Định mượn có ở lại mà kiềm-

điểm lương-thực và binh lính, mà ở nán lại. Nhưng mà, một sự-kiện mới xuất-hiện Ấy là nghĩa quân quyết-nghị không chịu giải-táu, chủ-trương góp sức nhau mà chiếm một khoảng đất, đề chống cự lại. Họ yêu cầu Trương-Công-Định ở lại, đứng đầu và lãnh - đạo cuộc chiến-dầu của họ. Trương-Công-Định chưa chối từ, cũng chưa nhận lệnh. Đối với mọi người thì bảo rằng hễ ở lại thì bảo-toàn tình đồng đội, trước đã, thề đồng sống, há quên nghĩa đồng thác với nhau mà lánh đi sao ? Nhưng ở lại thì té ra bất tuân lệnh của triều-định. Trong lúc ấy, từ ở Tân-Long (một làng của tỉnh Tân-An ngày nay), một văn thân là Phạm-Tuấn-Phát truyền thơ cho tất cả các đội nghĩa quân, đề-nghị nên suy-tôn Trương-Công-Định làm chủ soái đề cầm đầu cuộc kháng-chiến. Đề-nghị đưa đến đâu, dư-luân đều hoan-nghênh. Như một cao-trào, tất cả nghĩa quân đều hăng hái biếu đồng tình. Và người ta tình nguyện đắp đàn làm lễ bái tướng. Trong lễ này, lại cử người đem nhiều điều choàng lên vai của Trương-Công-Định và suy-tôn Người lên làm Bình Tây Đại Nguyên Soái.

Quả là một lễ tǎn phong, uy-nghiêm, trọng đại, không phải do một nhà vua nào trao cờ mao, búa việt, mà là do dân chúng. Nhiều điều, từ bao giờ, đối với người Việt, vẫn là tượng trưng cho toàn dân. Từ thời Bắc thuộc, đã lưu hành câu ca-dao « Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước hãy thương nhau cùng ». Và khi Quang-Trung phất cờ bắc phạt, thì cờ của Tây-Sơn vốn là cờ đào. Nay trong lễ bái tướng cho Trương-Công-Định nhiều đào đã choàng lên vai người, thì bái tướng Trương-Công-Định không phải là một vị hoàng-đế nào, mà là dân Việt vậy. Ý-nghĩa của cuộc bái tướng quá rõ rệt. Từ bấy giờ, Trương-Công-Định không còn là lãnh binh của một Vua Tự-Đức. Từ bấy giờ, Trương-Công-Định là vị Đại Nguyên Soái có sự-mạng bình Tây. Mà Nguyên-Soái của ai ? Nguyên-Soái của toàn dân.

Từ ngày bái tướng ấy, Trương-Công-Định phải đánh giặc cả hai mặt trận. Mặt trận quân-sư và đối ngoại, các tài-liệu thảy đều có ghi. Tài ba, dũng cảm, hi sinh là những yếu-tố cần thiết để

thắng ở mặt trận này. Còn mặt trận thứ hai là mặt trận chính-trị, đối nội, thật gian lao, khò sỏ. Nên đề ý rằng hơn trăm năm trước, dân chúng Việt ta hãy còn lù mù về chánh-trị và ý-niệm ái-quốc và ý-niệm trung quân còn lẫn lộn với nhau.

Đối với Trương-Công-Định, đối với một thiểu số sĩ phu, hai ý-niệm đã phân biệt rõ ràng. Và khi hai ý-niệm ấy tương phản nhau, họ chọn lựa rất dễ dàng việc ái quốc và xem nhẹ việc trung quân. Nhưng còn một đa số sĩ phu và dân chúng không khỏi băn loạn và hoang-mang khi lòng ái quốc không được chấp nhận.

Thứ nữa, hãy còn vấn-dề khôn ngoan khi bỏ lên cân mà cân lợi hại của hai giải-pháp hòa hay chiến. Trong tất cả chế-độ, có những trường-hợp na-ná xuất-hiện ra. Và ngay nơi một cơ-thè, vấn-dề cũng đặt ra nữa. Một người đau bệnh thúi thịt (gangrène) nơi chân. Giữ cái chân rồi dùng thuốc mà uống cho bệnh khỏi, hay là chặt cái chân để cứu phần còn lại ?

Ngay trong chế-độ cộng-sản, vấn-dề cũng xảy ra luôn. Khi cộng-sản Nga vừa lấy chánh quyền, thì họ bị quân-đội Đức tấn-công xinh-vinch. Cắt đất mà cầu hòa đe củng cố phần còn lại, hay kháng-chiến đến kỳ cùng ? Trước khi ký hiệp-dịnh Brest-Litovsk, đảng cộng-sản Nga suýt phân liệt vì vấn-dề hòa hay chiến.

Vào lúc ấy, song song với hiện-tượng Trương - Công - Định, ở xứ ta hãy còn xuất - hiện ra hiện - tượng Phan - Thanh - Giản. Phan-Thanh-Giản không phải là kẻ bán nước. Bằng cớ là người cấm con cháu hợp-tác với Tây. Song Phan-Thanh-Giản lại thấy rằng khôn ngoan hơn là cắt đất mà cầu hòa, cầu tạm hòa, rồi nhơn lúc tạm hòa mà củng cố phần còn lại đe phục thù tuyết hận. Kẻ nhẹ trung quân, mà nặng ái quốc còn phải chọn lựa giữa hai biện-pháp. Biện-pháp Trương-Công-Định hay biện-pháp Phan-Thanh-Giản ?

Kè ra, lúc vận nước rơi bời, thì dân tâm ly tán. Đứng trước sự xâm lăng ngoại lai, có một số chẳng trung quân mà cũng không

ái quốc. Đó là lũ chực đầu hàng với địch để mong được « phi gia » mà chẳng kề chi cả. Kế đến là phần đông người cầu an, thế nước nghiêng bên nào thì theo bên ấy. Có một phường giá áo túi cơm, ăn bồng lộc của triều-định, vua bảo sao thì nghe vậy và cho đó là trung quân. Còn một số như Phan-Thanh-Giản, mong tạm nhượng bộ để chuẩn-bị cho ván cờ sau... và rốt hết, là biện-pháp của Trương-Công-Định : kháng-chiến cho đến khi nhỏ giọt máu cuối cùng. Chỉ có vẫn-đè đối ngoại, mà dân tâm ly tán không biết đường nào !

Huống chi, những xu-hướng trên chống đối nhau, thì mỗi xu-hướng lại xử sự thế nào ? Vì bằng đồng-minh với nhau, bồ-túc nhau, thì lại xử sự ra sao nữa ? Người ở bên này mà phụng-sự cho bên kia, cũng có. Mà hai xu-hướng « đánh cuội với nhau » để mà mắt kề thù chung, há lại chẳng có sao ?

Ở đây, tôi xin quí vị chờ đòn hỏi nơi tôi giúp ánh sáng vào cái thật tướng Trương-Công-Định ra làm sao. Tôi không dám nói rằng Trương-Công-Định thật là « trung với Vua Tự-Đức », song không phải là trung cái trung của Nhạc-Phi, chiếu vua hạ xuống bảo làm thế nào thì vâng thế ấy. Tôi cũng không dám nói rằng Trương-Công-Định trung theo lối chính thống, « kẻ cầm quân ở biên tái, có lâm lệnh vua không nên tuân theo ». Trương-Công-Định không đi lãnh chức quan tại An-Giang, ở lại để cho dân quân lập đàn bái tướng làm Bình Tây Đại Nguyên-Soái ở vào cái hình thức « trung » này chẳng ? Đến như, về sau, Trương-Công-Định mạo chiếu của Vua Tự-Đức để nâng cao tinh-thần kháng-chiến của dân chúng, cái « trung » ấy ở vào loại trung nào ?

Và sau cùng, khi những người « trung quân » theo lề lối cũ xưa khiền-trách Trương-Công-Định sao không có tuân mạng lệnh của triều-định, thì vị anh hùng của ta lấy cái lý minh là « trung thiện tướng quân » mà hành-động. Để hiều hiện tượng này, ta nên nhắc lại điển tích về Bá-Di, Thúc-Tề. Bá-Di và Thúc-Tề là hai anh em hiền-triết, không tranh nhau mà thừa hưởng ngôi của cha để lại, rủ nhau vào núi mà ẩn. Khi nghe Võ-Vương dẫn binh phạt Trụ, thì dẫn nhau ra chặn

dầu ngọt mà can ngăn. Can ngăn không được, nên thì không thờ nhà Châu, dấn nhau vào núi Thú-Dương ăn rau vi mà sống, chớ không thèm ăn thóc nhà Châu. Có người nói, rau vi ấy mọc trên đất nhà Châu, thì ăn rau vi ấy là ăn lộc nhà Châu. Hai người bèn nhặt ăn mà chết. Ý-nghĩa của điều-tích này là nói rằng ở trên đất của ai, dầu không ăn bồng của chủ đất ấy, vẫn là ăn lộc của người ấy.

Khi Trương-Công-Định xưng minh là « trung thiên tướng quân », như *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* chép, thì Người muốn nói Người là kẻ ở giữa trời, chưa không đẹp đất như Bá-Di và Thúc-Tề, mà phải ngại vì việc ăn lộc của kẻ làm chủ đất ấy. Người muốn nói rằng người không ăn lộc của Vua Tự-Đức, thì người không có bị gì rằng buộc với triều-đinh Huế. Mà ba tỉnh miền Đông, tuy Vua Tự-Đức đã cắt nhượng cho Pháp rồi, người cũng không ăn lộc của Pháp. Người là kẻ « trung thiên », kẻ đứng giữa trời, chỉ có hành chánh đạo mà thôi. Và cái chánh đạo ấy, theo người hiểu, là kháng Pháp đến kỳ cùng, mặc dầu triều-đinh Huế có thái-đô nào với Pháp, người không hề kẻ đến.

Hiện-tượng là vậy đó. Còn cái thật tượng như thế nào ? Trương-Công-Định có giả vờ bắt đồng ý-kien với triều-đinh Huế để mà phụng-sự cho Tự-Đức một cách hiệu-quả hơn chăng ? Tôi không phải là sứ gia, thú thật với quý vị, tôi không dám mơ đến một điều mà tôi dốt. Năm 1940 khi nước Pháp thua trận, thống-chế Pétain ra hàng đầu Hitler để làm một công việc mà nhiều người gọi là miễn cho nước Pháp thảm hại hơn nữa. Đó là một cái mà tôi không dám quả quyết tin theo, vì thấy có hơi trái với hiện-tượng. Vì lẽ ấy mà tôi không dám tin. Mấy năm sau, khi De Gaulle thắng thế, mà Pétain lại bị đem ra xử nặng nề, lòng tôi rất hoài-nghi đối với những cái tạm gọi là « thật tượng » quá tương phản với « hiện tượng ».

Tôi hoài-nghi, nhưng tôi cũng không dám quả quyết rằng sự hoài-nghi của tôi là có lý. Nếu Trương-Công-Định, trong thật sự là trung với Tự-Đức, mà bề ngoài không vâng lời Tự-Đức. Thêm về

sau, người không chết một cách bi thảm, kháng-chiến lại thành công, tôi không biết dân tộc Việt-Nam sẽ ca tụng vị anh hùng cứu quốc biết phổi hợp anh dũng và mưu trí đến bực nào?

Sở dĩ tôi phân biệt hiện tượng và thật tượng, nói một cách khác sở dĩ tôi phân biệt sự kiện và huyền thoại, ấy bởi vì tôi dựa vào thành-khiến cho rằng cái thật tượng không bao giờ có thể biết được và cái mà người ta cầm bằng là thật tượng chỉ là huyền thoại mà thôi. Nói như thế, hiện tượng chưa át là chân lý và huyền thoại chưa át là sai lầm. Một sử gia vỗ ngực xưng minh là khoa-học, bằng vào những bằng chứng hữu hình (mà họ cho là chỉ có cái hữu hình là khoa-học mà thôi), sẽ vạch một cái đồ-thi để ghi rõ những giai-đoạn sau đây của quá trình tư tưởng của Trương-Công-Định.

- a) Khi thanh-niên không làm quan vì không có tư tưởng ăn bồng lộc của triều-đinh.
- b) Khi nước nhà hữu sự, lãnh đạo phong-trào dân quân, vì tình thế bắt buộc mà phải hợp tác với triều-đinh mà chống với kẻ thù chung ngoại lai.
- c) Khi triều-đinh cầu hòa với kẻ thù, thì lấy lại sự tự do hoạt-động của mình, mặc kệ việc làm của triều-đinh, và kháng-chiến luôn.
- d) Khi triều-đinh dùng cái thể vua sai quan mà bắt buộc đi vào con đường khác của mình thì phủ nhận chức tước của triều-đinh phong cho, mà nói rằng mình chỉ là một vị tướng quân của trời ban cho, một « trung thiên tướng quân », như *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* chép.

Hiện-tượng là như vậy. Còn huyền thoại nghe cũng lắm.

Huyền thoại vì như cạm rừng mênh-mông đầy bí mật, mà cũng vì những bí mật ấy mà rất hấp dẫn. Còn hiện-tượng chỉ là một gốc của rừng đã khai phá, phỏng đường vạch lối hẳn hoi. Trách-nhiệm của sứ-gia là lấn thêm vào rừng, tìm thêm những bí-ẩn mà chưa ai biết được để trình ra ánh sáng. Cái hứng thú của sứ-học là thỉnh thoảng tìm được một sự kiện hữu-hình nào đó, đánh đố bao nhiêu cái mà thiên-hạ cầm bằng chân lý.

Tôi có một người bạn trẻ, bấy lâu nay nghe các nhà «khoa-học» chứng minh rằng Hồ-xuân-Hương không phải là nhân-vật sống, chỉ là một sự-bịa đặt-tập-thè của người-minh. Thỉnh-linh năm được một tài-liệu là *Hồ Gia Thế Phả* chứng tỏ nhà thi-sĩ có ông bà cha mẹ hẳn hoi. Rồi hẳn sung-sướng cả mấy ngày, hơn là trúng số độc-đắc. Cái hứng thú của nhà sứ-học là năm được những tài-liệu hữu-hình, hoặc chứng minh một cách không-chối-cãi được hoặc đánh đố một cách hoàn-toàn, một giả-thuyết cũ.

Đến hôm nay, do cái nghe, cái đọc sơ-sjà của tôi, tôi đã phác-họa cái giả-thuyết mà tôi đã ghi bốn cái mốc ở trên đánh dấu cái tội mà tôi tạm gọi là «hiện-tượng Trương-Công-Định». Tôi ước mong rằng sang năm, trong nhóm Sứ-Địa, có người tìm được một tài-liệu chứng minh một cách quyết-đoán, không chối-cãi được, rằng cái «hiện-tượng» kia chẳng khác gì chuyện «Hồ-xuân-Hương là một nhân-vật bịa đặt».

Tôi quan-niệm rằng khoa-học không phải là một sự-dựa vào cái hiểu-biết chính-xác của nhứt-thời mà lập-lên thành chon-lý tuyệt-đối, mà tư-tưởng loài người không có quyền đi xa hơn nữa, rằng cái đó không phải là khoa-học, mà là giáo-điều. Tôi quan-niệm rằng khoa-học là sự đi-tới hoài-hoài, mãi-mãi, mỗi-lúc đánh nhũng cái-mốc để ghi-bướm đường-của-mình. Khoa-học không phải là nhũng cái-mốc. Khoa-học là cả sự đi-tới, đi-lần-mãi cái-chưa-biết, để đánh nhũng cái-mốc mới-nữa, vượt qua nhũng cái-mốc cũ.

Nhơn nỗi về «hiện-tượng Trương-Công-Định», tôi xin đem cái mong muốn của người dốt sứ học mà bàn với các nhà sứ học. Cái mong muốn ấy, các nhà sứ học có thể cho là cái lầm của những người không chuyên môn. Nhưng các nhà chuyên môn cũng nên biết rằng kè không chuyên môn mong muốn như vậy, hầu thè theo đó mà trình bày công trình một cách hấp dẫn hơn.

Tôi xin thành thực cảm ơn quý vị đã chịu khó dõi theo công việc nhắc nhở này. Tôi tin rằng có nhiều chỗ sẽ bị xem là rất lầm. Nhưng trong khoa-học, lầm khi việc chứng minh rằng một giả-thuyết là lầm, mà nhà khoa-học lại tìm được lầm chon lý mới mè. Tôi cầu xin cho Nhóm Sử Địa, vì muốn chứng minh rằng tôi lầm, mà sẽ tìm ra lầm điều chỉnh xác trong lịch-sử. Như vậy, tự hiến thân làm kè lót đường cho sứ học tiến tới, tôi cảm thấy tôi có phụng-sự cho sứ học chút gì. Đó là cái an ủi của người dốt sứ mà thích nghe nhắc về sứ.

Xin quý vị nhận lời chào cung kính của tôi.

HỒ-HỮU-TƯỜNG

### HÃNG CÀ-PHÊ

*Meilleur Goût*

135, Đại-Lộ Hàm-Nghi — SAICON

Điện thoại: 21.284

### Chuyên bán cà-phê sống và cà-phê chín

(Rang và xay mỗi ngày bằng máy điện)

Chi-Nhánh : { 124, đường Pasteur — Saigon  
                  38, đường Minh-Mạng — Đà-lạt

Giới sành điệu Thủ-Đô đều nhìn-nhận  
dùng cà-phê Meilleur Goût là thơm-ngon nhất.  
Đã dùng qua 1 lần là không thể quên được.

# TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

Viết sử cho đúng đã là một việc khó. Viết sử Việt ta, nhứt là khoảng cận-kim, lại càng khó viết cho y sự thật. Từ tiếng súng Pháp bắn vào Cửa Hán khởi đầu (1847) cho đến khi tên lính chót Lang-sa rút lui về xứ với Hiệp định Genève (1954), dân ta ngót mệt trăm năm dẫu có miệng cũng không nói được lời nào, còn bọn họ vốn già hùm viết lách để lại rất nhiều, ngọt nỗi trong đồng tài liệu tư-vị kia, làm sao tìm ra sự thật? Thêm nữa những sử-liệu ấy ở tân mác, không nói chưa nhiều mèo mò tùy nơi xuất xứ, nay dẫu muốn tra-cứu cũng chưa phải là chuyện dễ.

Phần quan-trọng, bấy lâu đặt vào đó nhiều niềm tin, tôi muốn nói những gì trước kia thu góp tàng-trữ nơi Quốc-Sử Quán tại Huế-đô, thì nay tang-thương lắm nỗi. Lúc Nam-triều còn tại vị, thì có mấy ai được vào xem thong thả? Đến năm đảo-chính 1945/46, thì thêm bị đốt phá, thất lạc. Châu-phê, Châu-bản của Nguyễn-triều, tôi từng gặp tại Đà-Lạt, bị dời về đây do lệnh ông Diệm ông Nhu, thì cho đến nay cũng chưa thấy ai nhớ mà lo việc «ngọc bích Triệu huồn». Mà dẫu đem về Huế được rồi, nói qua vẩn-dề khai thác thì cũng là một vẩn-dề nan giải. Toàn viết bằng Hán-tự, cho nên không phải ai ai cũng đọc nổi. Cậy người dịch lại thì sao tin cho bằng tự mình đọc ên và hiểu được? Chưa nói sử ta dời trước, hiềm-hóc, viết không hết lời, săn tánh ưa giấu giếm, nói nửa-mi, mới làm sao thấy mau lẹ thật?

Cầu cứu nơi nguồn gốc Pháp thì sử-liệu văn khố các khu-cđia cũ nay chia ra nhiều nơi: bộ Thuỷ-binh, bộ Thuộc-địa, bộ Ngoại-giao mỗi nơi có mớ nhắm, không qui-tụ lại một chỗ. Nhà khảo-cứu nào có thiện chí cũng không dễ gì lục soạn, sưu tầm cho khắp. Lại còn tài-liệu tàng-trữ ở Hội Truyền giáo Ngoại-quốc (Société des Missions Etrangères)? Con của Anh-quốc? Của Trung-Hoa? Nhật-bản cũng có nứa, vì thời ấy (Thập-kỷ XIX) họ đã có thương điếm nơi Hải-Puô (Faifo). Thêm nào sử Cao-Miên, Miền-Điện,

# VÀ ĐẠO HIẾU - TRUNG

▼ VƯƠNG-HỒNG-SỀN

Thái-Lan, Nam-Dương; cũng cần được tham khảo, giáp mí và so sánh. Nhưng làm sao căn cứ vào sử-liệu ngoại-bang để viết sử nhà cho ổn thỏa? Thật là khó vậy. Tôi đã từng than phiền với nhiều học-giả Pháp. Họ an ủi rằng chính sử Pháp cũng chưa chắc khỏi sai và đã từ lâu, chẳng qua «sẽ là những mảnh vụn-mún, bị chánh-trị bối nát và mèo-mèo đi nhiều».

Nay muốn soạn một đặc-san khảo về tiểu-sử và sự-nghiệp ông Trương-Định, với phương-tiện và khả-năng có hạn-định của Tập-san Sứ-Bia ta, nếu cứ moi-móc, tìm-tòi viết nhiều về ông thì chẳng qua nhại đi nhại lại mãi những mớ tài-liệu rút trong các sách cũ Pháp, đậm mùi chánh-trị, thực dân, nói lấy phải, thiên lệch và khả nghi. Càng vùi đầu suru-tập trong báo-chí lớp trước, thì chỉ gặp những tiểu-tết vặt vãnh, lun-vụn, ngó-ngắn dễ đánh lạc người đọc và dư-luận. Tôi xin phép nhắc lại đây một kinh-nghiệm bản-thân, không phải muốn «khoai vò mìoh cù», nhưng để thấy sự khó trong vấn-dề khảo về Trương-Định. Cách nay đã lâu, tình cờ một nhà tiền-bối mách tôi rằng: «tưởng hắt-bội «Ngưu-Đầu-San» là ám-chỉ khóc ông Trương-Định hay khóc ông Thủ-khoa Huân». Tôi để tâm suru-tâm, lâu lắm mới gặp tuồng Ngưu-Đầu-San. Mừng chưa kịp to, tôi ôm bà ấy đi tìm một ông bạn đọc được chữ nôm. Ông Võ-Trọng-Viễn bạn thân, dịch giùm kỹ-càng ra làm bốn tập chép tay mỗi tập 50 trang. Vì có nhiều chỗ sai chánh tả, tôi ôm lại nhà chuyên-môn là anh bạn chí thiết, Lê-Ngọc-Trụ. Anh nhiều việc, làm không xiết. Tôi lấy về tháng 4 năm 1961. Sẵn ông Trần-văn-Hương là người sành sỏi về hát-bội, tôi ôm lại xin ông xem xét lại giùm. Nhưng tháng 11 năm 1961, ông trả lại tôi, tuy không nói, tôi đã ngầm hiểu vì tuồng kém văn-churong, nên ông không đọc hết. Tôi đem về để nằm trong tủ, cho đến hôm nay vì phải viết về Trương-Định, lấy ra coi sơ, mới tá hỏa. Cái tội của tôi, sự mường hụt của tôi là định lòe anh em «Sứ-Bia» bằng một tài-liệu mèo-mèo có, té ra tôi làm và cũng may, thắng lại kịp!

Ngưu - đầu - san, xem kĩ lại, chẳng qua là một bốn tuồng hát-bội, nhắc chuyện đời Tống bên Trung - Hoa, diễn từ lóp Nhạc-Vân là con trưởng của Nhạc-Phi, tuy nhỏ tuổi mà tài cao, chống nổi tướng Phiên là Kim - Đan, diễn cho đến lóp cùp lạc là lóp vua Tống-Cao-Tông (1127-1162) bị Ngột-Truật kéo binh rượt nà, đuổi chạy đến Ngưu - đầu - san, may nhờ tướng Nhạc - Phi cứu già kịp. Khi xem hát, người lóp trước thấy sự tích nà - ná như việc của nước nhà, và bởi quá giàu tuồng-tượng nên đỗ rằng *hay là tuồng đạt như vậy chó đó là ám-chỉ việc vua ta bị nhục lớn*, tướng của ta như Trương-Định thì bị bộ-bạ cũ tham tiền của Tây bắn chết, hoặc như Thủ-khoa Huân thì bị Tây bắt chém, cho nên, như đã nói, vị tiền bối kia khuyên tôi ráng suy-tầm cho được bản tuồng Ngưu - đầu - san vì đó là tuồng có ý-nghĩa, tuồng quốc-sự, mượn chuyện xưa khóc trung-thần Định, Huân. Hôm nay, nhờ viết bài cho *Tập San Sứ-Địa*, tôi lấy ra xem, tuy chưa đọc trọn bộ, nhưng khi lật tờ chót thấy ghi rõ tuồng viết vào năm « *Tự-Đức thập-nhất-niên, thập-nghyt, sơ-thập nhứt* » thì tôi hết hồn và cũng cụt hứng luôn. Nhờ phen này tra cứu lại kĩ nên rõ ra là:

*Tự-Đức thập-nhất-niên là năm Mậu-Ngo* (1858 Tây-lịch)  
*Trương-Định bị Huỳnh-Tấn bắn chết năm Giáp-Tý* (1864 — )  
*Thủ-khoa Huân thọ hình năm Ất-Hợi* (1875 — )

Té ra người Việt ta óc tuồng-tượng phong phú quá, việc bên Tàu dám nói việc bên nà, và nhờ tra kĩ, Ngưu - đầu - san viết trước và không « ăn nhậu » gì với cái chết của Định, Huân chút nào !

Cũng may mà thấy kịp, không thì các bạn nhỏ tin tôi đã bị sa lầy và làm lạc cả đám !

Nhưng như đã nói, người Việt là giống thừa nước mắt. Lúc nbo, tôi được nhiều vị lão thành thương, nên dạy học xem hát bội. Có một ông hương-chúc làng & Sa-dec, chơi với tôi rất thân, và thỉnh thoảng lại nhà tôi, nài tôi lấy rượu ra uống để ông hát cho nghe. Ông khoe ông diễn lóp « *Phong-Ba-Đinh Nhạc-Phi thọ hại* » hay lắm. Tôi vưng lời, sai chạy mua nước đá, hai anh em cung ly, chai Martel gần cạn, ông bảo tôi uống cho thật đă, rồi nầm dài xuống truồng-kỷ, bỗng ngồi dậy, nốc một hơi nửa ly Martel Perrier, kẽ rống lên ba tiếng « *Đại ca ôi !* » đoạn khóc ò-ò thật lớn, nước mắt nước mũi chàm ngoàm, rồi ông nằm xuống tức tưởi,

không hát được tiếng nào. Báo hại tôi cũng khóc theo, vợ tôi không biết chuyện gì, cho đến mân tiệc, tinh-thoảng ông lại « *Đại-ca ôi!* » ba tiếng rồi lại khóc nứa —khéc mãi, khóc cho đến chai rượu can queo, mà tuồng ái-quốc kia tôi chỉ học được ba chữ « *Đại-ca ôi!* » khóc, khóc và khóc !

Ai nói chỉ có nàng Kiều mới biết *Khéo dù nước mắt*? Và ai mê hát, cứ xách rượu thịt săn đẽm lại nhà tôi, số 5 đường Rừng sác (Gia-Định), tôi sẽ diễn lại tuồng « khóc Nhạc-Phi » cho nghe, vì tôi đã thọ giáo học nghề của ông bạn tôi được rồi!



Trở lại tài-liệu về Trương - Định, tôi đọc cũng khá nhiều nhưng nay tôi không viết lại, vì không muốn bước rập lên dấu chót của các bạn làm gì. Duy tôi thấy một điều, có lẽ các bạn chưa để ý đến, là tại sao ta đào-xới mãi những trang giấy nát của sách Tây cũ? Tại sao ta không chịu suy - nghiệm và tìm hiểu bì trong, ý nghĩa của cuộc kháng - chiến này? Như đã biết, vua Tự-Đức đã bị tờ hòa-ước ký với Pháp nên không làm cิ i đang hơn là để cho Trương-Định mặc tình hành-động và chống cự, còn xúi ngầm thêm nứa là khác, nhưng bì ngoài cũng phải quở răn lấy lè.

Đại-diện cho Chánh-phủ trong Nam, quyền hành giữ trong tay của quan Phan, thì quan Phan, hễ Tây nhắc trách thì viết thơ hỏi cho có lè, ngoài tuy phủ-nhận việc làm của Định mà bì trong a-y khúe tùng, ai hay?

Cho nên nỗi lòng của Định, tóm tắt lại, là làm theo ý riêng, một mặt chống Tây và nhận hết tội « *bất tuân vương mạng triều-đình* », nhận hết, chịu hết, một mặt biết thờ vua cho hết đạo, thờ mộc mạc theo nhà võ-tướng, cũng không cần chứng-minh viết lách cho hậu-lai được biết, thà chết đẽm theo và trước sau có nhứt-nguyệt sáng soi. Cái chữ « *TRUNG* » của Định là *Trung* câu-nệ theo lời xưa, như gái xưa thờ chồng, chồng hư cũng là chồng, thì Định đây thờ Chúa, Chúa đâu sao cũng là Chúa, Chúa bị nhục, tôi phải lèu chết, (đời ấy chưa hiểu chủ-nghĩa quốc-gia, chỉ biết tượng trưng là Chúa), một mực tôn-thờ, không cần xét nét đán đo, như đã nói, biết không chỉ có hai vùng nhứt-nguyệt.

Theo ý riêng tôi, muốn viết và hiểu về Định, sao không để các chi tiết vật-vanh của sách Pháp kia lại một bên và phảng mới lên chính gốc? Khi tìm căn-do sự kháng Pháp của các sĩ-phu vạn thuở của Việt-Nam ta, theo tôi, nếu kể về đời Tự-Đức thì có thể nói chỉ có một chữ « HIẾU » & trên đe bao nhiêu chữ « TRUNG » & dưới.

Ông vua chí-hiểu là Đức Đức-Tôn, dẫu hậu-thể vì không xét nét kỹ, nên gán cho ông là « ông vua đã làm cho mất nước ». Nhưng xin chớ quên, ông là một ông vua thờ mẹ chí-hiểu, dù làm gương cho đời, và khi bảo thân mình chưa tròn chữ Hiếu với mẹ cha, thì hãy khoan vội phê bình mà mắc cõi với lương-tâm. Dẫu thế - có sức yếu, dẫu trong triều-thần không ai đánh lại Tây, đó là việc khác, chớ trong vòng chánh-trị, Đức-Tôn cho đến ngày về chầu Trời, vẫn không quên : *đất Thủ-Đức có lăng mộ dòng họ Hồ*, tức là tổ tiên của bà Thuận-Đức Nhơn-Hoàng-Hậu (vợ vua Minh-Mạng, sanh đức Thiệu-Trị, chưa được mướn ba ngày rủi băng sớm không kịp thấy con lên ngai); và *đất Gò-Công có lăng-mộ dòng họ Phạm* là tổ tiên của đức Thái-Hậu Từ-Dũ.

Ông có quyền đòi hỏi nơi các bồ tát trong ngoài gần xa phải triệt để giúp ông làm tròn hiếu-đạo. Mất nước tại vua ư? Tại các quan ư? Không nên đổ lỗi cho ai cả. Vận nước nhà đã như thế thì mỗi người mỗi có phận sự và phải gánh vác nạn chung. *Luận về chữ « Trung ».* — Chữ « Trung » vào đời ấy, có ba bảy đường: Phan - Thanh - Giản trung một cách như tên ông đã vạch, chắt phác, vừa trong sạch, vừa đơn sơ, sau này có chén thuốc độc tỏ lòng; Trương - Định, trung theo võ-biền, miễn vua biết cho mình; Đồ-Chiểu, trung theo sách dạy, nghiêm cách, cay nghiệt đến gần như khó tánh; Nguyễn-Tri-Phương, Hoàng-Diệu, Thủ-khoa Huân, Nguyễn-Trung-Trực, Bùi-Hữu-Nghĩa, Phan-Đinh-Phùng, Hoàng-Hoa-Thám, v.v., đều trung theo lối xưa, xin miễn luận; Huỳnh - Mẫn - Đạt, sớm rút lui, không thờ chủ mới, trung một bồ như các bà dư ăn, an phận thủ-thường, giữ chữ « Trung » không khó; nhưng vì kỹ càng quá nên không tội cũng không công; Cử-Trị, trung, ngay, nhưng khi say, làm thơ ưa móc họng, Nhiêu-Tâm, Học-Lạc, trung theo kẻ chán đời; và còn nữa kẻ không hết... Và bao nhiêu anh hùng tử-sĩ vô danh khác, thậm chí toàn thể dân đen đời Tự-Đức đều xứng đáng

là «Trung», kẽ thì liều chết an ủi vúi câu «*sanh vi tuồng*» «*tử vi thần*» kẽ khác chán lấm tay bùn, chỉ có nước khóc thương ông vua mình bị nhục, thà bỏ đất đai i chở cựu-trào trở lại, không khứng đầu Tây, nghèo khổ cam phận, được chữ Trung mà cũng không ngờ. Một ông Phan-Hiển-Đạo, tôi xin đề-nghị hậu cữu, vì tuy ngoại-sử chép Tôn-Tho-Tường và Đạo ra đầu Tây sớm, Tường theo phò, Đạo về chết với chén thuốc hay là với dây thòng-lọng chở Vĩnh-Kim, như vậy thì Đạo Trung hơn Tường, nhưng căn-cứ theo tài-liệu chép tay của cụ Tô-Nam (Nguyễn-Đinh-Diệm) như sau : còn *Phan Hiển Đạo mỗi khi lai vãng với Tây, y đều cầm cờ hiệu Tân-sĩ và cờ ba sắc lện trên mũi thuyền. Tôi tinh Gia-Định cũ, y ngồi nghe hát với Tây, việc này do viên Tri-phủ phủ Tân-Bình là Nguyễn-Thanh-Ý hiện đã phi trình tại nơi quán-thú Tân-Hoa...*

(Tờ bǎm của Phạm-Tẩn, viết vào Tự-Đức năm 16 (1863) tháng 9 ngày 28. Bản dịch Tô-Nam do ông Nguyễn-Nhã cho tôi mượn, bản chép tay).

Cứ chỉ ấy, theo tôi, như vậy là mờ ám quá ! Sao bằng thà như Tôn-Tho-Tường, thẳng thắn hơn ! (1) Tường xin tập ấm, không được vừa lòng. Tường nhà nghèo quá thêm có mặc cảm và uất ức sẵn nêu đầu Tây, làm một mẻ chơi cho biết mặt ! Ai muốn nói sao tôi không dám cãi, chó riêng tôi, thấy Tường bẽ trong biết ăn năn lầm nên làm thơ mèi bài đều có ký-thác, vì vậy tôi thương mà theo phe ông, ai trách cũng mặc. Biết đâu chừng làm vào cảnh-ngộ như ông, riêng tôi át tôi cũng làm như thế chó không hơn. Tuy không được Trung với vua, chó Tường ở được đến vì đầu có chơi bời bài bạc hút xách, thiếu nợ thì chịu, nghèo đến chết phải bán nhà trả nợ, nhưng một đời trong sạch, (nếu thợ của hối thì còn giàu hơn Tông-đốc Phương nữa kia), vẫn giúp Cử Tri và

---

(1) Tôi được nghe quan Phan không trách Tường đầu Tây, nhưng trách Đạo mắc cờ về xử mình tại quê nhà ở Vĩnh-Kim (Mỹ-Tho), tự sát. Dường như quan Phan nhiếc : «Tường làm được vì chưa chịu ơn vua, không phải khoa-bảng xuất thân. Còn nhà ngươi (vốn Đạo ở nhà quan Phan tại Huế để đi học) nhà ngươi đã là Tân-sĩ, sao không biết nghĩa chữ Trung làm vậy ? » Về sau khi đi sứ, quan Phan và Tường có họa thơ với nhau, đủ hiểu quan Phan không chê không giận Tường... V.H.S.

khi say Cử Trị nói nặng lời mà không giận, lại khôn khéo cứu giúp anh em. Một khi nợ, Tường làm bộ lờ chơ, đi cầu khỉ té xuống nước, bao nhiêu số bộ ôm trên tay và do Tây tịch thu nơi các nhà của nhóm chống đối, đều nhòe chữ và lem luốc không đọc được, khiến Tây tưởng thật nên bỏ qua và tha tội chết cả bọn. Theo tôi, thà ra đầu Tây làm vầy, mang tiếng xấu thật nhưng còn có ích cho đời hơn những ai chỉ biết Trung một cách ngu ám, rồi thấy người ta hơn mình bèn đỗ quạo, trả nên cau-có rồi ưa chửi bênh-quơ! Một anh lính làm cho Tây, ma-tà lính kia mà sáng suốt, còn hơn một anh đóng cửa thủ-tiết và lầm-bầm.

Còn một vài kiểu Trung khác nữa, tỷ dụ như bọn anh hùng này mà miền Nam ngày xưa nhiều nhất, tôi muốn nói như các con cháu người Minh-Hương theo ám trợ Tây-Sơn để dùng «giáo Tàu đậm chẽ» đánh giết lại bọn Mân-Thanh nhưng không ra mặt, cũng như các anh sống đời phiêu lưu, thời bình thì có máu mă thương nên trốn xâu lậu thuế làm du-côn và đánh lộn với Tây đến khi Tây có việc, bom dù bèo úa ùn xuống Tàu sang Pháp đánh giặc mướon, tuy với Đức vốn nhín ngã vô thù. Làm như vậy mà chí? Chẳng qua trước đế đời không khí, đi Tây cho biết, đá bèo cho sướng cái đᾶ, gặm bánh mì nguội và rết lạnh sá chí! Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi! Và máu mă thương miền Nam vẫn còn mãi.

Còn nhiều bức Trung nữa, Trung theo ngày nay chỉ biết nước không có biết vua, hay đồi danh từ gọi chí chi cũng không cần hiểu. Hoặc Trung như diệu Talleyrand nước Pháp, phò Cựu trào rồi qua phò chánh-phủ Cách-Mạng, rồi theo hoàng đế Napoléon xuống đến Louis-Philippe, tráo trổ phản trắc, nhưng được cái là tại hội-nghị Congrès de Vienne, tận tụy binh vực quyền lợi nước Pháp là nước chiến bại mà nhờ ông đỡ gõ gạc được rất nhiều, tuy đồi chủ hoài mà ai dám xem ông là nịnh?

Ở đồi, thiểu chi người, hẽ tắm khi nào vuốt mặt khi nấy! Và cũng vì Tân-Thợ-Tường muốn trọn nghĩa *trung* với vua mà bị một lôp người kém tài làm khó đẽ, nên bèn đầu Tây trả tài cho biết mặt. Nếu cho tôi xử, tôi sẵn lòng tha ngay! Một người khác kia, tôi muốn nói Huỳnh-Tấn, người này mới là đásg tội đẽ cho thế-gian sỉ-tiếc. Mà cũng vậy, nếu xét

ra cũng thế-gian thường tình ! Trước mặt lòng giúp Định, sau bị tội gì đó, cất đầu không lên, ở nữa với Định thì cũng không mong gì lập công-danh, thà đổi chủ nên bèi trốn qua với địch. Đặc ác là bọn này làm thế nào kbiến Tân phải định bắt sống chủ cũ là Định để lập công. Và bắt sống không được nên Tân bèn bắn gãy xương sống, ấy là việc đã quá trớn rồi thì còn một nước liều, đi tới đâu hay tới đó. Tiếng chửi rủa có thấy làm chết choc ai ! Mà cũng vì Tân bắn chủ nên đã bị Tường xó mặt câu; khi Tân chết, Tường điều tang bằng câu đối này có ghi trong *Nam-Kỳ phong tục nhọn vật diên ca*, bản 1909, cuốn nhì, trang 53 và trong *Sài-Gòn năm xưa của tôi*, nhà Tự-Do xuất-bản năm 1960, trang 166 :

*Phú-quí thị thắng lai, oanh-liệt hùng tâm khinh nhét trích,  
Thinh danh ưng bất hủ, ác đương công luận phú thiên thu.*

- Tôi dịch :

*Giàu sang ấy thoảng qua, lùng lầy hàng tâm khinh mệt ném,  
Tiếng tâm đành chẳng mục, chê khen công luận phú ngàn năm.*

Chưa tới trăm năm mà Định được dân tôn sùng còn bia' của Tân đã bị phá bỏ.

Tôi không muốn bắt chước ai khen « phò - mā tốt áo » và a-dua tìu tài-liệu rất tốt cho ông Định mà tôi cho bằng thừa. Tôi cũng không ghét Tường ghét Tân, vì đã chết rồi, theo tôi chê thì đẽ, và khi gặp cảnh bí, những người mạnh miệng chê, xin hỏi có làm được hơn chưa ? Sẵn tiện nói luôn : theo tôi vì Trương-Định được nhiều người mến tiếc cho nên tặng chữ « công » làm chữ lót. Trương-Công-Định là ông Trương tên là Định. Thật là xứng đáng. Và theo tôi tưởng, lúc sanh tiền ông chỉ tên là Trương-Định. Tên có chữ lót : Trương-Công-Định là vì dân-chúng sùng bái nên tặng và viết làm vầy để tỏ ý tôn kính. Đến như Tân cũng lót chữ công và xung là *Huỳnh-Công-Tán*. Nếu tôi ở địa-vị của Tân, hoặc tôi lấy tên họ khác, làm lại cuộc đời mới, hoặc tôi xung *Huỳnh-Tán* vẫn vẹn và bô chữ công cho nhẹ với lương-tâm và cũng cho thấy mình còn chút ít « liêm-sỉ ».

*Chữ Hiếu của Đức Dục-Tôn.*— Đến nay chữ Hiếu của vua Tự-Đức cũng không cần ngày nay tôi phải đề cao, vì chúng ta dù hiểu, theo sử Trần-Trọng-Kim ông vua này, một buổi nọ, khi đi săn về, vì về trễ mẹ giận, thì mặc dầu là bậc chí tôn, vẫn cầm dài xin chịu phạt cho mẹ người lòng phiền. Và có ông vua nào đà-tinh đến khi bà Thị-Bằng chết, đà khóc một bài thơ thống-thiết? Và có ông vua nào tự biết xét mình nên trên lăng, mỗi chỗ mỗi nơi đều nhắc lại chữ « Khiêm »?

Đau đớn nhất là biết mình có đặc, lúc về già gặp giặc chúa Pháp, đã viết :

*Muốn để hỏi tiên, tiên chẳng bảo,*

*Gương làm chút nữa để mà nghe!*

Ông vua Dục-Tôn có chữ Hiếu trùm lên các lối làm, tận tuy như ông, & có hậu với bà Bằng như ông, đời này mấy ai xét lại? Năm 1965, tôi được đi Huế, bị một ông cựu giáo-sư trước có làm việc tại Quốc-Sử-Quán, ông đó tôi xưa kia vua Tự-Đức lên Khiêm-Lăng ngồi câu cá & chỗ nào và đã xây tiên cầu tự, duy muôn có con với bà Bằng, việc này tôi chưa điều tra nên chưa vội trả lời nơi đây, duy biết một điều là tôi mang tiếng làm giảng-sư mà tôi học ít quá!

Đức Dục-Tôn trọn đời chỉ biết một điều, làm ông vua trong thời buồm khói khẩn, vận nước đang chuyển, thêm lanh phẫn nỗi nghiệp của ông cha, thế mà để cho Tày chiếm mất một phần đất trọng đại, xứ hưng-vương của Cao Hoàng, đất mè chôn nội-ngoại tố - tiên, vậy thì phải làm đủ cách để thâu đất lại: không đánh nổi thì điều-định, sai quan Phan đi qua Pháp tính việc mua chuộc, xuyt gần được, kẻ bị mấy thằng thực-dân hạng nặng cản Napoléon III không cho vua Pháp giữ lời hứa (lão Chasseloup-Laubat lớn tiếng nhất), sau phải bày kế khác, một mặt kéo dài điều-định, một mặt xúi chống; cố ý làm cho Tày ngã lòng, họa may trả đất. Nên nhớ, các cuộc khởi-nghĩa miền Nam, tuy không nói ra rõ ràng, nhưng luôn luôn là cố thủ giữ sở đất có mồ mả lâu lợt vào tay Tày ngày nào hay ngày nấy (Định làm khổ Tày cho đã rồi cũng xuống nước xin chuộc đất, cũng như nhóm khác cố đánh Tày chung quanh mả họ Hồ).

Nhắc đến chữ Hiếu, nhắc đến mẹ, mới thấy chữ « Hiếu » của Ông là trên hết và không ai bì kịp.

Nay xin chép lại bài *Ngẫu cảm* để cùng suy gẫm:

*Sự đời ngẫm-nghĩ, nghĩ mà ghê !  
Sống gởi, rồi ra lại thác vè.  
Khôn dại cùng chung ba thước đất,  
Giàu sang chưa chín, một nỗi kẽ.  
Tranh giành trước mặt, mây tan tác,  
Đày đọa sau thân, núi nặng nề.  
Muốn đè hỏi tiên, tiên chẳng bảo :  
Gương làm chút nữa đè mà nghe !*

Dực-Tông ngự-chế

(*Nam-thi hợp-tuyên Nguyễn-văn-Ngọc*, Vĩnh-Hưng-Long, 1927, tr. 248)

« *Tranh giành* » đây là đánh Tây, « *núi nặng nề* » là nhớ mẹ gần đất xa trời, riêng mình đã già, yếu lại nhiều bệnh, thêm việc nước rồi như bong bóng. Tôi nghiệp thay ! Người sống đã bất lực, day qua cầu cơ hỏi tiên mà tiên có bảo gì đâu ! Duy còn gương gạo cố gắng lấy mình để nghe ngóng thêm nữa. Và ai đời, việc quốc-gia đại-sự mà ông luôn luôn tùy và chiều theo ý mẹ, và bà mẹ vuua, dấu cõi tiếng hay chữ học nhiều, nhưng nào ai đời đó có học khoa an bang tể thế ? Sau này việc nước cũng một tay Bà tham-dự: phế, tôn, Bà vẫn nghe và làm sao hiểu thấu nỗi tâm ý hai gian thần : Tường, Thuyết ? Bà là một cân-quốc nữ anh thư, sống suốt một xâu dài gần trọn một triều Nguyễn-đại : Bà từng thấy mặt đức Cao - Hoàng, làm đâu đức Minh-Mạng, thờ đức Thiệu - Trị làm chồng, làm chúa, mẹ sanh đức Dực-Tôn (và bởi thân sanh, máu ruột nên niềm thương giữa mẹ con vỗ ngắn, không nên nghe lời đồn nghi theo

lối tuyên truyền của phe Hồng-Bảo là con tráo, con đồi) rồi nào là bà nội của các vua Dục-Đức, Hiệp-Hòa, Kiến-Phúc, Hàm-Nghi, Đồng-Khánh, bà cố đức Thành-Thái, cho mãi đến năm 1901, bà mới qua đời (1809-1901), thọ 93 tuổi, thấy gần đủ mặt các vua chánh-thống nhà Nguyễn từ Cao-Tô đến mạt-dế Thành-Thái.

Phải chi gặp buổi xuân chèo mát mái, vận nước đang thái-bình thì cũng đỡ. Phải chi vị-trí đất nước ta được như Nhựt-Bản, tròn khuynh mấy cù-lao thì bể quan tỏa cảng cũng dành. Đàng này vận nước đang trong thời chuyên - biển, Đông - Tây đụng nhau, ban đầu đem đạo moi thuyền sang, sau dắt đường cho ba thằng thực-dân ý mạnh hiếp yếu, ra mặt ăn cướp, thì đừng nói chi vua Dực - Tôn biếu-tử và bà Thái-hậu Từ-Dũ hiền-mẫu, vua khác người khác, gặp vũ-bão trời trời làm vậy thì cũng khó xoay trở khác được. Huống chi đất nước ta là một cõi thiên đường phật-địa, xuống sông có cá, lên bờ có lúa có cơm; núi có sơn-trần, rừng chửa lâm-sản, gõ quý, cao-su, còn than đá thì lợ-thiên không cần chua hầm nguy-hiem, binh lực thì suy yếu, tháo nào không mất? Vua Minh-Mạng truyền chỉ bất đạo là có duyên có của ông, thế mà sử-sách Pháp lên án chỉ trích. Đầu không có chuyện bất đạo thì họ cũng đặt ra tội khác để cướp nước mà! Cái nạn của dân Việt là ông vua có tài như Quang-Trung thì mang yếu, rồi nào một dọc Gia-Long băng vì « tỳ phế thọ thương », Minh - Mạng băng vì té ngựa, Thiệu-Trị vì rượu vì say, Tự-Đức vì lo rầu, Đồng-Khánh vừa bót cơn siết (1) ăn khoai lang trúng thực!

*Kết-luận.* — Tôi xin tóm tắt bài này bằng một đoạn Phá-p-văn tôi dịch như sau, thế làm *kết-luận*:

---

(1) Siết: tiếng trong nhà vua, cử tiếng đau-ốm.

« L'Annam ne nous avait pas cédé sans arrière-pensée une partie de son territoire, et, en dépit du traité, le Gouvernement annamite se livra, dès les premiers jours de notre prise de possession, à de ténébreuses machinations pour nous forcer à évacuer notre nouvelle conquête.

« Tự-Đức voulait, à tout prix, nous racheter les trois provinces. C'était d'ailleurs, de sa part, une très respectable pensée, et les motifs invoqués par lui ne pouvaient que nous dotiner une haute idée de sa piété filiale.

« Sa mère est née à Gò-Công ; sa grand'mère, mère de l'empereur Thiệu-Trị, est née au village de Thủ-Đức, aux portes de Saigon. L'honneur du souverain était engagé à conserver à son pays les terres où reposent les ossements de ses ancêtres.

« Tự-Đức se résolut donc à envoyer une ambassade à Paris, ignorant combien les questions de sentiment sont, pour nos gouvernements européens, d'un faible poids en face des considérations d'ordre politique.

(*L'Empire d'Annam par Capitaine Ch. Gosselin, Paris Perrin et Cie, éditeurs, page 139-140.*)

Nước Nam nhượng đất cho ta cắt một phần trong cương-thổ quốc-gia tớc nhiên không phải vô án-j. Mặc dầu điều-ước đã ký kết, chánh-phủ Nam-triều nhất là vào buổi đầu khi ta đến nhận nhượng-địa, vẫn làm khó để dù mọi cách, dốc lòng làm cho ta nản chí trả đất lại họ.

Vua Tự-Đức luôn luôn muốn chuộc lại ba tỉnh ấy, với giá nào cũng không từ. Điều ấy, đối với người, quả tôn-j cao thượng, và những duyên có người nêu ra càng làm cho ta thấy gương hiếu-đạo của người là cao kinh đến bực nào.

Thân mẫu của người vốn sinh-trưởng tại Gò-Công; nội-tô mẫu của người, tức thân mẫu đέc Thiệu-Trị lại chào đời ở Thủ-Đức, sát ngưỡng-cửa thành Sài-Gòn. Danh-dự người là hoàng-đế bắt buộc người phải giữ-gìn sao cho đất có phần mộ tổ-tiên phải còn dinh-lại quê-hương đất Tố.

Vua Tự-Đức dốc tâm sai sứ bộ sang Paris để điều-dịnh với Pháp triều xin chuộc đất cho được, nhưng người biết sao được đổi với chánh phủ Châu Âu như nước chúng ta, hiếu sụp, nhân tình vẫn nhẹ, vẫn đe chánh-trị và quyền lợi quốc-gia vẫn nặng hơn nhiều.

Phải thẳng thắn nhìn nhận Gosselin là một sứ-gia Pháp trong số rất ít, dám nói sự thật, đã khai ra đây thâm ý bọn ý mạnh để cướp đất của những nước yếu nhõ khác.

Nay rõ lại cù-chỉ không chừng đỗi, nay đánh mai né tránh của Trương-Định, hành-động cực-chẳng-dã của Phan Khâm-sai, sự úp-mở của Nam-triều, thấy đường có ăn-ý trước. Tại nghiệp cho nước ta thuở ấy: sức, dũng có thừa, nhưng súng hỏa-mai làm sao cự lại súng Chassepot, và súng đồng của ta, hỏa-lực làm sao bì lại với súng canon tân-tạo của Pháp?

Nhưng chó đem thành bại luận anh-hùng. Nhóm Trương-Định tuy biết chống không lại nhưng vẫn chống cho đến tàn hơi mới thôi. Cũng như Gia-Cát Vũ-Hầu, tuy biết thời cơ nhà Hán đã dứt nhưng cũng làm cho tận lực để rạng rỡ chữ Trung.

Đức Dực-Tôn được chữ *Hiến*, các bồ tôi mỗi người một vai tuồng đều tròn vẹn chữ *Trung*. Văn-minh xưa, tuy có người chê, đã đào-tạo ra các con người ấy và tồn tại mấy ngàn năm. Ta nay tự khoe hiểu theo moi, sống theo moi, có bằng người xưa không? Còn chờ xem. Vì tần tuồng hấy còn dài.



*Phụ ý.* — Tôi được biết có người xin nhóm « Sứ-Địa » dâng đề nghị lên chính-phủ, xin lấy bia Barbé trong nghĩa-địa Đô-thành đem nhập vào Viện Bảo-tàng Sài-Gòn, đặt dưới chun di-ảnh quan Phan. Viện chứa đã nhiều, theo tôi, làm như vậy càng thêm chật. Sao bằng, nếu được, gỡ bia ấy trả về mộ Phạm-Quốc-Công & Gò-Công và tế-cáo vong-linh tiên-đế Dực-Tôn, Thái-hậu Từ-Dũ và Phạm-Quốc-Công rằng ngày nầy tháng nầy con cháu là chúng ta đã rửa nhục xưa được phần nào! Barbé sẽ có bia mới dựng trả lại cho. Bằng cao-thượng hơn nữa, dĩ ân báo oán, thì cứ để ý như cũ, biết để trong lòng, cho khỏi động mồ động mả.

*Gia-Định, viết tại Văn-Đuờng, ngày 7-8 tháng 7 dl. 1966*  
**VƯƠNG-HỒNG-SỀN**

# ĐẠI NAM CHÁNH BIÊN LIỆT TRUYỆN ■

*tiểu sử ■■*

## TRƯƠNG - ĐỊNH ■■■

■ *TÔ-NAM NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM* dịch

Trương-Định vốn người Bình-sơn 平山 tỉnh Quảng-nghĩa 廣義, là con quan Thủy-vệ Vệ-úy Trương-Cầm 張琴 tỉnh Gia-định. Sau khi cụ Cầm mất ở Gia-định thì ông cư ngụ luôn ở đó. Ngay lúc thanh niên ông đã tinh thông võ nghệ và thao lược, đến năm Tự-Đức 14 (1861) lúc Gia-định hữu-sự, ông Định 定 liền ra ứng nghĩa, triệu tập được hơn 6000 nghĩa-dồng, lại kiêm quản cả công việc mộ nghĩa của phái thân hào, ghép thành 18 cơ, luôn luôn kháng cự quân Pháp một cách có hiệu quả, và thâu hoạch đặng rất nhiều quân khí ! Muốn tăng cường về lượng, ông lại mở thêm các lò rèn đức, vì thế ông được đặc cách thăng thụ chức Quản-cơ nhưng vẫn quyền chức Lãnh binh Gia-định.

Tới khi hòa ước thành lập triều đình chỉ dụ cho Nam-kỳ, phải lui binh (thôi việc binh) và đòi ông Định ra Phú-an 富安. Nghĩa dân Nam-kỳ không chịu, suy tôn ông Định đứng đầu dâng sớ về triều xin đặng tiếp tục chiến đấu. Định thẫn sợ trái hòa ước không cho phép, và súc cho Khâm sai Phan-thanh-Giản 潘清簡 tới nơi hiếu thị cho nghĩa quân phải thôi hoạt động, lại thúc dục ông Định phải đi nhậm chức ở tỉnh Phú-an 富安, nhưng ông vẫn không nhậm chức, vẫn ở lại Gia-định, chỉ huy phong trào kháng chiến lấy danh

■ Dịch *Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện*, quyển 38, trang 26.

hiệu là Trung-thiên Tướng-quân 中天將軍 một ông Tướng đứng giữa trời không theo lời của ai cả! Vì theo lệnh thi giang sơn bị xóa bản đồ con cháu rồng tiên mắc vòng nô lệ 1 Sao bằng có áo xiêm đùm bọc lấy nhau, giục ngang nào biết trên đầu có ai ? Ấy mới gan ! Ấy mới tài ! làm cho quân địch sờn gai giật mình !

Chí khí của ông thật là hiên ngang ! Việc làm của ông quả đã oanh liệt ! Chỉ bởi vận nước lúc suy, lòng trời chẳng tựa, sau khi thất trận lại bị một đứa bội thày phản chủ, đến nỗi ông phải quyên sinh ! Rồi sau con gái là Tuệ 慎 cũng hi sinh tánh mạng về cuộc kháng chiến. Vợ ông là bà Lê-thị-Thường 黎氏賞 tro trọi một thân, lại phải trở về sinh quán, năm Tự-Đức 27 tỉnh thần Quảng-Nghĩa dâng sớ kè lại công trạng của ông ngày trước và tình cảnh khốn quẫn của bà hiện thời và xin phép đề trợ cấp cho bà mỗi tháng 20 quan tiền với 2 phượng gạo, được hưởng tiếp tục cho mãi đời. Năm thứ 31 Phiên thần là Trà-quí-Bình 茶季平 lại tâu về việc này : Nói Cha con Trương-Định 張定 trung nghĩa một nhà, lương trên từng đã xét thấu. Vậy nay xin cấp thêm 5 mẫu tự diền, trao cho một người trong họ là Văn-hồ 文虎 nhận làm giám tự, năm 24 ??? Đề nhở đến công họ Trương, lại ra lệnh dựng đèn thờ ở xã Tư-cung 恩恭 là xã sở tại, và tăng tiền trợ cấp mỗi tháng 10 quan, chức đích trong xã phải thời thường săn sóc, tới khi bà mất, triều đình lại tặng tiền tuất 100 quan.



## Tin mừng

Được tin Ông Phạm-Đinh-Tiểu thành-hôn cùng Cô Lê-thị Ngọc-Anh ngày 6-8-1966, nhân dịp này, Sinh-viên trong nhóm Sư-Địa Đại-Học Sư-Phạm Saigon kính chúc thày được trăm năm hạnh phúc.

Nhóm Sư-Địa Đ.H.S.P. Saigon



Ban chấp-hành Nhóm Sư-Địa Đại-Học Sư-Phạm và toàn thể sinh-viên trong Nhóm thân-ái chúc chị Phạm-thị Kim-Cúc cùng Mai-Ngọc-Liên được đời đời hảo-hợp.

N.S.D.Đ.H.S.P.S.G.

# TÌNH-HÌNH BA TỈNH NAM-KỲ

## TỰ-BỨC NĂM THỨ 16 (1863)

■ TÔ-NAM và BÙI-QUANG-TUNG dịch

L. T. S. Những hồ sơ công văn của vua Tự Đức, đã được xếp thành tập. Tờ bầm của Phạm-Tiến, nằm trong Tự Đức tập 155 trang 59a. Tờ khai thứ hai của ông Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Đức Tánh, chúng tôi không được rõ đã được khai trong trường hợp nào mà được lưu trữ vào Tự Đức tập 155 trang 114a. Theo ông Tô Nam, đây là bản dịch từ bản chép tay do ông Bùi Quang Tung đưa cùng dịch. Nguyễn bản chưa được rõ hiện giờ ở đâu. Vì thấy hai tài liệu này rất có giá trị, liên quan đến tình hình ba tỉnh miền Đông, lúc Trương Định ứng nghĩa cũng như có nói tới Trương Định, nên chúng tôi đã trích dặng ra đây. Sau này chúng tôi biết rõ thêm về hai tài liệu trên chúng tôi sẽ cho quý đọc giả được biết.

tình hình ứng nghĩa của 3 tỉnh Nam-kỳ  
Tự-Đức năm 16 tháng 9 ngày 28.

tờ bầm của PHẠM-TIẾN ▼

Ty chúc Phạm Tiến kính bầm về việc khai báo, nay thừa qui vien vâng mệnh súc xuống cho biết những lời châm phê như sau : « Cứ lời tên ấy trình bày còn có nhiều chỗ chưa được tường tận, ngay đến các việc đã qua cùng việc hiện tại đều còn giấu diếm chứ chưa nói rõ nên làm thế nào có thể thu phục ? Vậy súc cho vien ấy dù nghĩ tường khai : như việc Phan Lâm kháng cự ngày nào, hiện có người nào chứng kiến ; Còn việc phái vien bí mật tới nơi chiêu dụ, là việc rất khó ! Khâm Thủ ». Nay xin kính vâng lời dù nguyên vì Ty chúc từng ở Gia-Định và cùng các người xuống nghĩa hai tỉnh Đinh-Tường, Biên-Hòa hoạt động nhưng vì kiến văn cũng chưa chu đáo, vậy nay cứ ngu muội thản th螢 khai kê, cúi mong Cơ mật vien đường quan thu lực tiến lên ngự lâm, nay kính bầm.

▼ Tự-Đức, tập 155, tờ trang 59a.

## Kê Khai

Ty chức kê từ sau ngày tháng 5 năm Tự-Đức 14 đã có nhiều lần cùng với quan dân 3 tỉnh và các cử, tú, thân sĩ, hương, mục, binh, dân, cộng sự trong việc ứng nghĩa. Về sau có xảy ra việc Phan-văn-Đạt và Lê-Cao-Dõng bị Tây thắt cổ. Triều đình gia phong khuyễn khích, từ đấy sĩ phu các hạt lại càng càng phản khích phản khởi thề giết quân thù.

Nhưng rồi từ khi Lãnh-đốc họ Phan và quan Lãnh-phủ cùng vào Gia-Định ký hòa ước xong, ra lệnh triệt hồi các quan từ trước vẫn ngầm hoạt động ở các thôn xã, làm cho sĩ phu khắp hạt, gào khóc như mưa, nhưng mà ai nấy vẫn phải vâng theo mệnh lệnh triều đình, đến ngày tháng 8 nhuận năm ngoái, đã từng mấy lần đến hầu tại Vĩnh-Long An-Giang Bình-Thuận, duy có viên cử nhân bát phẩm Lê-Liêm, và viên Tú Tài cửu phẩm Nguyễn-bá-Phan, Tự Thừa Nguyễn-văn-Tánh thì cho tùy ý muốn tới tỉnh nào ứng hậu cũng được, còn các người khác như viên quyền quản Hoàng-văn-Thiện và Hoàng-Trí-Viên, Tráng-sĩ-Nhàn, Phạm-quang-Cần, Trần-bá-Hồ, Ngô-Tinh, Phạm-văn-Duyên thì qua Vĩnh-Long thì Lãnh đốc Phan thu lại văn bằng do tinh cắp ngày trước, rồi cắp văn bằng khác đem về trình với phủ quan đê về yên nghiệp, nhưng bọn đó đều không nhận bằng và cũng không tới trình chiếu.

Còn như Nguyễn-Thết cùng các quản suất của hai phủ huyện Phước-Tuy, Long-Thạnh khi qua trình diện ở Bình-Thuận thì viên Lãnh phủ Lâm cũng thu văn bằng của tinh cắp mà đợi mãi không thấy hồi đến, rồi ngày tháng 10 thì bọn đó lại kéo nhau về huyệnl Tân-Hòa kè lại cho Tôi và Trương-Định biết.

Thế rồi cách ít lâu thì Phan-đốc lại nghiêm sức bắt giam Đoàn-Tiến-Thiện đê ghép vào tội ăn cướp, Nguyễn-Trực thấy vậy trốn vào vùng Tây đê nhờ quan Tây xin hộ, sĩ dân 3 tỉnh đối với việc này ai cũng bảo rằng: Phan-đốc xua dân bồn quốc đến

làm tai mắt cho Tây ! Ai cũng lấy làm kinh ngạc ! Chẳng biết nương tựa vào đâu ? nên chỉ nhìn nhau mà khóc !

Nhưng cũng may sao ! Ngay giữa lúc ấy lại có một viên thị vệ mới đi công vụ Vĩnh-Long trở về, khi qua Tân-Hòa viên ấy nghỉ lại mấy hôm, nhân tiện thuật lại cho nghe, thì các thán sī hào mục mới biết đại khái mà thôi. Vì thế nên các đoàn huyện vẫn cứ tập họp thề thốt cùng nhau. Chúng tôi cùng với Trương-Định bàn định với nhau, trao cho viên cử nhân Bùi-Tấn và Cù-Khắc-Kiệm chuyên coi công việc của huyện Tân-Thịnh, cử nhân Lý-duy-Phiên, Hà-mậu-Đức, Tú-Tài Nguyễn-văn-Trung chuyên biện công việc của hai phủ huyện Tân-An và Cửu-An, Tú-Tài Hoàng-văn-Đạt và Bùi-văn-Lý chuyên biện việc huyện Tân-Long. Tri huyện Đặng-văn-Duy chuyên biện việc phủ huyện Tây-Ninh và Quang-Hóa, bát phàm Lê-Quang-Bính, cử nhân Nguyễn-Tánh-Thiện chuyên biện việc huyện Tân-Hòa Thân sī Hồ-huân-Nghiệp, Tú-Tài Mai-phương Mỹ, và Nguyễn-Duy-Thận chuyên biện việc huyện Tân-Bình, Bình-Dương và giao thông với Biên-Hòa, Định-Tường.

Còn các võ viên cử nhân, tú-tài, hương mục binh dân khác cùng với một số người Tầu thì chia từng chi đặt từng toán để đi đắp lũy, kè từ nửa trên huyện Phúc-Lộc cùng với các hạt Bình-Dương, Bình-Long, Tân-Long đều do chính Tôi quản đốc, còn từ nửa dưới huyện Phúc-Lộc với huyện Cửu-An, Tân-Thạnh, Tân-Hòa thì do Trương-Định thống quản, ai nấy chiếu theo địa hạt phòng tiễu, gặp khi hữu sự thì thông báo cho nhau đề cùng tiếp ứng, gặp lúc vô sự thì bảo vệ hương thôn, trừ có mấy người bị quân đội Tây sát hại như Nguyễn-văn-Niên, Đặng-văn-Cửu không kè. Còn từ ngày tháng 11-12 đến giờ, các trận giao chiến với quân đội Phú Ô hạt Tân-Long, Phước-Lộc, nghĩa quân tử trận mất 12 người tức ông Nguyễn-văn-Tá cựu hương thân, Đoàn-thiện-Giáo thày đồ, và Trần Thành Ý, Trần-Hiền cùng viên ngũ-trưởng Trần-văn-Đô, đội trưởng Nguyễn-Sinh, binh Lê-văn-Hạch, dân Lê-Công-Nghiễn, Võ-văn-Phú, Nguyễn-văn-Bé, Nguyễn-văn-Lợi, Nguyễn-văn-Học, còn 6 người

bị Tây bắt là: Tú Tài Lê-Thanh-Tề, suất đội Bùi-văn-Lô, đội trưởng Trần-Nhiượng, học trò Lê-Tôn-Đán, Lê-Tuấn, và dân bang Quảng-Đông Hà Quốc. Các người này Tây đều giao cho 2 viên Tri huyện của Tây là Nguyễn-Tường-Phong, Nguyễn-Tường-Vân giam cầm quyền dù, nhưng chúng dù đến 4, 5 ngày các người ấy cũng chẳng khuất phục lại còn chửi mắng om xòm làm chúng tức giận, đem ra thắt cổ 5 người, còn sót Lê-Tuấn vẫn bị giam giữ chưa biết ra sao? Còn bao nhiêu dân hat bị chết trong lúc trận mạc thì Trương-Định, Nguyễn-hữu-Huân, Phan-Chánh đều có ghi ở trong cuốn nhật ký.

Ngoài ra lại còn một số chuyên biện các việc phủ huyện, hiện đương lòn trong thôn xã chiêu dụ nhân dân, thì xã dân nào cũng vẫn có lòng nhớ cũ vui theo, có người cúng hết gia tài vào việc quân xướng! Nhưng cũng có mấy kẻ nhẫn tâm theo địch như tên Hợp-Cương, Hợp-San, Thủ Nho thì Tây cho làm ký lục, Tòng Ca thì làm Tri huyện Bình-Long, Tòng Trinh làm Tri huyện Tân-Hòa, còn Phan-hiến-Đạo mỗi khi lai vãng với Tây. Y đều cầm cờ hiệu Tân-Sĩ và cờ ba sắc lèn trên mũi thuyền. Tới tỉnh Gia-Định cũ y ngồi nghe hát với Tây, việc này do viên nguyên Tri phủ phủ Tân-Bình là Nguyễn-Thành-Ý biện đã phi trình tại nơi quân thứ Tân-Hòa. Còn Tôn-Thọ-Tường thì địch cho làm Tri phủ Tân-Bình. Nguyễn-Trực làm Tri phủ Tây Ninh. Nguyễn-Tường-Phong làm Tri huyện Tân-Long, Nguyễn-Tường-Vân làm Tri huyện Phước-Lộc, Nguyễn-xuân-Khai Tri huyện Long-Thành, Nguyễn-văn-Nguyên làm học chánh, đối với những tên kè trên, nhân dân 3 tỉnh đều gọi là lũ bạn nghịch, và muốn đón đường giết đi, nhưng sợ Phan Lãnh-đốc biết chuyện lại súc cùu xét lôi thôi nên không giám làm.

Lại như tên nguyên quán cơ thuộc cơ Gia-Tiền tên gọi Đào-Bao được Tây cho làm Thống quản, mỗi tháng cấp cho 30 đồng bạc sai đem giáo dân đi đào sông, từ cầu Nhiêu-Lộc đến sông Bến-đất bắc rộng 7 thước, sâu cũng 7 thước, lấy đất đắp thành con lũy bao quanh cả vùng Mai-Sơn, Cảnh-Phước, Khải-Tường, Tràng Thi, Công-Thần, Kim-Tảo, Hiền-Trung, Từ-Bi, Hải-Nam, An-Định, Thành Gia-

Định cũ, phủ Tân-Bình và Chợ Lớn, chợ Kinh, những sở của Tây đều ở bên trong lũy đó, chúng đã khai quật phần mộ tờ tiên của dân không biết bao nhiêu mà kể, vì thế viên quản suất nghĩa quân đã bắt Đào-Bao giữa lúc ban đêm, đem ra chém đầu, khiến cho Tả đạo và bọn Ma-tà Tú dân thày đều hoảng sợ bỏ chạy tán loạn, không giám hung hăng như cũ.

Gần đây Phủ soái lại dựng học đường rồi sức đồi các Cử nhân, Tú tài, sĩ phu trong hạt, ai có học vấn, không kẽ rǎng trước kia đã làm quản suất trong nghĩa quân, nay ra trình diện, chúng cũng miễn tội, cho làm các chức Giáo huấn và lại yết thị rằng sang năm là năm Giáp Tý bắt đầu mở một khoa thi, ai thông văn học Hán tự lại biết chữ Tây thì được đỡ đầu, lúc ấy Tôn-Thọ-Tường và Nguyễn-Tường-Phong có tiến cử nhà nho Hồ-huân-Nghiệp, Võ-Mẫn và Tú tài Bùi-văn-Lý, Nguyễn-Châu-Cơ; Mai-Phương-Mỹ, Hoàng-văn-Đạt, Võ-văn-Hữu, nhưng các người ấy đều lần tránh chứ không chịu ra, Tây lại sức đặt Tòng lý, nhưng các Tòng lý cũ trong hạt cũng chỉ có 1, 2 người nhận việc, còn người khác thì đều mượn cớ chối từ, rồi cho thường dân và các người già yếu lui tới mà thôi.

Hiện thời Tây lại đắp thêm 1 lũy đất ở chợ rạch Kén, 1 lũy ở chợ Gò Công, 1 ở chợ Gò-Đen, 1 ở chợ Căn-Đước, 1 ở thành Gia-Định cũ, còn các sở khác thì bồi đắp thêm ở chợ Kênh có dựng 1 chiếc cầu lớn qua sông, và 1 cầu ở bến Nghé.

Một mặt lại từ thành cũ đi đến dồn lũy mới cũ; cùng các phủ huyện chợ quán v.v... thì đều mở rộng đường lối giao thông chẳng còn đếm xỉa gì đến mồ mà đất tư của dân chúng, trên đường có dựng cột gỗ, đầu cột có chằng giây thép nối nhau, cột cao độ chừng 10 thước, cách nhau 100 thước, hỏi thăm mới biết ở tỉnh Biên-Hòa và tỉnh Định-Tường cũng thế. Ngày nay bọn Tây lại đã ra lệnh bắt lính và thâu thuế nhưng mà điều lệ không có nhất định cứ xã lớn thì bắt 3 lính ma tà, xã nhỏ 2 lính, xã nhỏ 1 lính, còn những xã ở nơi viễn cách không kịp đem nộp thì chúng cũng thôi, còn mỗi tên lính thì chúng cấp cho 30 đồng bạc, đó là trong lúc

hữu sự, còn lúc vò sự thì chỉ cấp cho 10 đồng, thuế thì về huyện Phúc-Lộc, 10 phần chúng thâu 5 phần, huyện Tân-Long 10 phần thâu 6, phủ Tân-An và huyện Tân-Thạnh, 10 phần chỉ thu 3, 4, huyện Tân-Hòa 10 phần thu cả, 2 phủ huyện Bình-Long và Tây-Ninh cũng thế, nhưng về khoản lính thì các dân xã mướn dân thành thì sung vào chứ không chịu bắt dân nội tịch, thuế thì dân xã viện có sau cuộc binh qua tàn phá đê xin khất lại, chứ không nộp đủ, nhất là việc gì dân cũng báo cáo với các viên xướng suất nghĩa quân chứ không giám tự tiện vẫn đê tài lực chờ đợi triều đình, ví bằng triều đình đem việc 3 tỉnh trao phó cho dân cứ việc ngầm ngầm đánh úp, e rằng việc làm không có đầu mối, rồi bọn xu lợi thông với ma tà, thao túng bên trong, hoặc chúng đón đường sông bè đê cướp bóc, hoặc bắt người giàu đê lấy tiền, làm cho lòng dân thêm oán, rồi sinh chán nản.

Vả lại từ tháng 11 năm nay, đạn dược cũng đã gần hết, nghĩa quân đã phái 1 viên quyền quản là Nguyễn-văn-Tá, giả dạng thuyền buôn, ngầm ra An-Giang đê mua các thứ diêm-tiêu lưu-huỳnh, và mật trình với các quan tỉnh đê xin một số đạn dược, nhưng các quan tỉnh lại họp hội đồng đem Nguyễn-văn-Tá ra đánh rồi bảo không được sinh sự.

Lại cứ như viên Tiền cơ của Gia-Định cũ, hiện đương lưu trú tại tỉnh An-Giang và như các chức vị Đội-trưởng Bang biện cùng suất đội Nguyễn Nhungle, lên vì bồn quán nói rằng: Tú Tài Trịnh-quang-Nghi, trước đây ở huyện Tân-Thịnh cùng Phan-văn-Đạt bí mật chiêu mộ nghĩa binh, đến sau chạy sang tỉnh này tẩm lòng oán hận vẫn còn chưa trả, tức như trước khi chưa có cuộc hòa, một bọn giáo-dân cõi 10 chiếc thuyền trốn vào Gia-Định, Quang-Nghi ngầm sai nghĩa quân đón đường triệt sát, lấy hết của cải cấp cho nghĩa dân, đến khi thò phi tinh đó nổi lên, địa phương

bàm tinh xin phái quân đi đàn áp, Quang-Nghi tinh nguyện đem nghĩa quân đi, dẹp xong thò phỉ rồi trở về tinh đợi lệnh khá lâu, thế mà quan tinh vẫn cứ làm lơ không hỏi gì đến ? Cố nhiên là kẻ sợ oai, đành nằm ở nơi thôn giã, chứ không chịu ra nhận việc !

Thế thì ngày nay cảnh thò 3 tinh dẫu đã bị Tây chiếm cứ, nhưng mà lòng dân vẫn còn nhớ cũ, phong tục vẫn chẳng đổi thay, lễ nhạc y quan vẫn thế, thờ thần lễ phật, tế tự xướng ca, khắp hạt vẫn theo tục cõ, chúng tôi nghe nói trước đây ngụy Tây (1) chiếm cứ Gia-Định hơn 10 năm giờ, thánh giá ở bên Vọng-Các sai người về nước chiêu dụ nhân dân mà bọn Quốc công Võ-Tánh nhờ đó đe xướng nghĩa, dân đều vui theo nên mới rước Ngài trở về Gia-Định phục đặng cố đô, đều là nhân có lòng người đe di đến chỗ thành sự đó vậy.

Thế mà ngày nay lòng người cũng vẫn như cũ dẫu việc ủy người lên vào chiêu dụ có khó khăn đấy, nhưng mà kén chọn Tây người am thực thì cũng không sợ tiết lậu sự cơ, tức như những người trước kia đã làm biện lý công bộ tinh Gia-Định là Ý, Án sát cũ tinh An-Giang là Nguyễn Đức-Trứ, Tri phủ cũ Tân-Binh là Nguyễn-Thanh-Ý đều là những người am hiểu nhân tâm phong tục của dân bờn xứ, cùng với những người như Võ-doãn-Thanh trước đã từng làm huyện lệnh Tân-Hòa và được thăng binh bộ viên ngoại, và Nguyễn-hoài-Vinh trước đã Tri phủ Tân-An rồi sau bị cách, rồi lại được nhiếp chức Lệnh phủ Tân-binh và huyện Phước-Lộc, đối với tinh dân các hạt đã rất am tường, nếu có viên nào tinh nguyện vâng mạng triều đình lên vào chiêu dụ, chúng tôi cũng xin đi theo, tùy cơ hường dẫn đe được thuận lợi trong lúc đi đường, nếu có xảy ra chuyện gì bắt

---

(1) Tây-Sơn

trắc ? Tôi xin liều chết dè giữ bí mật chứ không dè lộ hình tích, như vậy thì công việc ta làm dấu chúng có nghe biết, cũng thuộc vô bắng khó lòng tìm ra cho đủ chứng cứ.

Chúng tôi trộm nghĩ quân địch ở vùng Gia-Định hiện đương bắc cầu đắp lô, dựng lũy đắp thành, xây lâu đài mở phố xá, đặt khoa thi bồ các phủ huyện cấp cho hậu lương, và nói giỗi dân về vụ giảm tô giảm binh, mưu thâm của chúng là muốn mua chuộc lòng dân dè còn tinh kẽ tràng cửu. Nhưng dân 3 tỉnh vẫn còn mến cũ chẳng chịu phục tòng, tướng nên nhân đây mà trước hãy thi hành những việc thăm viếng người chết, an ủi người sống, dè cho lòng dân càng thêm phẫn khích, vững chí thờ vua, cái cơ khôi phục là ở nơi đó, vậy nay chúng tôi có chút ý kiến thô thiền, vâng lệnh trình bày.

Ty chức PHẠM-TIỀN ký  
Tỵ-Đức năm 16 tháng 9 ngày 28



## *Tin mừng*

Được tin cô *Trương thị Nhữ-Hoa* vâng lệnh song-thân thành hôn cùng cậu *Võ Đinh-Thám* ngày 25-8-1966, nhân dịp hảo-cầu này, *Nhựt-Tấn* chúc cho Nhữ-Hoa ngàn năm được vạn sự như ý.

NGUYỄN-NHỰT-TẤN

---

*Ông Trần Ngọc-Thanh, Nguyễn Đức-Tánh  
thừa khai tình hình 3 tỉnh. Tự - Đức  
năm 16 tháng 10 ngày 18 vang khai thế giặc ■*

---

Tỉnh Gia-Định, nơi bão (đồn) Bến Dái cũ; Tây đã tu bồ rất là kiên cố, trong dựng 1 lầu cao, ban đêm treo đèn, ở xa cũng trông thấy rõ, có chừng 50 quan binh Tây đóng. Cửa Cầm-Giờ có 1 chiếc tàu máy đỗ bến, phía dưới vũng Cầm-Giàng có 1 chiếc thuyền nhiều giây hạng nhỏ đồn Giao-Khâu thuộc bảo Hữu-bình Gia-Định đã bồi bồ thêm, có 20 lính Tây đóng giữ, còn bảo Tả-định thuộc tỉnh Biên-Hòa thì bỏ từ lâu.

Sông bến Nghé hiện thời có 7 chiếc thuyền máy lớn, 3 thuyền nhiều giây, 11 thuyền máy bọc sắt nhỏ, 3 thuyền nhiều giây, trên bến hiện đương đóng thêm 4 chiếc thuyền máy bọc sắt nhỏ, 3 chiếc nhiều giây, còn về quân số, tất cả thủy lực độ hơn 4000, trong đó quân nhân thuộc nước Ma-ní, Đồ-bà ước độ 1000, còn quân Ma-tà và mồi mộ được hơn 700, ngựa 800 con, Y-pha-Nho cũng có 1 chiếc thuyền máy hạng trung đương đỗ dưới bến, quan binh có độ 100, và nước Xích-mao, nước Đồ-bà cũng có 3 chiếc thuyền buôn hạng nhiều giây, ở đây Tây lại mới lập 1 lò đúc, hiện đã đúc được súng đại bác hạng lớn bằng đồng, nòng rộng 6, 7 tấc, dài 7, 8 thước, đúc được 81 cỗ và rất nhiều đạn, hiện còn tiếp tục đúc thêm, hàng ngày trên quãng đồng không, lính Tây đều có thao diễn, quân lính Ma-Ní thì tập cõi ngựa bắn súng, quân Ma-tà mội binh thì tập bắn thứ súng chim, nhà văn miếu đã giờ đem về thôn Tân-Khai để dựng phủ nha Tân-bình, phía hữu tình thành cũ, có dựng 1 chiếc nhà lầu rất là cao rộng, đặt danh là lầu xem lě, 4 mặt có xây đạo đường, đạo quán, nhà phuốc, dân đạo thì ở bao bọc phía ngoài, già trẻ gái gái theo đạo khá đông. Trường thi cũ phía ngoài 4 mặt tường gạch có bồi đắp thêm, trong tường bồi thêm rất giầy, quân xá cũng đều cải tạo, quan binh Tây thì ở phía trước trường thi

còn nơi phủ cũ Tân-bình có dựng 1 tòa lầu đê cho Phủ Soái ở, 4 bên có nhiều nhà cửa trại binh chuồng ngựa, quan binh nhón nhỏ chia ở chung quanh, Từ thôn Tân-Khai biến thành cho tới điểm Lá, nhà đất của dân đều đã bán cho những người Xích-mao, Đồ-bà, Ma Ni, người Thanh, người Tây, họ xây nhà mới hoặc sửa sang lại đê trữ hàng hóa, tùy chỗ rộng hẹp đê định giá tiền, có chỗ đến hơn ngàn quan, có chỗ 2, 3, trăm quan, đổi diện chợ Lội là thôn Khánh-Hội thì giáo dân ở, còn đổi diện với chợ Bến-Thành là thôn Nhai-Quối thuộc Biên Hòa có lập 1 phố lầu xanh, nơi đây các gác điểm và giáo dân cùng ở lẩn lộn, tự xóm điểm Lá, đến cầu Kênh Chợ-Lớn thì nhân dân và các cửa tiệm buôn bán ở, còn khu chợ Lội đổi diện với thôn Khánh-Hội mới bắc 1 chiếc cầu qua sông, Chợ-Kênh đổi diện với xóm Than cũng có 1 chiếc cầu, sang Thị-Nghè thông đến sông Xóm Kiều, khúc sông bị lấp nay chúng đã cho đào lại, từ cầu Nhiêu-Lộc đến chùa Mai-Sơn, nối liền 2 thôn Bình-Tiên và Bình-Tây, thông thẳng đến sông Ruột Ngựa, còn mặt bộ thi chỗ đường xá khuất khúc, ngày nay chúng mướn dân phu nắn lại cho thẳng và rộng, đê cho xe ngựa dễ đi, về việc nắn đường khơi sông đoạn nào gặp có dân cư mồ mả chùa chiền chúng đều phá hủy, chùa Cảnh-Phước có độ 10 tên lính Tây đóng, đồn Mai-Sơn có chừng 30 lính Tây, còn đồn lớn ngày trước thì còn 1 tiền đồn đê cho quan binh Tây đóng ước độ 100, đồn Tây-Thái trước vẫn còn và lại xây thêm 1 đồn rất kiên cố lính Tây có độ 100

Nói về mặt thủy: bến sông Lạch-Các có 1 chiếc thuyền nhiều giây hạng nhỏ, sông Chợ-Đầm, sông Phiêu, sông Nhật-Tảo, sông Lạch-Lá, đều có 1 chiếc bình thuyền hạng nhỏ, còn sông Gò-Công thì có 1 tàu máy nhỏ. Trong thị trấn này hiện đương xây 1 đồn lớn chưa xong, và có 200 quân lính Tây, 200 Mã tà và lính mờ, 200 binh mói kén, (tuyền), sông Kỳ-luân thuộc huyện Tân-Thịnh có 1 bình thuyền nhiều giây hạng nhỏ, sông Chu-phê thuộc phủ Tân-An có 1 bình thuyền máy hạng lớn, và nghe nói ở phủ Tây-Ninh ngoài bến sông cũng có 1 bình thuyền hạng nhỏ, cùng 1 số lính Tây đóng giữ.

Việc lương bông : Trừ những người Tây còn dân ta phục dịch mỗi tháng đều cấp bằng bạc, Đốc-học lương 40 đồng, Tri-huyện 30, lại dịch 10 đồng, giáo dân làm suất đội 10 đồng, binh luyen mỗi tên 1 đồng, ma tà, binh mỗ 3 đồng, hàng ngày phát thêm bánh rượu và thịt, với lại quần áo giầy khố. Trạm mục các điểm 6 đồng, trạm thừa 3 đồng, 10 tên điểm phu túc trực mỗi tên 1 đồng.

Nói về thuế khóa : Không kè điền hay thồ, cứ mỗi mẫu chiết nạp 3 quan 5 tiền, người thâu thuế được thâu thêm 1 quan 5 tiền lệ phí, nhân dân thì bắt luận già trẻ tàn tật, mỗi người phải nộp 1 quan 5 tiền và phải phụ thêm 1 quan, còn như thuyền buôn các tỉnh cặp bến, chúng đo hạng dài 30 trượng thì bè ngang cứ mỗi thước thu thuế 3 quan, dài 40 trượng bè ngang mỗi thước 5 quan, hạng thuyền lớn sau khi giở hàng phải lấy đất đồ xuồng khoang thì đánh thuế 70 quan, hạng trung 50 quan, hạng nhỏ 30 quan, thuyền ván lồng, độc-mộc, muốn đi thông thương phải làm tờ khai hạng nhơn nộp lệ 5 quan, hạng nhỏ 3 quan, hết hạn 3 tháng lại phải đổi giấy thông hành, quá hạn phải phạt 5 quan, dân xã Minh-hương mỗi năm phải nộp 2 lạng bạc, người Thanh thì phải nộp thêm 2 quan, gác điểm mỗi thị 1 tháng phải nộp 10 quan, người Thanh lập phố đê nấu a phiến, sòng bạc phải nộp từ 2000 cho đến 5000, còn việc tuyển lính thì cứ 7 đình lấy 1, thuộc ngạch ở phủ huyện nào thì phục dịch ở đấy. Tên nào trốn tránh thì làng ấy phải phạt là 50 quan rồi lại phải điền tên khác, việc khơi sông bắc cầu đắp đường mở phố, chúng bắt các Đồng lý phải đem dân phu đến làm, mỗi ngày cấp cho 5 tiền, cứ 10 ngày 1 kỳ phát, nhưng cứ ngày thứ 7 thứ 8 thì viên đốc công Tây đến khám, hạch sách đánh đập, ai không chịu nồi mà bỏ trốn thì tiền cố công người ấy, viên Đốc công sẽ bỏ túi riêng, rồi lại sức phạt dân làng 3 quan 5 tiền chẳng hạn, ở nơi thành thị, nếu dân giang hồ hay các thuyền bè qua lại buôn bán mà có to tiếng, chúng đều bắt phạt 5 quan hay là 10 quan, chức dịch phủ huyện thì chúng tuyển dụng trong giáo dân, hay những cử nhân tú tài hiện đã cam tâm theo chúng, phủ có 1 viên Tri phủ, huyện có 1 viên Tri huyện và có 1 viên quan Tây gọi là Tham biện huyện vụ, những người

làm việc được 6, 7 tháng hay đủ 1 năm, chúng sẽ bới móc ra những lầm lỗi, rồi bắt phạt từ 10c cho đến 4,500 đồng, nói tóm lại các việc kẽ trên chúng đều thi hành nhất luật, cả ở các tỉnh Biên-Hòa Định-Tường cũng thế.

Biên-Hòa, ở điểm Biên-Thạnh có 50 lính Tây, 30 lính luyện, từ điểm này đến phủ Phước-Tuy chúng đương bắt dân đắp đường, trên đường công lộ tại thôn Long-Điền có 1 đồn nhỏ đóng 100 quân, 60 lính luyện (lính Tập) trên thường du về thôn Phước Tối cũng có 100 quân đóng. Thôn Kiên có 50 tên, phủ Phước-Tuy có 1 đồn lớn đóng 400 quân Tây, 100 quân Ma-Ní, 60 lính tập, 50 ma tà, mỗ binh, 80 ngựa, đồn này xây rất kiên cố, chung quanh có đặt đại bác, tuần phòng rất nghiêm, ngoài bến sông có 1 chiếc tàu máy bọc sắt hạng nhỏ cách một quãng tức xứ Buồm-dinh cũng có 1 thuyền nhiều giây nhỏ, dân giáo trú ngũ ở bên các đồn, thường dân từ 15 tuổi trở lên đi buôn hay ở nhà đều phải lĩnh thẻ tùy thân của Tây cấp phát, những ai không có sẽ bị bắt giam, khi nào bắt được đa số sẽ giải cả vào Gia-Định nhập bọn với các tù nhân, để bán cho người nước khác, rồi chúng lại xét xem người ấy quê ở xã nào, bắt phạt xã ấy 100 quan, hoặc 3, 4 mươi quan. Ở xứ Thị vì thuộc huyện Long-thành cũng dựng 1 đồn nhỏ, quân đóng ước phòng 100, bến sông tinh thành có đỗ 1 chiếc tàu máy hạng lớn, và 1 chiếc nhiều giây hạng nhỏ, quân Tây có độ 300, Ma-Ní 100, lính tập 200, Ma tà lính mỗ 200, 80 con ngựa. Tuần-phủ và quan chức thì ở ngoài thành, làm việc tại các tư gia, còn trong thành để riêng có quân lính đóng, và tích trữ khí giới lương thực, phía bên tả trước thành thì người Tàu, người Đồ-bà cùng giáo dân lập phố buôn bán, vẫn miếu vẫn còn nhưng các cổ đạo chiếm cứ để làm giáo đường; về xứ Du-miệt thuộc huyện Bình-An có 1 đồn nhỏ. Độ hơn 100 quân đóng, dưới sông có 1 thuyền máy bọc sắt nhỏ, công việc cai trị cũng như Gia-Định mà thôi.

Tỉnh Định-tường tại cửa Lạch Chênh có 1 đồn nhỏ đóng 20 tên quân Tây, 30 quân ma tà và giáo dân, bến Vụng Ô cũng xây

i đồn nhỏ, quân số cũng như đồn trên, còn tỉnh thành thì có i tàu chiến hạng lớn, i thuyền nhiều giây, 4 tàu nhỏ, một thuyền nhiều giây nhỏ, Tông đốc và các viên chức Tây đều đóng tại các nhà bên ngoài thành, trong thành tức là trại binh và kho tàng, hiện có hơn 300 lính Tây, 100 lính Ma-Ni, 200 ma-tà và lính mờ, dãy phố bên hữu là nhà của dân thì nay người Tây người Tàu v.v. thuê lại để trữ hàng hóa, chúng cho cử Tạo làm Đốc học, nhưng chỉ mười đứa trẻ con tới học mà thôi, văn miếu vẫn còn nhưng cổ đạo chiếm cứ làm nhà giảng đạo, ở phủ Kiến-Tường cũng có i đồn nhỏ quân Tây phòng độ 100, ở bến Kê-Bè có i thuyền nhiều giây hạng lớn, nơi đối diện với phủ Kiến - Tường là thôn Tân-tịch thuộc phủ Tân-thành, ngôi đình thôn này cũng có độ 30 tên lính Tây đóng giữ, i số bò và đá vôi, rượu thịt v.v., tàu binh Tây đi về Cao-Man thường hay đỗ lại nơi đó, có khi đến 2, 3 chiếc, còn việc khác thì cũng giống như ở Gia-Định.

### Dân Tỉnh

Xét thấy dân tâm 3 tỉnh kè từ sau khi có cuộc hòa nghị, thời trừ những kẻ táng tận lương tâm cùi đầu theo địch độ 2 phần 10, còn ngoài ra thì đều chán nản, ruộng nương không muốn cày cấy, cơ nghiệp cũng chẳng doi hoài, ngày đêm chỉ những xúm 5 tụm 3, cùng nhau than thở vì nỗi phải ở với Tây ! Bất cứ việc gì nhân dân cũng chỉ thuận theo ngoài mặt mà trong lòng thì vẫn chống đối, cố phải ăn nhẫn để xem triều đình khu xử ra sao ?

Tức như gần đây phủ quan sirc cho phủ huyện tòng xã thôn và Minh-hương trong khắp 3 tỉnh, bắt phải đem nộp sô sách định điền ngày trước, sirc xuống đến 3, 4 lần, thế mà lần nào dân cũng viện có rằng bị đốt cháy trong lúc lửa binh, còn các mộc truyện thì đều thất lạc, chứ không chịu nộp, về sau phủ quan lại phải cấp mộc truyện mới để dân thừa hành, và bắt khai sô định điền khác để chúng thâu thuế, đổi với lệnh này nhân dân lại phải bí mật họp tại một nơi tìm cách đối phó.

Trong cuộc họp ấy nhân dân bàn rằng: nay chúng ra lệnh, mà mình không theo e rằng chúng sẽ khủng bố nên bắt đắc dĩ cũng phải hư ứng nhưng mà các người thân hảo có lòng trung nghĩa thì đều giấu mặt ở chốn thôn quê, đề cho thủ hạ gia nhân ra nhận những chức Tòng lý, còn về số đình xã nào 100 chỉ khai ra có 50, điền thò 1000 mẫu chỉ khai 500, riêng xã Minh-hương thuộc tỉnh Gia-Định, cứ sô đình cũ những hơn 600 thì nay khai có 190 hai mươi mấy người mà thôi.

Lại như tháng 8 năm nay giá gạo 3 tinh bỗng dựng cao vọt, mỗi phuống đến hơn 9 quan, dân tình đương lúc cực khổ, bọn Tây bèn đem những bánh mì cũ trong kho đi phát cho các thôn xã, nhân dân không nhận không được, nhưng khi phái viên của Tây về rồi, thì ai cũng vất bánh đó xuống sông, hay là cho heo cho chó, chứ không thèm ăn!

Trên đây chúng tôi xin kể những việc trọng đại, còn việc nhỏ mọn không sao kể xiết, vì có nhân tâm như vậy cho nên ở vùng Gò-Công lúc mà Trương-Định đứng lên mộ nghĩa thì dân các xã thầy đều cồ võ hoan nghinh, họ liền báo cáo với nhau, kẻ thì quyên cúng tiền bạc, lúa gạo để giúp quân nhu, hoặc quyên đồng sắt chất nồi để giúp quân khí, người già trẻ con thì ở coi nhà, bao nhiêu trai tráng đều ra ứng mộ, họ muôn mau mau giết hết quân Tây để cho hả giận!

Nhưng có ngờ đâu chính đồn Gò-Công về sau bị quân đội Tây kéo đến vây kín đại bác bắn vào như mưa! Nghĩa binh trong đồn cầm cự chẳng được bao lâu thì hết đạn được và không có quân cứu viện nên đành giải tán mạnh ai nấy chạy, về sau phủ quan cho đi tra xét lùng bắt các người ứng nghĩa và người quyên cúng, người bị cướp hết tài, người bị đốt hết nhà cửa, lại biết bao người bị giết, bị đầy, còn như thôn nào có người quyên mộ thì chúng bắt phạt một hai ngàn quan cho tới hàng vạn, ngoài ra lại còn một bọn lưu manh, côn đồ lợi dụng tấm

lòng nghĩa khí của dân, chúng bèn đi khắp các nơi ném phao lên rẳng : nay mai Triều đình sẽ đem binh đến, cho chúng vào trước đê mộ nghĩa binh, nay mai đi theo quan quân giết giặc, dân quê tưởng thực, hoan hỉ vô cùng, tiền của bỏ ra quyên nạp không kém gì trước, bọn ấy thâu được bao nhiêu chia nhau bỏ túi, rồi sau người Tây biết chuyện cho đi tra xét bắt phạt các thôn, lại còn một nỗi trước kia thôn nào biết chúng là kẻ gian giở không chịu quyên nạp thì chúng lại giờ thủ đoạn đốt nhà giết người, thành ra đằng nào cũng khồ.

Hiện nay các người cù nhân, tú tài, thân sĩ cùng các quan suất nghĩa quân hào mực trong các thôn xã bị Tây nã gắt gao, nên phải bỏ hết sản nghiệp để cùng gia quyến chạy đến 3 tỉnh Vĩnh-Long, An-Hà, Hà-Tiên trú ngụ rất nhiều, còn như những người vì nghĩ phần mộ tổ tiên nên còn ở lại quê quán, hoặc vì nghèo khó không thể thiêng cư thì mới ở lại cam chịu đời sống cơ cực trăm chiều khiến cho làng mạc xơ xác nhà cửa tiêu điều, ruộng đất bỏ hoang tài lực khánh kiệt ! Nhưng dù đứng trong cảnh khồ nhân tâm vẫn còn oán hận vô cùng !

### Tình hình Cao-Man

Cứ lời của phái viên do tham Nguyễn-Kỳ do tỉnh An-Giang phái sang Cao-Man xem xét trở về báo rằng Tên Don đã chết, hiện có quan Xiêm tên gọi Chao-Khon-Khô-Lịch còn đóng tại đó, rồi ngày 13 tháng 5 năm này đã đốt, và có mấy chiếc tàu chiến, của Tây, thuyền máy hạng lớn 1 chiếc, thuyền nhiều giày 1 chiếc, thuyền máy bọc sắt nhỏ 2 chiếc hiện đậu tại bến, quân Tây có độ 300, Na-Ní 100, chúng đã chiếm đóng ở thành Trấn Tây trước, con đường từ chùa Nhập-Đế thông sang Vinh Long chúng đã thiết lập đạo đường đạo quán cho cổ đạo ở, dân Man theo đạo cũng nhiều, nơi đối diện với cù lao Trấn Tây chung xây dinh thự, trại lính, kho tàng v.v. Nạc-Ông Lân, cùng các liêu thuộc thấy vậy nói với Tây rằng :

Trước kia nước tôi thần sự Nam Triều và Xiêm, ngày nay

Ông Don mất đi, theo như lệ cũ thì phải cho sứ sang hai nước báo tang và nạp cống mới phải nhưng bị quan binh Tây gạt đi bảo rằng : đã có ta đây, can chi phải làm những việc vô ích như thế, quan Xiêm biết chuyện như vậy, đến mồng 3 tháng 6 bèn đem tên U về Xiêm, từ đấy trở đi phàm các nguồn lợi về thuế thủy lợi, thuế tàu v.v. các thứ thu được nhiều lợi của nước Cao-Man đều bị người Tây chiếm hết, cả đền tượng phật trong các chùa chiền, chúng cũng bóc lột lấy vàng, ngày thường chúng lại đến nhà vua tôi tên Lân, ép cả vợ con nàng hầu đi coi hí kịch, thị nào vừa mắt chúng lôi xuống tàu hay vào trong trại để chúng hãm hiếp, Vua tôi Lân đành nhẫn nhục.

Thế rồi vào ngày 18 tháng 8 Tướng Chao-Khon-Kho-Lịch của Xiêm lại sang bảo vua tôi Cao-Man rằng : Nước ông vốn dĩ thắn phục nước Nam-na nước Xiêm, vậy nay cắt đất cho Tây dựng phố xây nhà, có sao lại không một lời báo cáo cho hai nước biết ? Hay là cậy thế của Tây mà toan bội phản đó chăng ? Vua tôi Lân bấy giờ cũng rất hối hận, nhưng trả lời với Xiêm thế nào thời tôi không rõ, bởi vì lúc ấy tôi đã trở về, cho nên cả đền việc lập ai làm trưởng Cao-Man tôi cũng không biết.

Ty : Trần-ngọc-Thanh ký  
Ty : Nguyễn-Đức-Tánh ký



## Chúc mừng

Được tin vui của Giáo sư Phạm-Dinh-Tiêu, nhân viên giảng huấn tại Đại Học Văn Khoa và Đại Học Sư Phạm, Saigon, toàn thể ban chủ biên Tập San Sứ Địa chân thành chúc mừng Tân Lang và Tân giai nhân trăm năm hạnh phúc.

TẬP SAN SỨ ĐỊA

## ■ ■ Giới-thiệu sách báo Sứ-Địa

Tập-San Sứ-Địa vừa nhận được một số sách bằng chữ Hán có phần tóm lược hay giới-thiệu bằng Anh-ngữ do ban Nghiên-cứu Đông-Nam-Á thuộc Viện Nghiên-Cứu Tân-Á, Viện Đại-Học Hồng-Kông (*South-East Asia Studies section, New Asia Research Institute, The Chinese University of Hong Kong*). gửi tặng. Tập-san Sứ-Địa xin hân-hạnh giới thiệu đọc giả.

■ I — TRỊNH-HOÀI-ĐỨC, *Cản trai thi tập*, Monograph Series. № 1, S.A.S.S., N.A.R.I. Hong Kong, 1962, 134 trang. *Cản trai thi tập* là tập thơ thứ hai sau *Gia-định tam gia tập* gồm 5 phần :

11.— Một bài tựa của NGUYỄN ĐỊCH-CÁT và hai bài bìt của NGÔ-THỜI-VỊ và CAO HUY-DUỌC.

12.— *Thời thực truy biến tập* gồm 127 bài thơ sáng-tác hồi 1782 — 1801.

13.— *Quan Quang tập* gồm 152 bài sáng-tác lúc ông làm quan và đi sứ sang Trung-quốc (1802 — 1803).

14 — *Khả dĩ tập*, gồm 48 bài, sáng-tác hồi 1804 — 1818.

15.— Nói về tiểu sử : Liêu-hệ gia-đình; nghề-nghiệp, nhiệm-vụ & bên Tàu, lý-do xuất-bản tập thơ vào năm Gia-Long 18 (1819).

*Cản trai thi tập* không những có giá-trị về mặt thơ-văn mà còn có giá-trị về phương-diện sử-liệu cho công-cuộc nghiên-cứu lịch-sử VN.

■ II.— CHEN CHIN HO, *Hoa-kiều ở Phi-luật-Tân hồi thế-kỷ 16*, Monograph Series № 2, S. A. S. S., N. A. R. I., Hong Kong, 1963.

■ III — LÜ SHIH P'ENG, *Viet-Nam thời Bắc-thuộc*, Monograph № 3, S.A.S.S., N.A.R.I., Hong-Kong, 1964, 148 trang — Nội-dung nói về Việt-Nam từ thế-kỷ thứ III trước Công-nguyễn đến thế-kỷ X sau Công-nguyễn. Sách nói về nguồn-gốc dân-tộc Việt-Nam và Việt-Nam thời Bắc-thuộc qua từng triều-dai Trung-hoa (Tần, Hán, Lục triều, Tùy, Đường, Ngũ đại...) tới sự hình-thành nền độc-lập vương-quốc Việt-Nam.

■ IV.— PHAN THÚC-TRỰC, *Quốc-sử di biến*, Historical Materiall Serie No 1, S.A.S.S., N.A.R.I, Hong Kong, 1965 — nguyên-bản thuộc trường Viễn-đông Pháp-học-viện & Hànội. Tác-giả trước tên là Phan-dương-Hạo sau đổi là Thúc Trực. Nhan-dề đầy-dủ của bộ sách này là *Dương-Hạo hiên định tập, quốc-sử di biến*. Sách dày 398 trang, nói về cuộc hành trình ra Bắc tìm tài-liệu theo lệnh vua của ông trong khoảng năm 1851-1852. Sách chú-trọng đặc-biệt về Sử của 3 triều-đại đầu nhà Nguyễn (Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị) tuy-nhiên sách chỉ mô-tả theo niên-đại các chiếu-chỉ, luật, lệnh... của vua. Ngoài ra nội-dung sách còn gồm cả sự tinh-chúc hành-chánh, cải-tổ và thuyền-chuyến, thăng-thưởng và trùng-phat các viêc-chức, kẽ nghịch... cùng sự liên-lạc ngoại giao, ngoại-thương, thi-cử, hệ-thống thuế má, thiên tai, đặc biệt xảy ra ở Kinh-đô và Bắc-Việt. Sách này chép nhiều sự-kiện mà *Đại-Nam Thực lục chính biến*, quyển-sử chính của triều Nguyễn không chép. Những điều đặc-biệt này làm cho *Quốc Sử Di Biến* trở thành một nguồn tài-liệu quan-trọng đối với sự nghiên-cứu sử học Việt-Nam vào tiền bán thế kỷ XIX.



Đón đọc *Sử-Địa* số 4.

## Gốc tích của Chúa Trịnh và một bức thư nôm của Trịnh - Kiểm

của HOÀNG-XUÂN-HÂN

# HỘP THƯ SƯ - ĐỊA

## ▼ Ông NGUYỄN-CƯ, Trung học Bá-Ninh, Nha-Trang.

Chúng tôi đã gửi báo lần thứ hai sau khi nhận thư của ông. Đề nghị của ông về việc thành lập Hội Những Người Yêu Thích Sư-Địa là ý kiến rất hay. Mong các bạn đọc xa gần góp ý kiến về vấn đề này. Sư-Địa sẵn sàng nhận đóng ra đốc thúc nếu được sự hướng ứng đồng đảo. Theo ý ông Nguyễn-Cư, hội này sẽ có mục đích chính là giúp trao đổi tài liệu sách báo Sư-Địa, giúp các hội viên có thể mua được dễ dàng các sách báo tài liệu ở trong và ngoài nước.

## ▼ Ông HUỲNH-DUY-THIẾT, Phan-Thiết.

Ông muốn mua Sư-Địa số 1. Hiện nay nhà sách Khai-Trí, 62 Lê-Lợi còn bán. Nếu không có gì trả ngại, chúng tôi sẽ gửi thêm ra ngoài Phan-Thiết. Nếu ông muốn có ngay, xin cho chúng tôi biết địa chỉ rõ ràng cùng gửi tiền báo và thêm tiền cước phí máy bay.

## ▼ Ông SƠN-NAM, Saigon.

Thành thật cảm tạ mĩ cảm của ông đối với nhóm chủ trương Tập San. Thật rất khích lệ cho chúng tôi. Ý kiến của ông đang ở nhiệt hào Tia Sáng ngày 31-8-66 về vấn đề tổ chức các cuộc du khảo các di tích lịch sử. Chúng tôi rất đồng ý với ông về sự tham dự của thành phần trẻ trong đoàn du khảo mà ông cho là giới học sinh. Nhưng thiết nghĩ riêng chúng tôi không thể nào tổ chức một cách sâu rộng vào giới học sinh, giới rất đồng đảo; điều đó chỉ có thể trong nhò vào các giáo sư tại các trung học sẽ tổ chức. Muốn vậy phải làm sao cho các giáo sư trung học tương lai (Sinh viên Đại Học Sư Phạm hay Văn khoa) quen cái lối học hỏi này, để về sau chính họ sẽ lo cho các học sinh. Bởi vậy, trong các cuộc du khảo dự tính, ngoài các nhà khảo cứu, chuyên viên, thành phần đồng đảo sẽ là các sinh viên Đại Học Sư Phạm, Văn khoa; họ sẽ được chia thành các «đội-kép», tuy đối với họ về phần du được đặt nặng hơn, nhưng họ cũng sẽ được làm quen với vấn đề khảo. Nếu không có gì trả ngại, các di tích tại Sài Gòn sẽ là đề tài đầu tiên được khảo kỹ càng, cùng giới thiệu với các giới sinh viên này.

## BẢN ĐÍNH CHÁNH TẬP-SAN SỨ-ĐỊA SỐ 2

### ⊕ NHỮNG LỜI THÈ CỦA LÊ-LỢI, HOÀNG-XUÂN-HÃN

TRANG	DÒNG	S A I	S Ủ A L A
12	7 - 8	hoàng-địa kì	hoàng-địa-kì
20	2	toàn cuối chuyện	toàn chuyện
20	13	dị-tâm	dị-tâm
25	19	Trao-vịnh	Trao-vịnh
26	16	lân-bang	lân-bàng
26	25	chanh-chấp	tranh chấp

### ⊕ ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÁNH BIÊN

85	30	là bạn	là bạn
86	8	(thuộc tỉnh Giadinhh)	(thuộc tỉnh Gia Định)
87	26	Chưởng dính, Tôn thất Hy	Chưởng-dinh. Tôn thất-Hy

### ⊕ VONG SƠN NIÊN PHÒ

70	20	năm trong	năm trong cảng
70	55	Quận-công-ký-lục	Quận-công-ký-lục
71	5	Quận công gia cấp	Quân công gia cấp
71	7	quận công nhất cấp	Quân công nhất cấp
7.	29	quận công	Quân công
71	30	chả	chả
72	7	Phản thành	Phản hoàng
72	16	các Cụ	Cụ Các
72	30	văn-minh	Văn-minh
73	2	giao thư Đoan hùng	giáo thư Đoan hùng
73	2	nói	nơi
73	12	lấy tiểu	vừa tiểu
73	15	hại	hở
73	32	đặt	xin đặt
75	25	Thận Duật	Thận Duật
78	31	Doan-hùng	Đoan-hùng
80	6	àm	làm
80	29	ngày	ngay
81	5	Phượng tri Càn thốn	Phượng tri Càn thòn
81	8	hỏp	hởp
81	14	dị	bị

# BẢN ĐÍNH CHÁNH TẬP-SAN SỬ-ĐỊA SỐ 3

## BÀI TRƯƠNG-ĐỊNH, CỦA PHÙ-LANG

TRANG	DÒNG	S A I	S ỦA LÀ
4	11	nghiêm	nghiên
9	23	Hiển	Hiền
9	25	ngại	lại
10	5	thật	thuật
10	chót	Lamiral	l'amiral
12	2	Hoa	Hòa
23	8	lý	ý
24	8	Việt đình-chỉ	Việt-đình chỉ
26	15	trở	trở
30	7	răng ưng sống	răng không ưng sống
30	11	và	và
31	7		(4)
37	12	Biétri	Piétri
37	16	Räch-Giá	Räch Già
41	15	Räch-Giá	Räch Già
44	3	làm kinh	hàm thính
46	2	khiêng	kiêng
48	18	bom	bom
54	chót	văn mỗ	văn mô
59	5	rong	trong
63	18	thôi mà	thôi khó mà
68	10	dịch-thái	dịch-khai
76	11	Khắc	Quốc
77	5	cao thế	cao hết
79	11	Lâu	Lân

Vì nhiều bài về chủ đề Trương-Công-Định, chúng tôi xin tạm gác đến số 4 các bài còn tiếp theo.

Thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc. Số trang kỳ này tăng nhiều, chúng tôi xin tăng giá, các kỳ sau trừ những số đặc biệt vẫn giữ nguyên giá cũ mặc dù các chi phí TẬP - SAN SỬ - ĐỊA đều tăng tới 50%.

# Sách pháp luật, chánh trị, kinh tế

Dân luật tu tri	<i>Phan-văn-Thiết</i>	100đ.
Hình luật tu tri	—	95.
Các tranh tụng về dân sự	—	95.
Kiểu mẫu văn khế	—	95.
Hộ tịch chỉ nam	—	100.
Phụ nữ V. N. trước pháp luật	—	65.
Pháp luật thực hành	—	50.
Nhân viên công lực cầm nang	—	75.
Luật dân sự tố tụng	<i>Nguyễn-huy-Đầu</i>	250.
Dân luật khai luận	<i>Vũ-văn-Mẫu</i>	130.
Dân luật lược khảo (hai quyển)	—	300.
Luật nhà phố	<i>Công-Báo</i>	65.
Luật thuế vụ	<i>Bộ Tài Chánh</i>	160.
Thuế lệ dẫn giải	<i>Định-quang-Chính</i>	80.
Luật lao động	<i>Bộ Lao Động</i>	145.
Tập lục các bản văn áp dụng luật lao động	—	150.
Tìm hiểu luật lao động	<i>Huỳnh-khắc-Dụng</i>	140.
Án lệ lao động	—	250.
Luật Lao động dẫn giải	<i>Bùi quang Tời</i>	80.
Quy pháp vựng tập I, II, III, IV, V, VI	<i>Tông-Thống Phủ</i>	720.
Luật thương mãi	<i>Trịnh-dinh-Thảo</i>	45.
Luật thương mãi (hai quyển)	<i>Lê-tài-Triền</i>	150.
Dân luật thực hành	<i>Đoàn-bá-Lộc</i>	90.
Chế độ tài sản trong gia đình Việt-Nam I, II	<i>Vũ-văn-Hiền</i>	220.
Tổ chức chính trị và hành chánh V. N.	<i>Bùi-quang-Khánh</i>	100.
Chính trị học	<i>A. de Grazia</i>	250.
Chính trị học hiện đại	<i>Tôn-thất-Trạch</i>	50.
Chính trị cờ nhân	<i>Nguyễn-tử-Quang</i>	38.
Kinh tế học	<i>P. A. Samuelson</i>	250.
Phát triển kinh tế	<i>G. M. Meier</i>	200.
Kinh tế phục vụ quần chúng	<i>M. Salvadori</i>	60.
Hành chánh công quyền	<i>H. E. Simon</i>	200.
Xã hội học	<i>B. Selizick</i>	250.
Tiền tệ lợi tức và chính sách tiền tệ	<i>Ed. S. Shaw</i>	250.
Kinh tế quốc tế	<i>Ellsworth</i>	200.
Mô thức chính trị quốc tế	<i>L. M. Alexander</i>	250.
Tài chánh công	<i>P. E. Taylor</i>	250.
Tự do cá nhân	<i>Trần-thúc-Linh</i>	70.
Danh từ pháp luật lược giải	—	300.
Luật giá thú	<i>Dương Kiền</i>	100.
Luật lệ thông dụng dẫn giải	<i>Nguyễn-văn-TuyỀN</i>	100.
Phân tranh luật pháp	<i>Nguyễn-xuân-Chánh</i>	100.
Hình sự tố tụng	<i>Nguyễn-quốc-Hưng</i>	100.

Những sách trên đều có bán tại :

Nhà sách KHAI-TRÍ, 62, Đại-lộ Lê-Lợi, Saigon

## Thuốc Bác-sỹ Tín vì sao ra đời ?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trong thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thô-sản thô-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bệnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thâu thapor cái hay của người đặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hop với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhẫn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tân xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào mòn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình vẫn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

### **NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN**

**lại còn có tham-vọng :**

- 1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...
- 2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.
- 3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)



(COMPAGNIE GENERALE DE COMMERCE)

Công-Ty nặc danh Vietnam Vốn 20.515.000\$  
Trụ-sở : 30 - 32, Pasteur Saigon

Điện-thoại : 91.081 - 91.082 — Điện-tín : CIEGECO SAIGON

(Hành nghề nhập-cảng trên mọi ngành từ NC-1 đến  
NC-18, do giấy phép số 8182/BKT/KSKT/KTTG ngày 24-8-66)

**NHẬP CẢNG — XUẤT CẢNG**  
**THU THÁC TÀU BIỂN — ĐẠI-DIỆN THƯƠNG MẠI**

Hiện là đại lý độc quyền cho trên 100 hàng sản xuất và  
cung cấp ngoại quốc :

- Xe máy dầu YAMAHA
- Động cơ SACHS, RUSTON, MATSUI, DESOTO
- Máy móc LETOURNEAU WESTINGHOUSE, INTERNATIONAL DIESEL ELECTRIC
- Dầu thơm và mỹ-phẩm COTY... và tạp hóa.
- Rượu COGNAC MARTELL, WHISKY GRANT, Rượu chát HENRI MAIRE, Champagne BOLLINGER v. v..
- Đồng hồ ROLEX
- Thực phẩm : cá mòi đóng hộp « MEZIANNE », thịt  
hộp, rau hộp và ốc sò đóng hộp v. v...
- và rất nhiều hàng-hóa khác.

Trân trọng kính mời quý vị thương gia, trực  
dụng giao dịch với chúng tôi trong mọi nghiệp vụ  
thương mại.

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG HỘI  
VIỆT-NAM BUSINESS ASSOCIATES  
(V. B. A.)

Công-Ty nặc-danh — Vốn : VN\$ 15.000.000,00

VĂN - PHÒNG THƯƠNG - MẠI :

673, Đ. L. Trần-Hưng-Đạo, SAIGON — Điện-Thoại : 36.454



CHUYÊN NHẬP-CÀNG :

- Xe mô - tô hiệu HONDA
- Máy phát - điện — HONDA
- Xe hơi — HONDA
- Máy bơm — HONDA
- Máy cày — HONDA
- Máy horsbord — HONDA

Sản-phẩm HONDA tốt nhất và rất được tín-nhiệm trên thị-trường Quốc-tế.

## Tại sao hàng chục ngàn người đồ xô ghi tên mua SUZUKI ? Vì :

- SUZUKI xài BOUGIE THƯỜNG như tất cả các loại xe gắn máy khác.
- SUZUKI 2 THÌ, 30% phụ tùng ít hơn các xe khác 4 THÌ nên máy móc rất giản dị, khỏe và rất bền, không hư bậy.
- SUZUKI nếu hư thì người thợ sửa xe ở góc đường cũng có thể sửa được, khỏi cần đưa vào một xưởng xe hay phải đưa tới thợ chuyên môn.
- SUZUKI nhiều đại lý nhập cảng xe nhất và đồ phụ tùng cũng nhập cảng nhiều nhất so với các hiệu xe khác.
- Hãng IMI đã tổ chức các xưởng chuyên sửa xe SUZUKI trong đó có các kỹ sư của chính hãng SUZUKI từ Nhật sang trông coi và huấn luyện các chuyên viên ráp máy cũng như sửa chữa.

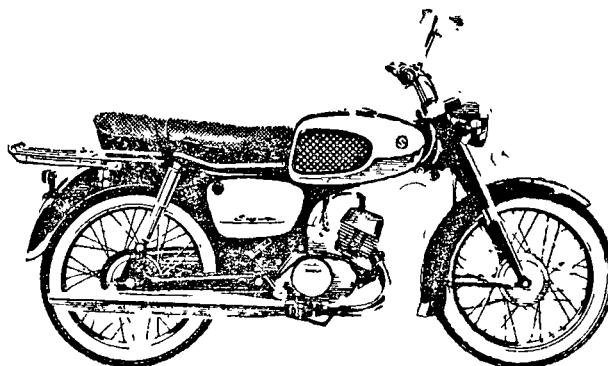
Châm ngôn của người Việt hiện nay là :

**Ăn chắc, mặc bền đi... SUZUKI**

**LÀ KHỎI... THẮC MẮC**

**GIÁ PHÒNG ĐỊNH :**

M30 : 30.500\$    M15-2 : 32.500\$    M12-2 : 33.500\$

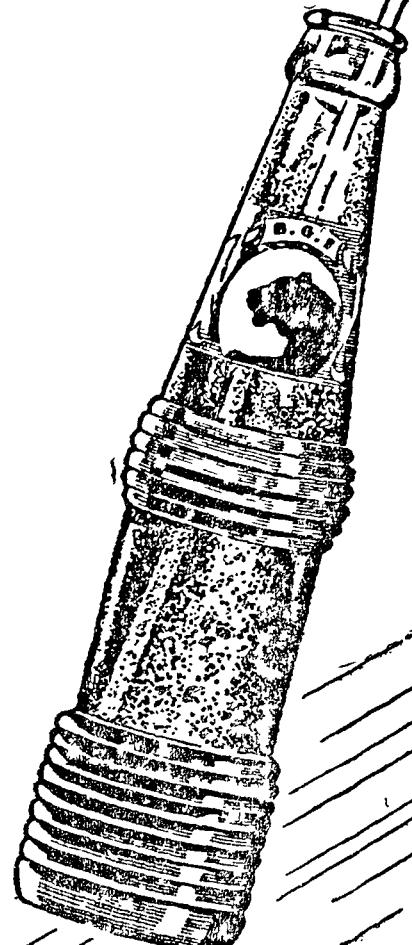


SUZUKI-50 MODEL M-15 M-15D

- ▼ 50cc — 2 thì — 1 xy-lanh
- ▼ 45 mã lực — 8.000 tua
- ▼ Tốc lực 85 cây số một giờ
- ▼ 100 cây số hết 1 lít 5 xăng

**Đại-Lý Độc-Quyền : I M I, 58 Pasteur — SAIGON**  
**Điện - Thoại : 25.676**

# NUÓC NGỌT "CON CỘP"



23

Nước ngọt "Con Cộp"! Hoan hô!  
Với chai "HOÀ-TIỀN" điểm tô cuộc đời  
thêm VUI, thêm ĐẸP, thêm TƯƠI!

# Phiếu mua báo dài hạn



Phương-danh độc-giả . . . . .
Địa-chỉ . . . . .
Thời-hạn mua (1) . . . . .
Thề-thức trả tiền (2) . . . . .
Giá tiền (3) . . . . .

.... ngày ... tháng ... năm 196

KÝ TÊN

---

(1) Một năm (4 số) hay nửa năm (2 số)

(2) Trả tiền mặt, chi-phiếu hay bieu-phiếu  
(đề tên Phạm-thị Kim-Cúc, B P : 380, Sài-gòn).

(3) Hai năm : 140\$

Một năm 75\$, miền Trung và Cao-nghuyên tính thêm cước  
phí máy bay.

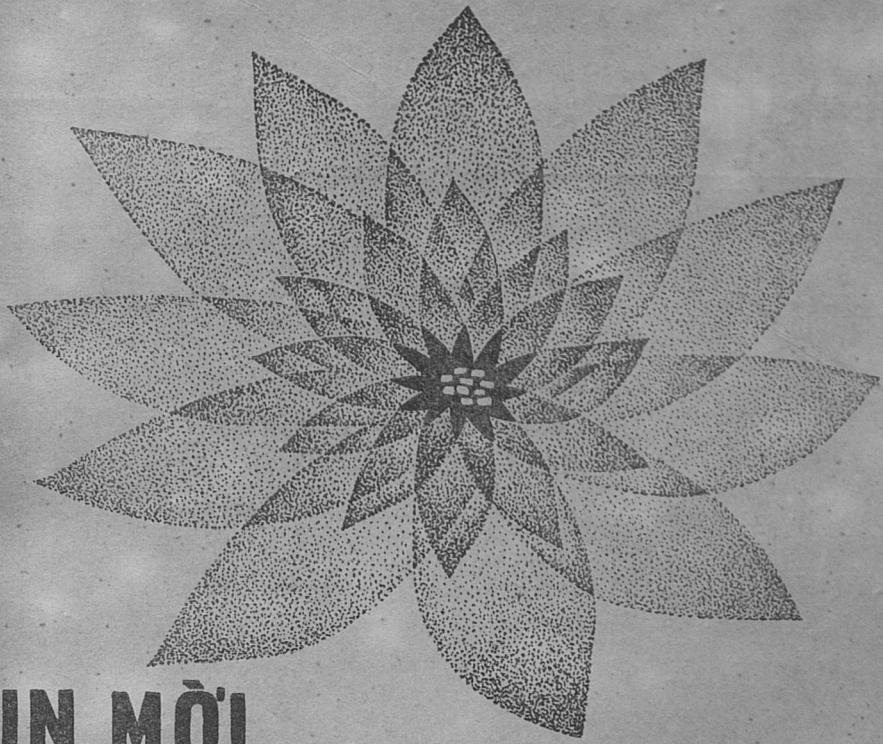
Mua dài hạn TẬP-SAN SỬ-ĐỊA :

- Là khuyến-khích thiện-chí phung-sự ngành Sử-Địa, nền văn-hóa dân-tộc.
- Làm món quà tặng thanh-nhã.

---

In tại nhà in VIỆT-HƯƠNG, 34 Đại lộ Lê-Lợi — SAIGON

K.D. Số 2494-B.T.T.C.H — Ngày 17-9-66



# XIN MỜI QUÝ-VỊ LUÔN LUÔN DU-NGOẠN

bằng *Cararelle*  
PHÂN-LỤC-CƠ TRĂNG-LÊ NHỨT THẾ-GIỚI

của  
ĐƯỜNG BAY *Hoa sen* VIỆT-NAM

**3 SAIGON-HONGKONG**  
(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

**3 SAIGON.PHNOMPEHN.BANGKOK**  
(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

**2 SAIGON.KUALA LUMPUR.SINGAPORE**  
(Mỗi Thứ Tư và Chủ Nhật)  
(Trừ ngày Thứ Ba Saigon.PnomPenh.Bangkok bằng DC-6B)



Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hãng du lịch hay

VIỆT-NAM



HÀNG-KHÔNG

116.NGUYỄN-HUẾ.SAIGON.21.624.625.626

# SỬ ĐIÁ

— tam cá nguyệt san — Số 3 — Tháng 7, 8, 9-1966

## MỤC-LỤC

⊕ Lá thư tòa soạn	1
⊕ Trương-Định, đồng tướng huyện Tân-Hòa PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ PHÁT	3
⊕ Vài giải thoại có dính líu tới cụ Lãnh Bình Trương-Định LÊ THỌ-XUÂN	81
⊕ Thân thế và thơ văn của Nguyễn-Thông BÙI QUANG TUNG	93
⊕ Đập Am văn tập — Lãnh-Binh Trương- Định Truyền — Hồ-Huân-Nghiệp Truyền của NGUYỄN THÔNG dịch TÔ NAM và BÙI QUANG TUNG	102
⊕ Hiện Tượng Trương Công-Định HỒ HỮU TUỜNG	115
⊕ Trương-Công-Định và đạo hiếu trung VƯƠNG HỒNG SEN	130
⊕ Đại Nam chánh biên liệt truyện — Tiêu sử Trương-Định TÔ-NAM dịch	143
⊕ Tình hình ba tỉnh Nam Kỳ tờ bẩm của PHẠM TIẾN tờ khai của TRẦN NGỌC THANH NGUYỄN ĐỨC TÁNH	145
⊕ Giới thiệu Sách Báo	161
⊕ Hộp thư Sứ-Địa	163

Giá : 30\$

Công sở : giá gấp đôi